

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

NHÀ NHO

Nhà nho có lẽ đến ngày nay là cùng-vận. Con nhà nho bây giờ là cái vật trái mùa, còn ai là người quý-chuộng. Dầu còn thoi-thóp răm ba kẻ, cũng tự mình không tin mình rồi, còn mong gì kẻ khác trọng nữa. Phàm giống gì cũng vậy, phải tự biết quý mình trước, rồi sau người ngoài mới quý. Nếu tự mình rẻ-rúng mình thì chẳng bao lâu đến ngày tiêu-diệt. Phép sinh-lý như vậy : muốn sống phải biết ham sống ; ham sống là thiết-tha về sự sống của mình, đem hết sức mạnh mà chống với những cái trở-lực nó ngăn-ngừa sự sống đó. Nay nhà nho ta, từ khi thấy thời-thế thay đổi, tự xét mình không đặc-dụng với đời nữa, sinh ra chán-nản, trước sau chỉ biết giữ một cái thái-độ tiêu-cực. Thẳng-hoặc cũng có kẻ hăng-hải, không muốn cam-tâm chịu tiêu-cực nữa, thì lớp trước kia hô-hào cải-cách, rủ nhau xuất-dương, rồi mà sở-chí sở-sự không thành, kết-cục đến kẻ bôn-ba nơi hải ngoại, người ủ-dột chốn lao-lung, còn ai sống sót thì cũng là đem cái thân tàn mà ngậm-ngùi với nước-non bạc-bẽo, nghĩ càng thêm cảm lại thêm thương ; lớp sau này thời có kẻ hiểu lầm cái nghĩa tùy-thời, cũng a-dua theo đời mà học đòi những thói cách cầu-danh trục-lợi, không xứng-dáng với cái bản-sắc nhà nho, hay cao hơn một lạng thời làm ra mặt duy-tân, nói-năng nghị-luận, nhất-thiết trái hẳn với tôn-chỉ nhà nho, không sợ chủ-trương xướng-suất những tư-tưởng học-thuyết cực-

doan của Âu-tây mà có lẽ tự mình cũng chưa hiểu hết tinh-lý. Nhưng dù tiêu-cực, dù tích-cực, thủy-chung đều là không biết nhận-chân cái địa-vị cùng cái thiên-chức của mình, tự phóng tự khí, đến bày ra cái cảnh tượng điều-tàn như bây giờ, tự-trung bởi thời-thế không lợi cũng có mà bởi nhà nho tự khinh phần nhiều vậy.

Nhà nho tự rẻ-rúng mình đến hồi này là quá, mà người đời sẵn khinh rẻ nhà nho cũng đến buổi này là cùng. Tình-thế đã đến thế, còn có thể mong văn-hồi được nữa không ?

Hoặc-giả nói : Nếu nhà nho đã bị cái số đào-thải, vì không thích-hợp với đời nữa, sớm trưa tất sẽ đến tiêu-diệt hết, thì còn mong văn-hồi mà làm gì ?

Nhà nho có quả là bị cái số đào-thải tất-nhiên không? Có thật là đã đến ngày sắp tiêu-diệt không? Hay là chỉ có cái hình-thức nhà nho là tất phải thay đổi, mà cái tinh-thần nhà nho lại còn phải bảo-tồn lấy, vì tinh-thần ấy còn thiết-yếu cho sự sinh-tồn của dân-tộc ta?

Muốn trả lời mấy câu hỏi đó thì trước phải biết cái tinh-thần của nhà nho là ở đâu, và như trên kia vừa nói, nhà nho vốn có cái thiên-chức, cái địa-vị thế nào ở trong xã-hội nước Nam từ xưa đến giờ.

Lại trước hết phải giải nghĩa nhà nho là gì.

Cái tên « nhà nho » không những là để chỉ người biết chữ, học đạo thánh-hiền trong Nho-giáo ; lại là chỉ một

giai cấp trong xã-hội, tức là hạng thượng-lưu trí-thức trong nước. Vì xưa kia ngoài nho-học không có cái học nào khác nữa, nên phàm người đi học là học đạo Nho hết cả. Đạo Nho có cái địa-vị độc-tôn, nên hầu thành như một tôn-giáo; mà thực ra cũng chính là cái quốc-giáo của nước Nam từ xưa đến giờ.

Những người phụng-sự cái quốc-giáo đó, tức là nhà nho. Vậy thời nhà nho là kẻ có học hành, biết chữ nghĩa; nhà nho là bậc thức-giả xã-hội trong nước; nhà nho là tín đồ của cái tôn-giáo họ Khổng. Về đường xã-hội, về đường chính-trị, về đường trí-thức tinh-thần đều có một cái địa-vị đặc-biệt, đối với một cái chức-vụ đặc-biệt.

Chức-vụ này cao-quí, có thể gọi là một thiên-chức được, vì là chức-vụ hướng-đạo cho quốc-dân, làm tiêu-biểu cho cả nước. Như trong một bài trước đã nói (1), xã-hội nước ta chỉ có hai giai-cấp lớn: một hạng bình-dân, là dân quê làm ruộng, một hạng học-thức, tức là nhà nho. Hạng bình-dân coi hạng học-thức là thầy dạy bảo, là người đưa đường, sẵn lòng phục-tòng, không có đố-ky. Hạng học-thức cũng tự nhận cái chức-trách đó, không lạm-dụng, không kiêu-căng, vì coi mình như kẻ giáo-sĩ của đạo Khổng Mạnh, thiên-hạ thờ là thờ đạo, kính là kính đạo, mà nhờ cái dư-oai của tôn-giáo mới khiến cho mình có một địa-vị tôn-trọng vậy. Muốn cho xứng-dáng với địa-vị đó, thời như ông linh-mục tuyên-truyền đạo-giáo, phải đem cái đạo của thánh-hiền, cái học của tiên-nho mà truyền dạy trong dân-gian, đem thân tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ-vệ cho đạo-đức. Mà thật thế; nhà nho chân-chính thực là chức linh-mục của đạo Khổng Mạnh. Đạo này là một đạo

thông-thường, một đạo nhập-thế, không có gì là siêu-nhiên thần-bí, cho nên những người tuyên-truyền phụng-sự cũng không cần phải phát nguyện tu-hành gì. Nhưng cái chức-vụ truyền đạo dạy đời thời cũng chẳng khác gì nhà giáo-sĩ chức linh mục của các đạo khác vậy. Chỉ có khác là một đảng thời phải xuất thế mới tu đạo được, một đảng thời cứ ở đời mà vẫn hóa đời, không những hóa bằng cái công tuyên-truyền giáo-dục, lại cốt hóa bằng cái cách cư-xử hành-vi nữa. Có thể nói nhà nho là một hạng thầy tu, vừa kiêm cả phần đời phần đạo, đem đạo-vị mà đắm-thắm cho cuộc đời; còn thầy tu của các đạo khác, thời bỏ đời mà theo đạo, và thường cũng chỉ thiên về cái phần hình-thức của đạo, là phần lễ-bái mà thôi; phạm-vi của đời bên rộng hẹp thật là khác nhau, mà ảnh-hưởng thời sâu-xa vị tất đã kém gì.

Cứ cái chức-vụ, cứ cái địa-vị, cứ cái thế-lực ảnh-hưởng của nhà nho trong xã-hội nước Nam từ xưa đến giờ, thì có thể sánh nhà nho với phái Bà-la-môn bên Ấn-độ cũng không phải là quá. Duy phái Bà-la-môn là một giai-cấp kiêu-căng, cách-biệt hẳn với các cấp khác, một mình hưởng cái địa-vị độc-tôn cùng những quyền-lợi đặc-biệt, ý ở cái sức chuyên-chế của tôn-giáo, bằng ở cái lòng mê-tin của người dân, mà bày ra cái cảnh tối-bất-bình-dẳng trong xã-hội, gây lên cái mầm oán-giận trong lòng người. Chứ nhà nho ta với kẻ bình-dân trong nước, khác nào như một lần một lốt với nhau, tiên-phong hậu-thuần cho nhau, trên tiếp dưới ứng, không hề có cách-trở nhau bao giờ, có cái địa-vị của phái Bà-la-môn mà không có những lưu-tệ của phái đó vậy.

(1) Xem *Nam-Phong* kỳ trước, bài « Phong-hóa suy-đời ».

Trong nước chỉ có một cái đạo độc-tôn, văn-chương, học-thuật, xã-hội, luân-lý, pháp-luật, chính-trị, mĩ-thuật, tôn-giáo, đều nguyên-nguyên tự đó mà ra, cho nên bao nhiêu kẻ tri-thức trong nước đều như đúc theo một cái khuôn đó cả. Kẻ tri-thức là bọn nhà nho, mà bọn nhà nho là kẻ tri-thức. Vì cách giáo-dục duy-nhất, vì cách đào-tạo một khuôn đó, cho nên phái nhà nho tuy không lập thành đoàn-thể, mà hình như có kỷ-luật, có phép-tắc chung, cùng theo một tôn chỉ, cùng biểu một tinh-thần vậy. Người nào làm trái cái kỷ-luật vô-hình đó thì kẻ bằng-bối tất kết án cho là phạm tội với danh-giáo, Phạm tội với danh giáo là người rất bỉ rất tiện, đáng trục-xuất ra ngoài giáo-hội nhà nho, trục-lạc xuống tận bậc dưới trong xã-hội, không bằng kẻ phạm-phu tục-tử vậy.

Danh-giáo là danh-phận giáo-hóa, là cái gương-mối lớn của xã-hội nước Nam, là cái mục-đích thiết-tha cho sự-nghiệp thân-thể của nhà nho vậy.

Người nào trong xã-hội cũng có danh-phận của người ấy : làm cha, làm con, làm chồng, làm bạn, làm tôi, làm vua ; sửa mình, tề nhà, trị nước, bình thiên-hạ, phận có thấp cao, danh có lớn nhỏ, mà ai ai cũng phải ăn-ở làm sao cho xứng danh tròn phận ; di-luân là phép cả, dầu từ trời đất vạn-vật cũng không thể lọt ra ngoài phép-tắc thiên-nhiên. Những phép-tắc ấy, đối với cuộc nhân sinh, ứng trong vòng nhân-sự, đã do các bậc thánh-hiền đời xưa nghiên-tinh đàm-tứ, ngẫm nghĩ sâu-xa mới phát-minh ra, đời đời truyền lại để làm cái gương xử-thể cho người đời. Tiếp lấy những lời giáo-huấn đó, ứng-dụng vào cho mình, rồi truyền-bá ra cho người, ấy cũng là phận sự của người muốn sống làm người một cách có ý-thức.

Lý-tưởng của đạo nho suy ra thời cao-xa man-mác, mà rút lại trong vòng

thực-sự cũng chỉ có thể mà thôi, châu-tuần trong cõi luân-lý, phát ra ở nơi nhật-dụng. Nhà nho sống theo một cái lý-tưởng thiết-cận mà thâm-trầm đó, hàng ngày làm khuôn-mẫu cho quốc-dân, bấy lâu vẫn duy-trì cho xã-hội, khiến cho nước Nam kinh-qua bao nhiêu sự ngoại-xâm cùng nội-loạn, từng-trải biết mấy lần nước đổ với nhà tan, mà vẫn sinh-tồn được mãi mãi, càng ngày càng sinh-sôi nẩy-nở, chẳng hề có khi lụn khi tàn.

Đã hay rằng cái công đề-tạo duy-trì cho quốc-gia là công chung của cả các tiên-dân ta, nhưng nhà nho là cái phần có ý-thức trong quốc-dân, công ấy cũng được một phần to vậy.

Hoặc-ia nói : Công gây dựng cho nước là công của những bậc anh-hùng hào-kiệt làm nên những sự-nghiệp vĩ-đại vẻ-vang, sử-sách còn truyền, đời sau ca-tụng ; há phải là công của một lũ thầy đồ dài lưng tốn vải, chỉ biết cả đời gặm chữ nhà văn, ôn lại những câu sáo cũ của tiên nhân ?

Vấn biết thế, và cái lòng sùng-thượng anh-hùng bao giờ cũng phải có. Nhưng anh-hùng không phải là cái môn thường ở đời, chính là cái quà quý của trời. Cỗ-nhân đã nói muốn gây lên một bậc anh-hùng phải núi sông lao-lực trong bao lâu mới chung đúc được cái khí thiêng. Người anh-hùng chỉ xuất-hiện những buổi nguy-cơ, và cái công đấng-định chỉ là cái công oanh-liệt trong nhất-thời. Cái công duy-trì mới là cái công cần-cù ở hằng ngày vậy.

Công duy-trì ấy phần nhiều là công của thầy đồ nho vậy.

Nói đến nhà nho, không thể không nói đến thầy đồ.

Thầy đồ là cái hình-ảnh thông-thường bình-dị của nhà nho. Vì nhà nho cũng có nhiều hạng. Đại-khai có hạng nhà nho đã hiền-đạt, nghĩa là thi đỗ làm quan, công-nhiên ra trị dân giúp nước ; có hạng nhà nho không

thành-công, già đời lao-đảo nơi trường-ốc, văn-niên mới xoay ra dạy học, làm thuốc, xem đất ; có nhà nho xuất-chính, có nhà nho ẩn-độn. Thân-thể tuy có khác mà tâm-lý thời cũng một. Cho nên ngay trong hạng hiền-đạt, có người làm đến quan to mà khi tuổi già về hưu cũng mở trường dạy học, như một thầy đồ thường vậy. Tuy-nhiên thầy đồ phần nhiều là thuộc về hạng nhà nho không thành-công, không hiền-đạt, số này là số nhiều lắm. Phải nhà nho ví như một đoàn quân-đội, thời quan lớn quan nhỏ, ông công ông nghề, là hàng tướng-tá, bậc sĩ-quan, còn những thầy đồ vô-danh là hạng quân-lính cả. Trong quân-đội, tướng-sĩ vẫn là cần, mà quân-lính lại là phần quan-hệ lắm nữa. Nhà nho hiền-đạt dường như không phải là nhà nho thuần-thúy nữa ; nhà nho thuần-túy là nhà nho trọi-tron, không có phẩm-tước danh-vị gì cả. Nhà nho trọi-tron thì còn ai bằng thầy đồ quê nữa ?

Ôi, thầy đồ chi « ngồi lê ngồi la », thế-gian cười cợt cũng đã nhiều ; thầy đồ chi « dài lưng tổn vải », thiên-hạ mỉa mai cũng đã lắm. Nhưng dù mỉa-mai, dù cười-cợt, chẳng qua là người đời trêu ghẹo cho vui đó mà thôi, lại thường khi chính thầy đồ cao-hứng mà tự-trào nữa.

Đồ nọ tưởng đồ kia thêm thắc-mắc... chứ kỳ-thực quốc-dân vẫn sẵn lòng yêu-mến. Vì thầy đồ thật có công với xã-hội lắm vậy.

Thầy đồ là thầy cai thầy đội tinh-thần của đội quân quốc-dân. Đội quân này mà được nghiêm trang tề chỉnh, có thống hệ, có kỷ-luật, biết giữ nền-nếp trong gia-đình, biết theo lễ-phép của xã-hội, biết trung-quản, biết ái-quốc, biết dốc lòng tin-ngưỡng ở đạo Thánh-hiền, là nhờ ở cái công vô-danh của bọn cai đội vô-danh đó vậy.

Nay lại ví xã-hội như một cái trường học lớn : mà xã-hội nước Nam quả là

một trường học lớn thật ; nước ta tuy không có lệ cưỡng-bách-giáo-dục, nhưng có thể nói là hầu hết quốc-dân ai cũng có chí đi học cả, chí đó hoặc vì cảnh-ngộ mà không thể đạt được, nhưng dù người bần-tiện cũng có lòng ham-mê yêu-mến sự học. Cả nước là một cái trường học lớn, trường tự-nhiên, trường thiên-thành, không cần phải Nhà-nước can-thiệp, chẳng có hạn năm, hạn tuổi, hạn ngày, hạn giờ gì cả, cũng chẳng cần phải định chương-trình học-khóa gì hết. Thầy giáo dạy cái trường quốc-dân đó tức là thầy đồ, không phải là người của Nhà-nước, không thuộc vào ngạch nào cả, không có lương-bổng, không bị kiểm-đốc, rất là tự-do, rất là thông-thả, mà « chấn thiên-uy ư roi mây », oai-quyền lắm-liệt, không những lũ trẻ phải khiếp-sợ mà người lớn cũng nề-vi. Suốt trong quốc-dân, ai ai cũng là ở trong tay thầy đồ mà ra cả, thầy đồ dạy cho biết chữ, thầy đồ nặn cho nên người, thầy đồ « vỡ lòng » cho trước đã, rồi sau có tài mới bay-nhảy lên cao xa mà làm nên công kia nghiệp nọ, hay là bất-tài không có cái khiếu học-hành thì đi cày đi cuốc, làm ruộng làm vườn, quầy gồng quầy gánh, đi bán đi buôn, cũng vạch được ba chữ ký, đọc được tên ông vải, biết trọng nhân-nghĩa, giữ lễ-phép, ấy cũng là nhờ công thầy đồ phá ngu cho vậy.

Lại ví xã-hội như một cái giáo-hội lớn, tôn-giáo là đạo Nho, giáo chủ là ông Khổng, mà giáo-sĩ tức là thầy đồ. Thầy đồ tuyên-truyền cái tôn-giáo họ Khổng, đem kinh thánh truyện hiền mà truyền dạy cho quốc-dân, thân bố-y mà nhờ oai-quyền một cái đạo luân-lý cổ của Á-đông rất hợp với nhân-sinh, với quần-chúng, tựa-hồ như có một cái vẻ hào-quang thần-bi vậy.

Ôi! thầy đồ như vậy chẳng là vẻ-vang lắm đư? Mà một xã-hội có hạng thầy đồ đó, chẳng là cái bảo-chương

đề giữ-gìn cho được yên-ổn, phòng-ngữ cho khỏi họa-loạn dư? Chẳng là cái bảo chương vững vàng bền-chặt dư?

Cho nên nói rằng duy-tri cho xã-hội, tiêu-biểu cho danh-giáo, hộ vệ cho phong-hóa, ấy là cái công của nhà nho, và trong bọn nhà nho là cái công của thầy đồ phần nhiều vậy.

Nay thầy đồ tuy là cái kiêu nhà nho thông-thường trong dân-gian, nhưng nhà nho không phải là thầy đồ hết cả.

Nếu nhà nho là thầy đồ hết cả thì có lẽ chữa hoàn-toàn xưng-đang là hạng « thực-giả xã-hội » trong nước, là kẻ chủ-trương hướng-đạo cho quốc-dân, vì cái vận-mệnh tinh-thần của một nước không thể ở cả một bọn giáo-sư dạy học, hay một bọn mục-sư truyền đạo được.

Ngoài cái công duy-tri, còn có cái công xướng-suất nữa, ngoài cái công bảo-tồn, còn có cái công hưng-khởi nữa. Công này cũng là công của nhà nho, nhưng là nhà nho khoát-đạt, nhà nho quán-thông, nhà nho bác-nhã, nhà nho cao-thượng, nhà nho đã qua bậc « Tiều-Thừa » tới bậc « Đại-Thừa » vậy.

Nhà đại-triết-học nước Pháp đời nay là ông HENRI BERGSON, mới xuất-bản một bộ sách là kết-quả cái sự-nghiệp tư-tướng của ông trong bốn-mươi năm nay, sách đề là « Hai cái nguồn của luân-lý và tôn-giáo » (*Les deux sources de la morale et de la religion*). Ông cho luân-lý có hai thứ: một cái « luân lý kín » (*morale close*), một cái « luân lý mở » (*morale ouverte*); tôn-giáo cũng vậy: một cái « tôn-giáo tĩnh » (*religion statique*), một cái « tôn-giáo động » (*religion dynamique*). Cái « luân lý kín » và cái « tôn-giáo tĩnh » là đề duy-tri cho xã-hội có nền-nếp, được vững-bền: gọi là « kín », là vì nó chỉ khu-khu ở trong vòng phép-tắc di-truyền của đời trước, không dám vượt ra ngoài qui-cử; gọi là « tĩnh », là vì nó thủ-thành yên-tĩnh, không có phẩn-

khởi hoạt-động. Tôn-giáo ấy, luân-lý ấy không phải là không có công: có công lắm, vì nếu không có luân-lý ấy, tôn-giáo ấy làm bảo-chương thì đoàn-thể đến lia-tan, xã-hội đến giải-tán. Nhưng nếu xã-hội toàn thuộc luân-lý ấy, tôn-giáo ấy chủ-trương chi-phối, thì tất ngưng-trệ lại, không tiến-hóa lên được, thành ra « hóa-thạch » mà không có sinh-hoạt nữa. Cho nên ngoài cái luân-lý kín là cái luân-lý của phần đông, ngoài cái tôn-giáo tĩnh là cái tôn-giáo của số nhiều, cần phải có một cái « luân lý mở », một cái « tôn giáo động » để khiến cho người ta phấn-khởi mà tiến lên: gọi là « mở » là vì nó không bí-tắc mà lại khai-thông, thời-thường du-đương trong cõi tiêu-đạo tự-tại; gọi là « động » là vì nó hoạt-bát siêu-việt, muốn dùng-được mà trực-tiếp với cõi thần-bi cao xa. Luân lý này, tôn-giáo này chỉ là riêng cho một số ít người lỗi-lạc mà thôi, thật là những kẻ hướng-đạo tinh-thần cho cả nhân-quần xã-hội.

Nay đạo Nho là vừa gồm cả luân-lý, cả tôn-giáo; trong luân-lý vừa gồm cả cái luân-lý kín cũng cái luân-lý mở, trong tôn-giáo vừa gồm cả cái tôn-giáo tĩnh cũng cái tôn-giáo động. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý kín, cái tôn-giáo tĩnh, là phận-sự nhà nho « tiều-thừa », tức là thầy đồ ta vậy. Phụng-sự tuyên-truyền cái luân-lý mở, cái tôn-giáo động là phận-sự nhà nho « đại-thừa », là những bậc bác-học năng-văn, triết-nhân quân-tử, biết vượt ra ngoài những câu tử-văn trong sách cổ mà đạt cho tới cái chí-đạo của Thánh hiền.

Vậy thời thầy đồ chỉ là một nhà nho « tiều-thừa » mà thôi. Cái đạo nho « hạ-thừa » đó, cũng như cái luân-lý « kín », cái tôn-giáo « tĩnh » của BERGSON, là cần thiết cho quần-chúng, cho nên thầy đồ tuyên-truyền cái đạo ấy là có công với xã-hội. Nhưng nếu cái tâm-lý thầy đồ, cái tinh-thần hạ-thừa mà

bành-trướng ra quá, lấn-lấp khắp cả, thời không khỏi làm hẹp mất nghĩa đạo đi, biến một cái đạo-giáo rất hay thành một mớ phiền-văn trần-hủ, không khỏi ngăn-trở cho sự tiến-hóa chung.

Xét lịch-sử thần-tri của giống ta, thì quả đã thấy có cái hiêm-tượng như vậy: đời ấy sang đời khác, nhà nho hạ-thừa đã lấn-lấp cả nhà nho thượng-thừa, mà cái tâm-lý thầy đồ đã thành cái tâm-lý chung của cả bọn thức-giả vậy.

Cái tâm-lý thầy đồ là cái tâm-lý lễ-nhượng cần-thủ, là cái tâm-lý trọng về phần hình-thức phép-tác bề ngoài. Tâm-lý ấy tác-dụng ở trong vòng-khuôn cái luân-lý kín, cái tôn-giáo tĩnh theo như danh-từ của BERGSON, thì đặc-thể lắm; nhưng nếu vượt ra ngoài thì không khỏi thành ra lưu-tệ. Vì trọng về hình-thức quá thời có hại đến tinh-thần, thiên về lễ-nhượng quá thì tất-nhiên thành nhu-nhược. Cho nên cái tâm-lý thầy đồ đó biến đi một lần, sụt xuống một bậc, thời nghiêm-nhiên thành cái tâm-lý nhân-tuần cầu-thả, cái tâm-lý hư-sức nguy-biến, tức là cái tâm-lý « hương-nguyên » vậy.

Thánh-nhân đã nói: *Hương-nguyên đức chi tặc dã* 鄉原德之賊也, kẻ hương-nguyên là giặc của đạo-đức, vì làm hại đạo-đức không gì bằng kẻ giả đạo-đức. Hương-nguyên là kẻ giả đạo-đức, ngoài mặt làm ra cái thái-độ cung-kính cần-nghiêm, mà kỹ-thực sẵn lòng hòa-đồng với lưu-tục, a-dua với kẻ hương-nhân bỉ-tiện. Hương-nguyên chính là thầy đồ quê biển-hiệp, không có nghị-lực, không có khí-khái gì, học đạo thánh-hiền mà hình như học đến đâu chỉ làm cho đạo hẹp đến đó, uốn nghĩa-lý của thánh-hiền cho vừa bằng cái tâm nhân-cách nhõ-nhen của mình. Khổng-tử đã tả tâm-lý của bọn đó bằng một câu: *Sắc lệ nhi nội nhãm*

色厲而內荏, bề ngoài thì nghiêm-nhặt mà bề trong thì khiếp-nợa.

Cái tâm-lý hương-nguyên đó, gặp lúc quốc-vận suy-vĩ thì nó bành-trướng mãi ra mà hầu như tràn ngập cả. Không những thầy đồ quê mắc phải cái tâm-lý ác-liệt đó, mà đến ông nghề ông cống cũng không khỏi; không những ông nghề ông cống, mà đến tề-tướng thượng-thư cũng không khỏi. Cả bọn thượng-lưu trong nước đều đeo một cái tâm-lý hương-nguyên đó cả, thì trách nào dân không tan, nước không đổ !

Hồi nước Pháp mới đặt Bảo-hộ ở ta, cách đây trên dưới bốn mươi năm, có một vị lão-thần trong triều, có tiếng là người rất đạo-đức. Cụ đi sứ sang Tây, cùng với mấy ông nho-thần nữa. Các ngài sang đến đất nước người, bỡ-ngỡ như chim-chích vào rừng. Cái đó cũng chẳng đáng trách chi. Nhưng có người mục-kích một việc như sau này, tuy là chuyện nhỏ mà cũng đủ lộ được cái tâm-lý của các cụ: các cụ sợ sang Tây thủy-thồ không phục, nước uống độc chẳng, khi ở nhà đi đã đem sẵn một nắm đất, lúc ở Tây mỗi khi uống nước thì lấy một giúm đất bỏ vào, rồi lấy phen đánh cho trong, bấy giờ mới dám uống. Thế là lấy « đất » của mình chế lại « nước » của người, tiện-thị « thủy-thồ » không độc nữa ! Không dám khinh-mạn các cụ, nhưng nhà chính-trị đi sứ nước ngoài mà cư-xử như vậy thì có lần-thần không? Ấy cái tâm-lý hương-nguyên nó như thế đó. Há phải là lỗi tại đạo Nho dư? há phải là tội cả nhà nho dư?

Người ta lại kể chuyện rằng cũng vị đại-thần đó có tiếng là cần-kiệm lắm, ngày thường ra công-đường làm việc quan, cụ thường ngồi trên sập se lẻ sách, gắp những giấy lộn, chính tay đóng thành sách để viết cho đỡ tốn giấy.

Đương khi các nhà nho Nhật-bản, như Y-dăng, Đại-đôi, ra sức kinh-luân mà sửa-sang việc nước, thì một bậc nho-thần đại-danh-giá, đại-trọng-vọng ở nước ta, ngồi không mà làm những công việc lẩn-thần như vậy. Nghĩ có buồn không?

Ồi! cái tâm-lý hương-nguyên nó làm hại nhà-nho ta đến thế là cùng vậy. Một vị đại-thần tướng-quốc mà còn như vậy, thì thầy đồ quê đến thế nào?

Ấu cũng là vận nước đến ngày cùng-đốn mới sinh ra như vậy. Chứ đạo Nho đâu đến thế? Nhà Nho đâu đến thế?

Cái đạo Nho hạ-thừa đó nó thảng thì cái đạo Nho thượng-thừa tất phải lui.

Ồi! trong khoảng nửa thế-kỷ nay, nhà Nho thượng-thừa đã hầu như vắng tăm-tích trong non sông nước Việt này. Bây giờ còn tìm đâu cho thấy nữa?

Bởi thế nên có kẻ độc miệng làm án nhà Nho đã buông ra một lời rằng: Nhà Nho làm mất nước!

Những người đã biết cái công-đức của nhà Nho đối với quốc-dân, đối với xã-hội, nghe câu đó không khỏi sững-sốt, rồi buồn-rầu, rồi ngậm-ngùi mà than rằng: Nhà Nho quả phạm cái tội đại-nghịch đại-ác đó dư? — Không có lẽ, quyết không có lẽ. Nhưng làm sao rửa được cái oan đó bây giờ?

Lấy câu thời-vận mà cắt nghĩa sự thịnh-suy thì kể ra cũng là một kể cùng. Gặp lúc người chẳng ra gì, việc chẳng ra gì, nói là thời đấy, vận đấy, người tri-giá cho là nói cùng. Nhưng nếu không có thời, không có vận, thì có sao xưa kia công-nghiệp nhà nho hiển-hách như thế, mà gần đây tiếng-tầm nhà nho mai-một như vậy? Có sao gặp những lúc quốc-gia đa-sự, nhà nho không thấy có ảnh-hưởng gì với đời?

Nói rằng vì chữ nho không học nữa, đạo nho không trọng nữa, nên nhà nho thành ra vô-dụng với đời, nói vậy lại càng là nói cùng nữa. Nếu nhà nho quả là bậc thượng-lưu tri-thức trong nước,— mà từ xưa đến nay công-nhiên như vậy,— thì không lẽ vì một thứ chữ học hay không học nữa mà giá-trị đến suy-sút đi được. Như vậy thì phẩm-giá con người không cốt ở người mà chỉ cốt ở một thứ tử-văn đặc-dụng hay không đặc-dụng với đời hay sao? Còn như đạo nho, thì một là đạo nho là một đạo sai-lầm, có hại cho nhân-quần xã-hội, như vậy thì phải kịp cải-cách canh-tân đi; hai là đạo nho là một đạo chân-chính, chỉ vì thiên-hạ hiểu lầm nên dùng sai đó mà thôi, như vậy thì lại càng phải cải-chính mà phát-huy ra vậy. Đàng nào cũng cần phải có cái công chấn-chỉnh của nhà nho, nhà nho lại càng phải hoạt-động lắm, há cứ ngồi khoanh tay mà chịu hay sao?

Dù thế nào mặc lòng, hiện nay thì nhà nho đã chịu ép một bề, không còn có một chút phản-động-lực gì đối với thời-thế, đối với hoàn-cảnh nữa.

Một phái từ xưa đến nay vẫn ăn trên ngồi trốc trong xã-hội, làm thầy dạy học, làm kẻ đưa đường cho quốc-dân, mà nay tự bỏ cái địa-vị đó, bỏ cái chức-trách đó, thời đối với quốc-dân, đối với xã-hội thành ra thế nào?

Một nước đương có một hạng thượng-lưu hướng-đạo, mà nhất-đán hạng thượng-lưu đó truy-lạc hẳn như vậy, thì nước ấy thành ra thế nào?

Nước ấy cũng vì như một cái thân-thể không có đầu, một cái khu-xác không có hồn vậy.

Bởi thế nên mới gây ra cái tình-trạng khủng-hoảng về tinh-thần như bây giờ.

Nước Nam ta là một nước không thể không có một hạng tri-thức để cầm cân nẩy mực cho quốc-dân được. Vì nước là một nước nông-dân, đại-đa-số là người làm ruộng, quê-mùa mộc-

mạc, nhất-thiết về chính-trị, về xã-hội, về pháp-luật, về tôn-giáo, phải ngưỡng-vọng ở một số ít người học-thức để làm khuôn làm mẫu cho mà theo. Nếu không có khuôn có mẫu thì băng-khuông lơ-láo, không biết y-ý vào đâu, hay là sẵn tính phục-tòng lại theo ngang theo bậy vậy.

Dân vẫn cần phải có người hướng-đạo, mà người hướng-đạo từ xưa đến giờ, không đủ tư-cách hướng-đạo nữa. Ấy cái hiểm-tượng của nước Nam là ở đó.

Nay phái nhà nho đã tự cáo lui, phái tây-học có thể ra thế chân mà đương được cái chức-trách đó không? Hiện nay chưa thể được, vì phái này hãy còn hỗn-độn lắm, chưa có thể-thống, chưa có tôn-chỉ gì cả. Theo một cái học của nước ngoài đem lại, cùng với cốt-cách tinh-thần của giống mình không có mật-thiết gì cả, thành ra càng học thì càng xa-cách với giống-nòi, cho đến thành tài cũng chưa có ảnh-hưởng gì với quốc-dân, huống phần nhiều hãy còn mơ-hồ sốc-nổi vậy. Trụ-trung cũng có người thông-minh tài-tuấn, có cái tư-tưởng vì nước vì nòi, nhưng tự biết mình còn cách-trở với quốc-dân, bình như tài càng cao học càng rộng thì cái vực sâu no phân-biệt với người trong nước lại càng to, trước hết còn phải tự sáp-nhập mình vào cái hoàn-cảnh của nước mình đã, bình như phải tạm quên cái học ngoài đi mà tập lấy cái cốt-cách tinh-thần của nòi-giống, lấp cho được cái vực sâu cách-biệt, để có đường giao-thông hòa-hợp với quốc-dân, nói tóm lại là phải cho hoàn-toàn tư-cách người An-Nam mới có thể mong làm khuôn làm mẫu cho người nước Nam được. Muốn được như vậy thì phải có công-phu, phải biết kiên-nhẫn, phải có cái đức khiêm của người quân-tử hay của kẻ tu-hành, không tự-cao ở cái học sở-đắc của

mình mà chỉ mong tu-luyện cho thành nhân-cách. Cái công-phu tự-kỷ giáo-đục, tự-kỷ tu-luyện đó, không thể một hôm một mai mà thành được, cũng không thể tự-nhiên đơn-độc mà nên được. Phải dần-dà lâu năm, lại phải gây thành một cái hoàn-cảnh riêng, một cái không-khí riêng cho nó phát-đạt nảy-nở ra thời mới mong có kết-quả được. Hiện nay trong phái tây-học hoặc cũng có rầm ba kẻ có cái chí thành-đốc hữu-vi như vậy, nhưng chưa gây thành được một cái không-khí thích-hợp nên chưa có ảnh-hưởng gì.

Đương lúc thanh-hoàng quá-độ này, văn-hóa cũ đã tàn, văn-bóa mới chưa thịnh, chính là buổi điều-hòa dung-hợp, nhà nho lại càng phải nên gắng-gỏi lắm, chứ không nên chỉ giữ cái thái-độ tiêu-cực, đối với vận-mệnh nước nhà lãnh-đạm như khách bàng-quan vậy.

Vì đạo nho còn dùng được ở đời này, không phải là cái đạo tiêu-thừa của phái hương-nguyên, chính là cái đạo đại-thừa của nhà chân-nho vậy.

Không nói về phần triết-lý siêu-hình, những cái thuyết âm-dương thái-cực có nhiều điều phù-hợp với những sự phát-minh tối-tân của khoa-học đời nay, chỉ nói về phần ứng-dụng thực-tiến, về cái đạo kinh-luân tế-thể của nhà nho, cũng có nhiều phương-pháp kinh-nghiệm, có thể bỏ cho thời-cơ, cứu cho thời-bệnh được.

Như cái thuyết « nhân, nghĩa, lễ, trí », thì thật là giường-mối của đạo-đức luân-lý muôn đời. Đem những vi-ngôn đại-nghĩa của cồ-thánh-hiền mà phát-huy cái tinh-lý nó bao-hàm ở trong mấy cái quan-niệm thâm-trầm màu-nhiệm đó, rồi xét xem cái cách nên ứng-dụng ra đời này thế nào, đó chẳng phải là một việc mà nhà nho nên nhiệt-thành đảm-nhiệm dư?

Lại như cái thuyết « tu, lễ, trí, bình », há chẳng phải là tiêu-biểu cho

một cái lý-tưởng làm người rất thâm-trầm và rất thiết-thực dư? Thuyết này vừa kiêm được cả cái chủ-nghĩa cá-nhân, chủ-nghĩa gia-tộc, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội, chủ-nghĩa thế-giới, không cái nào mâu-thuẫn với cái nào, hết thấy đều như hiệp-tác với nhau theo một cái trật-tự rất là hợp với lẽ thiên-nhiên vậy.

Người ta trước hết phải tu-thân, nghĩa là trau-giồi cho nhân-cách mình được hoàn-toàn; ấy là chủ-nghĩa cá-nhân đó. Rồi phải tề-gia, nghĩa là cai-quản trong gia-đình cho có trật-tự, theo cái chế-độ gia-trưởng của Đông-phương; đó là chủ-nghĩa gia-tộc, mà đã hàm có tính-cách chủ-nghĩa xã-hội một đôi chút, vì gia-tộc là một cái tiểu-xã-hội, cũng như hương-đảng là một cái tiểu-triều-đình vậy. Rồi phải trị-quốc, nghĩa là ra tham-dự việc nước, lo cái vận-mệnh chung cho quốc-gia, cho xã-hội; đó là chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa xã-hội chân-chính. Rồi đến sau cùng phải bình thiên-hạ, nghĩa là mưu sự hòa-bình hạnh-phúc cho cả loài người; đó là chủ-nghĩa thế-giới, hay là chủ-nghĩa quốc-tế, hay là chủ-nghĩa nhân-đạo, hay là chủ-nghĩa bác-ái, danh-từ có khác, nhưng cái tôn-chỉ cũng là một, là muốn cho cả thiên-hạ được yên-đn sung-sướng, biết thương-yêu giúp-đỡ lẫn nhau, chứ đừng tương-tàn tương-hại nhau nữa.

Ấy cái đạo Nho đại-thừa nó rộng-rãi sâu-xa như vậy. Ai dám bảo rằng đạo ấy không hợp với thời-đại này? Đạo ấy là đạo thiên-cổ, loài người ta còn sinh-trưởng trên mặt đất này thì đời nào nước nào cũng là thích-hợp. Có lẽ đời này là đời lấy quyền-lợi, đối với nghĩa-vụ, tạo-thành ra một cái thế-giới vô đạo-lý, duy công-lợi một cái đạo điều-hòa thích-trung như vậy lại là cần lắm nữa.

Đem cái đạo Nho đại-thừa ấy mà truyền bá trong quốc-dân, ấy là cái thiên-chức của nhà Nho đương lúc giao-thời này. Nước ta bấy lâu nay đã bị khốn về cái đạo Nho tiểu-thừa của phái hương-nguyên, nay cái căn-bã nó còn lại, ta nên nhất-phiên gột rửa đi cho sạch, mà kip xướng lên một cuộc cách-mệnh trong Nho-giáo.

Nho-giáo có do cách-mệnh một lần thì Nho-giáo mới mong sinh-tồn được. Nhà Nho có làm nổi cuộc cách-mệnh đó thì nhà Nho mới có công với quốc-dân, xứng-dáng với cái lịch-sử vẻ-vang từ trước, xứng-dáng với cái tiền-đồ rực-rỡ sau này.

Cuộc cách-mệnh đó là phải bãi bỏ cái Nho-học tiểu-thừa, mà đề-xướng cái Nho-học đại-thừa; là phải đả-phá cái tâm-lý hương-nguyên mà đề-tỉnh cái tâm-lý chân-nho; là phải đem đạo Nho ra mà hòa-đồng với các phong-trào tư-tưởng lớn trong thế-giới, chứ không thể giữ khu-khu trong mấy bộ sách nát của cổ-nhân; là phải làm cho cái tinh-lý thắng được cái tử-văn, chứ không để cho cái tử-văn tiêu mất cả tinh-lý; là phải đem ông Khổng ông Mạnh ra mà tiếp chuyện với các hiện-triết Đông Tây, chứ không nên để trong khám thờ u-âm tịch-mịch. Trong cuộc hội-đàm với các bậc đại-trí trong thế-giới đó, ở cái "Hội-nghị bàn tròn" có ông Gia-tô, ông Phật-tô, ông Lão-tử, ông SOCRATE, các thầy Bà-la Ấn-độ, các nhà triết-học Thái-tây, cái đạo xử-thế của ông Khổng, cái tài hùng-biện của thầy Mạnh vị-tất đã kém ai. Bấy lâu thiên-hạ không biết là vì bị bọn hương-nguyên làm cho đạo thánh-hiền chìm đắm trong một mớ tử-văn phiền-phức. Nay nên kip phá những cái thói học trần-hủ ấy đi, mà đem những phương-pháp sáng-sủa hợp lẽ mà nghiên-cứu các nghĩa-lý của cổ-nhân. Sẽ thấy rằng những nghĩa-lý ấy chưa

phải là đã quá cũ dẫu, còn có cái tiềm-lực rất mạnh, có thể cảnh-tỉnh được quốc-dân, hoán-cải được phong-tục, mà hỗ-cứu được cái tình-trạng khủng-hoảng hỗn-độn ngày nay vậy.

Gay lấy một cái đạo Nho mới thích-hợp với thời-thế bây giờ, ấy là một sự-nghiệp lớn-lao, chỉ còn đợi có người sốt-sắng. Nhà Nho ta còn có ai sốt-sắng nữa hay không?

Ồi cái sự-nghiệp của thầy đồ, không phải đến nay đã là cùng-tận. Thầy đồ nếu còn có nhiệt-thành, còn biết tự-tín, thì sự-nghiệp còn lâu dài, và còn có ngày vẻ-vang rực-rỡ, chẳng kém gì xưa.

Thầy đồ không tất-nhiên là hủ là gàn. Gàn hay hủ là bởi cái tâm-lý

hương-nguyện nó khiến nên như vậy. Nếu trừ được cái tâm-lý ấy đi, thì thầy đồ còn đương được cái chức-trách vừa làm giáo-sư, vừa làm linh-mục cho quốc-dân.

Vi dân ta không thể không có thầy đồ được. Cái giống thầy đồ còn cần phải di-truyền mãi. Nhưng có di-truyền, lại phải có tiến-hóa nữa mới được. Duy không nên sai cái thiên-chức của mình, là làm kẻ hướng-đạo cho quốc-dân, mà phụng-sự tuyên-truyền một cái đạo Nho rộng-rãi, hợp với cái tôn-chỉ thượng-thừa của Khổng Mạnh, và có thể coi là một nền quốc-giáo chân-chính của nước Nam vậy.

PHẠM QUYNH

PHÁI CHỦ-TRƯỞNG

Tiếp với bài luận về « Nhà Nho » ở trên kia, sau đây dịch hai bài của bản chi chủ-bút viết bằng pháp-văn ở báo tây mấy tháng trước : một bài đề là « Phái chủ-trương » (L'Ecole dirigeante), một bài đề là « Chuyện tâm-tinh » (Confidences), đều thuộc về cái vấn-đề thượng-lưu ở nước ta ngày nay (1). Nước ta cần phải có một hạng thượng-lưu tri-thức để cầm cân nảy mực cho quốc-dân. Hạng thượng-lưu ấy là « phái chủ-trương trong nước », trước kia vẫn có, tức là nhà nho. Nhưng nhà nho bây giờ, vì nhiều duyên-cớ, trong bài xã-thuyết đã nói tròng, đã suy-đổi đi nhiều lắm, nếu không mãnh-tiến lên mà tự-chấn-chỉnh lại, thì sẽ không còn có ảnh-hưởng gì trong xã-hội nữa. Còn hạng tân-tiến thời này còn hỗn-độn phân-ván lắm, cứ xem như câu « chuyện tâm-tinh » sau đây thì biết. Dẫu những người học đã thành-công, tâm cũng chưa yên, chí cũng chưa định, phảng-phất mơ-màng, không biết tin-ngưỡng cái gì, chỉ biết khờ vì thân mình với hoàn-cảnh như trái ngược nhau, đợi cho hoàn-cảnh thích-hợp với thân mình thời biết đến bao giờ, đem thân mình thích-hợp với hoàn-cảnh thời tự-cao không chịu, diễn ra một cái bi-kịch trong tâm-não rất thâm-thương.

Phái cũ như vậy, phái mới như vậy, thành ra trong nước vẫn không có một hạng chủ-trương hướng-đạo, gặp lúc quốc-gia hữu-sự, không biết y-ý vào ai. Nguy thay !

...

Bà-tước DE FELS, chủ-nhiệm tạp-chi *Revue de Paris*, mới rồi có đăng trong báo ấy một bài đề là « Phái chủ-

trương », nay tôi cũng mượn cái tên ấy mà đặt cho bài luận-thuyết này. Bà-tước đã bấy lâu nay đương cổ-động

(1) Xem Pháp-văn ở Phụ-trương dưới này.

trong tạp-chí để cải-cách về chính-trị xã-hội nước Pháp, trong bài mới đăng đó muốn giải-thích những cái đặc-tính của phái cầm quyền ở nước Pháp luôn không gian-đoạn tự hồi thành-lập «Đệ-tam Dân-quốc» đến giờ.

Phái đó tuy phần nhiều là tuyền-cử trong các « chức-nghiệp tự-do », song cũng không hẳn là một giai-cấp đặc-biệt. Duy có chỗ giống nhau, là có một cái chủ-nghĩa chung, gốc là tham-bác ở hai học-thuyết của ROUSSEAU và của KARL MARX, đối-nội là cái chủ-nghĩa « duy-quốc » (*étatisme*), đối-ngoại là cái chủ-nghĩa « quốc-tế », dù thời-thế thay đổi, cơ-hội khác nhau, thủy-chung vẫn trung-thành với chủ-nghĩa đó. Nhờ có chủ-nghĩa đó mà có cái tính-cách duy-nhất, có cái lực-lượng mạnh-mẽ. Những người xuất-thân khác nhau, chỉ có một cái chí-hướng chung là chiếm lấy quyền-vị để chủ-trương việc nước, nhờ có chủ-nghĩa đó mà nghiêm-nhiên thành tính-cách một phái chính-trị hay phái tôn-giáo, gồm cả cái hay cái dở một môn-phái. Mà thực những người đó là phái chủ-trương tuyệt-đối của nước Pháp ngày nay. Bà-tước DE FELS thời lấy cái thuyết bảo-tồn xã-hội, duy-trì trật tự mà phản-đối phái đó cùng cái chủ-nghĩa của phái đó phụng-sự.

Những sự cạnh-tranh về chính-trị của nước Pháp, chúng ta đây chẳng biết đâu mà can-thiệp vào. Chẳng qua chỉ là một cái bài giáo-khoa thực-sự cho ta, nhưng một bài giáo-khoa rất có hứng-vị.

Ta không can-thiệp vào mà bài học đó cũng có ích-lợi cho ta nhiều. Ta coi đó mà hồi-tưởng đến mình, suy nghĩ cũng được nhiều điều hay.

Nay nói riêng về cái đề-mục định bàn hôm nay, thời một nước vẫn cần phải có một hạng người chủ-trương, có đủ tư-cách thống-nhiếp được các sức mạnh trong nước để hiệp lại mà mưu

thi-hành một cái lý-tưởng chung. Nước Nam lại càng cần hơn các nước khác có một hạng người như vậy. Vì không có một hạng thượng-lưu để chủ-trương trong nước, cùng một chủ-nghĩa, cùng một tôn-chỉ chung, nên xứ này đã mất mực thăng-bằng và đưng vào cái cảnh bênh-hồng trôi-giạt vậy.

Tuy-nhiên, xưa kia có thể đâu. Hồi trước nước Nam cũng có một hạng thượng-lưu, một phái chủ-trương hẳn-hoi, là phái nhà nho, tuy một đôi khi cũng bị có kẻ nói xấu, nhưng thực là tiêu-biểu cho cái giòng-mối chính-trị xã-hội của xứ này,

Phái đó thành-lập thế nào ? Khi làm hướng-đạo cho quốc-dân, khi ra cầm quyền chính-trị — cầm quyền chính-trị không những là cái đặc-quyền, mà lại là cái nghĩa-vụ của phái đó nữa. — cách xử-sự thế nào ?

Những người trong phái đó đều chịu cái giáo-hóa của một đạo thống-nhất, là đạo nho, có tính-cách thuần đạo đức và văn-học. Không phải là một giai-cấp bẽ-tắt, nhưng toàn là tuyền-trạch ở trong nhất-ban quốc-dân mà ra. Chỉ vì giáo-dục theo một đường cho nên có cái tính-cách thuần-nhất, có cái kỷ-luật tự-nhiên, có cái phép-tắc nghiêm-nhất như trong một môn một phái vậy.

Vì nhà nho thật là hoàn-toàn một môn một phái. Những người trong môn đó, phái đó, về đời tư cũng như về đời công, đều phải cư-xử theo phép-tắc, nếu không thì ắt truy-lạc mất danh-giá. Đối với những vấn-đề lớn thuộc về các cơ-hội trong đời người, tư-tưởng đều giống nhau, đối với người ta, đối với mọi việc, cách phản-động cùng cả tinh-y cũng như nhau. Cùng theo một lối giáo-dục, khác nào như cùng đúc trong một khuôn, cho nên có sức mạnh. Cứ như cách tuyền-trạch, cũng đã rõ là một hạng thượng-lưu rồi; lại có kỷ-luật nghiêm, nên tiện-thị là một hạng thượng-lưu

có tổ-chức, có ý-thức, vừa biết giá-trị của mình, vừa biết nghĩa-vụ cùng chức-trách của mình.

Cái phái chủ-trương là phái nhà Nho ở nước Nam xưa đó, thành-lập theo những nguyên-tắc gì?

Trên đã nói rằng cái đạo chung của phái đó là Khổng-giáo. Nay đặc-sắc của Khổng-giáo là tôn-trọng về luân-lý trong cách tu-dưỡng của cá-nhân cùng cách tổ-chức các sự giao-tế trong xã-hội, lại là cái quan-niệm về gia-đình, về xã-hội, về quốc-gia, theo như cái khuôn chẽ-độ gia-trưởng.

Cái thuyết căn-bản của phép giáo-dục cũ trong phái nhà nho, là cái thuyết « tu, tề, trị, bình », ở ngay đầu sách *Đại-học*.

Tu là tu-dưỡng về bản-thân của cá-nhân, tập năm cái đức lớn, là nhân, nghĩa, lễ, tín, cho đạt tới cõi đạo-lý. Là theo đúng những phép-tắc thuộc về tam-cương, là ba cái giởng mỗi lớn trong xã-hội: quân-thần, phụ-tử, phu-phụ. Phép tu-dưỡng đó vừa về lý-thuyết, vừa về thực-sự, phải là cái tự-kỷ công-phu của từng người. Người nào muốn hi-vọng vào bậc thượng-lưu chủ-trương trong nước, thời công tu-dưỡng ấy lại càng cần lắm nữa. Làm người thượng-lưu tất phải có hàm-dưỡng, nếu không thì dù thông-minh, bác-học, tài-năng đến thế nào mặc lòng, ở trong xã-hội này cũng là vô-dụng, vì xã-hội này chỉ biết xét người theo cách cư xử cùng cái giá-trị về luân-lý mà thôi.

Người đã biết *tu-thần* thời bấy giờ có thể *tề-gia* được. Cá-nhân vẫn là trọng, nhưng một cá-nhân không đủ. Cái đòi duy-kỷ, chỉ biết thỏa-thích lấy một thân mình thôi, thời người An-Nam theo cái luân-lý đạo Khổng không thể *tướng-tượng* được. Phạm người xứng-đáng thời phải lập gia-thất, khác nào như gây ra một cái nước nhỏ mà

minh đứng đầu vậy. Cái nước nhỏ đó phải biết cai-quản cho được hòa-bình vui-vẻ, cũng theo mấy cái nguyên-tắc về nhân, nghĩa, lễ, trí, như trong việc tu-thần vậy. Chính ở trong gia-đình là phải tập đề ra giao-tiếp với xã-hội, ra đảm-dương việc chính-trị. Vì gia-đình chính là cái hình-ảnh thu nhỏ của xã-hội. Nếu trong nhà mà giữ được cho có trật-tự, cho được điều-hòa, thì tức là tập đề sau này cai-quản được công-việc của xã-hội, của quốc-gia.

Đó là phận-sự của những người có tài có học, thi đỗ, tức là đủ tư-cách ra đương việc công. Có tài có học nghĩa là xứng-đáng hơn kẻ khác đề đảm-dương chức-trách đó, nhưng cũng phải như mọi người khác đủ các đức-tính một người biết tu-thần, biết *tề-gia* mới được. Cách cư-xử riêng phải cho chính-trực, và phép trị nhà phải vừa có oai, vừa có đức.

Đầu có những tài-năng lỗi-lạc, khả-dĩ kinh-luân tế-thế được, mà cách cư-xử riêng, cách cai-quản nhà không ra gì, thời cũng không có oai-quyền gì khiến cho quốc-dân phải tin phải phục được. Hoặc lấy quyền-mưu hay nhờ cơ-hội mà chiếm được quyền-vị, bắt quốc-dân nhất-thời phải khuất-phục cái quyền chuyên-chế của mình, thời cũng là không bền, sớm trưa sẽ bị dân-chúng bất-phục mà đổ mất. Vậy thời những người nào muốn cho xứng-đáng được vào phái chủ-trương, ra cầm quyền trị nước, trước phải kiếm được đủ hai điều trên đã, nghĩa là phải biết tu-thần cho nghiêm-chỉnh, *tề-gia* có trật-tự vậy.

Khi đã ra cầm quyền việc nước rồi, thời một là phải biết « tri-chúa », nghĩa là làm người giúp việc sáng-suốt của nhà vua, hai là phải biết « trạch dân » nghĩa là gia ân-trách chọ quốc-dân. Như vậy thời tự-khắc khiến cho thiên-hạ, nghĩa là cả dân cả nước, — theo

nghĩa hẹp của chữ thiên-hạ ngày xưa, — được thái-bình hòa-lạc. Thế là biết trị nước mà bình được thiên-hạ vậy.

Ấy là cái chủ-nghĩa mà ở nước Nam ngày xưa, phàm người nào có cái hi-vọng muốn vào phái thượng-lưu chủ-trương trong nước, từ thuở nhỏ đã phải học-tập vậy. Không phải là người nào theo cái chủ-nghĩa đó cũng được ra cầm quyền chủ-trương việc nước đâu. Nhưng dù người ấu-dật, náu mình không hề thiên-hạ biết, cũng giúp gây nên một cái dư-luận để kiểm-sát những người kia, dư-luận ấy, những người kia phải châm-chước, không thể vượt được. Dư-luận ấy gọi là « thanh-nghị », nghĩa là lời nghị-luận công-bằng của kẻ thức-giả biết xét người xét việc theo nghĩa-lý đương-nhiên. Chính cái thanh-nghị của phái học-thức đó làm một cái sức hạn-chế rất mạnh cho kẻ cầm quyền không lạm quyền được; danh-giá thành hay bại cũng ở đó, và có thể nói là Chính-phủ đứng được hay bị đổ cũng vì đó.

Như vậy thời phái chủ-trương ở nước Nam ngày xưa là tiêm-nhiễm cái lý-tưởng thuần-túy của đạo Khổng, thực có hai hạng người, cùng đào-tạo theo một lối giáo-dục, cùng bó-buộc theo một cái kỷ-luật như nhau, duy có khác là một hạng thì công-nhiên ra cầm quyền, một hạng thì đứng ẩn ở bên trong (tức là một hạng *xuất*, một hạng *xử*). Mà hạng *xuất* vị-tất đã là hạng có quyền-thế hơn. Hạng này là hạng đương các chức-vụ công, tức là hạng nhà Nho đã thành-công, thì đổ làm quan vậy. Hạng *xử* là phần đông hơn, chỉ là hạng «bổ-ý chi sĩ», không có địa-vị gì mà thực là giám-đốc hạng trên. Không có lòng đố-ky chi những kẻ đã thành-công, — vì họ thành-công là đã có công thi-cử khó-khăn mới được, — cam-tâm giữ cái chức-vụ kiểm-sát và tự cho cái chức-

vụ ấy là hệ-trọng. Nhờ có ảnh-hưởng của hạng này mà kẻ cầm quyền không dám lạm-dụng quyền-thế của mình. Cách kiểm-sát rất nghiêm, cách giám-đốc rất cần, khiến cho những kẻ lũng-đoan quyền-hành cũng không dám làm quá, sợ bị tố-cáo ở trước tòa án thanh-nghị của kẻ thức-giả, tòa án này những phường tham-quan ô-lại rất lấy làm kinh-hãi vậy.

Nước Nam trong bao nhiêu thế-kỷ vẫn sinh-trưởng ở dưới chế-độ của phái chủ-trương đó, tự mình cầm quyền, lại tự mình kiểm mình, theo một cái đạo luân-lý phổ-thông, ai nấy đều công-nhận, vì không những truyền dạy cho một hạng thượng-lưu mà thôi, mà truyền dạy cho cả nhất-ban quốc-dân bằng một cách giáo-dục trong gia-đình và trong xã-hội rất nghiêm.

Tuy-nhiên gặp lúc biến-loạn, như khi đời đời hay đời triều, thời sự giáo-dục đó cũng có trở-nổi suy-vi. Những buổi đó thời cái trình-độ đạo-đức trong phái chủ-trương cũng như trong khắp dân-gian có sụt kém. Trong sử gọi là những lúc vận nước suy, thường là hồi cuối một đời vua hay đời một triều-đại vậy.

Song đó là chuyện đời xưa đã qua rồi. Đó là thuộc về nước Nam cổ-thời, mà ta nay là ở nước Nam hiện-kim, cái luân-lý của đạo Khổng đã suy, cái chế-độ về gia-trưởng cũng yếu, không thể khôi-phục lại cái phái chủ-trương là phái nhà nho kia, cốt-cách mạnh-mẽ, ảnh-hưởng thâm-trầm như xưa được nữa.

Vậy mà như trên kia đã nói, ngày nay lại giữa là lúc rất cần phải có một phái thượng-lưu chủ-trương trong nước, cần hơn cả từ xưa đến giờ.

Lối học tây như bây giờ có thể tạo được cho ta một phái thượng-lưu đó không?

Phái thượng-lưu đó đào-tạo được rồi có thể trở nên được một phái chủ-trương thế chân cho phái nhà nho trong bao nhiêu thế-kỷ vẫn cầm cân nảy mực cho quốc-dân hay không?

Những lý-trưởng cùng học-thuyết mới, vẫn có cái sức phá-hoại mạnh, có thể khiến cho các lớp tân-tiến sau này cũng có một đạo xử-thế, một mối

tu-tưởng duy nhất như các bậc tiền-bối hay không?

Đó là những vấn-đề mà phạm kẻ hữu-tâm về tiền-đồ nước nhà thường phải nghĩ-ngợi đến. Về phần riêng chúng tôi, xin để tâm suy-nghĩ, cố tìm xem có cách giải-quyết được không.

PHẠM QUỲNH

CHUYỆN TÂM-TÌNH

Một hôm tôi có tiếp một người bạn thiếu-niên đến kể chuyện tâm-tình. Câu chuyện rất thâm-thương, bày ra một cái cảnh tâm-thần tán-loạn, không biết chuẩn-dịch ở đâu, bơ-vơ như chiếc thuyền trôi-giạt. Câu chuyện đó tiêu-biểu cho cái tâm-ly khủng-hoảng vô-cùng của một phần đông trong phái thượng-lưu tri-thức ở xứ này.

Vì người bạn thiếu-niên của tôi quả là một người trong phái thượng-lưu. Đã từng du-học bên Pháp lâu năm, học đã thành-tài. Con nhà dòng-dõi, có gia-giáo tốt. Thật là không giống cái kiểu du-học-sinh quái-gở kia, ngoa-du trong phố-phường thành Paris mấy năm, đã tưởng là hấp-thụ được cả cái văn-minh của Thái-tây, về nước rất mực khinh-bí kẻ đồng-bào, sẵn lòng nhạo-báng cái đạo-đức cổ của ông cha.

Bạn tôi thật trái lại thế: người tính ôn-hòa, biết suy-nghĩ, rất đứng-dẫn, làm việc trong chức-nghiệp mình một cách rất chu-đáo. Cứ bề ngoài thì là một người về phái lạc-quan lắm. Vậy mà không có lạc-quan chi cả. Làm ra bộ mặt vui-vẻ, tỏ ra tính-cách hoi-nghi, nhưng thực thì có những nỗi đau-dớn âm-thâm. Bữa đó bày tỏ nỗi lòng cho tôi nghe, thổ-lộ những giọng rất thê-lương.

Nói rằng:

— Các ông là bậc đàn anh chúng tôi chừng mười-lăm hai-mươi năm, các ông vẫn từng phân-nàn là một lớp người bị hi-sinh. Vậy thế chúng tôi thời sao? Dễ lớp chúng tôi về sau được biệt-đãi hơn các ông chẳng, được sang hấp-thụ cái khoa-học của Thái-tây ở tận nơi nguồn gốc, có lẽ về nước tiện-thị làm tay chủ-động để cải-cách duy-tân cho nước nhà chẳng?

Trước kia chúng tôi cũng tin-tưởng như vậy. Nhưng từng trải sự-thực mới thấy mình thất-vọng. Muốn hành-động ở trong một xã-hội đương biến-hóa, muốn tự mình giúp cho sự biến-hóa đó, thời mình đối với xã-hội ấy phải có cái giây liên-lạc về tâm-thần thiết-tha thâm-trầm như thế nào mới được. Nghĩa là muốn có ảnh-hưởng đến kẻ đồng-bào mình thời phải cùng kẻ đồng-bào ấy có một mối tu-tưởng, một mối sinh-hoạt chung, uyên-nguyên tự cái gốc thâm-trầm của quốc-gia của xã-hội vậy. Nay chúng tôi đã chịu một cái giáo-dục ở ngoài, thành ra xa-cách hẳn với xứ-sở, với giống-nòi mình.

Tôi xin thú thực, cũng lấy làm xấu-hổ: tôi đối với kẻ đồng-bào tôi bây giờ không thấy gì là cái cảm-tình tự-nhiên nó giàng-buộc với nhau những người

cùng nói cùng giống. Tôi ở trong nước tôi mà hình như một người khách ngoại quốc, không có đồng-tình đồng-ý gì với phần nhiều kẻ đồng-bào cả.

Đối với ngay người nhà tôi, tôi cũng thấy xa-cách, dù không xa-cách bằng tâm-tình, cũng xa-cách bằng thần-trí. Tôi không phải là người con bạc-bẽo bất-hiểu. Tôi vẫn thâm-cảm cái ơn của cha mẹ tôi đã phải hi-sinh biết bao nhiêu để cho tôi học được như bây giờ, cái học đó nó đem tôi đến nông-nỗ này, tôi thấy mà không lấy gì làm tự-cao nữa. Tôi vẫn yêu kính cha mẹ tôi, nhưng tôi đối với cha mẹ tôi, tư-tưởng cảm-tình không có gì là giống nữa; tôi lý-luận, cảm-giác khác hẳn cha mẹ tôi; máu là máu của cha mẹ mà tâm-tình thấy khác hẳn.

Nói ra thật não lòng: có khi tôi tránh không muốn nói chuyện với cha tôi nữa, không dám nghị-luận về chuyện nọ chuyện kia, sợ ý-kiến trái ngược, làm cho cha tôi phật lòng.

Đối với ngay trong thân-thích, thần-trí đã cách biệt như vậy rồi, thời đối với nhất-ban kẻ đồng-bào, lại càng xa-cách biết bao nhiêu, dù kẻ đồng-hang đồng-học cũng vậy. Vì muốn cho cảm-thông với nhau, thời phải có một chủ-nghĩa, một lý-tưởng chung. Nay không có chủ-nghĩa, không có lý-tưởng gì cả. Có lẽ cùng nhau chỉ có một mối đau-đớn chung mà thôi. Nhưng cái mối đồng-cảm đó là cái mối tiêu-cực, chỉ làm cho tâm-hồn ủ-rũ, chứ không làm cho tâm-hồn mạnh-mẽ được.

Mới xét ra thì tưởng cứ xem cái gương của mấy bậc đàn anh trực-tiếp ngay, cũng có thể noi đó mà theo được. Nhưng tôi xin nói thực, ông đừng giận: cái lớp đàn anh ngay trước chúng tôi, tức là lớp các ông đó, đại-khại cũng phát-phơ lơ-láo, và tôi dám nói là bất-tài bất-lực, hôn-độn dở-dang cả.

Lời tôi nói hoặc có nghiêm-khắc, và có lẽ cũng không được công-bằng, nhưng

tôi đã xin nói thực thì bụng chúng tôi nghĩ làm sao, tôi xin nói to như vậy.

Các ông là bậc đàn anh, vậy trong hai mươi năm nay các ông đã làm được những gì? Đáng lẽ các ông phải làm kẻ đưa đường cho chúng tôi, nay chỉ thấy các ông biết lợi-dụng cho mình mà thôi. Các ông phò cho cái chế-độ hiện-thời, để lấy được vinh-thân phi-gia. Đến đâu cũng lên giọng hát cái bài hát cũ-rích, nào là hợp-tác, nào là đề-huê, mà có lẽ tự các ông cũng không tin rồi. Các ông không bao giờ dám nói rõ cho kẻ cầm quyền biết cái nỗi khổ-tâm của chúng tôi. Các ông không có can-đảm mà cũng không có thành-thực. Bởi thế nên chúng tôi không tin các ông. Lại ngay trong bọn các ông với nhau, cũng vì những chuyện cá-nhân, chuyện quyền-lợi mà chia cách nhau. Nào là ganh-ghen nhau, nào là tị-nạnh nhau, toàn là những chuyện nhỏ-mọn tây-riêng. Trong cuộc thảo-luận, đâu có ý-kiến hay, nó cũng pha thêm cái vị tạp, làm cho mất hay đi.

Chúng tôi học ngoài, số-dắc có một điều, là tập được cái trí phê-phán đối với các sự-vật ở quanh mình, nhất là đối với các bậc đàn anh không biết làm trọn nghĩa-vụ hướng-đạo cho đàn em.

Thành ra chúng tôi bơ-vơ một mình, cách-biệt hết-thảy, không thích-hợp với một cái xã-hội và một cái chế-độ nó đối với chúng tôi không có gì là tương-đồng tương-loại cả. Ở trong nước mình như người nước ngoài vậy, ăn sổi ở thì, không có gì là phấn-khởi, không có gì là cao-thượng cả, xấu-hổ với mình và bất-hình với hết thầy chung-quanh mình vậy.

Về phần riêng tôi, nếu tôi không còn cha mẹ già, thì tôi bỏ xứ này, tôi sang ở bên Pháp, bên Âu-châu kia, ở chỗ nào cho hẳn là một khách tha-phương ở nơi dị-vực. Tôi tưởng đi như thế còn hơn là ở đây. Tôi sẽ làm kẻ cầu may

đi lang thang trên mặt đất, như người không có quê-hương xứ-sở vậy. Tôi sẽ sống một cách mãnh-liệt, một cách nguy-hiêm, theo như lời khuyên của NIETZSCHE, để lấy cái hăng hái bề ngoài đó cho tự quên mình đi.

Dù thế nào nữa, hiện nay tôi không có vợ con, và tôi nguyện cứ ở vậy. Tôi không có cái can-đảm n lập một gia-thất, vì chính tôi còn không biết cái đạo xử-thế cho tôi ra thế nào, thì tôi biết giáo-dục con tôi ra làm sao? . . .

Tôi ngồi nghe câu chuyện náo-nùng đó mà rầu lòng thay. Khi người bạn trẻ tôi làm án bực dân anh, thời về phần tôi cũng cam-nhận những lời trách-móc đáng hay không đáng đó. Bạn tôi càng nói càng như nóng-nảy hăng-hái lên; người xưa nay vẫn bình-tĩnh êm-ái, vậy mà lúc kể cái nỗi đau-đớn của mình, thời tự-nhiên thành ra giọng kích-thích. Nghe nói mà hiểu rõ cái tình-cảnh của phái thanh-niên nhiệt-thành khi-khái kia, không thích-hợp với sự sinh-hoạt của xứ-sở cùng giống nòi mình nữa, thành ra bi-thảm biết dường nào!

Khi bạn tôi đã nguôi, người tôi cố phân-giải như sau này :

— Nỗi đau-đớn của bạn, tôi hiểu lắm. Bệnh này là bệnh lãng-mạn đó. Nó là cái bệnh của thời-thế, là cái « thời-bệnh » đương bây giờ. Phái trí-thức ở nước Pháp đã từng biết cái bệnh ấy vào khoảng 1830; phái trí-thức nước Nam nay cũng được biết cái bệnh ấy vào khoảng 1930 này, có điều nặng hơn, là vì đào-tạo bằng cách giáo-dục của nước ngoài, nên không còn có liên-lạc gì thâm-trầm với hoàn-cảnh cùng chủng-tộc mình nữa, thành ra càng ngày càng như cái cây mất rễ, khó lòng mà cứu cho được. Vì các bạn, cũng như hết thầy chúng ta, là một giống cây mất rễ (*déracinés*) cả, theo

như cái danh-từ mạnh-bạo của MAURICE BARRÈS vậy. Cái bệnh của chúng ta đây, nhà văn-hào nước Pháp đó đã từng biết, và đã tả-mạc nó ra rất kỹ-càng, vì bệnh này nó thường phát ra vào từng thời-kỳ một, thường thường là những thời-kỳ mà cái tinh-thần trong nước bị ủy mĩ (như ở nước Pháp là vào hồi sau trận 1870)

BARRÈS nói rằng : « Tôi buồn tênh chán ngắt, chẳng được việc gì, mà lấy thế làm tiêu-dao tự-thứ. . . Cái gì cũng chán mà cái gì cũng ham. Ôi, chán ôi là chán, chán trội chán trơn, chán khắp hết thấy. Hoạt-động mà làm gì, cũng là vô-bổ hết ! . . Tôi nhọc, ối chao ôi là nhọc, chưa làm gì mà đã nhọc. Ai làm thế nào cho tôi quả-quyết được việc gì bây giờ ! »

Lại nói : « Tôi thấy tôi vô-dụng, rời-rạc như cái máy không lò-so. Nghĩ đến sau này mà sợ; biết rằng có đủ sức làm được gì chẳng? Khi-lực tôi tiêu-tán đi như ba giọt dầu sáng trên bàn tay vậy. »

Như vậy thời cái bệnh tâm-thần, bệnh ý-chí đó, ở nước khác cũng có, chứ không phải riêng gì đây. Và ai ai cũng có một hồi phải qua cái bệnh đó. Duy ở đây có những tình-tiết riêng làm cho nó thêm nặng ra, nhất là vì cách giáo-dục có khuyết-diểm, không thích-hợp, nhưng cái bệnh-căn thời trong phái thanh-niên ta ngày nay cũng như trong phái thanh-niên nước Pháp sau năm 1870, và chính BARRÈS đã tả rõ ra đó.

Ông đã chỉ rõ cái bệnh-căn rồi, ông bèn bày phương thuốc chữa : bệnh là bệnh « vong-bản », thời nay phải « hồi-bản », như cái cây bật rễ, nay phải trồng nó lại, trồng nó vào trong đất nước của tổ-tiên, là nơi đã đề-tạo ra mình, đã như in dấu vết vào trong tâm-hồn mình vậy. Hãy nghe lời ông thầy thuốc

chữa hồn của Thái-tây đó, ông giáo-sư phần-chấn cho cái nghị-lực nước Pháp đó ; ông nói rằng :

— Người ta ví như cái cây, muốn mọc lên tươi-tốt, nảy-nở ra nhiều, phải giống nào sinh-trưởng theo cách-thức giống ấy, như bao nhiêu đời trước đã lưu truyền tới đời nay vậy.

— Nhất-cử nhất-dòng mà trái với tổ-tiên đất nước ta là làm cho ta tự dối ta, khiến cho tiêu mất cái nhuệ-khi của ta đi.

— Ta phải biết cam chịu thân-phần ta, đó là điều cốt-yếu. Đã được điều cốt-yếu đó rồi thì muốn tổ-chức cuộc đời ta thế nào cũng được . . . Ta sẽ như cái cây mọc ở đất nước nhà, không phải là giống không chẳng không rẻ. Dù đi đâu, dù đặt mình vào những nơi rất nóng-nàn nào-nhiệt, cũng không sợ mất giống, ta vẫn là con cháu ông cha ta, ta vẫn được hưởng-thu cái công học-tập mấy mươi đời, từ khi hầy còn chưa sinh-hạ ra đời, từ khi hầy còn nằm trong mạch máu tổ-tiên, mà tổ-tiên hầy còn mới quan-niệm đến ta mà thôi . . .

Phải cam nhận cái thân-phần mình (*accepter notre conditionnement*), đó là phương thuốc đề trị cái bệnh của ta vậy. Phương thuốc ấy hiệu-nghiệm lắm, chúng tôi đã có mấy kẻ thử dùng, thấy nhờ đó mà được tâm-hồn bình-tĩnh, thần-trí điều-hòa.

Coi đó thời biết ở đời này cốt là phải quyết theo một bề nào. Nay ta thế nào, ta không thể làm khác đi được. Ta sinh-trưởng là người An-Nam, thời sống là người An-Nam, mà chết cũng vẫn là người An-Nam. Đừng có mơ-mộng thành ra người khác được ; đừng có kiếm cách tự mình không nhận mình được. Ta đã gây hình bằng cái đất phù-sax xứ Bắc-kỳ này, thời ta phải qui mền

cái đất nó đã đào-tạo ra ta cùng tổ-tiên đã truyền-thụ cho ta có linh-hồn.

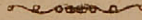
Vậy thời phải cam nhận cái thân-phần mình, theo như lời khuyên của BARRÈS ; có cách đó là hay hơn cả. Khi đã quyết theo về một bề đó rồi, thời bấy giờ có thể « tổ-chức cuộc đời mình », nghĩa là cải-cách duy tân cho nó thích-hợp với tình-trạng xã-hội đời nay, mà tất phải có thể thì mới cải-cách cho thích-hợp được.

Tuy-nhiên, muốn giữ lấy cốt-cách của mình, thì phải tự nhận-chân mình đã. Cách giáo dục như bây giờ có thể giúp cho ta tự nhận-chân được ta không, hay là chỉ khiến cho ta tự xa-cách với ta, xa-cách với nơi-giống xứ sở của ta ? Đó là vấn-đề nghiêm-trọng, kẻ cầm quyền phải giải-quyết. Từ trước đến giờ đã nhiều người tỏ ý-kiến về vấn-đề đó rồi. Câu chuyện tâm-tình cảm động của bạn bữa nay, lại thêm một chứng cứ mới nữa về cái tinh-cách rất nghiêm-trọng cần-cấp của vấn-đề đó.

Còn như lời phán-đoá của bạn về lớp « đàn anh » kia, thời có lẽ cũng hơi nghiêm-khắc quá. Nhưng tôi không muốn thảo-luận về câu chuyện đó. Tôi thiết-tưởng bọn chúng tôi cũng đã cố gắng lắm. Nếu quá lắm không nên, thời xin cũng khoan-dung cho, vì chính chúng tôi cũng đã từng có hồi khủng-hoảng như các bạn, và cũng mới qua khỏi được ít lâu nay mà thôi. Nên khoan-dung cho người trước, và nếu có tài-cán thời cố làm cho hay hơn lên. Nhưng phải nên nhớ rằng chúng làm gì mà trái với tổ-tiên đất-nước nhà, là chuyện hão-huyền vô-bổ cả, « chỉ khiến cho mình tự dối mình và làm tiêu mất cả cái nhuệ-khi đi vậy » . . .

QUỐC-GIA

Nước là hay hay là dở?



Trông thấy trong thế-giới ngày nay, các nước chỉ những hăm-hè ngấm-nguýt lẫn nhau, rồi đến xung-đột chiến-tranh với nhau, kẻ nhân-nhân quân-tử hoặc khởi lên câu hỏi rằng : Nước là hay hay là dở? Nếu loài người không có cái chân-vực nước nọ với nước kia, không có sự phân-biệt giống này với giống khác, nếu biết cùng nhau sinh-trưởng trong một cái thế-giới đại-đồng, lấy câu : 古今皆我友, 天地亦吾廬 (Người xưa người nay đều là bạn ta, trên trời dưới đất cũng là nhà ta), làm tôn-chỉ, thì chỉ đến nỗi xảy ra những cuộc tương-tàn tương-hại, máu chảy thành sông, thấy chết thành đồng như từ xưa đến giờ. Bởi thế nên có nhà triết-học xướng lên cái thuyết rằng : « Cái chí của người ta muốn lập thành quốc-gia là một cái trạng-thái của sự ác », nghĩa là nước chẳng qua là một cái ác-nghiệp của loài người, chứ chẳng hay-ho gì mà quý-hóa ; kẻ học-giả cao thượng phải vượt qua cái giới-hạn quốc-gia mà làm người của nhân-loại.

Sau đây là bài của một văn-sĩ phản-đối cái thuyết nguy-biến đó. Đại-khái nói rằng sự hợp-quần là một cái linh căn-bản của loài người, không hợp-quần thành nước thì hợp-quần thành đảng, thành phe, thành đoàn, thành cấp ; có hợp quần tất có cạnh-tranh, không sao khỏi được. Xét cho kỹ trong các cách hợp-quần, cách hợp-quần thành nước còn là hay hơn cả. Vì quý nhất trong một nước là cái quốc-hồn, mà quốc-hồn là một mối thiêng-liêng, một cái của báu vô-ngần, người ta phải biết mà trân-trọng lấy.

* * *

La Nation

On ne peut s'empêcher d'être frappé, en lisant au début d'une intéressante étude que M. Julien Benda publie en ce moment dans la *Revue de Paris*, une phrase comme celle-ci : « Je persiste, du point de vue moral, à tenir la volonté des hommes de s'affirmer en nation comme une forme du mal. » Le groupement des hommes en nations est-il vraiment « une forme du mal »? On peut se le demander, quoique à poser seulement la question on risque l'accusation de nationalisme. Par le temps qui court, en effet, les patriotes sont des « nationalistes », comme les modérés sont des « fascistes », chacun sait cela.

Quốc-gia

Văn-sĩ JULIEN BENDA hiện đương đăng trong tạp-chí *Revue de Paris* một bài nghiên-cứu hay, đầu bài có một câu như sau này, đọc đến không khỏi lấy làm lạ : « Về phương-diện đạo-đức, tôi vẫn cứ cho cái chí người ta muốn quyết lập thành quốc-gia là một cái trạng-thái của sự ác. » Người ta hợp nhau thành nước có hẳn là « một cái trạng-thái của sự ác » không? Tuy khởi lên câu hỏi đó có cái nguy-hiềm bị tố-cáo là về « phái quốc-gia », nhưng cũng có thể tự hỏi như vậy được. Giữa thời buổi này, ai cũng biết rằng phạm người ái-quốc thì thiên-hạ mục là « phái quốc-gia », kẻ ôn-hòa thì thiên-hạ cho là « đảng pha-xi ».

Qu'est-ce qu'une nation ? Renan s'est efforcé de le dire dans une célèbre étude ; mais il a surtout expliqué ce que cela n'est pas. A vrai-dire, personne, ni avant lui ni après, n'est parvenu à donner de la nation une bonne définition. Mais beaucoup d'autres mots d'une grande importance sont pareillement indéfinissables. « Nous parlons facilement du *droit*, de la *race*, de la *propriété*, dit Paul Valéry. Mais qu'est-ce que le droit, la race, la propriété ? » On serait bien embarrassé de l'exprimer rationnellement ; mais au fond tout le monde le sait, et il en va de même de la nation. D'ailleurs, il serait très intéressant de passer en revue les définitions qu'on en a données. Ce sera peut-être pour une autre fois. Aujourd'hui, nous voudrions aborder la question par un autre bout.

Même dans les sciences d'observation, on est encore fort loin de pouvoir se passer de notions métaphysiques, et M. Julien Benda remarque fort justement que, pour expliquer certains phénomènes collectifs comme la migration des oiseaux ou le travail des fourmis, les naturalistes allèguent couramment le « génie de l'espèce ». A la vérité, mieux vaut ne recourir à cette explication qu'à la dernière extrémité, et pour cette raison péremptoire que ce n'en est pas une. C'est ce que ne fait pas le docteur Allendy, par exemple, lorsqu'il introduit en psychanalyse la notion de l'instinct social pour expliquer la formation du « surmoi ». Toutefois, il faut bien reconnaître que l'inconscient possède des éléments qui sont identiques chez tous les individus et il est comode (bien que ces termes soient assez impropres) d'appeler cela « l'âme collective » et de l'opposer à l'âme individuelle. Nous dirons qu'une fourmi qui est admirablement douée pour tout ce qui se rapporte à la fourmière, mais qui est presque stupide pour le reste, a une âme collective très forte et une individualité psychologique presque nulle.

Thế nào là một quốc-gia ? RENAN đã thử giải nghĩa trong một bài luận trứ-danh (1) ; nhưng ông chỉ cốt cắt nghĩa thế nào là không phải quốc-gia mà thôi. Thực ra thì trước ông cũng như sau ông, không ai là định nghĩa được chữ quốc-gia cho đích - đáng. Tức như PAUL VALÉRY nói rằng : « Nói những công-lý, chủng-tộc, sở-hữu thì dễ lắm. Nhưng công-lý là gì, chủng-tộc là gì, sở-hữu là gì ? » Diễn-giải cho hợp-lý, thì cũng khó thật ; nhưng rút lại nói đến ai cũng hiểu. Nay nói về quốc-gia cũng vậy. Vả lại giá lược-thuật được cả những câu giải thích về quốc-gia từ trước đến giờ thì cũng hay lắm. Có lẽ sau này sẽ có dịp làm. Hiện nay hẵng xin bàn qua về vấn-đề này ra một phương-diện khác.

Ngay trong các khoa-học thực-nghiệm, cũng còn lâu nữa chữa bỏ được những cái quan-niệm siêu-hình, và ông JULIEN BENDA nghiệm rất đúng rằng muốn cắt nghĩa những hiện-tượng công-cộng, như giống chim đôi chỗ, giống kiến làm việc, các nhà bác-vật vẫn thường viện cái câu là « tinh-thần của chúng-loại ». Thực ra thì cũng lắm hăng nên cắt nghĩa như vậy, vì lẽ hiển-nhiên rằng cắt nghĩa thế không phải là cắt nghĩa vậy. Tỉ như bác-sĩ ALLENDY kia lại không thế, về khoa phân-tích tâm-lý, muốn giải nghĩa cái « siêu-ngã » thành-lập thế nào, ông phải mượn đến cái thuyết về bản-năng xã-hội. Tuy-nhiên cũng phải nhận biết rằng cái vô-ý-thức ở hết thầy người ta đều có những phần-tử giống nhau, và tuy danh-từ không được đúng cho lắm, song gọi nó là cái « hồn công-cộng » để đối với cái hồn cá-nhân cũng là tiện vậy. Như ta nói rằng con kiến, phàm cái gì thuộc về tổ kiến thì nó khôn-ngoaan lắm, nhưng về cái khác thì hầu như ngu-xuẩn, thế là nó có

(1) Bài luận này đề là : *Qu'est-ce qu'une nation ?* Đã dịch cả toàn-văn trong N.-P. số 74 (Ao3t 1923).

A mesure que notre pensée est plus puissante, que nous réfléchissons mieux notre moi, que nous devenons plus conscients, nous développons notre âme individuelle. Mais ces éléments de l'inconscient qui sont les mêmes chez tous les hommes, et que nous appelons leur esprit collectif, ne disparaissent pas pour autant. On les a étudiés dans leur action et c'est la « psychologie des foules » sur laquelle le docteur Gustave Le Bon, qui vient de mourir chargé d'ans, a écrit des livres très connus du public, mais moins goûtés des savants.

Ces livres sont en effet imprudents. Le Bon use de cette expression d'âme collective, ou d'« âme des foules », comme il dit, avec si peu de précautions qu'on pourrait presque penser qu'il attribue à cette notion une valeur absolue. Gabriel de Tarde, pourtant s'en méfiait beaucoup. On peut bien considérer toute collectivité, une classe sociale, une nation, un club même, que sais-je ? comme un être animé par un certain esprit qui lui est propre ; mais il ne faut pas oublier que ce n'est là qu'une métaphore commode, une allégorie, quelque chose comme le « génie de l'espèce », et le docteur Le Bon l'oubliait presque tout à fait.

Quoi qu'il en soit, lorsque des gens sont rassemblés en nombre suffisant, lorsqu'ils forment une foule, à la première excitation leurs sentiments communs apparaissent et souvent les dominant : l'âme collective prend en eux le dessus sur l'âme individuelle. Je dis des *sentiments*, et violents, des *passions* ; je ne dis pas des *idées* : l'âme collective est irrationnelle, elle ne comprend nulle raison : et comment en serait-il autrement, puisque tous ses éléments appartiennent à l'inconscient ?

một cái hồn công-cộng rất mạnh mà tâm-lý riêng thì dường như không có vậy. Tư-tưởng ta càng mạnh lên, ta càng suy-nghĩ về cái bản-ngã của ta, ta càng thêm có ý-thức lên, thì lại càng phát-siễn được cái tâm-lý riêng của ta. Nhưng những cái phần-tử vô-ý-thức ở người nào cũng vậy, gọi là cái tâm-lý chung của người ta đó, không phải vì đó mà mất đi đâu. Người ta đã nghiên-cứu trong khi nó tác-dụng ra, và chính đó là cái « tâm-lý của quần-chúng », mà bác-sĩ GUSTAVE LE BON tuổi đã cao mới tạ-thể có làm mấy quyển sách về đó, thiên-hạ đã biết lắm, nhưng các nhà bác-học thì xem ra lại không ưa mấy.

Vì mấy quyển sách đó dùng chữ không cẩn-thận. Bác-sĩ LE BON nói về hồn chung, hay là « hồn quần-chúng » một cách khiến cho người ta tưởng rằng ông cho cái quan-niệm đó một cái giá-trị tuyệt-đối. Tuy-nhiên, GABRIEL DE TARDE vẫn đã không tin cái đó lắm rồi. Phàm một đoàn-thể, một giai-cấp trong xã-hội, một quốc-gia, cho đến một câu-lạc-bộ nữa chẳng hạn, cũng vẫn có thể coi như một thực-thể, có một cái tinh-thần đặc-biệt ; nhưng không nên quên rằng đó chẳng qua là một cách tỉ-dụ cho tiện, một cách nói ví, tức cũng như chữ « tinh-thần của chủng-loại » nói trên kia, và cái đó thì bác-sĩ LE BON hầu như quên hẳn vậy.

Dù thế nào mặc lòng, khi người ta họp nhau lại đông, thành một đám quần-chúng, thời hễ có kích-thích, những cái tình-cảm chung nó lộ ra ngay, mà thường-thường thắng-đoạt cả : cái hồn chung át hẳn cái hồn riêng vậy. Tôi nói là *tình-cảm*, mà kịch-liệt, tức là những *tình-dục* ; chứ tôi không nói đến *ý-tưởng* : cái hồn chung nó không theo về lý-trí, nó không hiểu lý-trí là gì cả ; mà đó là sự cố-nhiên, vì cả các phần-tử của nó là thuộc về vô-ý-thức vậy.

Sous son empire, des gens qui individuellement sont les plus braves gens du monde pourront se conduire comme des sauvages. Lorsque leur âme collective est émue, lorsqu'elle les mène, ils pourront se laisser emporter à des brutalités affreuses, à des lynchages, des incendies, mille lâches horreurs, dont le souvenir les fera rougir lorsqu'ils auront, comme on dit, « repris possession d'eux-mêmes », c'est-à-dire de leur individualité, de leur personnalité; d'ailleurs et tout au contraire, ils pourront également se comporter en héros: à la guerre, les cas d'héroïsme collectif ne sont pas rares. Réunissez dans une salle quinze cents personnes très intelligentes, vous en faites une foule, un public, qui, lorsqu'il est excité, se montre presque aussi dépourvu de sang-froid et de réflexion que s'il était formé d'individus très médiocres; on le voit sujet à des enthousiasmes absurdes, à des paniques, capable de s'enthousiasmer pour des lieux communs vides de sens, de pleurer ou de rire pour des niaiseries qui feraient honte à chacun de ceux qui le composent, s'il était isolé, c'est-à-dire s'il était lui-même. Et c'est là ce qui me faisait jadis placer le théâtre au plus bas de la « hiérarchie des arts », à peine un peu au-dessus de l'éloquence. Quelle différence entre la pièce qui s'adresse à nous au moment où nous sommes le plus « collectifs », pour ainsi dire, et le livre qui nous trouve à l'instant justement où nous sommes le plus critiques, le plus « individuels »! Mais il n'y a pas de hiérarchie des arts, et les classer d'après leur degré d'intellectualité, c'est bien arbitraire, puisqu'ils ne s'adressent pas seulement à l'intelligence. D'ailleurs il n'y a jamais eu de belle pièce, non plus que de beau discours, qui ne résiste à la lecture: ne confondons pas une œuvre d'art avec « le mélodrame où Margot a pleuré », ni avec un discours parlementaire.

Bị cái hồn chung đó nó chi-phối, thì những người cứ đơn-độc một mình là người rất thuần-hậu, có thể cư-xử như kẻ dã-man được. Khi nào cái hồn chung của họ bị cảm-kích, khi nào bị nó sai khiến, thời có thể xui nên những sự tàn-bạo ghê-gớm, những cách tu-hình độc-ác, những tội đốit cửa đốit nhà, cùng trăm nghìn cách tàn-nhấn hèn-mạt, đến lúc tỉnh rồi, nghĩa là phục-hồi được cái bản-ngã của mình rồi, thời nghĩ lại mà lấy làm hối; và cũng có khi trái hẳn lại, có thể hành-động ra cách anh-hùng được: như khi chiến-tranh, những cái thủ-đoạn công-cộng anh-hùng không phải là hiếm. Nay họp vào trong một gian nhà rộng một nghìn rưởi con người rất thông-minh, thế là thành một bọn quần chúng, một đám công-chúng, hễ bị kích-thích, thời cũng tỏ ra không biết kiên-gan, không biết suy-nghĩ như là một mở người rất làm-thương vậy; thấy cồ-võ những sự vô-lý, thấy sợ hãi những cái không đầu, nức-nôm khen những câu chuyện vô-nghĩa, khóc hay cười những cái dở hơi, giá ngồi một mình, nghĩa là lúc mình tự-chủ mình thì nghĩ lại cũng phải lấy làm xấu-hổ. Bởi thế nên trước kia tôi đã cho nghề diễn-kịch là đứng vào dưới cái biểu trật-tự các mĩ-thuật, chỉ hơn nghề diễn-thuyết một chút vậy. Một bài kịch mình coi giữa lúc thuộc về cái hồn công-cộng, với quyển sách mình đọc giữa lúc thuộc về cái hồn cá-nhân, là lúc biết phê-phán hơn cả, hai đàng khác nhau biết dường nào! Nhưng mĩ-thuật vốn không có trật-tự, nếu lấy cái trình-độ duy-tri mà phân trên dưới thì vô-bằng lắm, vì nó không phải chỉ quan-hệ đến trí-tuệ mà thôi. Và lại không có bài kịch nào thật hay, bài diễn-thuyết nào thật tài, mà đến khi đem đọc lại không còn thấy hay thấy tài nữa: không nên lẫn một mĩ-thuật-phẩm với một bản bi-hi-kịch như « chuyện mụ MARGOT khóc », hay bài diễn-thuyết của ông nghị-viên nọ.

Cependant les collectivités, les foules ne sont pas toujours momentanées, occasionnelles ; elles sont plus ou moins stables. Il y a celle qui se crée pour une brève émeute ; il-y a celle plus durable, qui forme le public d'un orateur ou d'une pièce de théâtre, le Parlement, etc. Mais le plus curieux est qu'il existe aussi des collectivités dont les liens invisibles s'étendent à travers l'espace et à travers le temps. Celles-là sont les plus fixées : ainsi un « corps », une classe, une association, les médecins, les magistrats, les anciens élèves d'une grande école, les membres d'un club, les ouvriers d'une petite fabrique, que sais-je ? Et certes, toutes ces collectivités ont leur « âme » : il suffit pour s'en rendre compte d'avoir éprouvé dans sa vie les effets de l'« esprit de corps » qui anime, par exemple, les normaliens ou les polytechniciens, ou bien d'avoir assisté à un match de football entre deux clubs sportifs et rivaux, ou encore d'avoir vu combattre certains corps militaires, comme la coloniale, les zouaves ou les chasseurs, composés pourtant des mêmes éléments que les autres. Mais le mieux fixé, le plus stable des êtres collectifs, celui dont l'esprit ou l'âme se manifeste avec le plus de constance et de force, c'est la nation, — du moins jusqu'à présent.

Or, tout être collectif (pour continuer à parler par métaphore) éprouve, comme tout être vivant, un vif sentiment d'amour pour soi-même, joint à une volonté de puissance que nous nommerons impérialisme pour faire plaisir à M. Ernest Seillière. Lorsque cet être collectif est une nation, on appelle cet amour de soi-même, avec l'impérialisme qu'il entraîne : patriotisme. Lorsqu'il ne s'agit pas d'une nation, il n'y a pas de nom

Tuy-nhiên, đoàn-thể, quần-chúng, không phải là bao giờ cũng ó hợp nhất-thời mà thôi ; cũng có khi lâu bền nữa. Có cái quần-chúng hợp lại để phiến-loạn trong một lúc ; có cái quần-chúng lâu bền hơn, như thỉnh-giá của một nhà diên-thuyết, khán-giá của một bài diên-kịch, như nơi nghị-trường, nghị-hội, v. v.. Nhưng lạ hơn, là cũng có những quần-chúng mà cái giây liên-lạc vô-hình của nó giàng-buộc cả không-gian cùng thời-gian vậy. Quần-chúng ấy thời có định-tính hơn cả : như một đoàn-thể, một giai-cấp, một hội-đăng (thí-dụ thầy thuốc, quan tòa, cựu-học-sinh một trường lớn, hội-viên một câu-lạc-bộ, thợ trong một cái xưởng nhỏ, v. v.). Mà các quần-chúng đó đều có cái « hồn » riêng cả : người nào đã từng nghiệm thấy cái « đoàn-thể tinh-thần » của học-trò trường *Normale* hay trường *Polytechnique*, thi đủ biết, hay đã từng xem một cuộc đá « ban » thi của hai hội thể-thao tranh-cạnh nhau, hay trông thấy quân-lính của các cơ ra trận, như cơ thuộc-địa, cơ *zouaves*, hay cơ *chasseurs*, tuy quân tướng cũng vậy mà thể-cách khác nhau vậy. Nhưng trong các cái thực-thể công cộng, cái mà bình-định vững-vàng hơn cả, cái mà tinh thần hay hồn-tinh nó xuất-hiện ra đều-đặn và mạnh-mẽ hơn cả, chính là quốc-gia, — chẳng biết sau này thế nào, nhưng ít ra đến nay vẫn như vậy.

Nay phạm giống công-cộng (xin cứ dùng cách nói tỉ-dụ như vậy), cũng như giống sinh-vật khác, vẫn có cái lòng ái-kỷ, lại có cái chí cương-cường, tức như nhà triết-học ERNEST SEILLIÈRE gọi là cái chí « đế-quốc » vậy. Khi giống công-cộng ấy là một quốc-gia, thời cái lòng ái-kỷ, cái chí cương-cường đó, gọi là lòng ái-quốc, khi không phải là một quốc-gia, thời không có tên đề mà gọi, nhưng không nên

« patriotisme humain », si l'on peut dire. Mais c'est le seul cas où il ait l'occasion de se manifester ; c'est peu. Pour qu'il s'en présente d'autres, il faudra attendre le moment où nous entrerons en relations avec les habitants d'une autre planète. Cela paraît d'ailleurs bien souhaitable pour nous désennuyer, quand Paul Morand s'écrie déjà avec lassitude : « Rien que la terre!... »

Jusque-là, malheureusement, l'humanité sera un cadre trop large pour que le besoin humain de se former en groupes trouve à s'y satisfaire. Se grouper, c'est se différencier : qu'est-ce qu'un groupe qui comprend tout le monde ? Si l'on supprime les nations, il faudra donc trouver autre chose. Les classes sociales, peut-être, ou les corporations ? Alors il y aura la patrie ouvrière ou la patrie métallurgique, la patrie du pétrole, que sais-je ? On ne voit pas très bien ce que le monde y gagnera.

Car, hâtons-nous de le dire, c'est une grosse erreur que de croire qu'en supprimant les nations on supprimerait les guerres. La guerre est un crime des foules, comme l'assassinat est un crime de l'individu, ou plutôt elle est le combat de deux êtres collectifs comme le duel est celui de deux personnes : tant qu'il y aura des groupes, quels qu'ils soient, il y aura des guerres. Et si l'on songe à l'avenir de feu, de sang, de famine que nous promettent les conflits de classes sociales ou de corporations, on ne se sent pas porté à souhaiter leur renforcement.

Les nations se sont policées et organisées intérieurement au prix d'un effort séculaire, et c'est parce qu'elles le sont qu'elles arriveront peut-être à créer une morale internationale : pas d'entente possible entre deux

dê-tiên rất mực nữa mặc lòng. Đó tức là cái lòng ái-nhân-loại vậy. Nhưng duy có trường-hợp đó là nó mới có dịp phát-hiện ra mà thôi; thế thì ít lắm. Muốn cho có dịp khác nữa thì phải đợi đến lúc chúng ta giao-tiếp được với người ở một hành-tinh khác vậy. Vả cũng nên ước mong như vậy, để cho đỡ buồn, vì PAUL MORAND đã than một cách chán-nản rằng: « Đâu đâu cũng chỉ là trái đất cả... »

Từ nay cho đến bấy giờ, thời nhân-loại còn là cái vòng-khuôn rộng quá, không thể làm cho thỏa được sự cần của người ta phải họp thành đoàn. Họp-quần tức là đặc-biệt khác người; một cái đoàn-thể mà gồm tất cả mọi người thì còn là gì nữa ? Muốn bỏ các quốc-gia đi thì phải tìm cái gì khác thế vào. Hay là các giai-cấp về xã-hội, hay là các nghiệp-đoàn về các nghề ? Bấy giờ thời sẽ có cái tổ-quốc thợ, cái tổ-quốc nghề sắt, cái tổ-quốc dầu-hỏa, hay tổ-quốc chi chi nữa đó ? Như vậy thời không biết thế-giới phỏng có lợi gì không ?

Vì có một điều nên nói ngay cho rõ : tưởng rằng bỏ quốc-gia đi, tiện-thị bãi được sự chiến-tranh, là lầm to. Chiến-tranh là tội ác của quần-chúng, cũng như giết người là tội ác của cá-nhân, hay là chiến-tranh là sự quyết-đấu của hai đoàn-thể cũng như quyết-đấu là sự chiến-tranh của hai người vậy; hề còn có đoàn-thể, bất-cứ là đoàn-thể gì, thời còn có chiến-tranh. Nay thử nghĩ đến các giai-cấp, các nghiệp-đoàn cạnh-tranh với nhau, tương-lai này sẽ gây ra cái tình-trạng máu lửa đói khát thế nào, thời ắt không có hứng mà mong-mỏi cho những đoàn-thể ấy mạnh thêm lên nữa.

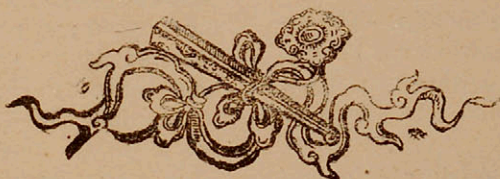
Các quốc-gia phải công-phu mấy mươi đời mới chỉnh-đốn cho trong mỗi nước có kỷ-luật, và vì có kỷ-luật trong nước rồi sau có lẽ mới có ngày có một cái đạo-đức quốc-tế được : hai nước

anarchies ; et combien de temps faudrait-il aux collectivités qui les remplaceraient pour s'organiser aussi bien qu'elles ? Joignez que les nations comprennent des personnes très diverses : les autres groupements seraient infiniment plus homogènes, à quoi l'esprit ne gagnerait rien. D'ailleurs, si l'on y songe, quelle précieuse acquisition, quel utile principe spirituel qu'une conscience nationale, née si lentement, si laborieusement (car l'« âme » d'une nation est faite de passé autant que de présent), non seulement du désir de vivre ensemble, du sentiment des affinités intellectuelles et morales, des intérêts moraux et matériels qu'on a en commun, mais enfin, comme dit Renan, de « la volonté de continuer à faire valoir l'héritage qu'on a reçu indivis ! » Comment ne pas sentir ce que le monde perdrait à la disparition des divers esprits nationaux ? Pour ma part, je ne puis oublier que l'esprit français est le fruit de la nation française ; et, dussé-je me faire honnir par tous les « clerics » du monde pour mêler ici tant de basse sentimentalité, j'avouerai que cela contribue à me faire tenir la volonté des hommes de s'affirmer en nations comme une forme du bien.

Jacques BOULENGER.

loạn không bao giờ hòa-hiệp với nhau được ; nay đem đoàn-thể khác thay vào quốc-gia, phải bao nhiêu lâu nữa mới chỉnh-dốn được như quốc-gia ? Vả lại trong quốc-gia gồm nhiều hạng người ; chứ các đoàn-thể khác sẽ thuần nhất quá, như vậy thời không có lợi chi cho tinh-thần. Lại thử nghĩ xem một cái quốc-hồn phải lâu đời, phải khó-nhọc mới gây nên được (vì hồn một nước là vừa gồm cả quá-khứ cả hiện-tại), không những là ở cái chi muốn ăn ở cùng nhau, lại ở cái thanh-khi chung về tri-tuệ, về đạo-đức nữa, ở cái lợi-quyên chung về vật-chất, về tinh-thần nữa, hay theo như lời RENAN nói là « ở cái chi muốn cứ được thừa-hưởng mãi cái gia-tài chung của tổ-tiên để lại » ; một cái quốc-gia như vậy, há chẳng phải là một cái của-báu dư, há chẳng phải là một cái nguyên-tắc về tinh-thần có ích-lợi dư ? Nếu các quốc-hồn mà biến mất đi, thời thế-giới chẳng là thiệt-thòi lắm dư ? Về phần tôi thời tôi không thể quên được rằng cái tinh-thần Pháp là kết-quả của quốc-gia Pháp ; và dù tất cả các « học-giá » trong thế-giới như ông JULIEN BENDA bí tôi cho tôi là kẻ quá thiên về cái tinh-cảm thấp hẹp, tôi cũng vẫn thú nhận rằng vì đó mà tôi cho cái chí người ta muốn quyết lập thành quốc-gia là một cái trạng-thái của sự *thiện* vậy.

HỒNG-NHÂN dịch



KHẢO VỀ CÁCH-THỨC LÀM BÁO (1)

I

1° Chức-vụ cốt-tử của tờ báo. — Tờ báo hoặc gọi là tân-văn 新聞, nghĩa là tin mới; chữ Pháp là *journal*, chữ Anh là *newspaper*, thông-thường người ta vẫn gọi là tờ báo hoặc gọi là « báo-chương » hay là « báo ». Nội-dung một tờ báo phải cho đủ thứ, ngoài các tin mới ra, lại còn có bài xã-thuyết, các bài văn-nghệ, bức tranh ảnh, tờ quảng-cáo, văn-văn, tài-liệu phải cho thừa đủ mà môn-loại rất nhiều. Cốt làm sao cho thỏa được các hạng người, không kỳ là già, trẻ, trai, gái, sĩ, nông, công, thương, ai cũng được cái tài-liệu tốt của tự-y mình muốn xem muốn đọc. Song cái chức-vụ của tờ báo cốt là cung-cấp được nhiều tin tân-văn, có tin tân-văn mà không có những điều-kiện khác, thì cũng không hại gì là tờ báo. Nếu chỉ có những điều-kiện khác mà không có tin tân văn, thì không ai gọi là tờ báo nữa. Nay chuyên nghiên-cứu về cách làm báo, vậy trước nhất thuật về cái định-nghĩa, và tinh-thái, giá-trị của tờ báo, cách phân-loại, cách lược-thuật và lai-nguyên của tờ báo, rồi thứ đến cách cốp-nhập, biên-tập, tạo đề, và phương-pháp thông-tin, cuối cùng mới nói đến cách tổ-chức ra tờ tân-văn và xã thông-tin. Còn nghiên-cứu về xã-thuyết và lối quảng-cáo thì ở dưới cũng nói qua.

2° Định nghĩa của tờ báo. — Tờ báo thì số phần nhiều người xem chỉ chú-y về những tin mới phát-sinh ra; trong cái định-nghĩa ấy phải nên chú-y có hai điều.

1) *Tờ tân-văn cốt là báo các tin mới phát-sinh ra.* — Đời nay giao thông tiện-lợi, tin-tức linh-thông, phạm những việc quá-khứ đã hơi lâu lâu, thì những

người chưa xem báo họ đã nghe biết cả rồi, không cần phải đăng lên báo-chương nữa; vậy tờ báo chỉ cốt là cung-cấp cho người xem lấy những việc hiện-thời, và những việc thế-giới mới phát-sinh ra trong và ngày. Nếu những việc từ tháng trước, hay là từ chủ-nhật trước, đều là cũ cả rồi, không phải là mới nữa. Trong tờ báo cũng có khi đăng lại những việc từ trước, nhưng phải nói rằng việc này tuy là hoa dã quả mùa, những nó là việc trọng-yếu phải nên bỏ đăng cho đủ, để cung các nhà duyệt-giả khảo chứng tân-văn, nói thế cũng là để tự-giải vậy.

2) *Tờ báo là cốt đăng những việc mà phần nhiều người chú-y thích xem.* — Những việc mới phát-sinh ra không chắc là ai cũng thích xem cả. Nếu không phải cái việc người ta chú-y thích xem, mà đăng lên báo, thì chắc là không thỏa lòng được người ta. Đương lúc bây giờ nhà báo như rừng, nếu để cho các nhà xem báo không thỏa lòng, thì tờ báo của mình tiêu-thụ tất kém đi, có khi thất-bại đến nơi, vậy nên tờ báo phải cần đăng những bài mà các duyệt-giả thích xem; nếu không thế thì không phải là tờ tân-văn vậy. Song đó chẳng qua nói về phần nhiều các nhà duyệt-báo, chứ không phải nói cả toàn-thể mọi người; vì rằng muốn đăng hết các việc mà mọi người đều chú-y thích xem, thì thật là khó thể được; vậy nên tờ báo phải cần đăng lấy những việc mà được đại-đa-số người thích xem cũng là khá lắm rồi. Nếu những hạng người duyệt-báo mà cũng đều nhau là một loài cả, thì đăng hết cả những tin tân-văn mà cả toàn-thể ấy cũng thích

(1) Dịch Hán-văn của Từ Bảo-Hoàng 徐寶璜。

xem, như thể thi cực dễ, song khó một nỗi là những người đọc báo có nhiều hạng không giống nhau, nào là học-sinh, quan-lại, luật-sư, y-sinh, kẻ đi buôn, người làm thợ, trai gái già trẻ, thực là lắm hạng người; lúc đọc báo ai cũng muốn xem lấy cái tin của mình thích ý, trong tờ báo nếu đáng những bài ký-sự về việc học, thì chỉ được bọn học-giới hoan-ngheh, còn bọn thương-giới thì hẳn là không thích; trái lại mà chỉ đăng những việc buôn bán, thì tuy rằng được các nhà buôn hoan-ngheh, nhưng các phái khác chắc cũng không lấy làm thích.

Trên này nói tờ báo là cốt đăng những tin mới phát-sinh để được đại-đa-số người xem chú-ý; song phải biết rằng thí-dụ như cái việc cách-mệnh năm tân-hợi tuy là ai cũng chú-ý xem đến cả, nhưng không thể gọi là tin tân-văn được, vì nó không phải là việc mới gần đây vậy. Lại như cái chuyện anh phu-xe hôm nay bất-thình-lình bị ốm nặng, tuy rằng việc vừa mới đây, nhưng cũng không thể cho là tin tân-văn được, vì rằng chú-ý đến cái ốm của anh phu xe, thì chẳng qua chỉ có vợ con nó, và họ hàng thân-thích nhà nó mà thôi, số người chỉ có chừng ấy; còn đến đại-đa-số người xem báo đối với việc ấy còn ai để ý làm gì nữa. Nếu là ông Tổng-thống có quan-hệ lớn-lao, mà bất-thình-lình hôm nay bị trọng-bệnh, thì cả nước ai cũng chú-ý đến, không những là họ-hàng bạn-hữu mà thôi, nên cái tin ông ấy bị đau mới thực là tân-văn mới-mẻ.

3° Tinh thái của tờ báo. — Tờ báo hay lấy những tin gần để dẫn cho đại-đa-số người xem đều chú-ý, mà lại có cái giá-trị tờ báo, thì bởi tại cái gì? Đó là bởi tại cái « tinh-thái tờ báo », sẽ dẫn vào việc như sau này (1).

1) *Tinh-danh hạng nhân vật trừ-danh.*

**ÔNG HOÀNG BI ĐAM-TÂM VỀ PHẬT-HỌC
SỐT NGÀY ĐỌC KINH**

Ông Hoàng Bi từ khi cáo quan về ở nhà, tạ-tuyệt tân-khách, không tiếp ai cả. Cứ như lời kẻ hầu thân nói rằng: mỗi ngày trừ những lúc xem báo và vận-dộng ruổi ngựa đi chơi về, thì tất cầm lấy quyển kinh Phật, đốt hương mà ám-lụng, ngày nào cũng thế. Cái chí đăm-bạc không mển vinh-hoa, như ông thực là nhân-cách cao-thượng, người đời ai chẳng kính mến. Gần đây lại sai người đến Kinh mua lấy nhiều bộ kinh Phật đem về xem.

Trên này đăng cái tin ông Hoàng-Bi đăm về Phật-học là tự tờ *Thời-Báo Thượng-hải* đăng lên trước, kể ra cũng vô-số người đăm Phật-học, mà cũng vô-số người xem báo và đi quần ngựa, nhưng nay lại đăng một chuyện ông Hoàng Bi lên tờ báo, là bởi ông Hoàng là hạng nhân-vật trừ-danh ở nước Tàu, không kỳ cử-dộng việc lớn việc nhỏ, người nước ai cũng chú-ý cả. Vậy nên những hạng nhân-vật trừ-danh nhất-cử nhất-dộng đều là tin mới cả, mà tinh-danh các ông ấy đăng lên báo-chương tức là tinh-thái của tờ báo; vậy nên nói đến tinh-danh ông ấy thì ai cũng chú-ý về cách cử-dộng của ông ấy, nên mới là cái giá-trị cho tờ báo.

2) *Tin lạ-lùng.*

CÁI CHẾT LẠ ĐỜI!

NÚT CHAI NƯỚC CHANH BẬT VÀO CỬNG HỌNG

Ngoài cửa bắc Từ-châu có một nhà nông-gia họ Vương, trong nhà vợ con cũng đủ ấm no. Một hôm có người thân-thích đem cho hơi chai nước chanh. Vương xưa nay chưa từng uống nước chanh bao giờ, muốn mở nút uống thử, vì nút chặt quá không thể mở bằng tay được, mới ghé răng vào cắn cái nút kéo ra, không ngờ hơi nước bắn lên, nút chai bật thẳng vào cửng họng.

1) Những việc thí-dụ như sau này là trích ở báo Tàu Thượng-hải.

Vương ngã ngất người ra. Người nhà cứu chữa quanh-quần mãi không thể làm thế nào lấy cái nút chai ra được. Chẳng đầy hai hôm đành chịu chết uống. Ai nghe tin ấy đều cho là cái chết lạ đời!

Những chuyện lạ-lùng như trên này, tuy không có quan-hệ gì, nhưng cũng dẫn được đại-đa số người xem đều chú-ý đến, mà lại có cái giá-trị là tin mới; những chỗ lạ-lùng ấy là cái tinh-tái của tờ báo vậy. Bài trên này đăng về cái tin chết lạ đời ấy là tờ Thời-báo Thượng-hải. Anh họ Vương chẳng hay là người nào, người xem báo cũng chẳng ai biết, mà cũng chẳng ai cần biết làm gì; đến như cái thân anh họ Vương chết chẳng qua cũng là khinh-thường chẳng ai để ý làm gì; nay thấy đăng tin lên tờ báo chẳng qua chỉ vì một cái chết lạ đời mà thôi. Có người nói rằng: « Cái tin chó cắn người, không phải là cái tin lạ; chỉ có khi người cắn chó, thì mới là cái tin lạ vậy. » Lời nói ấy rất là phải.

3) Mạng người thiệt hại.

Loài người ta ai cũng xót-xa về mệnh người khi bị thiệt-hại, vậy nên những khi mệnh người thiệt-hại đến một số lớn, cái tin ấy thường làm cho người ta phải chú-ý đến. Phỏng như có một số nhiều người vì gặp khi hiểm-trở hay là khi hỏa-tai mà chết, thì cái tin ngộ-hiềm và tin hỏa-tai ấy, tức là có cái giá-trị tin mới lạ-lùng, mà cái số người chết đó tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Như cái tin tháng năm mới rồi, chiếc tàu quân-hạm Sở-tài đánh đắm một chiếc tàu buôn Giang-khoan, có đến vài trăm hành-khách đều bị đắm cả, cái số nhân-mệnh thiệt-hại to lớn như thế, vậy nên các tờ báo trong nước Tàu đều đăng vào tin trọng-yếu cả.

4) Tài-sản thiệt-hại.

TIN HỎA-TAI NƯỚC THỔ-NHĨ-KỶ
THIỆT HẠI ĐẾN VÀ NGHÌN VẠN BẠC
LƯU-LY THẤT-SỞ ĐẾN HƠN HAI
MƯƠI VẠN NGƯỜI

Tự-lâm tây-báo có tin rằng: Ngày 31 tháng 5 dương-lịch, kinh-thành Quán-sĩ-thần-đình nước Thổ, bỗng dưng phát hỏa cháy mãi đến ngày mùng 2 tháng 6 mới tắt. Cái nguyên-nhân phát hỏa chỉ bởi cái làn thuốc lá mà bốc lên, cháy lan đến hai ba dặm Anh, mất đến hơn 5.000 nóc nhà và 2 nơi nhà tắm, hơn mười tòa nhà thờ đạo, lưu-ly thất-sở đến hơn 20 vạn người. Trong bọn dân bị hỏa-tai ấy hiện đương nhiều người mắc chứng chần-đậu, tinh-trạng khốn-khở không sao kể xiết... Tình ra tổn-hại đến và nghìn vạn bạc, thực là một trận hỏa-tai lớn nhất trên thế-giới, chưa khi nào có vậy.

Những tin về tài-sản tổn-hại cũng giống như tin mệnh người tổn-hại, ai xem báo cũng đều lấy làm chú-ý. Vậy nên không kỳ sự gì, nếu mà sinh ra tổn-hại tài-sản đến một số lớn, đều là tin mới cả, mà cái số tài-sản tổn-hại, tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Trên nói về cái tin hỏa-tai ở bên nước Thổ-nhĩ-kỷ, các tờ báo lớn trên hoàn-cầu đều đăng cả. Đại-đa-số người xem báo kia chưa chắc đã ai đi đến thành Quán-sĩ-thần-đình, những chỗ thất-thỏa vào nơi nào tưởng cũng đều mơ-màng cả; song vì cái số tài-sản tổn-hại nhiều đến và nghìn vạn bạc, thì đại-đa-số người xem báo tuy không có quan-hệ gì với nước Thổ, nhưng đối với trận hỏa-tai ấy ai lại không chú-ý được; bởi thế các báo đều đăng cái tin ấy cả.

5) Các nơi cơ-quan trừ-danh.

Các nơi cơ-quan trừ-danh, bề có cử-động việc gì ai cũng đều chú-ý cả, cũng giống như các cách cử-động của hàng

nhân-vật trứ-danh. Vậy nên những nơi ấy có cử-động việc gì đều có cái giá-trị là tin mới, mà cái danh các nơi ấy tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Tức như nơi Quân-vụ-viện ở Triệu-khánh trong năm Dân-quốc thứ năm, và nơi Cầu-lạc-bộ đảng An-phúc ở Bắc-kinh trong năm Dân-quốc thứ bảy, những nơi ấy đều là các cơ-quan làm tung-động nhất-thời ; vậy nên các tờ báo đối với những sự cử-động trong hai cơ-quan ấy, đều ghi chép tường-tận cả.

6) *Cái tin động đến tình-cảm người ta,*

NGÂN-NGO CÓ Ỏ BÉ CÁI LÂM !

SAO KHÔNG NHẬN LẤY QUÁCH !

Trong ngõ Sĩ-gia phía đông thành Bắc-kinh, có một nhà nội-vụ-viện họ Trương. Buổi chiều Trương vừa đi ra chơi khỏi, chưa về, chấp tối người nhà nghe ngoài cửa có tiếng gõ gọi mở cửa, tên người nhà mở cửa ra xem, thì thấy chiếc xe ngựa ghé đến bên ngoài, trên có một người mi-nhân ngồi, tên đánh xe nhảy xuống gọi to bảo rằng : « Di hai đã đưa về đây ! » Người nhà ngạc nhiên chối từ rằng không phải. Tên đánh xe bảo rằng : « Ông chủ vừa mời cưới về đó ! » Người nhà chạy vào nói với bà chủ, bà chủ cũng lấy làm lạ nghĩ thầm rằng : « Chồng ta xưa nay đối với ta vẫn không có điều gì, nếu có thay lòng đổi dạ, vườn thúy thêm hoa, sao lại không báo cho ta biết trước, mà nay lại đường-đột đưa về thì lạ thật ! » Bên bảo người nhà đừng cho vào. Đến khi bà chủ đi ra, thì ỏ mi-nhân kia đã đứng-đỉnh bước vào, đưa người nhà với-vàng giơ tay ra giữa cửa ngăn lại không cho vào, chẳng nói sao cả, chỉ bảo rằng ông chủ đi vắng chưa về, không dám nhận. ỏ mi-nhân nét mặt buồn rầu, châu sa lã chã, lấy khăn mũi lau nước mắt mãi, hình như nghĩ rằng mình về đấy mà bị vợ cả ghen đuổi ra

vậy. Hồi lâu phải lên xe mà đi. Lén khi Trương về nghe chuyện cũng lấy làm lạ. Sau hỏi ra mới biết trong ngõ này cũng có một nhà họ Trương mới đến ở thuê, chiều hôm ấy có cưới vợ lẽ, mới biết ra rằng cái xe ngựa ấy là đang nhà gái thuê đưa lại, mà lại nhận lầm mà đưa cô ỏ đến nhà láng giềng !

Những sự thuộc về tình-cảm như thế thì cũng đáng buồn cười mà đáng thương vậy. Nếu cách thuật chuyện cho có lý-thú thì người xem cũng phải tức cười, cũng phải thương thay, tuy là việc nhỏ-nhất, mà cũng có cái giá-trị là tin mới, cái chỗ làm cho người ta động tình-cảm, tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Tờ Thời-báo Thượng-hải đăng cái tin « Ngân-ngo có ỏ » trên này, tuy không phải là việc trọng-yếu gì, mà cô ỏ ấy cũng chẳng ai biết, chẳng qua xem cái chuyện ấy thì ai cũng sinh tình cảm-động, lúc mới lấy làm kinh-đị, đến sau cũng phải phì cười, như bà chủ họ Trương kia vậy.

7) *Những tin quan-hệ về người xem báo.*

Người ta đối với các việc của người khác thì không lấy gì làm quan-tâm, nhưng đối với các việc có quan-hệ đến thân mình, thì tuy rằng nhỏ-nhất cũng lấy làm chú-ý lắm, đó tức là cái giá-trị về tin mới. Còn như cái chỗ để cho người xem báo sinh ra quan-hệ, tức là cái tinh-thái của tờ báo vậy. Như là cái việc giấy bạc của hai nhà Ngân-hàng giao-thông ở Bắc-kinh nước Tàu, có cái tin chuẩn định ngày hôm ấy thì cho đổi lấy hiện-ngân, các báo Bắc-kinh đều cho là tin mới mà với-vàng đăng lên báo, vì những người ở Bắc-kinh đều chú-ý về việc ấy cả. Lại như các báo thường đăng những tin về chính-trị đến mấy hàng cột báo, vì rằng chính-trị là có quan-hệ đến mọi người phải

biết, hoặc là về đường tri-an, đường quyền-lợi, đường tin-ngưỡng đều có quan-hệ đến các nhà xem báo cả, cho nên ai cũng đều chú-ý đến.

Trên này thuật ra cũng chưa hết được cái tinh-thái của tờ báo, nhưng tinh-thái nó ở đâu thì cũng đã rõ. Vậy các người phóng-viên, các nhà biên-tập phải trước tiên-biểu ra cái tinh-thái của tờ báo, để cho những người xem báo chú-ý đến.

4° Giá-trị của tờ báo.—Phàm sự gì đã có một cái tinh-thái, thì phải có một cái giá trị đã dành, nhưng cái giá-trị nó không bất-định. Cùng là một tờ báo mà cái giá-trị nó mỗi chỗ một khác, mỗi lúc một khác; cái giá-trị của tờ báo khác xa nhau, rất là khó phân-biệt. Cái giá-trị cao là có được nhiều tin lớn-lao, giá-trị thấp là chỉ có những tin lặt-vặt; nhưng ít khi có những tin lớn-lao, mà các nhà báo vẫn thấy hằng ngày ấn-hành ra luôn, là nhờ có những các tin lặt-vặt nó xuất-hiện ra luôn luôn. Nay muốn xét cái giá-trị cao thấp của tờ báo, thì lấy cái số người đọc báo nhiều hay ít mà đoán định; còn như cùng là một giá trị tờ báo, thì phải lấy cái thời-gian và nơi cách xa mà đoán-định hơn kém.

1) Thời gian. — Ví như việc hôm nay mà hôm nay đăng ngay lên báo, thế là cái tin mới có giá trị; nếu để đến ngày mai mới đăng thì cái giá-trị đã hơi kém; lại chậm đến ngày kia thì lại càng kém lắm. Cái giá-trị của tờ báo cùng với cái lúc mới nghe tin cho đến lúc đăng tin lên báo nó vẫn quan-hệ nhau; hề rút ngắn thời-gian lại thì giá-trị cao, nếu để trễ dài thời-gian ra thì giá-trị thấp. Vậy nên các người phóng-viên khi đăng tin mới, thì phải kể rõ thì-giờ để cho người xem biết là cái tin ấy mới phát-sinh hôm nay, hay là tự hôm trước. Còn những người thông-tin thì trước khi gửi cái tin-tức phải tính xem khi nào lai-cáo đến

nơi, giá-trị cái tin mới ấy về sau nó biến ra thế nào; nếu để chậm trễ quá thì thà đừng gửi tin nữa.

2) Cách xa.—Người ta tuy rằng ở vào cái đời giao-thông tiện-lợi này, mà cũng chỉ chú-ý về những việc trong cái khu-vực mình ở, và những người mình biết mà thôi; còn những việc nơi khác hay là người mình chẳng biết, trừ-phi có cái tinh quan-hệ đặc-biệt gì, thì mới thiết đến, chứ ngoài ra cũng chẳng để ý đến làm gì. Cái giá-trị của tờ báo lại cùng với cái nơi tin mới phát-sinh và nơi đăng báo, càng cách xa thì lại càng giảm giá-trị đi, hề cái tin ấy truyền đến chỗ cách gần thì giá-trị còn cao, nếu đến chỗ cách xa thì giá-trị kém. Vậy nên cùng một cái tin mà ở chỗ gần thì đăng dài được đến mấy cột, nếu truyền đến chỗ xa thì tuyệt không có giá-trị là tin mới nữa, chẳng qua chỉ đăng một dòng là xong. Ví như một nhà ông quan kia ở trong thành Nam-xương, có tiếng lừng-lẫy, người trong thành đều là bạn-bè thân-thích ông ấy, mà ông ấy có tin kết-hôn với một người nữ-sĩ, thì người trong thành ai cũng đều chú-ý, cho nên việc ấy mới có cái giá-trị là tin mới, tờ báo Nam-xương có thể cho là một tin to-tát mà đăng lên báo. Nhưng cái danh-vị ông quan ấy chỉ ở trong thành Nam-xương mà thôi, mà cái sự kết-hôn của ông ấy cũng chẳng lạ-lùng gì, nếu truyền ra khỏi thành Nam-xương thì không còn có giá-trị là tin mới nữa. Lại như ông Lê Tổng-thống là một nhân-vật trứ-danh ở nước Tàu, cái việc ông ấy đam-tâm Phật-học, các báo Tàu đều nên đăng cả; nhưng tự các báo bên Âu, Mỹ xem ra, thì không còn có cái giá-trị gì là tin mới nữa. Lại như cái việc thất hỏa ở thành-phố Nam-xương, cháy mất đến vài mươi nóc nhà, thì người thành-phố ấy ai xem cũng lấy làm chú-ý; vậy nên tờ báo Nam-xương mà thuật ra cái nguyên-nhân thất-hỏa, và những nhà

buôn nào bị cháy, những số tổn-hại, đều nên kê rõ kỹ-càng đăng lên để cho người xem; nhưng truyền đến Nam-kinh thì các nhà báo không coi là tin mới nữa. Nền cái số thiệt-hại ấy mà đến hơn mười vạn đồng, hay là nơi bị cháy chính là nơi công-thự của quan đốc-quân Giang-tây, thì cái giá-trị tin mới về sự thất-hỏa lại càng tăng-tiến lên, không những là báo Nam-xương nên đăng mà tất cả tờ báo các tỉnh khác cũng đều nên đăng cả.

5° Cách phân-loại các tin đăng báo. — Trong một tờ báo những tin đăng hàng ngày, khá chia làm hai loại; một là những tin đã biết chắc; hai là những tin mới xảy ra. Những sự gì nhà báo đã biết trước rồi, như là việc tuyên-cử, hội vận-động, hội diễn-thuyết, vấn vãn, đều là những tin đã biết trước rồi, vì ngày nào tuyên-cử, ngày nào mở hội, đều đã tuyên-bố từ trước, tờ báo đều ghi lấy rồi mở ra xem, biết đích rằng ngày ấy có việc ấy, thì phải phóng-viên đi đến xem xét; nhà báo mỗi ngày đã có những tin chắc như thế, tức như những việc trên đó vậy. Còn như những việc mới xảy ra là tin ngộ-hiêm, hỏa-tai, thủy-tai v. v.; vì những việc ấy nó chợt một lúc xảy ra, nhà báo không thể xếp đặt từ trước được, đợi đến khi việc xảy ra mới sai người đến hỏi tin thì sự đã quá rồi.

6° Cách lược-thuật các tin báo. — Như là những lời báo-cáo tin vật rằng: « Nhà trường kia tuyên-bố đến ngày ấy ngày nọ thì mở cuộc diễn-thuyết »; và những tin hàm-hồ chưa rõ, như là có người báo tin rằng: « Nơi nọ thất-hỏa, nơi kia đồ nhà », đó là những tin mới lược-thuật của tờ báo, để cho phóng-viên cứ nhân đó mà đi hỏi-han tin-tức rồi biên-tập thành ra một tin mới.

7° Những nơi lai-nguyên của tin báo. — Lai-nguyên của tin báo mỗi nơi một khác; đại-khái như những việc xảy ra ở các nơi tòa-án, nhà học, cùng là các tư-lập đoàn-thề, nơi cơ-quan của chính-phủ và các công-sở, đều là những nơi lai-nguyên đã biết sẵn, cứ việc đến đó hỏi rõ sự thực mà đăng tin lên. Còn những tin mới xảy ra mà mới lược-thuật thì thường tự nơi cảnh-sát, nơi y-viện, chốn cầm-phòng, chốn cơ-quan của chính-phủ, tiếp được ở các địa-phương rồi thông cáo cho biết.

8° Cách nhật tin của các nhà báo. — Những tin mới đăng trong tờ báo, hoặc bởi những nơi thông-tin đưa đến, hoặc tự các điện-báo mà chép lại, hoặc tự người duyệt-giả lai-cáo, ngoài ba nơi ấy ra thì nhà báo phải tự đi nhật tin lấy. Người biên-tập tờ báo phải lập ra một cái sổ, ghi nhớ lấy những việc nào phải nên đi hỏi tin, khi mở ra thì biết trong ngày ấy những nơi nào có việc gì sắp cử-hành, thì phải dùng giờ đến nơi mà lấy tin. Chức-vụ của phóng-viên ngoài việc đi lấy tin ra, lại phải biên-tập lấy những việc mình thám xét được kỹ-càng mà đưa về nhà báo; vậy nên phóng-viên phải theo lời bộ biên-tập chỉ bảo mà đi lấy tin và chép lại cho rõ ràng.

9° Tư-cách của phóng-viên. — Phóng-viên phải kiêm cả hai chức-vụ, là đi lấy tin mà vừa phải biên-tập, thì phải có cái tư-cách tương-đương mới được; không thì khó hết được chức-trách. Tương-đương như thế nào, sẽ kể như sau.

1) Phải có đủ thường-thức để xét đoán các tin-tức. — Phóng-viên phải xem xét các sự-tình, việc gì là tin mới, việc gì không phải là tin mới, trong những việc sự-thực có giá-trị, phải xét

xem cái gì là tinh-thái, cái gì không phải là trọng-yếu, và phải phán-định cái giá-trị tin ấy lớn hay là nhỏ.

2) *Lại phải có cái sức ký-ức cho cường-kiệm.*— Trong khi phóng-viên hỏi chuyện người nào, mà không tiện ghi chép lấy ngay, nếu muốn ghi nhớ lấy những câu nói chuyện để đợi lúc biên tập mà biên ra, thì phải nhờ đến cái sức ký-ức; nếu cái sức ghi nhớ ấy không được mạnh, thì có khi nhớ lầm, hoặc có khi lại quên mất một phần câu chuyện, rất là không tiện; vậy nên đã làm phóng viên thì phải có cái sức ký-ức cường-kiệm mới được.

3) *Cách biên chép cho nhanh chóng rõ-ràng.*— Hiện nay phép tốc-ký chưa được rõ, mà những người phóng-viên thì cũng ít người biết phép tốc-ký; vậy nên khi nghe diễn-thuyết thì phải dùng bút để ghi chép, nếu cách viết được nbanh chóng rõ-ràng, thì ghi chép rất dễ, có thể giúp được một phần mãn-tiếp cho việc biên-tập.

4) *Chữ-nghĩa phải cho thông-thạo.*— Chữ-nghĩa của phóng-viên không cần gì phải hay chữ như bậc văn-hào, nhưng khi đi dò hỏi sự thực, hoặc nói chuyện với người nào, mà mình không cần phải nghĩ-ngợi, chỉ dụng chữ-nghĩa rõ-ràng mà biên- chép ra được ngay; vì rằng làm phóng-viên thì không có thì giờ thông-thả khỏi-thảo mà chữa đi chữa lại mãi được.

5) *Làm phóng-viên phải biết rõ cái hiện-trạng và lịch-sử chính-trị của nước mình và liệt-cường.*— Những tờ báo phần nhiều đăng các tin về chính-trị; vậy nên làm phóng-viên đi lấy tin, cũng phải lấy tin mới về chính-trị làm cốt. Nếu hay hiểu biết hiện-trạng và lịch-sử chính-trị nước mình, thì không những là khỏi được những nỗi khó lòng khi nhặt tin, mà đến lúc biên-tập

cũng hay biết được nguồn-gốc không đến nỗi nói mập-mờ. Và lại chính-trị nước mình cũng có quan-hệ với chính-trị các liệt-cường, mỗi ngày lại càng thêm rõ-ràng mật-thiết; vậy nên phóng-viên mà hay biết được chính-trị của liệt-cường với những việc lịch-sử gần đây thì càng hay lắm.

6) *Phải nên biết một vài thứ tiếng ngoại-quốc.*— Phóng-viên muốn biết hiện-trạng chính-trị của liệt-cường, và những việc lớn trên thế-giới, thì phải xem đến báo ngoại-quốc; tờ báo nước Tàu chép về những việc nước ngoài phần nhiều không được tường-tận rõ-ràng. Muốn xem báo ngoại-quốc thì cần phải biết tiếng ngoại-quốc; tiếng ngoại-quốc thì hiện nay cần nhất cho người Tàu là tiếng Anh tiếng Nhật; phóng-viên nếu hay biết tiếng ngoại-quốc thì không những lợi về xem báo, mà lại còn tiện-lợi đến nhiều việc khác nữa.

7) Ngoài những tư-cách trên ra, phóng-viên lại cần phải có cái sức giác-ngộ mãn-tiếp, khi gặp ai thì hiểu ngay cái ý-tứ người ta lại hay nhận biết được những sự-thực trọng-yếu. Và phóng-viên cũng phải cần người thân-thể khỏe-mạnh, chịu được khó-nhọc; vì công việc của phóng-viên là cái công-việc rất khó nhọc vậy.

10° *Cái phương-pháp đi lấy tin.*— Nhà báo cho đi lấy tin có hai phương-pháp: một là chỗ ngày thường đến lấy tin; hai là khi đặc-biệt đi xem xét. Phóng-viên của nhà báo lệ thường vẫn có chỗ hằng ngày đến lấy tin, như là nơi tòa án, nơi trường học, hoặc là những nơi lai-nguyên về các tin mới, do viên biên-tập xét xem những chỗ giao-tế mà chỉ bảo đi lấy tin; phóng-viên theo lời chỉ bảo mà đến những chỗ ấy cốp nhặt lấy những tin mới, hoặc mới lược-thuật một vài câu, đều phải hết sức theo

những sự mới lược-thuật ấy mà dò xét lấy những sự-thực nó phụ-thuộc ở sau; nếu gặp khi sự-tình lớn-lao không phải một mình dò xét hết được, thì báo viên biên-tập làm cách liệu-lý thế nào, đó là cái phương-pháp ngày thường đi lấy tin. Nếu phóng-viên lại hay ngoài những chỗ chỉ định ra, mà dò biết được tin-tức ở nơi khác, thì cũng nên theo cách trên mà làm, chứ cũng chẳng hạn-định là cứ phải theo chỗ chỉ-định mà lấy tin. Viên biên-tập gặp khi có sự trọng-yếu hoặc lúc đặc-biệt, thì phải dùng đến phép đặc-biệt đó-thám; sau khi đã lược-thuật cái tin ấy ở tờ báo rồi, thì phải phải người phóng-viên đã có kinh-nghiệm rất giỏi cho đi dò xét về những sự thực phụ-đối sau khi mới tóm lược nói qua; phóng-viên khi ấy không khác gì người trinh-thám, cứ theo những tin đã nói tóm-lược và những điều sở-đắc sau này, rồi cứ đi hỏi dò hỏi dẫm, xét đi xét lại, cho đến khi xét được cái sự-thực trọng-yếu rồi mới thôi. Cái kết-quả về sự thám xét hoặc chỉ đăng được một dòng, hoặc đăng dài đến cả toàn-trang, nhưng phóng-viên cũng phải dùng hết toàn-lực để hỏi cho rõ được cái chân-tướng về sự thực, công-phụ hai đảng cũng như nhau vậy.

11° Cách hỏi lấy ý-kiến của người ta và cách chỉ hỏi lấy sự-thực. — Nếu những việc mà phóng-viên đi xét hỏi là cái việc vị-lai còn phải đợi, khi đến kỳ thì mình thân đến nơi, tai nghe mắt xét, cóp nhặt lấy đích sự-thực thì thực là dễ; chỉ khó một nỗi là những việc mà phóng-viên phải đi hỏi xét, phần nhiều là việc đã qua rồi, khi việc ấy nó xảy ra như thế nào thì mình không được mục-kích; nên phải cần đến cái phép dò hỏi. Dò hỏi có hai cách; một là hỏi lấy sự-thực, hai là hỏi lấy cả ý-kiến người ta. Khi đã biết rõ là người nào đã mục-kích sự ấy, hoặc người nào biết tường đầu đuôi sự ấy, thì phải làm thế nào

khiến cho người ta kể hết đầu đuôi sự ấy cho nghe, mà mục-đích của người phóng-viên chỉ cốt là hỏi lấy cho rõ việc nguyên-ủy, như thế là chỉ hỏi lấy sự-thực. Cái người báo cho mình lấy sự-thực đó mình đã hỏi được rồi, thì cũng chẳng cần gì người ấy nữa; tuy rằng phóng-viên đi dò hỏi đến ngoài mười người về việc ấy, mà đến khi đăng việc ấy lên báo, thì cũng không cần phải nhắc đến những người thuật tin ấy làm gì nữa. Còn như cái cách hỏi lấy ý-kiến của một người nào thì lại không như thế, mục-đích của phóng-viên là cốt hỏi lấy cái ý-kiến của người ấy đối với việc ấy như thế nào, khi đăng báo cũng phải nói rõ là ý-kiến của người nào. Còn như cái ý-kiến ấy phải trái như thế nào lại là một vấn-đề khác. Làm phóng-viên là cốt đi dò hỏi lấy sự thực cùng là đi trung-cầu lấy ý-kiến của người ta mà thôi, bất-tất phải bình-phẩm.

12° Thề-cách đi hỏi lấy ý-kiến của người ta. — Phóng-viên là cần phải hỏi lấy sự-thực đã đành đi rồi; nhưng còn cái cách hỏi lấy ý-kiến người ta, thì gần đây mới biết đi dò hỏi, mà hiện nay rất là thông-hành, Khi nào gặp một vấn-đề gì trọng-yếu hoặc một sự gì đặc-biệt mới xảy ra, thì các nhà báo và các nơi thông-tin-xã, thường phải phóng-viên đi đến cái người biết rõ chuyện ấy hay là người nào có quan-hệ đến việc ấy, mà hỏi lấy ý-kiến, rồi đem phát-biểu lên tờ báo, để hiển các duyệt-giả.

Phóng-viên mà đi hỏi lấy ý-kiến mọi người, có mấy điều nên chú-ý như sau.

1) *Cái tâm-lý của người thuật chuyện.* — Phóng-viên muốn đến hỏi ý-kiến người nào, phải làm thế nào cho người ta tin mình, người ta đã tin mình thì người ta mới chịu nói chuyện cho mình nghe; nếu người ta không tin, thì dẫu có nói chuyện cũng nhiều câu không nói thực; phóng-viên nếu gặp

người nào không chịu nói chuyện, thì phải tỏ cái ý là mình giữ kín, chớ đừng lấy làm quái-lạ, mà cũng đừng nản lòng, phải ủy-uyên nói rõ cho người biết rằng cái việc ấy ai cũng khao-khát muốn nghe, mà thiên-chức nhà báo là phải báo tin cho rõ, việc này cần phải lục-dăng cho tỏ-tuông, nếu cứ theo cái lệ hề nghe thấy thế nào thì đăng như thế, sợ rằng đăng cả những lời người ta phao-dồn, vô-ý mà có cái ảnh-hưởng chẳng tốt lấy đến việc ấy chẳng, gì bằng bày tỏ cái ý-kiến của người quan-hệ đối với việc ấy như thế nào, cho rõ phải trái thì chẳng hay lắm đư. Nói khéo uyển-chuyển như thế, thường làm cho người ta đem bụng chắc tin người phóng-viên, mà gọi cho người ta nói chuyện cho mình nghe vậy.

Khi hỏi-han, người phóng-viên phải nên giữ lễ-phép thông-thường, nếu không giữ lễ mà gặp phải người kách-khí thì cũng khó lòng mà hỏi lấy được tin. Nếu người mình đến hỏi mà là bậc nhân-vật trứ-danh, mình mà không giữ lễ thì ai chịu nói chuyện cho mình; còn như gặp người rất lắm-thường, mình cũng phải nên uyển-chuyển mà hỏi; nếu không thế thì những sự-trạng và ý-kiến mình hỏi được đó, thường là không được xác-thực cả, chẳng ích gì cho tờ báo.

Khi hỏi chuyện, phóng-viên cũng không thể đem bút chép ngay được; cái cách hỏi chuyện mà mình cầm bút chép theo ngay, chỉ đối với những bậc đã có danh-tiếng thì các ông ấy mới không sợ là ý-kiến mình phát-lộ ra; còn phần nhiều người chưa từng biết cái cách người ta hỏi-han, hề thấy phóng-viên vừa hỏi vừa biên lấy cho nhớ, thì tưởng rằng câu chuyện mình nói là quan-hệ, sinh ra sợ hãi, mà không chịu nói chuyện cho hết.

2) *Dự-định trước khi đi hỏi tin.*— Đi hỏi tin là phải có mục-dịch, người làm phóng-viên phải dự-định trước khi đi hỏi tin, mình định muốn biết sự gì, thì phải đặt sẵn những câu hỏi trước hỏi sau, để cứ lần lượt mà hỏi, thì mới gọi cho người ta trả lời mình hết được; người ta tuy rằng thích nói chuyện, nhưng người hỏi mà không biết xếp đặt câu hỏi, để giúp cho sắp đặt tu-tướng, thì người ta cũng không muốn nói chuyện cho hết; vả lại không dự-định trước, thì có khi cứ bàn nói phiếm mãi, mà quên mất việc cốt-từ lại không nói đến. Song thứ-tự câu hỏi cũng không nhất-định hẳn, nếu đương lúc nói chuyện mà lại giữ đến vấn-đề khác, hay là phóng-viên chợt nghĩ đến việc gì khác, thì cứ thừa-cơ mà hỏi trước cũng được, chớ không cứ câu-né cái thứ-tự câu hỏi mình đã định trước. Duy có mình đã chuẩn-định trước, thì hết câu hỏi về vấn-đề kia lại quay về cái câu hỏi mình định trước mà hỏi, như thế thì không mất thì-giờ nghĩ-ngợi là nên hỏi việc gì và cách hỏi như thế nào nữa.

3 *Sức ghi nhớ và sự nhanh chóng.*— Trên kia đã nói đương lúc hỏi chuyện không thể đem bút chép ngay được. Bởi vậy phải làm thế nào ghi lấy câu chuyện cho nhớ, để về sau chép lên báo được, vậy phải nuôi lấy cái sức ghi nhớ cho mạnh-khỏe, để nhớ lấy những câu người ta nói chuyện với mình; cho nên ng rời làm phóng-viên lúc bình-nhật phải bồi-dưỡng lấy cái sức ký-ức. Nếu người nào có tài biên-tập nhanh chóng, thì cũng đỡ bớt được sức ghi nhớ. Sau khi đã hỏi được tin rồi, thì phóng-viên phải biên chép đã g báo ngay, để cho khỏi cái tệ lâu ngày quên nhãng đi mất. Vả lại trước khi đi hỏi-han thì nếu đem những câu hỏi tiêu lên làm vấn-đề, còn bỏ lưu không giấy trắng; sau khi đã hỏi được rõ rồi,

lời viết những câu hỏi được ấy vào chỗ giấy trắng; như thế thì bớt được thì giờ, mà biên-tập cũng nhanh vậy.

13° Thê-cách đi hỏi lấy sự thực.—

Một phố Thượng-hải kia có một ngôi nhà lầy cao lớn, bất-thình-linh thất-hỏa; sau khi nhà báo được tin phố kia thất-hỏa, thì phải phóng-viên đi đến nơi thăm hỏi; khi phóng-viên đi đến nơi, thì đã cách khi thất-hỏa ba bốn giờ đồng-hồ rồi, phóng-viên đến chẳng qua chỉ trông thấy đồng tro tàn, hòn ngói vỡ, với đống-ào một ít người xem mà thôi, còn như những tòa nhà lúc cháy nó thế nào, thì phóng-viên không được mắt trông thấy. Những người xem đó cũng có kẻ biết được nhà ấy là ai ở, và buôn-bán làm nghề gì mà thôi, chứ còn cái nguyên-nhân tại sao mà thất-hỏa, tổn-hại tài-sản mất bao nhiêu, và tên họ những người ở nhà đó, thì phải hỏi đến người ở đó mới được, Muốn biết cái giá-trị nhà ấy đáng bao nhiêu và số tiền bảo-hiêm bao nhiêu, thì phải hỏi đến chủ nhà mới được. Phóng-viên mà gặp được chủ nhà hay người ở thuê mà hỏi thì may lắm; nếu không gặp thì phải tìm người biết đầu đuôi cái sự cháy ấy mà hỏi-hỏi. Nếu gặp trận hỏa-tai ấy là trận dữ-tợn, chết hại nhiều người, mà người nào chết, người nào bị thương, tình-hình lúc tử-thương như thế nào, đều phải hỏi hết cả; lại còn người nào may khỏi chết cháy, cái tình-hình lúc chạy thoát, khỏi cháy nó lạ-lùng may-mắn như thế nào, cũng phải tra hỏi mà chép lấy cả. Thường có khi phóng viên đi dò xét một việc mà lại biết tỏ được dẫn-tuyển nó còn dài, thì cái chức-trách của phóng-viên phải cứ theo cái dẫn-tuyển ấy mà xét cho đến cùng, khi nào biết chắc được sự-thực cốt-tử rồi mới thôi.

Đi hỏi lấy sự-thực với hỏi lấy ý-kiến người ta, hai cách ấy cũng đại-loại

giống nhau. Có khi dùng cái phương-pháp đi hỏi lấy ý-kiến người mà hỏi lấy sự-thực cũng được, nhưng nó khác nhau chỉ có hai điều.

1) Cái người cần hỏi lấy ý-kiến thì do biên-tập-viên trở báo; còn như đi hỏi lấy sự-thực, thì phóng-viên tự ý mình xét xem người nào nên hỏi, sẽ liệu tìm kế đến hội-kiến với người ta mà hỏi.

2) Sau khi hỏi lấy sự-thực, đến lúc biên-tập-lại còn phải chăm-chuốt xem xét lại một lần nữa; chứ như hỏi ý-kiến người ta thì không phải thế. Đi hỏi ý-kiến người thì cốt trọng tại cái ý người ấy đối với việc ấy như thế nào, những câu người ấy nói chuyện, không cứ là đáng cả hay chỉ đáng những câu cốt-tử mà thôi, nhưng phóng-viên cũng không được sàm-tạp ý-kiến mình vào, chỉ cốt lấy ý-kiến người ấy làm chủ vậy. Còn đến như cần hỏi lấy tin thì cốt trọng tại sự-thực, chứ không trọng gì ý-kiến; như là việc thất-hỏa nói trên kia, phóng-viên cũng không thể đáng hết cả ý-kiến mọi người khi chữa cháy và ý-kiến người ở thuê, người chủ nhà, mà trước sau đều đáng lên cả được. Phóng-viên chỉ cốt hỏi lấy những sự-thực tự mọi người thuật lại cho mình, rồi xét lại kỹ-càng xem có câu gì sai thì bỏ bớt đi, hoặc có chỗ nào trái khác nhau thì điều-hòa lại, chỗ nào rời-rạc thì chấp nối lại cho liền, rồi cứ lấy cái tinh-thần công bằng không thiên-tư mà chép lấy một tin tân-văn đầu đuôi quán-xuyến, sự-thực rõ-ràng, đáng lên báo để cho mọi người cùng biết. Vậy những tin mà bởi phóng-viên đi hỏi lấy sự-thực, phần nhiều là hợp lấy những câu chuyện của mọi người.

14° Cái cách đi lấy tin ở các nơi hội họp.—Phóng-viên thường bị phái đi xem xét tình-hình các nơi hội họp, lúc

ấy thì phải chú-ý những điều như sau này.

1) Nên đến nơi hội-trường cho sớm, tìm lấy một chỗ ngồi cho thích-nghị, gần chỗ người chủ-tịch hoặc người diễn-thuyết, để tiện lúc khai-hội mình ngồi nghe được rõ-ràng ; và nhân tiện lại xem xét cả cái mục-đích họp hội, và những tên họ người trọng-yếu trong hội cùng là người diễn-thuyết là những người nào. Trong chỗ hội-trường xét xem có cái gì bố-trị đặc-biệt thì mình cũng ghi chép lấy. Phóng như trong hội-trường có bày những phẩm-vật giấy-má gì mới in ra, hoặc có treo những bức văn-chương trọng-yếu thì mình cũng nên xem xét hết cả, xem có cái gì là có giá-trị tân-văn thì mình cũng ghi lấy.

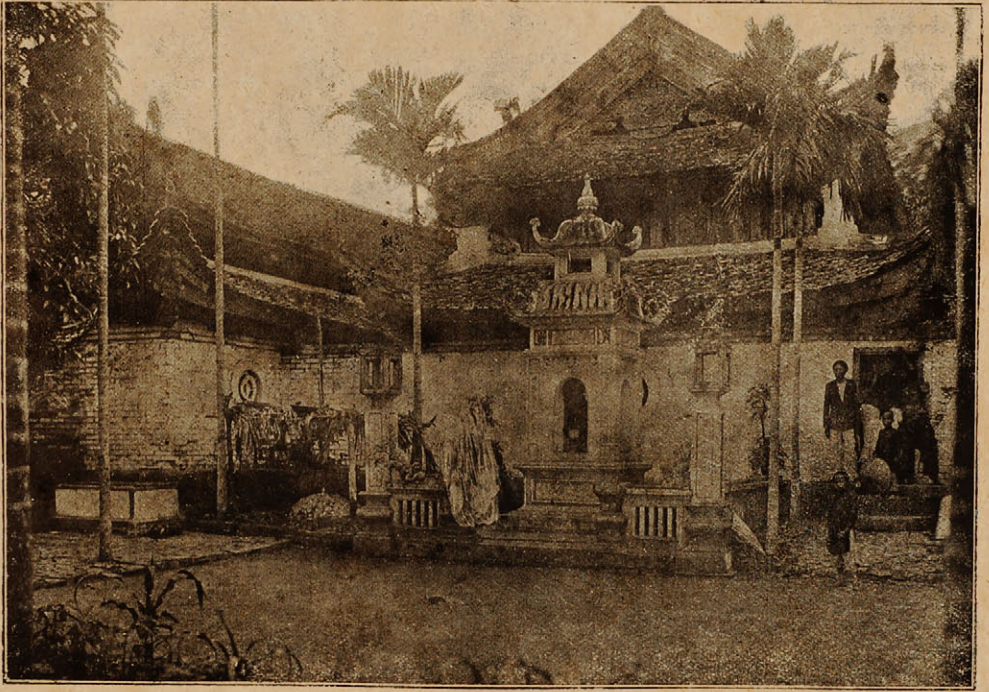
2) Những bài diễn-thuyết bất - tất phải chép lấy cả. — Khi khai hội có đọc diễn-văn thì chỉ tóm lấy những câu trọng-yếu đặc-biệt mà thôi, vì rằng trang tờ báo nó có chừng, chỉ đăng lấy những điều cốt-tử, chứ không phải chép cả lấy toàn-văn bài diễn-thuyết. Phóng-viên khi ấy nên dụng-tâm ngồi yên lặng mà nghe, ghi lấy những câu đại-cương trong bài diễn-thuyết và những câu nói kinh-phân, với những chỗ diễn-giả nói đay đi đay lại, cứ chép theo cho đúng, còn ngoài ra thì bỏ bớt đi, lục-đăng như thế tuy so với nguyên-văn bài diễn-thuyết có phần rút bớt đi nhiều, nhưng vẫn tóm được cả đại-ý.

3) Khi về phải biên-tập lấy cho nhanh. — Lúc đi xét tình-hình nơi họp hội, phóng-viên tuy có ghi chép, nhưng còn nhiều điều kiến-văn không thể chép hết được, vậy phải biên-tập lại cho mau để khỏi quên những đi mất một vài điều sự-thực.

4) *Cái cách biên chép liên-hoàn.* — Gặp khi có người trọng-yếu lên diễn-dàn, thì một câu một chữ đều có cái giá-trị nên biên chép lấy cả ; khi bấy giờ thì một người phóng-viên không thể chép được toàn-văn bài diễn-thuyết, phải dùng đến cách biên chép liên-hoàn, nghĩa là một nhà báo phải cắt đến hai ba người phóng-viên, hoặc hai ba nhà báo đều sai phóng-viên đến, khi bấy giờ cứ chia ra độ 5 phút hay 3 phút đồng-hồ làm một lần, các phóng-viên đều phân ra số hiệu, phóng-viên số thứ nhất thì biên chép lấy những đoạn diễn-thuyết trong 5 phút lần thứ nhất, phóng-viên thứ hai lại tiếp luôn chép lấy những đoạn diễn-thuyết thứ hai, cứ thay đổi nhau như thế mà biên chép, cho đến người phóng-viên cuối cùng, nếu bài diễn-thuyết vẫn còn chưa hết, thì lại bắt đầu lên người phóng-viên thứ nhất, mỗi người lần lượt nhau chép những đoạn diễn-thuyết trong 5 phút ; hết lượt 5 phút sau khi được nghỉ thì mình sửa lại những đoạn mới chép cho đúng, có sót thì bổ thêm vào, làm lại cái-chính lại, rồi sao ra một bản cáo chính đưa cho người phóng-viên số thứ hai, người phóng-viên ấy lại đem cái cáo của mình đã sửa rồi mà nối với cáo người kia rồi lại tiếp lên bản-chính-cáo của người phóng-viên số trên, biên chép liên-hoàn như thế, thì cả toàn-văn bài diễn-thuyết đều chép được mà đem in ra ngay được, rất tiện cho người không đi nghe diễn-thuyết mà được biết hết cả nguyên-văn bài diễn-thuyết.

(Còn nữa)

NGUYỄN HỮU-TIẾN biên-dịch



Chùa Tây-phương ở Thạch-thất (Son-tây)



ChùaTây-phương ở Thạch-thất (Sơn-tây)

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

XIII

Trí-tuệ.— *Bấy giờ thời trí-tuệ đã sáng-suốt, trong lòng sẽ không phải băn-khoăn về những điều vọng-tưởng nữa.*

— Sau khi đã đủ các cách giáo-dục chung và giáo-dục riêng rồi, cùng đã trộn các cách thử cho nhập-đạo rồi, thời người đệ-tử thành người giáo-đồ. Bấy giờ thời có thể khải-phát được cái trí-tuệ của mình, nghĩa là có cái trí sáng-suốt thấu-hiểu được những lý-do chân chính của các việc xảy ra trong đời người ta cùng các dân-tộc. Đâu đâu cũng thấy cái sức ngầm của các lẽ màu-nhiệm, và bấy giờ tự mình thực-hiện được đạo-lý ở mình cùng ở các sự-nghiệp mình. Không phải tham mình vì những sự băn-khoăn, tham-vọng, những sự tự-phụ cùng sự yếu-cần hão-huyền nữa. Đã hiểu rõ cái chân-tính của điều thiện điều ác rồi, cùng biết rõ cái giới-hạn của lòng hoài-vọng cùng sự tài-năng của mình rồi, bấy giờ có thể cảm-thông với thiên-lý và sống một cách phục-tòng cùng bình-lĩnh.

Sẽ biết rằng người ta mà phải khổ-số là tự mình tác-nghiệt cho mình. — Người ta là một kẻ bỡ ngỡ đi tìm đường, do Thượng-Đế đặt ở ngay đầu con đường Thiên-diễn. Bước đầu vẫn khó khăn và chậm-chạp. Càng bước lên, càng thấy được thảnh-thơi, càng thấy thêm quyền-lực, càng được dùng đến cái chí biện-biệt của mình. Nay sức biện-biệt là căn-cứ ở hai cái cảm giác khổ và lạc, khổ thì sinh ra đau-đớn, lạc thì sinh ra vui-sướng. Nếu người ta tức-thị đã có cái lý-trí và cái tuệ-nhơn hoàn toàn ngay, thời tiến lên không có công gì, và cứu-

cánh được toại-chí cũng không có công gì. Vậy thời phải tự mình đào-tạo cho mình, tự mình tìm lấy đường lối của mình, tự công-phu riêng mình mà đạt tới cõi cực-lạc của mình. Trong khi đi tìm cái hay cái tốt, người ta tất phải dò đường bỡ-ngỡ, vì có quyền tự-do kén chọn, muốn đi về ngã nào cũng được. Nhưng nếu đi lầm đường, thì sẽ có cảnh-cáo cho biết ngay. Thấy có sự khó chịu, sự đau-đớn, sự khổ-số, khiến cho phải dừng lại, phải nghĩ-ngợi, phải tìm-tòi, rồi sau mới khám-phá ra vì đâu mà mình phải đau-khổ, tìm phương bổ-cứu mà tự đặt mình vào con đường hay hơn. Nếu không có cái không hay nó ở đó để cảnh-cáo cho và bắt phải tu-tỉnh lại, thời cứ đi sai đường mãi, tất ngã xuống vực sâu. Tỉ như lửa vậy, nếu đụng vào lửa không thấy bỏng thấy đau, thời người ta không biết lửa là gì, không biết giữ cho thân-thể mình khỏi phải lửa cháy, và không biết lợi-dụng lửa cho sự tiến-bộ của mình.

Trái lại, hễ người ta cứ theo con đường chính, tự mình biết thuận phép thân-mình cùng phép thiên-diễn, thì thấy người khoan-khoái mà lòng vui-vẻ.

Vậy thời sướng với khổ ấy là cái kết-quả tốt hay xấu của mọi sự quyết-định của ta. Nó là cách thưởng-phạt cho sự tự do hành-động của ta, và là những điều-kiện tất-yếu của sự bảo-thủ cùng sự tiến-bộ của ta. Nhờ có cái sướng cái khổ nó đấp-đôi nhau mà cái hồn phát-phơ của con người thô-lỗ

(1) Xem *Nam-Phong* số 169.

đời cổ-sơ đã trở nên mạnh-mẽ và rực-rỡ như vậy. Nếu không được tự-do làm trái điều thiện và không phải chịu sự ác, thời không bao giờ hiểu được thiện là gì. Có phải qua bước tán-khổ mới biết cái giá-trị cao-quí của điều thiện. Phải ốm đau rồi mới biết sức khỏe là quý.

Duy có điều thiện là vốn ở nơi Thượng-đế và rốt cùng vẫn được thặng trong trường thiên-nhiên. Điều ác là cái nghiệp của chúng-sinh phải tập học-hành và tập làm nên.

Cái ác nó chỉ có nhất-thời, vì nó chỉ là một phương-diện giáo-dục mà thôi. Nó đến quá độ rồi tất nó tự-hoại. Hễ gặp sự đau-đớn quá thời tức-thì nóng-nảy đi tìm ngay bởi duyên-cớ gì mà sinh ra như vậy. Phàm giống độc-ác tất phải chết hại mau. Cái ác vẫn mau quên lắm, có khi mau quá, vì không bao giờ cảnh-cáo một vài lần mà người ta hiểu ngay, biết đổi theo con đường chính, thường phải thiên-ma bách-chiết, mãi đến chán-chê ra rồi mới tỉnh-ngộ.

Duy có điều thiện là mới bền. Duy có điều thiện là mới tích-lũy được lâu dài, vì là cái mục-đích tuyệt-đối. Lúc tiến lên vui-vẻ, qua được chót-lọt, thì bao nhiêu sự đau-khổ từ trước tiêu-ma đi cả. Người ta lâu dần chỉ tích-lũy những cái hay mà thôi. Cứ xem các giống tấn-tối thì biết cuộc thiên-diễn là cuộc tiến-hóa. Dù thấy một đôi khi có thoái-bộ, cũng không sai được cái công-lệ đó, vì sự thoái-bộ đó là cách trừng-phạt nhất-thời, để bắt phải cho tấn-tối thêm nữa. Nghiệm trong nhân-loại thì đủ biết: dù lầm-lỗi, dù tật-bệnh, dù tai-ương, mà về đường trí-tuệ, về lòng từ thiện vẫn thấy có tấn-tối.

Phàm cái gì xảy ra trong đời người, cái hay cũng như cái dở, là cách thiên-nhiên ma-luyện cho người ta cả, là cái nghiệp-bào xa gần của cuộc đời trước

của người ta. Cái hay là cách tuồng-lệ cho cứ thế mà làm, cái dở thì vừa là một cách cảnh cáo, vừa là một cách chuộc lại vậy. Hay là bảo cho mình biết rằng đã thuận ý phục-tông, dở là lấy cái sức của vận-mệnh bắt cho phải phục-tông vậy.

Nhân đó PYTHAGORE dạy rằng bệnh-tật là có cái nghĩa thần-bi cả. Ông cho bệnh-tật là những khi người ta thất-hòa với luật thiên-nhiên, cũng như cái triệu-trứng nó phát ra để báo cho mình biết mà phòng bị lấy thân-thể vậy. Ông lại chứng-giải rằng tuy bệnh-tật hiển-nhiên là sự không hay, nhưng thực là cách phòng-bị cho thân-thể, tấn-tối cho thần-trí, vì nếu không có bệnh-tật thì người ta không biết cái gì là hay là dở cho mình, không biết tập cái trí biện-biệt của mình, gây nên cái tư-cách điều-hòa tự-chủ là con đường tiến lên cõi đạo-lý vậy.

Vì bệnh-tật không phải bởi sự ngẫu-nhiên hay bởi sự ngoại-cảm (nóng, lạnh, ẩm-thấp, vi-trùng, v. v.). Chính là không biết hay khinh thường những phép-tắc sinh-hoạt bình-thường, không biết định việc ăn uống chất-lượng phải thế nào, thân-thể cơ-quan tác-dụng phải thế nào, sinh-lực cùng thần-trí phát-đạt phải thế nào. Nếu cư-xử sai về tất cả hay một điều trong mấy điều đó, thời thành ra người ta mâu-thuân với luật thiên-nhiên. Kết-quả đến cơ-thể bất-hòa, khí-huyết bất-thông, sức đề-kháng của thân-thể yếu đi, sinh ra những bệnh nội-hư cùng ngoại-cảm. Vì cái độc ở ngoài không tất-nhiên là nó cảm-nhiễm vào mình ngay. Cơ-thể mạnh thì chống được cả với vi-trùng. Vậy thời trước khi bệnh phát ra vẫn có một thời-kỳ thân-thể sẵn-sàng để tiếp lấy bệnh, vì trong cách vệ-sinh, ẩm-thực, cư-xử sai-lầm hay là không biết mà sinh ra. Những bệnh nó mệnh-danh rõ-ràng đó thực là uyên-nguyên đã lâu mà kết-quả đến thế, lúc biết

mà gọi ra được là bệnh đã tàn vậy. Những bệnh riêng của từng bộ-phần cũng là bởi toàn-thể bất-hòa mà ra, cứ dịch-thực ra thì không có bệnh nào là riêng một bộ-phần, chỉ có bệnh chung cả thân-thể, hoặc lan khắp các bộ-phần, hoặc nhiều khi thu vào một phần vậy. Nhưng dù thế nào mặc lòng, lúc đầu là cả toàn-thể bị bệnh, vì phạm bệnh phát ra chẳng qua là từ trước kia người ta không biết mà làm tác-táng thân-thể mình đi, khác nào như dọn đường sẵn cho bệnh đến vậy.

Vậy thời người ta khỏe-mạnh hay bệnh-tật là chính tự mình làm ra. Đời người là một cuộc học khôn. Hễ biết tìm lấy đường khôn, hễ biết tuân theo phép sinh-hoạt bình-thường, thời được hưởng sức khỏe. Nếu trong cách cư-xử về thân-thể, về tinh-thần mà sai-lầm thời phải chịu bệnh-tật.

Vả lại phạm cái hay cái dở xảy ra là trách-nhiệm toàn ở mình. Mỗi khi gặp sự phiền-muộn đau-dớn, chỉ nên trách ở mình thôi, vì nếu tự mình biết, tự mình hiểu, tự mình nói lời thẳng, làm việc phải, thời không có cái gì ngang-trái xảy ra được. Trước đã không biết, nay còn oán gì. Chỉ là một cái dịp để học khôn mà thôi.

Không nên trách trời, trách người, trách sự-vật, chỉ nên tự xét lại mình, mà tìm xem có phải là không biết, là trễ-nải, là vội-vàng, là tức-giận mà sinh ra cái sự phiền-muộn mình phân-nân đó không. Hễ tìm thấy cái duyên-cớ nó rồi, thời nên suy đó mà làm gương, rồi cố cư-xử sau này cho hay hơn.

Khi nào có sự tai-ương gì xảy ra trong một đoàn-thể, thời là đoàn-thể ấy đã cư-xử không chính-đính về đường vật-chất cũng về đường tinh-thần. Không biết chọn những thức ăn sạch lành, không biết tập-luyện thân thể, ở xa chỗ khí tốt, chỗ ánh sáng, không biết qui-trọng tôn-giáo, ăn ở ích kỷ-hại-

nhân, phóng-túng về vật-dục, không chịu theo kỷ-luật, đó là những cách phạm luật sinh-hoạt, tích-lũy lại thời đến làm cho cái sức đề-kháng chung suy-sút đi, và nhân đó gây ra những dịch-tễ, chiến-tranh cùng cách-mệnh. Khi những cái tai-nạn góm-ghè đó xảy ra, thời thiên-hạ cũng mơ-hồ không biết cái nguyên-nhân chân-chính của nó ở đâu, nó đã ngấm-ngấm từ bao lâu mới phát ra như vậy, chẳng khác gì như cá-nhân cũng mơ hồ về nguyên-nhân những sự tai-hại riêng của mình vậy. Bấy giờ mới viện những cớ mới xảy ra ở ngoài, những cớ hão-huyền ở đâu, không biết rằng trách-nhiệm là trách-nhiệm chung cả mọi người, mỗi người phải chịu một phần vì nhiều cớ khác nhau, bởi hết thảy mọi người từ đã lâu năm vẫn sinh-hoạt một cách trái lẽ thiên-nhiên, tư-tưởng một cách không chính-đính, không làm hết bổn-phận với Thượng-đế, với thiên-nhiên cùng với kẻ khác. Những khi ấy bèn xảy ra sự tai-ương chung để bách cho phải làm những sự cải-cách mà tự mình đã không làm, nghĩa là phải sửa lại cách ăn uống cho hợp lẽ tự-nhiên, cách sinh-hoạt cho mạnh-mẽ, tư-tưởng cho quảng-đại và tin ngưỡng cho cao-xa vậy.

Khốn-nạn cho những kẻ ấy. Họ không biết rằng cái của báu của họ là ở trong tay họ, ở trong người họ đó.— Cái nó làm hại cho sự hạnh-phúc của người ta hơn cả, là cái quan-niệm yô-lý của người đời về hạnh-phúc, cùng những phương pháp trái lẽ người ta dùng để thi-hoạch lấy những cái của báu hão-huyền. Thật thế, phần nhiều người lấy mục-đích ở đời là tích-lũy lấy của-cải, để cho được vinh-hiền, ăn uống chứa-chan, và thông-doang không phải làm việc gì nữa. Còn những kẻ muốn cầu cho được cái thân-phận hay hơn, thì tưởng cứ trồng cây ở người

ngoài giúp đỡ, ở xã-hội tư-cấp cho là được, chứ không phải ở cái công-phu riêng của mình. Lại như khi tật-bệnh thì kẻ không có tri-giác chỉ tin ở thuốc-thang của đời, tưởng cứ dùng những vị thuốc chế ra rất cầu-kỳ là có thể bình-phục được sức khỏe.

Khốn thay cho những kẻ đó, đem hi-vọng của mình mà đề ở cái hảo-huyền bên ngoài, không biết rằng cái nguồn của những sự vui-vẻ, mạnh-khỏe, tấn-tối, là chính ở tự mình vậy. Sự giàu-có cùng những cái lợi-lộc vật-chất của sự giàu-có làm ra, có lẽ nó lại ngăn-trở cho hạnh-phúc cùng sức khỏe, vì những cái ấy khó lòng mà sử-dụng cho công-bằng, cho điều-độ được. Những cách chạy chữa bề ngoài, chỉ khỏi được nhất-thời, rồi lại sinh ra bệnh khác càng ngày càng nặng.

Trái lại thì người nào đã phát-minh được ở trong người mình cái nguồn sinh-hoạt, cái sức ý-chí, những sức mạnh cùng phương-kế để chống giữ và để chữa khỏi, người nào đã phát-siễn được năng-lực về lý-trí cùng về trắc-kiến, những cái đức tốt nhân-từ tri-tuệ nó vẫn tiềm-làng ở trong người mình, chỉ đợi có tài-bồi là nảy-nở ra, thì người ấy là tích-lũy của-cải ở ngay trong bản-thân mình, sẽ được bình-yên mà hưởng cái của báu nội-tâm đó, mà dùng cái sức mạnh tự-kỷ đó.

Muốn hiểu biết rằng sự hạnh-phúc chân-chính là ở trong người ta, thì chỉ nên suy-nghĩ đến cái tình-cảnh khốn-nạn của những kẻ chỉ ham những của phù-vân bên ngoài, đam-mê tửu-sắc, thiên về cái chủ-nghĩa duy-kỷ cuồng-dại. Chỉ nhờ ngoài, vị ngoài mà sống, chẳng bao lâu sẽ hao-mòn đi, đeo lấy những sự đau-khổ cho thân-thể, cho tinh-thần, rồi đến ngày chết là hết cả, vì không có đề được cái gì ở trong mình cả. Đến như cái thân-phận người trí-giả thì không thể

người trí-giả có những của báu không trông thấy, do ở cái trắc-kiến mà ra, biết an-phận chỉ dùng những cái giản-dị, tự-nhiên, điều-độ, và chỉ chủ một cái mục-dịch, là học mãi cho biết, sửa mãi cho hay vậy. Của báu trong thần-trí thì không ai cướp lấy được, vì nó là cái của tích-lũy không tiêu-diệt được, dẫu chết đi cũng không mất vậy.

Xem một điều này thì đủ biết cái của báu nên cầu là nó ở ngay trong mình ta, là xem như một tên ăn cướp, hung tợn có thể cướp lấy của-cải, chiếm lấy vẻ-vang ở đời, chứ cái đức người quân-tử thì có bao giờ thấy ở trong bụng kẻ tiểu-nhân đâu.

Người nào đã phát-minh được cái thiên-lý ở trong mình, biết giữ-gìn cho lương-tâm mình được chính-đốn trong sạch, biết khiến cho trong lòng mình cùng cả chung quanh mình được yên-tĩnh, thì người ấy là đã tới cõi cực-lạc rồi đó.

Những người biết cái cách giải-thoát cho khỏi sự khổ-não thật là ít lắm thay.— Phần nhiều người chỉ thiết-tha cái bề ngoài, cái trực-tiếp ngay. Khi phải tìm ra cái nguồn những sự đau-khổ của mình, thì không biết suy ngược đến những nguyên-nhân xa-xôi to-tát. Như khi tật-bệnh thì chỉ biết trị cái kết-quả sự sai-lầm của mình, cái ngoại-trung của bệnh, sự bất-hòa của một bộ-phận, sự tác-ác của giống vi-trùng, vân vân, chứ không biết phục-hồi lại sự điều-hòa trong thân-thể, sức đề-kháng của cơ-quan, mà đừng ăn ở trái với luật thiên-nhiên vậy. Bởi không có con mắt sáng-suốt biết cái nguồn gốc chân-chính của sự đau-khổ của mình, cho nên dùng những cách liệu-trị thậm là vô-lý. Thâm-chi đến tin rằng dùng thuốc-thang có thể miễn cho khỏi được theo luật sinh-hoạt tự-nhiên, khỏi được bện-lật và cứ ăn ở một cách sai lầm phóng-tung

cũng giữ được thân-thể vô-dạng, chẳng phải đau-yếu gì.

Những người hiểu rằng cái nguồn những sự đau khổ của mình chỉ là tại mình không biết phục-tông các luật-pháp siêu-nhiên cùng thiên-nhiên, và chỉ có một cách khôi-phục lại sự điều-hòa trong người được là khi đau-đớn thì tìm lấy cái lỗi mình đã phạm và lại quay về con đường chính, những người hiểu như thế thật là ít lắm thay. Nhưng người biết cái khoa y-học chân-chính về thân-thể cùng về tinh-thần, thật cũng ít lắm thay !

Sự mê-muội của người đời thật là quá lắm thay, làm cho trí-tuệ phải mờ-ám, khác nào như cái ống lẩn, cứ lăn lều, không bao giờ khỏi được những nỗi khổ-thống vô-cùng. — Sự ngu-muội của người ta quá đến nỗi nhiều khi cái hảo-huyền, cái độc-hại lại thiết-tha mà cầu lấy như sự tốt lành, sự lợi-ích. Bởi thế nên biết bao nhiêu người chỉ ước-ao được sống một cách dật-lạc phóng-tuàng như những kẻ hoang-toàng kia, chỉ cầu lấy cho được nhiều của nhiều tiền, để chuốc lấy cái bề ngoài phong-phú vậy. Bấy giờ thì hình-thể to trẻ, mặt mũi đỏ bừng, lại cho là cái dấu mạnh khỏe đó. Mà trái lại cách sinh-hoạt cần-lao giản dị, cách ăn uống tự-nhiên bình-thường, thế người khô-khảnh mà cứng-cáp, thế lại cho là không hay mà lấy làm kiêng-ky vậy.

Những sự sai-lầm của cái khoa-học giả-dối, những sự quá-đáng của cái công nghệ tân-phiền, đã làm cho sai mất sự phán-đoán cùng loạn mất cả trí-tuệ của người ta. Thành ra tập-quen những cái thói dật-lạc, những cách cần-thận hảo-huyền, làm cho cái mãnh-lực sinh-hoạt cũng bị cản-trở đi vậy.

Sở-dĩ đời người ngày nay đến nỗi khó-khăn đau-đớn như vậy, là vì người đời chân những cách giản-dị, xa lối

sinh-hoạt mộc-mạc như xưa và khinh những sự tự-nhiên vậy. Bởi thế nên trông thấy sự thành-thực bày ra thì không chịu phục, vì sự thực bao giờ nó cũng trái với những thói-quen phiến-phức, cho là dễ dàng quá ai cũng có thể làm được.

Sống không có chủ-nghĩa, không có sức mạnh trong tâm-hồn, không có nhẫn-nại về thân-thể, người đời khổ-nạn chỉ phát-phơ không biết tin-nguỡng vào đâu. Tùy cái cơ-hội ngẫu-nhiên mà bênh-bồng trời-giạt, để cho việc thẳng-lai nó sai khiến, và đem thân làm hi-sinh cho sự nông-nổi của mình, phó mặc cho vận-mệnh, hết nạn này đến nạn khác lớn hơn, tạo ra cái nhân-quả ác-nghiệp mà giữa lúc bấy giờ không hiểu được cái lý-do chân-chính của nó thế nào.

Vì cái tật mê-muội bất-minh đó, đi đâu nó cũng ám-ảnh hoài, thành ra không biết phân-biệt điều gì là điều phải nên thuận-nhận, điều gì là điều trái nên tránh xa mà đừng tức-giận. — Cái thân-phận khổ-nạn của những kẻ không biết rằng nguồn gốc chân-chính của sự đau-khổ của mình là ở tự mình, và kẻ cứu-địch tối-ác của mình chính là nó nấp ở trong mình, thì cứ xem ngay cái cách họ chữa bệnh của họ là biết. Không biết cái mục-đích của đời người, không biết những phép-tắc cư-xử của cá-nhân, đáng phải tự sửa lấy mình lại không nghĩ đến sửa mình, chỉ mong chữa sửa lại người, trách rằng tạo-vật không điều-hòa mà số-phận có chệnh-lệch vậy. Nếu sinh ra chân-ngân hay mắc phải bệnh-tật, thì đời xử này sang xử khác, thay khí-hậu cho khác đi, bày ra mọi cách tiêu-khiển, rồi đi hỏi khắp thiên-hạ cho biết cái tên bệnh mình là bệnh gì và phải chữa cách nào cho được khỏi. Nếu có người bảo cho được biết rằng dù đi đến đâu cũng không khỏi sự

phiền-muộn được, vì di dâu cũng là ôm cái phiền-muộn đi theo cả, và muốn cho chữa khỏi thì chữa ở dâu cũng được, miễn là biết tự soi xét mình và tự chữa sửa mình là đủ, nếu có người bảo cho họ thế, thì họ lấy làm lạ lắm.

Vậy thời cái công tự-kỷ tu-luyện, ấy là cái bí-quyết lớn cho được ở đời yên vui sung-sướng, điều đó tưởng nhắc đi nhắc lại bao nhiêu cũng là đàng vậy. Duy có sự kinh-lịch riêng, thành-thục và kiên-nbần là có thể phân-biệt được điều phải lẽ trái, biết thuận-nhận những cái kỷ-luật yếu cần, biết lánh xa những cái gì sai-lầm hư-hại mà không cảm-tức giận-dữ, biết cứ yên-ôn mà tuân theo trật-tự. Duy có sự kinh-lịch riêng mới khiến cho được rõ và biết rằng phạm sự đau đớn là thuộc về cái phạm-vi bảo-thủ tự-nhiên cả, chính là ở sự sai-lầm lỗi-lạc của ta mà sinh ra, và cốt là để cảnh-tỉnh cho ta biết lại trở về con đường tình-tiến, nghĩa là rút lại cái gì xảy ra cũng là do sự tác-dụng màu-nhiệm của luật thiên-nhiên, không thể cưỡng lại được.

Lê thần-bí. — *Ôi Thượng-đế, là cha sinh ra chúng ta ! xin cầu-nguyện Thượng-đế tế-độ cho loài người khỏi phiền, chỉ-thị cho họ biết tự mình có cái sức thần-thông là đường nào.* — Trông thấy cái cảnh-tượng những sự sai-lầm đau-dớn của loài người, kẻ có cái trí sáng-suốt trước hết lấy làm băn-khoăn thương xót. Sẵn lòng muốn xin ân-xá cho hết thảy những kẻ lạc đường, cầu-nguyện trời cao tuyệt-đối can-thiệp vào để trừ những nỗi khổ cho người ta, ban cho cái trực-giác để biết con đường lành mà đi. Lại muốn cưỡng-ép cho họ được sáng mắt ngay ra lập-tức; đem cái chân-lý mà phô-bày ra trước mắt cho được tỏ-tường. Không nhiệt-thành ước-ao gì bằng là làm thế nào cho họ hiểu rằng các phương-pháp tế-độ cho họ chính là ở trong người

họ đó, và cái bí-quyết cho được bình-phục, cho được khỏi bệnh, cho được tương-lai sung-sướng là ở cái chí-nguyện của mình và ở lòng phục-tòng thiên-lý vậy.

Vả kẻ đệ-tử mới học đạo phải qua một hồi thất-vọng như vậy, không phải là thất-vọng vì trông thấy những điều sai-lầm của người ta, thất-vọng vì muốn mở mắt cho những kẻ khổ-nạn đó mà thấy hiển-nhiên họ không nghe không hiểu. Đem lời đạo-lý thâm-trầm mà nói với những kẻ hãy còn tối-tăm ở trong vòng sinh-hoạt mờ-hò, còn bị những cái thiên-kiến nó mờ-ám, thì thành ra lời nói không nghĩa-lý, không ảnh-hưởng. Vì rằng muốn cho thu-hoạch được những điều so-lược về đạo-lý, thì phải tự mình đã có tập-luyện ít nhiều vậy. Và phạm sự tấn-tối là phải do cái công-phu riêng của cá-nhân, vậy thì kẻ đạo-đồ chỉ có thể trở đường lối cho người ta mà thôi. Cứ nên gieo hạt, dù nó chậm mọc mầm cũng không nóng ruột, và cái kết-quả về sau thế nào không phải lo ngại gì.

Nhưng mà không: chúng ta chẳng nên rầu lòng lo-lắng, vì loài người là giống thần minh, tự mình có thể phát-minh được những lẽ màu-nhiệm của tạo-vật bày ra cho mà tìm-tòi. — Người trí giả thử suy-nghĩ, sẽ thấy trong trí mình lại bình-tĩnh, vì nhớ rằng người ta phải tự đào-tạo lấy mình, vậy thời phải nỗ-lực mới thành-công, phải chịu khổ mới sửa được khi đã lầm lối sai đường, và phải tuân-tự tiến-hóa mới thu-hoạch được sự hạnh-phúc. Bấy giờ thì người trí-giả lại phục-hồi được sự điềm-tĩnh của mình, nhớ lại mà biết rằng sự đau-dớn là cái tạm-thời, cốt để chuộc cái lỗi cũ và răn dạy về sau, chứ cái lòng hi-vọng sáng-sủa, cầu lấy sự hạnh-phúc tối-cao, thì người ta ai cũng được có vậy.

Cho đến cái chết cũng không phải là một sự liêu-kết thật. Người ta vì vô-minh hay vì phần-uất mà chết đi, thì chưa phải đã thoát đau, rồi sẽ tái-sinh ra một hình-thể khác tiện cho cái nghiệp tu-luyện của mình. Người nào vì lòng bác-ái mà phần-khởi hi-sinh thì tức là được tăng-tiến mau lên và kiếp tái-sinh sẽ được sáng-sủa.

Dù thế nào mặc lòng, kẻ học đạo trong phái PYTHAGORE muốn giữ lấy lạc-quan thì cũng dễ, vì đã biết cái bí-quyết của sự sinh-hoạt trong vũ-trụ, của sự tiến-hóa trong loài người, và biết rằng người ta là thuộc giống thần-minh, nghĩa là người cũng như thần, là vĩnh-viễn bất-diệt, và phải làm thế nào cho trong người mình dần dần phát-siêu được hết những cái dục-tính thiêng-liêng.

Trong đạo PYTHAGORE, có cái thuyết luân-hồi tiệm-tiến đó, là cái thuyết dạy rằng người ta phải qua nhiều kiếp rồi mới dần dần tiến lên, kết-cục phải sáp-nhập với Thượng-đế là chốn hạnh-phúc vô-cùng, thuyết đó là một cái bí-quyết, đem lộ ra thì nguy-hiểm quá, cho nên vẫn giữ kín lắm.

Vả lại tất cả các đạo-giáo về cổ-đại, các nhà đại-bí truyền đời xưa đều dạy về cái thuyết tái-sinh và qui-nhất đó, nhưng bao giờ cũng chỉ truyền cho kẻ đạo đồ mà thôi, còn nói với công-chúng thì nói bằng cách tỉ-dụ xa-xôi, vì như sau này ta sẽ nói, điều đó mà truyền ra cho những người chưa có tư-cách hiểu được thì có cái nguy-hiểm lạm-dụng quá-đáng.

Cổ-nhân tượng cái thuyết luân-hồi đó bằng một cái vòng tròn, hay bằng một cái hình một con rắn khoanh tròn lại mà lấy đầu cắn đuôi vậy. Cách hình-tượng giản-dị đó là tiêu-biểu cho tinh-thần với sinh-hoạt, do tự nơi Thượng-đế phát ra, truyền vào trong vật-chất và trong thiên-nhiên, biến ra hình những nguyên-tử tinh-thần

đặc-biệt, rồi cứ tuần-tự tiến-hóa lên, mở-mang sáng-suốt ra, dần dần phát-siêu được hết những cái năng-lực thiêng-liêng-tiềm-tàng ở trong mình, rồi hết kiếp ấy sang kiếp khác, cứ-cánh sẽ tới bậc ngang bằng với Thượng-đế và khoát-nhiên hỗn-hợp với Thượng-đế vậy.

Vậy thì cái đời hiện-tại của một người là gồm cả cái nghiệp tốt xấu của ký-vãng, lại vừa gồm cả cái tương-lai bao-hàm những mầm-mống của nghiệp tốt nghiệp xấu sau này.

Kể sơ-sinh mới lọt lòng đã có một cái kho kinh-nghiệm về sự sống rồi; biết kêu, biết bú, biết cử-động, vì đã từng sống nhiều kiếp trước rồi. Cái đời hiện-tại của nó sẽ là do ở công-phu nó, do sự ký-ức của nó, do ở cái nghiệp trước của nó tốt hay xấu mà gây-dựng ra. Đời của nó sẽ vừa là kết-quả của đời trước, vừa là tạo-nhân cho sau này. Cái đời trước của cá-nhân thế nào, thì nó tóm-lắt lại ở sự tấn-tới hằng ngày của đứa con trẻ, trước tiên cái óc nó còn chưa biết tư-trong, con mắt nó còn chưa biết trông coi, cái lưỡi nó, cái tay nó còn ngọng-ngịu, nó tuyệt-nhiên chưa có ý-thức gì, vậy mà rồi dần dần trí khôn nó mở-mang ra, giác-quan nó luyện-tập dần, ý-chí nó tăng-tiến lên, rồi nó càng kinh-nghiệm, càng khám-phá, lắm khi cũng nhọc lòng đau-dờn lắm, thì cái tâm-trạng nó càng khoát-đạt ra, nghĩa là trong cái thời-kỳ thơ-ấu đó thì hình như ôn lại cái bài học từ kiếp trước vậy.

Khi đã đến tuổi khôn lớn rồi, thì đứa trẻ ấy tự-lập, và bắt đầu kết-cấu lấy cái vận-mệnh của mình, không những là dự-bị cuộc tương-lai của mình trên cõi đời này mà thôi, lại tạo ra thể-cách cùng cảnh-ngộ cho cái đời lai-sinh nữa. Những sự ham-muốn, những sự mong-mỏi, những sự lưu-luyến, những sự căm-dụ nó phảng-phất trong đời, tức là những tiêu-biểu cho cái khuynh-

hương qui nhất, chung cho cả muôn vật trong thế-gian vậy. Tùy cái cách mình ăn ở có tâm có nghĩa hay là không, thì sự tấn-tới sẽ mau hay là chậm. Và trong đời hiện-tại này, nếu công chưa được thưởng, tội chưa phải chịu hết, thì không mất đi đâu, vẫn như có ghi vào sổ để báo-đáp về kiếp sau vậy.

Người ta không phải là lúc đẻ ra mới thành người và khi chết đi là hết cả đâu. Trước kia đã từng có sống rồi, sau này cũng lại còn sống nữa, vì là có cái tinh-thần bất-diệt vậy. Sự chết chỉ là sự biến-hóa, để lại tái-hồi hồng-bột vậy. Nó là sự bãi bỏ một cái hình-thể vật-chất đã cũ vậy; nó là một cách đổi cái đồ dùng để tu-luyện vậy. Khi đời bỏ xác thịt chỉ mất cái hư-vô hão-huyền hay cái vật-chất trước mắt mà thôi, chứ cái nghiệp thực, nghĩa là những cái hay đã thu-hoạch được mà phải tích-lũy lấy, cùng những cái dở phải chữa sửa lại và phải bài-trừ đi, thời vẫn mang theo đi mãi. Thân-thể chết đi là thần-trí được thoát ra mà lại bay bổng trong cõi khinh-thanh, cũng như thân-thể sinh ra là thần-trí tiêu đi, rồi bỏ cõi thanh-thiên mà sáp-nhập vào vật-chất vậy.

Vậy thì sự sinh là một sự tiếp-tục chứ không phải hẳn là bắt đầu. Những cái tư-tưởng chủ-trương lúc sơ-sinh, chẳng qua là những sự phảng-phất nhớ cũ ca. Về sau thì cái lòng ước-ao hạnh-phúc cũng chỉ là những cách mơ-màng dự tưởng vậy. Người ta là một giống nhớ cũ tưởng sau. Nay sự kỳ-ức những cái nghiệp trước thuộc về bản-năng hay thuộc về trí-tuệ, hầu như không có ý-thức gì cả, tức là để cho người ta dùng tổ tưởng cái nghiệp trước của mình quá, thấy nó nặng-nề khó-nhọc mà thành ra chán-nản, không muốn gắng-gỏi cho bước lên, thậm-chí đến thất-vọng mà tự-diệt mình đi vậy.

Sự sống sự chết thực là cái gì thì cứ nghiệm ngay lúc thức lúc ngủ là thu được cái hình-ảnh đúng lắm. Thức là hoạt-động có ý-thức, ngủ là nghỉ-ngoi vô ý-thức, thức ngủ kế-tiếp nhau, coi là sự thường, vậy mà thực là cái hiện-tượng phân đôi rất màu-nhiệm, đối với con mắt kẻ phàm-phu không có ý-nghĩa gì, nhưng kẻ tri-giả biết xem biết hiểu, thì nghiệm đó mà tỏ rạn ra nhiều. Lối ngủ bệnh của thuật thôi-miên hay lối ngủ tạo bằng cách cảm-dỗ, để cho cái vô-ý-thức nó chủ-trương cơ-thể, cũng thuộc về cái hiện-tượng phân đôi nhân-cách đó.

Mỗi buổi chiều, hình như bỏ cái khu-xác mình đó không lo ngại gì, đến khi thức dậy mới lại ra tay cai-quản. Nay đời lúc cùng-tận cũng vậy, bỏ cái khu-xác hiện-tại của mình để lúc tái-sinh lại chủ-trương một cái khu-xác khác.

Lúc buồn ngủ thì thấy thân-thể mệt-nhọc, nghĩa là những cái sinh-lực lưu-thông trong người nó tạm-thời khô-cạn. Ngủ là để lại tích-lũy những sức mới vừa thu-hoạch được trong không-khí bằng sự hô-hấp, lại vừa lấy ra ở trong cái kho sinh-hoạt tiên-thiên ở trong người, bằng sự kích-thích của các cơ-quan. Đến khi cái tiềm-lực đã đầy đủ rồi, có thể tiếp-tục hoạt-động được, thì bấy giờ tỉnh-thức dậy. Sự chết cũng vậy, hoặc là bởi cái sinh-lực của một người đã tuần-tự mà hết đi, hay là chưa đến kỳ mà đã sớm tiêu-tiết đi mất, hay là gặp sự bất-kỳ mà bị phá-hoại mất, chết đi rồi thì có một khoảng giữa để nghỉ-ngoi, tức là để tích-lũy lại những cái sức mạnh tiên-thiên mà đem ra dùng trong cuộc đời sau này, khiến cho có thể phản-động lại những sự kích-thích bên ngoài vậy.

Ngày hôm trước mình ăn ở thế nào, tức là qui-định cho sự tác-dụng của cơ-thể mình về đêm hôm ấy và ngày hôm sau. Nếu đã biết theo đúng luật

thiên-nhiên về vật-giới, về sinh-hoạt, về tinh-thần, thì giác-quan được yên-ổn, thần-tri được bình-tĩnh, đêm ngủ yên giấc, và ngày hôm sau sẽ được sáng-sủa tinh-tao. Trái lại, nếu làm sai luật sinh-hoạt, hoặc là ăn uống quá độ, hoặc là tập-luyện sai cách, hoặc là tư-tưởng hay hành-vi những sự không tốt, thì đêm đầy những chiêm-bạo mộng - mị, mơ - màng những chuyện gớm - ghê độc - ác, mà ngày hôm sau thì thân-thể nặng nề, tinh-thần khổn-khó. Đời người mà sống không ra gì, trái với luật thiên-nhiên, trái với phép thần-thánh, thời cũng sinh ra như thế, gặp những khoảng trung-gian đau-đớn hãi-hùng, rồi đến kiếp tái-sinh thì khổ-sở phiến-não, như là qua cái cầu giải-oan hay cái cảnh địa-ngục vậy. Còn như sống một cách có tâm có nghĩa thì khi nghỉ-ngơi ắt được bình-tĩnh và lúc tái-sinh cũng được cái đời thảnh-thơi sáng-sủa.

Vậy thì thiên-đường hay địa-ngục là tự tay mình tạo ra cả, tay đã gieo giống gì, thì sẽ lại gặp giống ấy, chẳng sớm thì chậm, vì nếu việc gì cũng có thưởng phạt ngay lập-tức, thì cái trí sáng-suốt, cái công tu-luyện, còn phải cần chi nữa. Lại nếu công-việc làm đã không có kết-quả trực-tiếp, lại cũng không có thưởng-phạt xa-xối, thời cái lẽ công-bằng là điều cốt-yếu của tạo-vật, không thể nào phát-sinh ra trong tâm-trí người ta được. Vậy thì nếu làm trái điều thiện mà phải trừng-phạt, thì không phải là bề trên trả thù gì mình đâu, chính là mình có lỗi thì lẽ công-bằng là phải chịu tội. Cho nên sự trừng-phạt đó chỉ nên nhất-thời cho đủ chuộc lấy lỗi, lập lấy công, gắng-gỏi thế nào cho đền bù được cái tội đã phạm.

Cái luân-lý của đạo PYTHAGORE đó vừa thỏa-thích cho tri-tuệ, cho lý-tính, cho cái lòng ham muốn tự nhiên càng ngày càng được thêm có ng-bằng, thêm

cao-thượng, thêm hạnh-phúc. Luân-lý đó trước hết phá được cái ức-thuyết cho đời người là một con đường độc-nhất, sướng thì sướng vô-cùng, khổ thì khổ vô-hạn, thuyết đó thật là chán-ngán thay. Lại giải nghĩa được những sự bất-bình-đẳng tiên-thiên ở trong người ta, về thân-thể, về tri-tuệ, về đạo-đức. Sau hết lại thích-hợp với cái lòng nhân-từ vô-hạn của Thượng-đế, ngài đã tiên-tri mà hiểu biết hết thấy, không muốn cho phần nhiều các sinh-linh của ngài đến phải vĩnh-viễn truy-lạc.

Cách giải-nghĩa về sự bất-bình-đẳng hiện-tại của loài người bằng cái phép ngẫm tiến-hóa của từng người, tiến-hóa một cách tự-do mà mau chậm có khác nhau, vì công-đức không giống nhau, cách giải-nghĩa đó thật là cái cơ-sở vững-vàng cho những quan-niệm về trật tự, về kỷ-luật, là cái lý-do phú-cường hạnh-phúc cho các đoàn-thể. Nó lấy khoa-học cùng tôn-giáo làm căn-cứ mà chứng-rằng ở đời cần phải công-nhận cái trật-tự về tri-tuệ và đạo-đức và phải phục-tòng những người thủ-lĩnh kén-chọn trong những kẻ tài giỏi mà ra. Cho lẽ công-bằng không phải là căn-cứ ở sự bình-đẳng mơ hồ, mà ở sự yếu-cần cho vạn-vật phải giúp đỡ lẫn nhau, sự giúp đỡ này lại càng dễ hơn nữa, vì kẻ ngu tự-nhiên phải phục-tòng người hiền, và quyền-lợi cùng nghĩa-vụ người ta vốn không chia đều mà thật là xứng-đáng vậy. Theo lẽ đó thì những người được tấn-tới hơn, có phần hơn người khác về oai-quyền, về phương-tiện, nhưng cái hơn ấy vẫn phải cố bảo-thủ lấy, là nhờ được có tinh-thần siêu-việt hơn kẻ khác, phải làm cái gương dạy-nghĩa cho người ta, nghĩa là làm con người có nhân-từ, có hiếu-nghĩa vậy. Vì rằng muốn có cái oai-quyền riêng thì bao giờ cũng phải tỏ ra hơn người, tự-khắc kẻ dưới phải kính-trọng phục-tòng và theo đó tấn-tới lên.

Người nào đã thấu-hiểu những lẽ cao-thượng đó thì sống ở đời có lòng tin-ngưỡng bằng-hải. Biết gắng sức bỗ-cứu lại những sự khuyết-diêm của mình, gia công dự-bị cái khuynh-hướng cho cuộc đời về sau của mình, chỉ chăm-chăm có một cái mục-đích là : sửa-sang tấn-tới cho bản-thân mình và cho kẻ khác nữa. Đã hiểu rõ rằng sự tinh-tiến của mình là có liên-lạc với người ngoài, và giúp cho người ngoài được tiến-bộ tức là một cách chắc-chắn để mưu sự tấn-bộ cho mình vậy. Đem lòng thương-xót phù-tri cho những kẻ lạc đường khốn-nạn, đối với mỗi người tùy cái tài-trí người ta có thể dung- nạp được phần nào thì đem cái chân-lý mà truyền-thụ cho phần ấy. Phàm mọi sự hành-vi của mình đều tỏ ra khoan-dung bình-tĩnh cả. Không có phiền lòng về sự gì nữa, và chỉ nghĩ cách tỏ rạng cho người ta, chứ không oán trách gì ai nữa. Bấy giờ thì sự đau khổ cho là một cách cảnh-cáo hay cho mình, và sự khoái-lạc thì coi như một cách dự-tưởng của thần-minh vậy. Cho đến cái chết cũng không lấy làm ghê sợ nữa, vì coi như là sự khai-mạc cho một cõi đời sáng-sủa hơn.

Nhưng mà những cái quan-niệm cao-siêu đó cố-nhiên là phải có thấu-hiểu thâm-trầm thời mới thành ra kết-quả tốt đẹp được. Cái tính cách cao-thượng của nó chính là một sự trở-ngại cho những kẻ tầm-thường. Muốn đem ngay những điều đó mà truyền-thụ cho họ, thì có cái nguy-hiểm là họ không sao hiểu được, và có khi đến khiến cho cái bụng đục bạo-phát ra mà không ngăn-ngừa được vậy. Vì đối với kẻ ác rất không nên dạy cho họ rằng Thượng-đế vẫn sẵn lòng khoan-dung, tội gì rồi cũng được tha-thứ hết. E rằng nói như vậy chỉ đủ khiến cho họ thừa-cơ mà lại càng làm bậy vậy. Chắc rằng tội gì rồi cũng có thể chuộc được, dù

sao rồi cũng có ngày tới cõi hạnh-phúc, bấy giờ thời chỉ muốn cho thỏa-tĩnh tung-dục ngay lập-tức, rồi có phải chuộc tội cũng cam-tâm. Trí-thức họ còn hẹp, kinh-lịch họ chưa đủ, không trông được rõ cái khổ-hải mệnh-mông về sau này.

Phàm cái Chân-lý càng cao thì đem bộc-lộ ra lại càng nguy-hiểm. Và lại cái lẽ tự-nhiên phải như vậy, vì phàm cái quan-niệm gì càng siêu-việt thì càng khó diễn-giải ra được. Thượng-đế hay là cái Chân-lý tuyệt-đối, thì thật là vô-khả tư-nghị.

Vậy thì có những điều Chân-lý không nên nói rõ ra. Và lại ngay trong cõi vật-chất, cứ xét khoa-học ngày nay phát-minh ra được bao nhiêu những cái sức mạnh về lý-hóa mà loài người ngày nay lạm-dụng một cách ác-hại như thế nào, thì mới hiểu rằng các nhà đạo-học ngày xưa hay hết sức cẩn-thận cũng không lấy chi làm lạ; các nhà ấy không có gặp ai cũng truyền dạy cho những lẽ bí-mật về đạo, những sức mầu-nhiệm của tư-tưởng, cùng cái vận-mệnh rục-rỡ của loài người, là những điều tối thâm-trầm và tối nguy-hiểm vậy.

Thí-dụ như xã-hội ta ngày nay là một cái xã-hội rất mê-cường về nghĩa bình-dẳng, nếu mà đem ra tuyên-bố truyền-dạy rằng mọi sự bất-bình-dẳng về thế-chất, về trí-tuệ, về tinh-thần là sự chính-dáng, vì là sự hiển-nhiên, rồi nhân đó suy ra mà nói rằng phàm quyền-lợi, nghĩa-vụ, thưởng-phạt vốn là bất-bình-dẳng và ở đời cần phải có trật-tự trên dưới, kẻ kém người hơn, nếu mà đem giảng những điều đó, thiên-hạ tất là cực-lực phản-kháng lại. Những kẻ chữa tiến-hóa đến nơi sẽ kêu to lên là không công-bằng, vì không đủ tư-cách hiểu những cái lẽ mầu-nhiệm của mọi sự bất-bình-dẳng về trí-tuệ, về uy-quyền

thường nghiệm thấy trong các thời-kỳ tiến-hóa của loài người.

Vậy thời xem đó lại càng thêm rõ cái cơ sở-dĩ làm sao mà các bậc hiền-triết về cổ-đạo lại chia đạo học ra làm hai bậc, để cho điều hòa được những sự yếu-cần về trí-tuệ ở mỗi người một khác, vì cái trình-độ tiến-hóa không giống nhau vậy. Lại cũng nghiệm đó thì hiểu rằng sở-dĩ làm sao mà ngoài cái luật-pháp cùng tôn-giáo bí-truyền, chỉ để dạy cho những kẻ thượng-lưu mà thôi, các nhà ấy lại đặt ra những luật-pháp cùng tôn-giáo phổ-thông, lấy cách tỉ-dụ mà truyền dạy lẽ đạo, bắt-buộc người ta phải làm điều thiện, vì sợ phải chịu những tội-ác ghê-thảm đến thân-thể về sau này.

Ở thời-đại ta này, sự học của cá-nhân mỗi ngày một ban-bổ ra, một tấn-lớ lên, những người có đủ trí-tuệ hiểu được những lẽ cao-xa về vũ-trụ, càng ngày càng nhiều thêm lên. Và chính vì lẽ đó nên những cái hình-thức phổ-thông của đạo-giáo đời xưa, xem ra không đủ để mà hướng-dạo cho các dân-tộc nữa, bởi đó nên có thể đem lẽ huyền-bí mà truyền dạy ra, khiến cho những kẻ thượng-lưu trí-thức biết quay về con đường Chân-lý hoàn-toàn, kiêm cả khoa-học cùng tôn-giáo vậy.

Thật thế, nếu những bậc giáo-sĩ của các đạo, hiểu rõ các lẽ thần-bí, lại thêm có tài cai-quát, biết lợi-dụng để mà cất nghĩa những cái biểu-trưng về tôn-giáo khiến cho cái tử-văn thành ra có sinh-hoạt, khiến cho lời diễn giải được mới-mẻ và dễ hiểu hơn, thì sẽ trừ được một cái duyên-cớ cốt-yếu làm cho lòng người xa cách với đạo-giáo vậy. Trí người đời nay rộng rãi hơn, phạm cái gì có phổ-diễn ra rõ-ràng, thuyết-minh ra hợp lẽ thì mới chịu phục-chịu tin vậy.

Vậy thì muốn cho một cái đạo phổ-thông giữ được sức mạnh cảm-dụ và truyền-bá, thì những người có chức-trách truyền-đạo, cần phải là những

người đã chân-chính đặc-đạo, nghĩa là phải gồm cả tư-cách nhà bác-học, nhà hiền-triết, nhà tu-hành, thì mới dung-hòa được khoa-học và tôn-giáo cho thành kết-quả vậy. Vì rằng muốn truyền dạy cho kẻ khác cái chương-trình của Thượng-đế, thì trước hết phải tự mình đã trông thấy cái chương-trình đó thi-hành ra hoàn-toàn vừa ở bản-thân mình, vừa ở trong vũ-trụ vậy.

Thời-kỳ kết-quả

Cõi trí-đạo. — Các lẽ màu-nhiệm đó đã thấu được rồi, thì những lời ta khuyên dạy đây, sẽ làm được dễ-dàng, và đáng được giải-thoát cả mọi sự phiền-não. — Khi đã cố công gắng sức tìm được Thượng-đế ở trong bản-thân mình cùng trong cõi thiên-nhiên, hiểu cái cách tác-dụng của luật-pháp ngai trong mọi sự hiện-tại cùng mọi sự xảy ra, thời bấy giờ sự chiêm-dầu dễ cho tự-kỷ tinh-tiến lại càng dễ-dàng lắm. Những phép tắc cao-thượng về đạo tu-luyện cũng tuân theo được dễ, và kết-cục sẽ đưa tới cõi trí-đạo. Bấy giờ thì cái cơ-hội cùng những sự xảy ra bên ngoài không có ảnh-hưởng gì đến người trí-giả cả, trong lòng tín-ngưỡng hằng-hải yô-cùng, dầu đối với cái chết hiển-nhiên, cũng vẫn bình-tĩnh như thường, vì thấy người mình càng ngày càng thoát được khỏi những cái chướng-ngại về vật-chất và khuynh-hướng về cõi thần-minh.

Nhưng mà phải nên kiêng-kỵ những thức ăn ta đã cấm trong khi tu-luyện trai-giới, và cứ nên theo đuổi cái công-phu giải-thoát cho linh-hồn được thanh-thoai, phạm sự-vật, phải biết kén chọn cho đích-dáng và cho thích-nghi, để cho cái phần tinh-tuý trong người là Thần-trí bao giờ cũng được thắng vậy. — Tuy-nhiên đã hiểu biết những lẽ phải thiêng-liêng mà được hưởng những lợi-ích

cao-thượng, thời phải có công-phu kiên-nhẫn mới giữ được lâu bền. Muốn cho khỏi ngưng-trệ một chỗ, hay là tệ hơn nữa là bị cái sống vật-chất nó lại tràn ngập mất, thì phải gắng-gỏi luôn không được ngưng, phải thường ôn đọc lại những điều răn dạy về cách sinh-hoạt cao-thượng, phải càng ngày càng thêm-nhiệm cho sâu, để cho nó chế-ngự được cả mọi sự tư-tưởng hành-vi của mình. Và cốt nhất cả, muốn cho những cái quyền-lực cao-thượng đó giữ được lâu bền, thì phải thường-thường theo cách ăn uống cho cẩn-thận và trong sạch, thường thường xen xét bản-thân mình, trước khi nói-năng quyết-định việc gì, phải suy nghĩ cho kỹ-càng đích-dáng, rồi sau cứ dốc một lòng mà theo đuổi cái mục-đích đã định, là dù xử vào cơ-hội nào mặc lòng cũng hết sức làm cho đạo đức cùng chân-lý được thẳng ở trong bản-thân mình cùng cả chung quanh mình, khiến cho phát-siển được cái năng-lực tuyệt-đối của thần-trí và thoát được cái cuộc đời lao-khổ trên trần-thế này.

Cõi vĩnh-viễn cực-lạc. — Được như thế thì đến khi đời bỏ cái khn-xác này sẽ bay bổng lên cõi thanh-hiền, và bấy giờ không phải theo luật sinh-tử nữa, sẽ biến-hóa mà thành một vị thần-tiên bất-diệt vậy. — Kẻ học đạo có công thì cái phần thưởng ở trên cõi trần-thế này là được khoan khoái vì mùi đạo-lý; sau khi chết rồi thì sẽ được vào một cõi đời vĩnh-viễn cực-lạc.

Lúc chết thời cái phần trợ-g-trợ ở trong người sẽ trở về đất mà cái phần khí-h-thanh thì bay bổng lên trời. Trong khi sống, cái gì là cái lấy ở đất ra, thân-thề cùng những của-cái vật-chất thì bỏ lại mà trả về cả, vì những cái của đó có phải là của riêng của ta đâu. Thuộc về bản-thân người ta duy có những sự thu-hoạch của tư-tưởng, hoặc tốt hoặc xấu, những cái công cái

tội ở đời mà thôi. Nếu còn phải kinh-nghiệm nữa, còn có nghiệp phải báo, thì còn phải tái-sinh lần nữa trong cõi vật-chất. Nếu trái lại, thần-trí đã tìm được một con đường nào mà đạt tới được những luật-pháp thiêng-liêng, biết ăn ở một cách đạo-đức, thì bấy giờ chỉ có công được thưởng chứ không có tội gì nữa, không phải quay về cõi vật-chất nữa, có thể sống theo một cái đời cao thượng bằng một cái thể vô-hình, gồm những khí-lực tinh-anh bất-diệt vậy.

Cái thang vật-loại tiến-hóa cho tới cõi Thượng-đế, không phải đến người ta là cùng. Trên cả lớp những loài ở trên mặt đất, khoáng-vật, thực-vật, động-vật, mà người ta là bao gồm hết thảy, là đầu chót hơn cả, thì lại còn có một lớp nữa là lớp siêu-nhân-loại, ở đó thì tiến-hóa lại càng cao, suy cùng mãi đến Thượng-đế. Vậy thời ngoài cái trật-tự những giống có cơ-thể ở trên mặt đất này, mà đến giống người ta là cùng-cực, còn có thể tưởng tượng một cái trật-tự sinh-hoạt cao-thượng hơn, phát-siển ra ở tro g cõi mặt trời lồng-lộng, vũ-trụ mệnh-mông, mà biến-hóa bằng những cái cơ-quan nhẹ-nhàng, không bị bó buộc trong vòng vật-chất.

Cái đời nhẹ nhàng trong sạch đó đối với cái đời ta sống ở trong vòng không-khí này, cũng có thể sánh với cái đời không-khí của ta đối với cái đời những giống sinh trưởng dưới nước vậy. Cứ so-sánh cái sự sống tầm-thường của con cá, với sự sống tự-do hoạt-động của loài người thì có thể suy-loại mà biết cái quyền-lực của ta ngày nay rất nhỏ-nhen đối với cái quyền-lực của ta sau này sẽ to-tát là dường nào.

Các đạo-giáo, muốn cho công-chúng dễ hiểu được, thường tả cõi cực-lạc là nơi người ta được hết sức sung-sướng về vật-chất, vậy thì cõi cực-lạc đó tức là nơi người ta chuyển tự cái

cõi đời trần thế này nên một cõi đời thanh-cao hơn. Tới đó thì hình-thể càng khinh - thanh, tâm-trạng càng khoáng-đạt, ý-chí càng mạnh-mẽ, chuyên-dịch càng dễ-dàng, cảm-thông càng mau chóng, và khoái-lạc thật vô-ngần vậy. Những cái hình-thể mới đó là gồm cả các hình-thể có thể tưởng-tượng được. Ý-thức bấy giờ thấu-triệt cả những cái kỳ-ức tối các thời-kỳ trước. Cả cái công của tạo-hóa dần dần chung-đúc về cá - nhân. Rồi lần lần cá - nhân đó thành một bản-vị hoàn-toàn, tự

cảm - giác được cả các vật các loài, biết tư-tưởng ra ngoài cả thời-gian cùng không-gian, rồi cứu-cánh được tham-dự vào cuộc tư-tưởng của thần-minh, sinh - trưởng trong một cái không-khí thiêng - liêng, gồm đủ các tài-năng phẩm-cách của thần-minh, và theo như lời PYTHAGORE đã hứa sẽ trở nên một vị thần-tiên ở trong cõi Thượng-đế vậy.

HẾT

T. - C. dịch

CHỮ NÔM VỚI QUỐC-NGŨ

Nói đến quốc-học của ta, trước nhất phải xét văn-tự của ta có những gì.

Văn-tự riêng của ta, là thứ chữ nôm (xưa gọi là quốc-ngữ).

Nay xin kể cái cội-gốc thứ chữ nôm ra thế nào.

Thứ chữ nôm của ta, có từ bao giờ, sáng-tạo tự người nào, đây là một cái vấn-đề nên biết. Cứ theo sách Đại-nam quốc-ngữ của Văn-đa cư-sĩ 文多居士 chép lại, thì biết có từ đời Sĩ-vương 士王.

Cư-sĩ có chép rằng : Sĩ-vương bắt đầu lấy tiếng Tàu dịch ra tiếng ta, thế thì biết có lẽ chữ nôm ta phôi-thai từ đây.

Văn-đa cư-sĩ là một nhà bác-học, ở đời Tự-đức, có nghiên-cứu đến đạo Lão, Trang 老莊 và học Vương Dương-Minh 王陽明, chỗ học khác hẳn với các nhà học-giả khác; và có kế-cứu đến thứ tiếng của ta, làm ra tập Đại-Nam quốc-ngữ 大南國語, thế là đủ biết cư-sĩ có căn-cứ vào đâu, mới nói ra đây, liếc trong sách của Cư-sĩ không chép ra cho rõ.

Lấy ý riêng của tôi xét ra, thì tưởng đương-thời ta học sách chữ Tàu, thầy

dạy hay là học-trò học, thế nào cũng phải lấy tiếng nước ta mà giải-thích, mới có thể hiểu; lại cần phải có một thứ chữ gì để làm phù-hiệu, ghi cho dễ nhớ, nhân vậy Sĩ-vương mới lựa những thứ chữ Hán nào phát-âm như tiếng ta, lấy những thứ chữ ấy, để làm phù-hiệu, âm cái tiếng chữ Tàu; học-trò học sách mà muốn nhớ tiếng chữ Hán, thì cũng phải nhớ lấy chữ Hán hay là thứ tiếng chữ Hán khác, âm vào để cho khỏi quên, nhưng vì dùng chữ Hán cũng không âm hết được thứ tiếng của mình, tỏ hết ý của mình, nhân vậy mới lựa lấy một nửa cái hình chữ Hán và một nửa chữ Hán khác, hợp lại thành chữ, hoặc dùng tiếng, hoặc dùng nghĩa, hoặc cùng ý-hội, đem mà làm phù-hiệu, dịch cái tiếng của ta; đây là một cái nguyên-do bắt đầu bày ra thứ chữ nôm.

Vả chăng Sĩ-vương là người đất Quảng-lâm, quận Thượng-ngô, thuộc về đất tỉnh Quảng-tây nước Tàu bây giờ, mà bên ấy từ xưa đã có một thứ chữ tục-tự hết như thứ chữ nôm của ta, loại như : tiếng « ngánh » là nhỏ, thì viết ra chữ là 𠂔, mà đọc là ngánh; tiếng « oánh » là yên-ôn, thì viết

ra chữ là 奎, mà đọc là oánh, toàn là thể-thức như chữ nôm của ta; cứ theo trong bộ sách Lĩnh-ngoại đại-dáp 嶺外代答 của ông Chu Khử-Phi 朱去非 đời Tống chép lại, thì rõ-ràng thứ chữ tục ấy toàn như thứ chữ nôm của ta.

Si-vương sang làm thứ-sử nước ta, bắt đầu lấy những Thi-Thư của Tàu, dạy cho dân ta, mới suy theo lối chữ tục của Quảng-tây, bày ra cách chữ nôm ta, như lời của Văn-da cư-sĩ nói, thật là có chứng-cứ lắm.

Từ Si-vương bày ra cách dùng chữ nôm, về sau càng ngày càng thêm nhiều ra, thì lại lựa ra thành bộ, không khác gì chữ Tàu; chữ gì quan-hệ đến miệng, thì dùng bộ khẩu 口, chữ gì quan-hệ đến lòng, thì dùng bộ tâm 心, lấy cách ấy mà suy ra, cho nên chữ nào cũng viết ra được, mà cũng có thể làm ra một quyển tự-diễn chữ nôm được chớ không phải không, chỉ từ xưa chưa có ai làm ra đấy thôi.

Nhưng thứ chữ nôm ấy, dụng ra được nhiều tiếng nhiều chữ, không phải do một người nào viết ra hết được, hay là do một bọn người ở một xứ nào viết ra đủ tiếng được, mà vì chưa có tự-diễn, cho nên những sách viết bằng chữ nôm, mỗi nơi cũng có khác nhau, đấy là cái lẽ tự-nhiên.

Xét ra thứ chữ nôm có chép ở trong sử, bắt đầu từ chữ Bô-cái đại-vương 布蓋大王 là một chứng-cứ trước ra trước nhất, và đến đời Đinh, cũng dụng thứ chữ nôm, đặt lên nước là Đại-cổ-việt 大懼越; đến triều Trần, thì thứ chữ nôm ấy, đã phổ-thông lắm, cho nên mỗi khi quan hành-khiển có truyền cái sắc-chỉ gì của vua ra, thì có thích ra bằng chữ nôm, bởi vì hạ-lưu xã-hội, không thể biết hết được chữ Hán nên phải dụng thứ chữ nôm, cho dân ta dễ hiểu, thế đủ biết về thời Trần thứ chữ nôm ta đã thông-hành lắm.

Lại các bậc danh-nho triều Trần, như ông Hàn Thuyên 韓侂 mới bày ra làm thơ bằng chữ nôm, ông có làm ra tập thơ gọi là Phi-sa tập 披沙集, có nhiều bài thơ nôm hay, người đương-thời bắt-chước làm thơ nôm, nhân mới gọi thứ thơ nôm ấy, là Hàn-luật 韓律.

Ông Nguyễn Si-Cổ 阮士固 bắt đầu bày ra làm phú chữ nôm, người mình cũng đua nhau học theo. Ấy thơ phú bằng chữ nôm, đều là có từ đời Trần.

Hai ông ấy, đều là danh-nho triều Trần, không những chuyên học chữ Hán, mà cũng học chữ nôm, một cách rất dụng-công, nổi tiếng ở đương-thời, vì thế mà quốc-ngữ của ta càng ngày càng thịnh-hành ở trong dân-gian, thành n.ột cái ảnh-hưởng to cho học-giới.

Vì cái học bằng chữ nôm đã có cái thế-lực to, cơ-hở cả nước đều sung-thượng, cho nên thơ văn cũng tiến-bộ một cách rất chóng. Xem vua nhà Trần, có sự giả công-chúa Huyền-Trần cho vua Chiêm-thành Chế Mân, thì cả triều-dã đều vinh thụy quốc-âm để trào-phúng về sự ấy, cho như thế là một cái nhân-duyên ép-uồng, mà tổ lòng thương-tiếc, mong nhà vua có hồi-ngộ lại chăng, thơ ấy đến nay cũng hãy còn truyền-lại, được hơn bốn-mươi bài, đáng cho là một thứ thơ nôm tối-cổ vậy.

Về cái phong-trào học chữ nôm ở triều Trần, khắp cả toàn-quốc, nên những nhà học-giá đương-thời, cũng phần nhiều là nghiên-cứu thứ chữ nôm; như cụ Chu Văn-An 朱文安 cũng có Quốc-ngữ thi-tập, Trang-Định-vương 莊定王 cũng bắt đầu bày ra làm thứ thơ yết-hậu 歇後 bằng chữ nôm, để phúng-chế Trần Nguyên-Bán, mà Hồ Quý-Ly 胡季犛 cũng lại lấy chữ nôm dịch kinh Thi và thiên Vô-dật 無逸, để dạy nhà vua, xem thế đủ biết chữ nôm thịnh-hành biền chùng nào.

Từ Trần trở đi, thì thứ chữ nôm là thứ chữ thông-dụng thứ nhất, văn-thơ

và sách-vở in ra bằng chữ nôm là phần nhiều, nếu nước nhà ta cứ dụng thứ chữ để phổ-cấp ấy, mà dạy bảo cho dân thì nước ta từ xưa đã chóng tiến-bộ biết chừng nào.

Tiểu thay, vào đời Lê, trong năm Vĩnh-thịnh thứ 14 (1718), nhân thứ chữ nôm thịnh-hành quá, dân-gian có nhiều nơi in ra những sách vở để nói việc này việc nọ, có khi phạm đến chính trị và phong-hóa, chúa Trịnh sợ như thế có khi họ báng-sán đến triều-chính, nhân truyền lệnh cho bọn thần-liều vương-phủ, thông sớ cho thần-dân cả nước rằng : « Những sách vở gì có quan-hệ đến thế-giáo, mới được ấn-hành, gần đây có nhiều kẻ hiếu-sự, đem những tạp-truyện bỉ-ngữ, không phân-biết sách gì hay hay là dở, cứ in ra để lưu-hành, điều đó lẽ nên cấm-chế, từ nay về sau hề có ai thu-trữ hay in bán những thứ sách-vở ấy, nhà vua có thể một-thu và tiêu-hủy hết cả.»

Nhân có lệnh truyền ấy, các quân thừa-hành, lại càng làm những-nhiều nhiều cách, dân-gian kinh-hãi, sợ phải vạ gởi tai bay, đốt bỏ đi hết nhiều. Sách-vở thuộc về chữ nôm, gặp cái họa-kiếp ấy, không khác gì chữ Hán gặp vua Tần Thủy-hoàng vậy, thiệt-hại không biết chừng nào.

Nhưng về các thời-dại ấy, các kinh-tịch dịch ra chữ nôm cũng nhiều, sự học-hành ở dân-gian đã thấy tiến-bộ lắm, cho nên ông Phạm Nguyễn-Du 范 允 攸 đã có xin lấy chữ nôm dịch Võ-kinh, để dạy quán-linh cho tiện.

Về đời Tây-sơn, thì cả thầy công-văn, đều dụng bằng chữ nôm, nhưng hưởng nước không được bao lâu, cho nên văn-học thời ấy, chưa thấy được phát-đạt gì. Nay xét lại vãn-trị đời Tây-sơn, hãy còn để lại, chỉ còn mấy bộ kinh-truyện dịch bằng chữ nôm thôi.

Bản-triều từ lúc đầu mới khai-thác về miền Thuận-Quảng, nhiều dụng chữ nôm, cho đến vua Thế-lỗ trung-hưng cũng vậy, nay xem các tập công-văn xưa, thì cũng đủ thấy.

Bắt đầu từ đời vua Minh-mệnh trở về sau, thì bỏ không dụng chữ nôm nữa, văn - chương trường - ốc, và chương-tấu của thần-liều, đều bắt phải dụng thứ chữ Hán, lại bắt phải viết cho đúng theo Khang-hi tự-điền, nhân vậy cái khaynh-hướng dụng chữ nôm, ngày càng kém đi, mà chữ Hán ngày có cái thế-lực lớn, cho đến bây giờ.

Tuy vậy, thứ chữ nôm lưu-hành ở dân-gian ta, vẫn ngấm-ngấm phát-đạt, không bao giờ quên được bỏ được, cho nên đến bây giờ, ở các hương-thôn có tờ yết-thị gì, cũng còn dụng thứ chữ nôm, vì thứ chữ nôm ở về phương-diện xã-hội, vẫn thông dụng nhiều hơn số người biết chữ Hán vậy.

Nay thử kể các đời trước lấy chữ nôm dịch ra những thứ sách gì như sau này :

Sự lấy chữ nôm để làm ra các thứ thơ-văn như thơ văn Tàu, là từ ông Hàn Thuyên, ông Nguyễn Sĩ-Cổ, còn lấy chữ nôm làm ra văn-chương, để dịch kinh-truyện, dạy cho người mình, là từ ông Hồ Qui-Ly nhà Trần.

Ông bắt đầu lấy quốc-ngữ dịch ra nghĩa kinh Thi, gọi là Quốc-ngữ thị-nghĩa (1394), và có làm một bài tựa, khiến các rừ-giáo-sư dạy cho bà Hoàng-hậu và cả thầy cung-nhân đều phải học tập, trong bài tựa phần nhiều ông cứ theo cái ý của mình mà bàn, chớ không theo lời của Chu Hy, thế đủ biết chỗ cao-kiến của ông. Ông lại có dịch ra thiên Vô-dật 無 逸 trong kinh Thi (1395) để dạy cho nhà vua. Ông Phùng Khắc-Khoan 馮 克 寬 cũng có bộ Chu-dịch diễn-nghĩa ; ông Vũ Thành 武 城 dạy học trò, đều lấy kinh-tịch dịch thành quốc âm, ông Đặng Thái-Phương

鄧泰芳 cũng có lấy chữ nôm dịch ra kinh Dịch gọi là Chu-dịch quốc-âm dịch-nghĩa ; ông Nguyễn Bá-Lân 阮伯麟 có dịch kinh Thi, gọi là Thi-kinh quốc âm ; ông Lê Quý-Đôn 黎貴敦 có dịch kinh Thư ra quốc-âm, gọi là Thư-kinh diên-nghĩa. Đến đời Tây-sơn thì có đặt ra Sùng-chính thư-viện 崇正書院, sinh ông Nguyễn Lạp-Phong 阮笠峯 ra làm viện-trưởng đề chủ-trương sự dịch các kinh ra quốc-âm, và ông cũng có dịch ra sách Tiều-học để dạy học-trò.

Bản Quốc-ngữ thi-nghĩa và thiên Vô-dật của Hồ Quý-Ly dịch ra, thì nay không thấy còn, nhưng các kinh-truyện khác, dịch bằng quốc-âm, thì nay cũng hầu có chỗ còn.

Còn thứ chữ quốc-ngữ dụng bằng thứ chữ La-mã, như bây giờ, thật là một thứ chữ rất tiện-lợi, hơn chữ nôm ngày xưa, có thể làm cho con đường học-vấn chóng lên ; nhưng sớ-dĩ văn quốc-ngữ ngày nay, mà có một áng văn-chương, kể ra cỗi-gốc, là nhờ thứ chữ nôm về trước ; vì nếu từ xưa mà không có thứ chữ nôm ấy, để cho người mình được tự-do phát-huy cái tư-tưởng cảm-xúc ra ngoài thì ngót nghìn năm nay, lấy đâu mà có cái áng văn-chương hay, để ngày nay có đường do đó mà tiến lên, vậy nên nói đến quốc-học mà nói đến quốc-văn, thì không sao không nhớ đến cái công của các tiền-bối đã vì quốc-học mà gây nên những áng văn-chương hay.

SỞ-CUÔNG

TOLSTOI VỚI PHẬT-KINH (1)

Bài tự của Pháp-sư Hiền-Ấm 顯蔭

Hiện nay những người tri-thức trên thế-giới, ai cũng công-uhận rằng Phật-pháp là một ngôi sao sáng của văn-hóa phương đông ; ai cũng bảo rằng Phật-pháp có quan-hệ mật-thiết đến mọi sự hành-vi và tinh-thần loài người ta. Nay muốn nuôi lấy cái hành-vi cho có đạo-đức, mong an-úy về đường tinh-thần, phi nghiên-cứu lấy Phật-pháp không được ; mà đến các phương-diện tôn-giáo, triết-học, khoa-học, văn-học, muốn học cho đến cái địa-vị viên-mãn cứu-cánh, cũng phi nghiên-cứu lấy Phật-pháp không được. Song những nhà học-vấn, nhà tư-tưởng đời nay, nếu không có cái chứng-cớ gì xác-thực rõ-ràng, thì không ai chịu tin Phật-pháp là có giá-trị.

Hồ Kỳ-Trần tiên-sinh có làm ra bài khảo về « Thác-nhĩ-tư-thái với Phật-kinh », xem ra mới biết Thác-nhĩ-tư-thái (Tolstoi) là một nhà triết-học có danh-tiếng, mà học-thuyết cũng có nhiều lý-tưởng sớ-đặc tự kinh Phật ; cứ đem những triết-lý tư-tưởng của ông ấy ra mà so-sánh thì biết. Chúng ta mong Hồ tiên-sinh ngoài sự khảo-chứng về văn-học ra, lại nghiên-câu về triết-lý, đem những tinh-ý trong kinh Phật mà phổ bày giới-thiệu cho mọi người biết, để cho mọi người đều biểu-thấu cái chân-nghĩa về tôn-giáo, triết-học và khoa-học, và biết rõ Phật-pháp là cao-diệu viên-dung, làm cho tỏ cái ánh sáng đại-quang-minh trong cõi tư-tưởng học-thuật. Mong lắm thay !

(1) Nguyên-văn của Hồ Hoài-Thâm.

Hai bài tự-tự của Hồ Hoài-

Thâm 胡懷琛

I

Tôi biên-tập ra quyển sách nhỏ này ý là muốn cho mọi người ai cũng biết rằng cái tư-tưởng của Tolstoi (Thác-nhĩ-tư-thái) có một phần sở đặc tự kinh Phật. Song những người xem sách của Thác-thị, thì lại thường không xem đến kinh Phật, mà người đọc kinh Phật lại thường không đọc đến sách của Thác-thị, cho nên không ai biết được những chỗ giống nhau ấy.

Ta vốn giữ cái thái-dộ bình-tĩnh, nghiên cứu lấy những chỗ lai-lịch và tư-tưởng của các nhà học-giả trừ-danh, là cái việc mình nên làm, chứ chúng ta không phải chỉ tách-bạch văn-hóa Tây-phương với Đông-phương như thế lại là hẹp-hòi lắm.

Những bài trong sách này trước đã đăng ở *Thời-sự tân-báo* đề là « Thác-nhĩ tư-thái sao tập Phật-kinh » sau có sửa đổi lại nhan đề là « Thác-nhĩ tư-thái với Phật-kinh » do hội « Thế-giới Phật-giáo Cư-sĩ-lâm » in ra thành sách để truyền-bá cho rộng.

II

Tôi biên-tập xong được quyển sách nhỏ này, có nhờ ông Lý Kinh-Vĩ cư-sĩ giới-thiệu đến chất-chính với ông Hiền-Ấm pháp-sư, nhờ pháp-sư làm cho bài tựa. Pháp-sư có bảo trong chương thứ tư sách này có dân hai bài ngụ-ngôn, đều là sao ở kinh Phật ra, chứ không phải là ngẫu-nhiên mà giống nhau đâu. Trong thư Pháp-sư nói rằng :

« Chương thứ tư. — Có bài ngụ-ngôn « Thủy-thần với ngọc trân-châu », ý-tứ cũng toàn giống như bài « Thái-tử tát nước bề bề tìm ngọc châu » trong kinh Phật. Bài ngụ-ngôn « Người mù với sữa bò » cũng giống như bài tỉ-dụ « Sữa bò với tuyết » trong kinh Phật ; xem như hai bài ấy thì thực là

sao-tập ở Phật-kinh ra, chứ không phải là ngẫu-nhĩ giống nhau.

« Xem thế thì biết Thác-thị mượn nhất trong kinh Phật cũng nhiều, chứ không những chỉ mấy điều như Hồ tiên-sinh dẫn ra đó. Chúng ta hãy tụng-đọc kinh Phật mới biết ra như vậy. »

Tôi xin cảm ơn Pháp-sư dạy bảo cho mấy lời trên này, lẽ ra thì phải sửa đổi lại những chỗ ấy, nhưng sợ tốn mất thì giờ, vậy xin cứ để như cũ, mà đặt mấy lời pháp-sư dạy bảo như trên, để làm bài tựa thứ hai.

Vả không mấy người biết được văn của Thác-thị là lấy ở trong kinh Phật ra ; vì rằng người đọc kinh Phật thì thường không đọc đến sách của Thác-thị, mà người đọc sách của Thác-thị thì thường không đọc kinh Phật ; số-dĩ không mấy người biết. Nay ta mới phát-kiến ra cũng là sự ngẫu-nhiên vậy. Khi ta chữa khảo-cứu chứng-mình ra được, ngờ đâu Thác-thị-tư-thái là một nhà triết-học trừ-danh, mà tư-tưởng lại nhân nhiều lấy ở trong kinh Phật ra vậy.

(Hồ Hoài-Thâm tự-tự ngày tháng chín năm thứ 12 Dân-quốc).

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Lời nói đầu

Nhà triết-học trừ-danh nước Nga là Thái-nhĩ-tư-thái, người trên thế-giới ai là không biết tiếng.

Ngoài nước Nga ra, các nước bên Âu-châu nhiều người sùng-bái Thác-thị, bảo rằng học thuyết ông ấy có cái vẻ Đông-Âu ; nhưng không biết rằng cái vẻ Đông-Âu ấy toàn là cái vẻ Viễn-đông, mà chính là cái vẻ Ấn-độ vậy.

Ta nói như thế không phải là không có chứng-cứ, ta xét trong tập *Nhĩ-dồng văn-học loại-biên* của Thác-thị, có những bài ngụ-ngôn có một phần tư-tưởng là sở-đặc tự kinh Phật ra ; và lại có một phần cũng sao-tập ở

trong kinh Phật. Ta mới biết ra rằng triết-học của Thác-thị có cảm-hóa về kinh Phật rất là sâu-xa. Phần nhiều người Tây-phương chỉ biết có Thác-thị mà không biết đến Phật-kinh, sở-dĩ ta mới phải thuyết-minh việc này cho rõ ra vậy.

Cái tập *Nhi-dồng văn học* của Thác-thị, ta thực chưa được trông thấy nguyên-văn, ta mới được xem bản dịch-văn mà thôi ; song phải nhận xem bản dịch ấy có chắc tin không. Cứ như ta xem ra thì bản dịch ấy chắc tin lắm.

Nguyên bản dịch ấy là tự Đường Tiêu-Phổ 唐小圃 dịch ở bản chữ Nhật ra, Nguyên-bản chữ Nhật là tự Thăng Thự-Mộng 昇曙夢 người Nhật biên-dịch, bản dịch-văn của Đường-quân, thì do Thương-vụ ấn-thư-quán xuất-bản năm Dân-quốc Trung-hoa thứ mười hai.

Đường-quân là một nhà trước-tác cũng nhiều, có những sách *Gia-dinh đồng-thoại* đã truyền-bá ra ở đời. Thăng Thự-Mộng cũng là một nhà văn-học trứ-danh ở nước Nhật, sách của Thác-thị, ông ấy phiên-dịch ra cũng nhiều. Xem thể thì Đường với Thăng hai người ấy đáng chắc tin lắm. Và lại trong bài tự của Đường-quân có nói rõ rằng : « Khi ta dịch sách của Thác-thị gặp chỗ nào chữ Nhật nói không rõ-ràng, thì nhờ có Bách-sinh Bái-Lâm, Triệu-sinh Vũ-Tĩnh, hai người tra xét lại bản chữ Nga cho ; vì thế may ra ít chỗ sai lầm. »

Xem thể thì biết bản dịch của Đường-quân, cũng đã có tham đính đến nguyên-bản chữ Nga. Trong bài tựa của Đường-quân lại có một đoạn nói rõ về cái lai-lich nguyên-bản chữ Nhật, đủ biết ông ấy đối với sách này rất là xem xét kỹ-càng trịnh-trọng. Ông nói rằng :

« Tập *Nhi-dồng-văn học* của Thác-thị xưa nay vốn chưa đóng thành ra

một tập sách ; văn ông ấy mỗi chỗ một bài ; tự người Nhật là Thăng Thự-Mộng mới biên chép ra thành một tập *Thác-nhĩ-lư-thái vật-ngữ* tức là *Thế-giới thiếu-niên văn học danh-tác* quyển thứ hai, do hội Đông-kinh gia-dinh độc-vật san-hành, xuất-bản năm 1919, từ đó mới có thành tập, ta biên-dịch sách này, phải theo đúng chính-bản của Thăng Thự-Mộng, chẳng qua chỉ di-dịch một đời chỗ mà thôi.

« Nguyên-bản của Thăng Thự-Mộng phân ra ba mục : Cổ-sự. Vật-ngữ, Dân-thoại. Sách này thì phân ra năm mục : Cổ-sự, Vật-ngữ, Ngụ-ngôn, Dân-thoại, Tiểu-thuyết. Tập Ngụ-ngôn là toàn mới thêm vào, (trích lấy ở trong tập *Đồng-thoại* chữ Nga do Thăng Thự-Mộng dịch ra). Tập Cổ-sự cũng có thêm ít nhiều. Tập Tiểu-thuyết thì theo như nguyên-bản, tập Vật-ngữ thì có di-dịch. »

Trên đó là nói rõ cái bản dịch của Đường-quân là chắc tin lắm. Nay xét về phần sao-tập ở kinh Phật ra, thì cứ đem bản dịch của Đường-quân đối-chiếu với nguyên-văn kinh Phật thì khá rõ. Không kỳ là thế nào, nước Tàu dịch kinh Phật trước Thác-thị hơn nghìn năm ; kinh Phật truyền sang Âu-châu còn sớm hơn Thác-thị. Về phần ấy thì ai cũng biết không cần phải nói rõ nữa. Chương dưới này có dẫn những truyện ngụ-ngôn trong *Bách-dụ kinh* là theo chính-bản xứ khắc kinh ở Kim-lăng ; lại dẫn cả *Tạp-thi dụ-kinh* là theo chính-bản kinh *Hạ-tạng* ở Tần-già tinh-xá. Nguyên-thư hãy còn đủ cả, có thể đem ra mà phúc-xét được.

CHƯƠNG THỨ HAI

So-sánh lời ngụ-ngôn của Thác-thị với kinh Phật

a) Đầu rắn và đuôi rắn (1). — Có một con rắn, đầu nó với đuôi nó tranh

(1) Lời ngụ-ngôn của Thác-thị ở trang thứ nhất trong bản dịch của Đường-quân.

nhau đi trước, vì thế sinh ra cãi nhau.
Đầu rắn nói :

— Mày chạy trước không được!
Mày đã không có cái mắt, lại không có
tai thì chạy sao được?

Anh đuôi nói :

— Không sợ thế...! Ta tuy không có
mắt và tai, nhưng ta có cái lực-lượng
khỏe; mày thử nghĩ xem, nhờ về ai mà
quạt động lên được như thế? Nếu ta
quấn vào cây, thì mày có chạy lên
được bước nào không?

Hai anh Đầu Đuôi cãi nhau mãi,
không anh nào chịu thua. Sau cùng
anh Đầu bảo rằng :

— Thôi mặc cho mày chạy trước.

Anh Đầu rắn vừa nói xong, anh
Đuôi liền quay kéo đầu rắn đi, không
ngờ chạy vừa được một thôi, ngã lẩn
ngay xuống một cái hố sâu.

b) *Đầu rắn và đuôi rắn tranh cãi
nhau*(1) — Xưa kia có một con rắn,
đầu nó với đuôi nó tranh cãi nhau.
Anh Đầu bảo anh Đuôi rằng : « Ta lớn
thì ta là anh cả ». Anh Đuôi bảo anh
Đầu rằng : « Ta là anh cả mới phải ». *Đầu*
nói : « Ta có tai để nghe, có mắt
để trông, có miệng để ăn, lúc đi thì ta
phải đi trước, ta là anh cả mới phải;
chứ như mày có cái tai gì, mà đang là
anh được ». Đuôi nói : « Ta không cần
mày, ta cũng đi được; nếu ta lấy thân
quấn vòng vào cây, cho đến ba ngày,
thì cái đầu mày không thể nào đi mà
tim ăn được, rồi phải đến chết đói ». *Anh Đầu*
bảo anh Đuôi rằng : « Thôi
mày buông ta ra, ta nhường mày làm
anh cả ». Anh Đuôi nghe lời buông
ra. Đầu lại bảo Đuôi rằng : « Mày đã
là anh, thì cho mày đi trước ». Đuôi
ta vùng lên chạy trước, chẳng được

vài mươi bước, ngã lẩn ngay vào hố
lửa mà chết.

a) *Chia đôi di-sản* (2). — Một ông
già có hai người con. Khi ông già hấp-
hối gần chết, gọi hai đứa con vào dặn
ràng :

— Sau khi ta chết rồi, còn có của-
cải ta lưu lại cho đó, hai anh em mày
chia đôi mỗi đứa một nửa.

Ông già dặn bảo xong rồi thì chết.
Hai đứa con chôn cất cho cha xong,
bèn theo lời di-chức của cha bần tình
đến việc chia của; song chia đi chia
lại mãi thủy-chung vẫn không đều,
sinh ra cãi-cọ nhau, quân-phần mãi
không xong. Hai anh em mới nghĩ
rằng mình không đủ trí khôn, bèn
chạy sang hỏi người láng-diềng bảo
giúp họ cho. Người láng-diềng hỏi
rằng :

— Ông thân các anh di-chức lại dặn
hai anh như thế nào?

Hai anh em nói : « Cha chúng tôi
dặn lại rằng : Cái gia-sản này đều chia
đôi mỗi người một nửa. » Người láng-
diềng nghe nơi lảng-lặng nghĩ một hồi
lâu, vừa nghĩ vừa gật đầu rồi mới nói
lên rằng : « Có phải đích là lời dặn
lại như thế, thì can gì phải cãi nhau
mãi, các anh cứ theo đúng như lời di-
chức ấy, đầu là sống-áo, đầu là đồ-đạc,
đầu là các muông gia-súc, các anh cứ
đem chia cắt làm đôi cả, quân-phần
như thế là xong! »

Hai anh em nghe lời người láng-
diềng, rồi đem các đồ-vật chia cắt đôi
ra cả. Rút-cục lại hai anh em sờ-đắc
phần của chia đều cắt đôi ra cả, chẳng
dùng làm gì được nữa.

(1) Trang thứ năm trong kinh *Tạp-thi-dụ*.

(2) Lời ngụ-ngôn của Thác-thị ở trang thứ tư trong bản dịch của Đường-quân.

b) *Hai con chia của* (1). — Xưa nước Ma-la có một thầy chùa, mắc bệnh nặng, biết là không thể khỏi được; mới dặn hai con rằng: «Khi ta chết rồi liệu mà chia gia-sản cho đều.» Hai con theo lời di-chức, sau khi cha mất rồi đem gia-sản chia làm đôi, anh em cãi-cọ nhau mãi về nôi chia không đều. Khi ấy có một ông già ngẩn ngơ xui hai anh em nó một cách chia, bảo đem các đồ-vật đều phá ra làm đôi cả, như là cái áo, cái quần đều xé ra mỗi anh một nửa, cái bình cũng đập ra làm đôi, cái đĩa cái chén cũng đập ra làm đôi, đồng tiền cũng bẻ làm đôi, bao nhiêu đồ-vật đều đập phá ra làm hai phần cả. Cách chia của như thế, ai cũng cười là ngu.

a) *Con bú-dù với năm đậu* (2). — Con bú-dù hai tay vốc lấy hai năm đậu; cầm không chặt thế nào rơi mất một hột xuống đất.

Bú-dù ta rơi mất hột đậu, lấy làm tiếc không muốn bỏ, mới cúi mình xuống nhặt; vì cái nhặt ấy lại rơi thêm mất hai-mươi hột; vì tiếc hai-mươi hột đậu ấy lại lom-khóm cúi xuống nhặt, nhặt mãi lúng-túng thế nào làm cho hai năm đậu đều rơi vung cả ra mặt đất.

Bú-dù ta thấy đánh rơi mất cả đậu, tức giận nhảy lên dẫy xéo vào những hột đậu, rồi bỏ chạy đi mất.

b) *Con khỉ với năm đậu* (3). — Con khỉ kiếm đậu được năm đậu cầm ở trong tay, vô-ý rơi mất một hột xuống đất, bèn thò tay xuống nhặt lấy hột đậu, hột đậu rơi kia chưa nhặt được mà lại đánh rơi mất cả năm đậu trong

tay. Đàn gà ở đâu chạy đến mổ mất hết cả.

a) *Bò sữa* (4). — Có một anh nuôi được một con bò cái, cứ mỗi buổi sớm vắt lấy được một lít sữa. Anh ta thấy vắt được sữa như vậy, mới định mời khách nếm sữa, trong bụng nghĩ rằng: «Ta định mời khách ăn sữa bò thì phải chừng độ mười lít mới đủ; con bò này mỗi ngày vắt được một lít, thì phải mười ngày mới được mười lít; nay ta cứ để dành mười ngày không vắt, vừa đến hôm thết khách, tất là tích được mười lít sữa.»

Anh ta nghĩ như vậy, liền tính ngay từ hôm ấy trở đi, không vắt lấy sữa vội. Đợi đến hôm thứ mười, khách lại chơi đồng đủ cả, anh ta mới đi vắt lấy sữa bò để thết khách; chờ đâu con bò ấy trong mười ngày không vắt lấy sữa, thành ra sữa đều lên hết cả, đến lúc đem ra vắt lấy một lít cũng chẳng được.

b) *Người ngu định cốp lấy sữa bò* (5). — Xưa có người ngu định ngày mời khách, muốn nghĩ cốp lấy sữa bò để thết đãi, mới nghĩ rằng: ta nay nếu hằng ngày vắt lấy sữa bò, thì tích sữa nó nhiều mãi ra không có chỗ để, mà có khi nó sinh ôi ra, gì bằng ta cứ để trong bụng con bò, đợi đến hôm làm tiệc thết khách, ta hãy vắt lấy một thể. Nghĩ như vậy bèn đem buộc hai mẹ con con bò mỗi con một nơi. Sau độ một tháng mới bày tiệc mời khách đến đồng đủ, khi ấy mới dắt bò ra để vắt lấy sữa, thì bò đã lên hết sữa chẳng vắt được một giọt nào cả. Mọi người khách đều mắng rằng ngu, người thì lấy làm tức cười.

(1) Trang thứ năm trong kinh *Bách-du* quyền hạ.

(2) Bài ngạ-ngôn của Thác-tụ trang thứ tám trong bản dịch của Đường-quân.

(3) Trang thứ 22 trong kinh *Bách-du* quyền hạ.

(4) Bài ngụ-ngôn của Thác-thị trang thứ mười trong bản dịch của Đường-quân.

(5) Trang thứ tư trong *Bách-du* kinh quyền thượng.

a) *Thứ lê nào nếm ngon nhất* (1). — Có một ông chủ sai tên người nhà đi mua lê, dặn nó rằng: «Mày đi mua cho tao lấy thứ lê nào nếm ngon nhất ấy nhé». Tên người nhà nghe lời chủ dặn, liền đi đến hàng bán hoa quả, bảo người nhà hàng rằng: «Bán cho thứ lê nào ngon nhất». Người nhà hàng đem thứ lê tốt ra cho nó xem, tên người nhà xem rồi nói rằng: «Thứ này chưa chắc đã ngon, người phải bán cho ta một thứ lê rất ngon mới được». Người nhà hàng liền bảo rằng: «Anh thử nếm ngay một quả xem, anh có nếm thì mới biết là rất ngon.» Tên người nhà nói: «Ta nếm biết được một quả ngon, còn những quả khác nó đều không ngon cả thì biết sao được?» Tên người nhà liền cầm mỗi quả đều nếm thử một miếng, rồi mua đem về. Khi đem về chủ thấy không quả lê nào nguyên lành, đều bị nó nếm qua cả, liền đá cho nó một thối.

b) *Nếm thử quả soài* (2). — Xưa có ông trưởng-giả sai người nhà cầm tiền đi đến vườn kia mua soài, mà dặn rằng: «Xét xem quả nào ngon ngọt thì mua về.» Tên người nhà cầm tiền đi mua. Người bán soài nói: «Cây soài này quả nào cũng ngon-ngọt, chứ chẳng quả nào sai cả, anh nếm thử một quả thì khắc biết.» Tên người nhà nói: «Tôi phải nếm qua cả thì mới dám mua, nếu nếm một quả thì sao biết được?» Rồi quả nào nó cũng nếm thử mới mua đem về. Trưởng-giả thấy quả soài nào cũng nếm dở cả, bèn bỏ không ăn.

a) *Đàn chim mắc lưới* (3). — Anh đi săn giăng lưới ở bên bờ hồ, để chực bắt chim. Chợt một đàn chim

bay qua, anh ta giắt lưới chụp được cả đàn. Không ngờ đàn chim nhiều con to, bóc cả lưới bay đi. Anh ta tham tiếc đàn chim, hết sức đuổi theo, giữa đường gặp một chú nông-phu hỏi rằng: «Anh đuổi theo đàn chim kia biết đến bao giờ cho cùng? Đàn chim nó cứ bay mãi lung-chùng trời, anh đâu hết sức đuổi sao cho theo kịp được?» Anh đi sẵn nói: «Không sợ, nếu chỉ có một con chim thì ta cũng chẳng đuổi làm gì; nhưng nó là một đàn nhiều lắm, ta phải đuổi bắt cho được.» Anh đi sẵn cứ đuổi theo mãi đến khi trời gần chiều; đàn chim con nào cũng mong bay về tổ mình, con thì bay bồng về rừng, con thì bay nhào ra bãi, con lại muốn lượn-quần bay về bờ ao, bay nhầy rối beng liền rơi cả lưới xuống; anh đi sẵn vì thế mới bắt sống được cả đàn.

b) *Đuổi bắt đàn chim* (4). — Người bắt chim giăng lưới ở trên chằm, quăng thức ăn nhử cho chim vào lưới; đàn chim đua nhau bay đến ăn, người bắt chim giắt lưới, đàn chim mắc cả trong lưới. Trong ấy có một con chim to, gia sức bay bóc lưới lên, đàn chim đều bay đưa lưới đi mãi. Anh bắt chim cứ trông bóng mà đuổi theo. Có người gặp bảo anh bắt chim rằng: «Đàn chim bay trên không mà anh cứ đuổi theo hão mãi, thì ăn thua gì!» Anh bắt chim nói rằng: «Anh không biết, loài chim đến chiều tối là nó phải đi tìm chỗ đậu ngủ, khi bấy giờ mỗi con bay về một ngã, đặng-co nhau thế-tất là lưới phải rơi xuống». Nói rồi cứ đuổi theo mãi không thôi, mặt trời gần chiều tối, trông lên đàn chim, cứ thấy bay đặng-co nhau mãi, con thì bay về hướng đông, con thì bay về hướng tây,

(1) Bài ngụ-ngôn của Thác-thị trang thứ 15 trong bản dịch của Đường-quân.

(2) Trang thứ 14 trong kinh *Bách-du* quyển hạ.

(3) Bài ngụ-ngôn của Thác-thị trang thứ 33 trong bản dịch của Đường-quân.

(4) Trang thứ 5 trong kinh *Tạp-thi-dụ*.

con muốn bay về rừng, con muốn bay ra vực, chẳng đáng nợ kéo đang kia, luân-quần mãi, vụt chốc rơi cả lưới chim xuống, anh bắt chim cứ việc mà nhặt lấy.

CHƯƠNG THỨ BA

Không phải là phiên-dịch

Có người nói : « Cứ xét như chương trên, thì không phải là triết-học của Thác-thị là chịu được cái ảnh-hưởng của Phật-học, mà cũng không là Thác-thị sao-tập; chẳng qua là Thác-thị phiên-dịch Phật-kinh ra vậy ». Song cứ như ta xét ra, nếu là phiên-dịch, thì phải nên nói rõ là phiên-dịch. Như là Nghiêm-Hựu-Lãng dịch bài *Thiên-diễn-luận* của Hách-tư-lê (HUXLEY), thì ông ấy nói rõ là bài luận của Hách-thị, chứ không có lẫn cả bài *Thiên-diễn-luận* của Nghiêm-thị. Trương Đông-Tôn dịch bài *Sáng-hóa-luận* của Bá-cách-xâm (BERGSON), thì ông ấy nói rõ là bài luận của Bá-cách-xâm, chứ không có lẫn cả bài *Sáng-hóa-luận* của Trương-thị. Đường Tiểu-Phổ dịch bản *Nhi-đồng-văn-học* của Thác-nhĩ tư-thái, ông ấy cũng nói rõ là nguyên-văn của Thác-thị, chứ không có lẫn-lộn *Nhi-đồng-văn-học* của họ Đường. Vô-luận là đã kinh-qua một lần dịch, hoặc hai lần phiên-dịch, đều phải nói lai-lịch cho rõ-ràng. Nay những bài ngụ-ngôn của Thác-thị trên kia, không nói rõ là chính bài ngụ-ngôn trong kinh Phật, bởi thế nhiều người vẫn tưởng là ngụ-ngôn của Thác-thị, mà đều là tư-tưởng của Thác-thị cả.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Không phải là ngẫu-nhiên, giống nhau

Có người nói : « Đó là ngẫu-nhiên giống nhau, vẫn thường như thế; sao lại cho là Thác-thị sao-tập được?

Hưởng-hồ nước Nga gần với Đông-phương, tư-tưởng lại càng dễ giống nhau lắm ». Song cứ như ta xét ra, xưa nay vẫn thường có cái sự bất-ước nhi-đồng, trùng giống nhau cũng là thường; song xem ra, một là trong môi-điền không phải là giống nhau cả, hoặc nhiều lắm là giống đến một nửa, có khi không đến một nửa. Hai là giống nhau không được nhiều như thế; trong bản họ Đường dịch những bài ngụ-ngôn của Thác-thị cộng là ba-mươi-hai bài, mà có sáu bài là giống trong Phật-kinh, thế là đã chiếm một phần trong năm phần, không phải là sự ngẫu-nhiên mà giống nhau vậy.

Ngẫu-nhiên giống nhau mà tựa-trung có một phần không giống, như thế thì xem ra ai cũng dễ biết. Tức như họ Đường dịch những bài ngụ-ngôn của Thác-thị, trong có bài « Thủy-thần với hòn trăn - châu » thì giống như ý bài « Ngu-công đòi núi » ở trong sách *Liệt-tử*, như thế là đại-ý ngẫu-nhiên giống nhau. Lại họ Đường dịch bài « Người mù với sữa bò » giống như bài « Nói vì mặt trời » của Tô Đông-Pha, như thế thì cũng là đại-ý ngẫu-nhiên giống nhau, sẽ diễn nguyên-văn đối-chiếu như sau.

Thủy-thần với hòn trăn-châu (1). — Có một người đi thuyền qua bể, chẳng hay bởi sao đương cầm hòn trăn-châu qui-báu đánh rơi xuống bể.

Người ấy mất hòn trăn-châu, quay ngay thuyền ghé vào bờ bể, cầm gao múc nước bể tát lên bờ, tát luôn tay hết gao nợ đến gao kia, ròng-rã đến ngay thứ tư, chợt thấy ông hải-thần hiện lên bảo rằng : « Anh sao lại tát nước bể đi, anh phải thôi ngay ! » Người kia nói : « Vì tôi đánh rơi hòn trăn-châu vào trong bể, nên phải tát nước bể đi để tìm. » Thủy-thần lại bảo

(1) Trang thứ 26 bài ngụ-ngôn của Thác-thị trong bản dịch của Đường-quân.

rằng: «Anh phải lập-tức thôi ngay, không thể làm được đâu.» Người kia nói: «Tôi tát cho đến cạn nước bề mới nghe!» Nói rồi cứ việc làm. Thủy-thần vội-vàng chạy xuống bề sai tìm lấy hòn trân-châu đem lên trao trả cho người kia.

Ngu-Công dời núi (1). — Hai trái núi Thái-hàng với Vương-ốc vuông bảy trăm dặm, cao hàng vạn nhân; vốn ở phía bắc đất Hà-dương và phía nam châu Kỳ. Ông Bắc-son Ngu-Công đã gần chín-mươi tuổi, nhà ở trông ra trước núi, bị hai quả núi chắn ở phía bắc, khi ra vào phải đi vòng quanh; một hôm ông họp cả nhà lại bàn rằng: «Ta cùng với lũ các người hết sức làm cho bình trị quả núi kia, để cho thông đất Dự-nam đến đất Hán-âm, nên chăng?» Chúng đều xin hết sức. Duy người vợ còn nghi ngại mà rằng: «Cứ như sức ông thì không thể phá nổi được cái gò Khôi-phủ, nữa là núi Thái-hàng với Vương-ốc kia! Vả lại đem đồ đất đá kia vào đâu?» Chúng đều nói rằng: «Đem đồ về cuối bề Bột-hải vào phía bắc đất Ân-thổ.» Nói rồi, cụ bèn đem con cháu ba người ra đào cuốc, nào là đập đá cuốc đất bỏ vào sọt, đem đồ ra cuối bề Bột-hải. Người đàn-bà góa bên láng-diềng là Kinh-thị có một thằng con trai mới hết răng sữa, cũng nhảy ra giúp việc làm. Từng trải năng-nực rét-mướt mới trở về nghĩ một bận. Ông Hà-khúc Tri-tầu trông thấy cười mà ngăn rằng: «Sao bác ngu lắm thế! Cứ cái sức thừa thoi-thóp của bác có làm lộn được cái lông trái núi kia không, nữa là như đất đá này thì phá sao nổi.» Bắc-son Ngu-Công than mà rằng: «Cái cố-chi của tôi vâu không biết rằng có đạt được không. Song lẽ nào lại không bằng đừa

trẻ con với người đàn-bà góa. Tuy rằng tôi chết đi, nhưng lại còn con tôi; con tôi lại sinh cháu, cháu lại sinh chắt, chắt lại sinh chít, con cháu chắt chít sinh mãi vô-cùng; mà núi kia không thêm to lên, lo gì mà chẳng bình-trị được?» Tri-tầu không đáp lại được. Thần Thao-sà nghe thấy Ngu-Công cố-chi làm, sợ rằng làm mãi không thôi, mới lên tâu Trời. Trời cầm cái bụng thành của Ngu-Công, bèn sai Khoa, Nga hai gã cổng hai trái núi đi, một quả để ở đất Sóc-đông, một quả để ở châu Ung, từ đó phía nam châu Kỳ với phía bắc châu Ung không cách-đoạn nhau nữa.

Người mù và sữa bò (2). — Một người kia, khi mới sinh ra đã phải chứng thong-manh, vì thế không trông qua thấy vật gì cả. Một ngày kia, người mù mới hỏi người sáng mắt rằng: «Sữa bò sắc nó như thế nào?» Người sáng mắt nói: «Sữa bò sắc nó trắng như tờ giấy.» Người mù nói: «Sắc nó trắng như tờ giấy, tôi sờ nó ram-ráp như thế này có phải không?» Người sáng mắt nói: «Không phải, sữa bò sắc nó trắng như bột mì kia mà!» Người mù lại hỏi: «Sắc nó trắng như bột mì, sờ nó sạm-sạm có phải không?» Người sáng mắt nói: «Không phải, cái sắc nó trắng muốt hình như lông thỏ kia mà!» Người mù lại hỏi lại: «Cái sắc nó trắng như lông thỏ nó mườn-mượt có phải không?» Người sáng mắt nói: «Cũng không phải, ta nói rõ cho anh biết cái sắc nó trắng như tuyết ấy.» Người mù nói: «À, tôi biết rồi, nó như tuyết lạnh buốt ấy có phải không?» Người sáng mắt dẫn-dụ cái này cái khác mãi để cho anh mù biết, mà anh mù vẫn không biết đích cái sắc sữa bò nó ra làm sao.

(1) Trong thiên *Thang-vấn* sách *Liệt-tử*.

(2) Trang thứ 28 bài ngu-ngôn của *Thác-thị* trong bản dịch của *Đường-quân*.

Nói thí-dụ về mặt trời (1). -- Có người sinh ra đã mù mắt không biết mặt trời hình nó thế nào, hỏi anh sáng mắt. Có người bảo: «Hình mặt trời nó như cái mâm đồng.» Anh mù gõ vào mâm đồng nghe thấy tiếng, một hôm nghe tiếng chuông cũng tưởng là mặt trời. Có người bảo rằng: «Mặt trời nó sáng như cái đuốc ấy.» Anh mù sờ biết hình cái đuốc, một hôm sờ thấy cái ống sáo cũng tưởng là hình mặt trời. Ôi! hình mặt trời với cái chuông, cái ống sáo khác nhau xa, thế mà anh mù vẫn không biết là khác, vì anh ta chưa từng trông thấy bao giờ. Đạo-lý là thế nào? Đạo-lý lại khó trông thấy hơn mặt trời, người ta chưa từng trông thấy đạo-lý cũng không khác gì anh mù. Tuy rằng người đã hiểu-thấu đạo-lý rồi đem dẫn-dụ bảo cho như thế là đạo-lý, cũng không khác gì đem cái mâm cái đuốc mà bảo như thế là mặt trời; những người không biết lại nhận lầm cái mâm ra cái chuông, cái đuốc ra cái ống sáo, rồi nó sai-lạc mãi đi không biết thế nào là cùng! Vậy nên bàn nói về đạo-lý mà cứ đem số-kiến của mình mà bảo người ta, người ta vẫn không trông thấy mà cứ rờ-rẫm hỏi mò mãi, sao cho biết thấu đạo-lý.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Một phần tư-tưởng của Thác-thị sở-đặc ở Phật-kinh

Xem như chương thứ hai trên kia khá biết rằng Thác-thị đã đọc qua kinh Phật. Vậy ta chắc rằng cái bài ngụ-ngôn «Tội-ác bởi đâu mà ra» của Thác-thị, cũng là sở-đặc cái tư-tưởng về kinh Phật, sẽ dịch nguyên-văn như sau.

Tội-ác bởi đâu mà ra (2). -- Một người ăn-sĩ ở trong núi sâu, những loài điều-thú còn-trung trong núi ấy, đã thường quen biết ông ta không sợ-

hãi gì cả, lâu ngày ông ta hiểu biết được cả các thứ tiếng. Một hôm, ăn-sĩ ngồi dựa dưới gốc cây to, một chốc có một con quạ, một con bồ-câu, một con huơu, một con rắn đều đến dưới gốc cây ấy, quây-quần lại một chỗ cùng bàn-bạc về một cái vấn-đề: «Tội-ác bởi đâu mà ra.» Anh quạ nói lên trước rằng: «Tội-ác trên cõi đời chỉ tại cái đời mà sinh ra cả, các anh thử xem khi đã được mồi ăn no rồi, thôi thì bay nhảy trên cành cây, tha-hồ kêu hót, trong bụng vui mừng thỏa-thuê, không kỳ là trông thấy cái gì cũng đứng-dung mỉm cười mà thôi. Nếu mà bị đói độ hai ngày, thì trong bụng đã rồi-beng, trông thấy trên cõi đời đều không có cái gì là thú-vi cả. Thôi thì bay đến chỗ no nhảy đến chỗ kia, đi lục-lối tìm-tòi lấy ăn, nếu mà trông thấy miếng thịt kia, thôi thì không nghĩ gì cả, liều mạng bay xuống cấp lấy cho được; lúc ấy bị nó lấy gậy xua đuổi, lấy đá ném quăng, hoặc là bị con chó con cầy nó ra đuổi, biết rõ là nguy-hiểm đây mà cũng lăn lẩy miếng thịt cho được, xem thế thì có phải chỉ vì cái đói mà đến nỗi gặp phải tội-ác mà chết đây không? Nên ta mới bảo rằng tội-ác là bởi cái đói mà ra cả».

Anh quạ nói xong, thứ hai đến anh chim bồ-câu nói: «Cứ như ý tôi nghĩ thì tội-ác không phải là vì cái đói mà sinh ra; tội-ác là chỉ vì ái-tình mà sinh ra; nếu chúng ta chỉ sinh-hoạt một thân một mình cho qua ngày tháng, thì không có sự gì cần-cấp phải nghĩ bần đến lòng; vậy nếu những người chỉ độc một thân thì không khi nào phải cùng-túng; mà những người cùng-túng khổ-sở đều không phải là người độc-thân cả. Chúng ta chỉ vì phải một đôi cùng nhau sinh-hoạt, mới sinh ra cái tình duyên-ái lứa đôi mình; đã duyên-ái lứa-đôi thì không sao đành

(1) Trong tập Tô Đông-Pha.

(2) Trang thứ 66 bài ngụ-ngôn của Thác-thị trong bản dịch của Đường-quân.

lòng được; lại phải bận lòng lo nghĩ cho bạn đời lứa mình, làm sao cho nó khỏi đói khỏi rét, lúc nào cũng phải lo nghĩ đến luôn. Nếu bạn lứa đời mình mà bay đi đâu mất, thì mình lại buồn rầu lo sợ, chẳng hay nó có khỏi bị chim cắt đánh không? Tránh khỏi người bắt nó không? Muốn phần lo sợ chỉ bận về chút tình thương yêu nhau, mình phải bay đi tìm người đời lứa mình, thôi thì gặp chim cắt, gặp lưới giăng lăm hồi gian-nan nguy-hiêm. Nếu bạn đời lứa mình mà mất tung-tích, thì mình biết bao phiền-não, chẳng kỳ là trông thấy cái gì đều không có thú vị gì cả, suốt ngày chẳng buồn ăn chẳng buồn nói, lúc thì khóc-lóc lại vợ-vẫn đi tìm, vì chút ái-tình ấy mà có khi đến chết đấy, phải không? Vậy ta bảo rằng tội-ác là bởi ái-tình mà sinh ra cả, chứ không phải là bởi tại cái đời ».

Anh răn cãi rằng: « Không phải, tội-ác không phải là bởi tại đời, mà cũng không phải là bởi tại ái-tình. Cứ như ta nghĩ thì chỉ bởi tại cái lòng phần-nộ mà sinh ra cả, các anh bảo phải hay là không phải? Nếu người ta mà không sinh lòng tức-giận, thì suốt ngày êm-ái hòa-bình, còn sung-sướng gì bằng. Nhưng người ta không thể nào giữ được như thế, nếu gặp sự bất-bình thì liền tức-giận lên đùng-đùng. Sau khi đã nổi giận thì trông thấy cái gì cũng ghét, bởi thế mới sinh ra cái tâm-niệm báo-thù giải-hận; rồi chẳng nghĩ gì cả, một mặt thì âm ỹ la-thét, một mặt thì hăng-hái xông ra đánh nhau; lúc ấy trông thấy ai cũng gây chuyện, chẳng kiêng-nể gì cha mẹ người ta cả, cứ cần bậy chửi cần, thậm-chí có khi mình lại cần lại cả mình; ấy cái cơn tức-giận như thế, có phải là hại cho mình không? Vậy ta mới bảo rằng phạm tội-ác trên cõi đời đều bởi tại cái lòng tức-giận mà sinh ra cả ».

Anh hươu cãi rằng: « Không phải, tội-ác không phải tự sân-nộ mà sinh ra; cũng không phải tự ái-tình, không phải tại cái đời mà sinh ra cả. Ta cho rằng tội-ác chỉ bởi cái lòng khiếp-sợ mà ra; nếu được yên-đàn không sợ-hãi gì, thì trong tâm sướng biết chừng nào! Xem như đời sống của ta chạy rất là nhanh lạ-lùng, mà sức-lực lại rất khỏe; gặp độ một con vật nhỏ thì ta giờ sừng ra đánh nó phải lui; nếu gặp phải anh nào to lớn thì ta sợ khiếp, phải rảo cẳng mà cuốc chạy, trong rừng khi ấy hoặc quả rơi lộp-độp, hoặc lá rụng rào-rào, làm cho trong bụng ta cuống-cuồng chạy bấn sống bấn chết, không kỳ là nghe tiếng con thỏ kêu, tiếng con chim hót, hoặc tiếng cành cây gãy rãng-rắc, trong bụng ta đều nghĩ là có con gì nó đuổi theo, bởi thế mới hoang-mang chạy, nhầy cuống-cuồng lại dậm ngay vào trước mõm con vật lớn kia; không thể thì lại nhẩy quãng ra đàng có chó đuổi, hay lại đảo lại đàng có người dinh, lúc ấy sợ quá nhẩy bừa, có khi từ trên sườn núi trượt chân ngã lặn xuống chết quay ra. Và lại khi chúng ta ngủ vẫn phải chong-chong đôi con mắt, hay là rỏng tai lên để nghe ngóng, không lúc nào chẳng lo sợ, thực là một cảnh sinh-hoạt chẳng được vui sướng lúc nào! Vậy ta bảo rằng tội-ác là bởi khiếp-sợ mà sinh ra ».

Người ăn-sĩ ngồi ở dưới gốc cây nghe thấy các con vật bàn nói mãi đến nửa ngày, xong rồi ăn-sĩ mới bảo chúng nó rằng: « Các anh đều nhận sai cả, các anh phải biết rằng cái nỗi thống-khổ của chúng ta, không phải là tại đời mà sinh ra, cũng không phải là tại sân-nộ, tại khiếp-sợ mà sinh ra cả. Chẳng qua tội-ác ở trên đời là bởi tại cái thân xác thịt của chúng ta mà sinh ra cả; các anh thử nghĩ xem vì ta có cái xác thịt mới sinh ra đời khát, mới sinh

ra ái-tình, mới sinh ra **xân-nộ**, mới sinh ra **khiếp sợ** mà mới mắc vào vòng **tội-ác** đấy ! »

CHƯƠNG THỨ SÁU

Kết-luận

Ta nói trên này không phải là ta công-kích gì Thác-thị, chẳng qua ta muốn nói rõ cái lai-lịch một phần tư-tướng của Thác thị. Vì rằng ta được xem sách của Thác thị hiện-tại bây giờ, là cái bản dịch của Đường Tiên-phố, mà Đường-quân thì theo bản dịch của Hăng-thự-mộng, nếu Đường-quân hay là Thăng-thự-mộng có sai lầm khác với nguyên-văn của Thác thị, thì Đường-quân với Thự-mộng phải chịu trách-nhiệm, chứ không phải trách tại ta.

Lời bạt

Khi sách này đã in xong rồi, thì được thư Cảnh Tế-chi tiên sinh bảo cho rằng : « Nguyên bản Nga-văn sách này, trong những bài ngụ-ngôn có chưa rõ là trích ở kinh Phật. Chỉ vì bản dịch không chưa rõ đó mà thôi, như thế thì không phải là ông ấy sao-tập. » Song cái ý ta nghiên-cứu đây là cốt xét biết cái học-thuyết của Thác-thị, có phải là chịu ảnh-hưởng của Phật-học không; chứ còn như sao-tập hay không phải, thì cũng không cần phải bàn. Nay ta xin cảm ơn Cảnh tiên-sinh trở bảo cho ta, và ta nói rõ là ta không phải là chỉ-trích Thác-thị sao tập, ta chỉ cốt nghiên-cứu về học-thuyết của Thác-thị có phần nào là chịu ảnh-hưởng của Phật-học mà thôi.

NGUYỄN HỮU-TIẾN dịch

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

IV

- 121— Có cỗ thì ngồi áp vách, có khách
tôi ngụ-cư (1).
122— Ăn đi trước, lội nước đi sau (2).
123— Ăn uống tìm đến, đánh nhau tìm
đi (3).
124— Bàu-dục đầu bàn thờ năm, chề
đầu đến chú chú lăm ăn chề (4).
125— Ăn cơm nhà thổi tù-và cho hàng
tổng (5).
126— Hàng tổng đánh kẻ cướp (6).
127— Trâu đồng ta ăn cỏ đồng ta,
Tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ thơm
128— Cồng rắn về căn gà nhà (8). [(7).
129— Rước voi về đây mờ (9).
130— Ăn cây nào rào cây ấy (10).
131— Ăn cây táo rào cây soan dâu (11).

1) Ngồi-thứ ở đình lấy từ vách đình trở ra. Bàn ngồi áp vách là bàn nhất. Khách là lính sai của quan-nha cho về làng đốc-thúc việc quan, hoặc bắt đàn anh ra chịu trách-nhiệm gì cho làng, cò-tục gọi là khách sai. Ngụ-cư là mời ở đầu đến ở trọ nhờ làng.

Đây là chế kể tri-giả đối với xã-hội một cách giáo-quyệt. Khi làng có cỗ thì tranh lấy ngồi đàn anh, ngồi áp vách đình mà hưởng lấy miếng ngon miếng lành hơn, tờ khi làng có việc nghĩa-vụ đối với nước mà lệnh quan về trách cứ vào đàn anh thì chối mà nói với khách sai rằng : « Tôi là kẻ ngụ-cư », để không phải chịu trách-nhiệm. Suy ra ở

những xã-hội lớn, ở quốc-gia, hạng người này cũng không thiếu gì, thực là đáng bi.

2) Đây là ché kẻ trí-giả đối với xã-hội một cách hóm vặt. Khi ở đầu mòi, đi đến sớm nhất thì được ăn cơm còn nóng sốt ngon lành, đến sau thì thường bị cô ôi cô thừa. Khi một đám đông đi đến chỗ đường bị lụt vỡ, kẻ đi trước phải mạo-hiêm để dò đường, xây gập hố thì ngã, còn kẻ đi sau thì được nhờ mà theo lối yên-ôn. Nay kẻ hóm vặt đã hiểu rõ lợi-hại việc đi ăn và lợi nước như thế rồi, bèn ăn thì đi trước để tranh lấy ngon lành, lợi nước thì đi sau để nắm lấy phần yên-ôn. Trong xã-hội mà ai cũng hóm vặt như thế, đối với việc gì cũng làm cách hóm vặt như thế, thì ai là người chịu nhường miếng ngon, dẫn chân đi trước mạo-hiêm để giúp nên sự-nghiệp lớn cho công-chúng nữa. Nghĩ thế mới hiểu câu tuyền-gôn này là ché. Nếu tưởng là lời để dạy mình cách xử-thế thì lầm, mà thực kẻ hóm vặt đáng khinh.

3) Đây là ché kẻ trí-giả đối với xã-hội một cách tư-kỷ. Đối với xã-hội, chỗ có ăn uống cũng như chỗ có lợi, kẻ tư-kỷ chẳng nghĩ gì nghĩa-lý, cứ cố len-lóc tìm đến mà phân-phi; chỗ dẫu-ầu thường cũng như khi có biến-loạn lớn, kẻ tư-kỷ sợ lấy nghĩa-hiệp sẵn vào can-ngẫn, thì một là mất công hai là đa-lụy, nên cố tìm chỗ lánh xa. Xã-hội nào mà nhiều những kẻ trí-giả như thế thì xã-hội ấy bị suy-vong.

4) Hầu dục, quả cát, là một cái mà khác tên, tức là cái thật. Đây là nói cái thật của con lợn. Cỗ-tục hương-âm, có mỡ lợn thì hai quả cát đem trần tái hoặc để sống, rồi thái bày một hai đĩa đặt ở bàn nhất bàn nhì là nơi các cụ và đàn anh. Tục cho quả cát là ăn bở mà có ít nên làng để kính lão và đàn anh mà không cho đến bàn ba bao giờ, nữa là bàn năm. Ché là thứ cháo nấu đường

với bột lọc, dùng với xôi và làm đồ chàng miệng.

Cỗ tư-gia cũng ít khi có ché đường xôi và để dài suốt lượt, nữa là cỗ hương-âm. Cho nên cỗ hương-âm mà có ché đường xôi và thì cũng chỉ bàn các cụ đàn anh có mà thôi, không khi nào phổ-cập đến đàn em. Song tục thế là bất-công.

Đây là khẩu-khi tả một người đàn anh để ché cái chế-độ bất-công của xã-hội. Xã-hội nào thì đàn anh cũng được hưởng quyền-lợi hơn. Nhưng la những quyền-lợi thuộc về vinh-dự mà do công-chúng tặng cho. Còn về phần hưởng-thụ thì vô-luận đàn-anh đàn-em, nghĩa-vụ đều thì quyền-lợi chung, chứ nếu phân giai-cấp, hoặc một số ít độc-hưởng thì bất-công mà người ta phải kêu. Nay xem lời của một người đàn anh mắng người đàn em về việc ăn cỗ làng. Người đàn em hẳn tị cô của hẳn không có bầu dục và ché đường thì người đàn anh mắng và bảo cho hẳn biết cô của hang dưới như hẳn không bao giờ có được. Lời mắng ấy thực là được dùng cái khẩu-khi vũ-đoan của các đàn anh tự-chuyên ở khắp các xã-hội. Song thử hỏi tiền mua lợn và nấu ché đường thì bàn năm trở xuống có phải góp không. Mà dù trích tiền công đi nữa thì đàn em có dự phần tiền công ấy không. Việc làng cứ kiện nhau rồi bết thực chỉ tại đàn anh chuyên-lợi.

Câu tuyền-gôn này là bĩ đàn anh chuyên-lợi chứ không phải là dạy đàn anh được an-hưởng như thế dẫu, kẻ làm đàn anh đừng lầm.

5) Từ-và là cái còi to làm bằng cá cái sừng nghé, hoặc bằng cái ốc vặn bẻ. Từ-và dùng để cho tuần-đỉnh thổi đi tuần-đêm. Tổng có mấy xã họp lại. Xã có tuần-đỉnh của hàng xã, tổng có tuần-đỉnh của hàng tổng, đều do các xã cất ra.

Đây là ché xã-hội hàng tổng không biết công cho kẻ làm chức-phận. Thổi

tù-và là kẻ tuần-dinh, tuần-dinh là kẻ trai nghèo. Hàng tổng là khu tự-trị rộng ra ngoài giới-hạn của làng. Tuần-dinh tức là dân binh đem thân ra phòng giữ tính-mệnh tài-sản cho làng cho tổng. Làng cũng nên nuôi, nữa là tổng. Thế mà hàng tổng chỉ biết bắt người ta đi thối tù-và mà để người ta cứ phải về ăn cơm nhà, thế thì mong cho người ta hết hỗn-phân sao được.

6) Đây là chề trong xã-hội hàng tổng, không biết bênh-vực cứu giúp nhau trong khi nguy-cấn. Tục thường làng nào bị cướp vào phá thì người làng ấy hết sức ra đánh đuổi. Còn các xã trong tổng được tin đều đem tuần-dinh ra đánh cứu giúp. Song đó là chỉ ý-đề để giữ cái tiếng có phó-cứu mà thôi, thực ra cốt án ngữ cho cướp khỏi tràn vào làng mình, chứ không hết lòng đánh thù-tử-gi cho người làng.

Nhưng làm như thế là tự-kỷ mà cũng là không biết phòng xa. Cướp vào làng khác trong tổng, làng mình không thực-tâm cứu, thì khi cướp vào làng mình, những các làng trong tổng người ta có hết sức cứu làng mình không. Vả cướp vào làng khác được thì rồi nó tha gì làng mình. Thế mà chỉ giữ tiếng, không thực tâm cứu-hộ, thời đáng khinh-bĩ thay. Cũng vì thói ấy mà sức đoàn-thể các xã-hội yếu hèn, giặc cướp hoành-hành, nhân-dân đều bị khổ.

7) Lệ các làng, cỏ đồng nào chỉ để cho trâu làng ấy ăn. Trâu làng khác không được chăn nhè vào được.

Đây là lời của người yêu-mến quê-hương xứ sở (1). Tục có khi dùng nghĩa hẹp để chỉ nghĩa gài làng nên lấy chồng trong làng hơn lấy chồng xa. Nhưng thực thì là nghĩa đối với đất nước của xứ-sở lớn kia đây. Ý cho rằng người ta với đất nước như con trâu với cánh

đồng. Cỏ của cánh đồng con trâu nó ở tuy cụt nhưng nó đã quen đi rồi mà lấy làm thơm ngon hơn cỏ đồng khác. Người ta cũng như thế. Phong-khí của đất nước nơi mình sinh-tự, tuy người nọ khác coi ra bất-mãn, nhưng mình thì đã quen đi rồi mà lấy làm thú, hết sức mến yêu không đâu bằng. Như thế mới thực là chân ái-quốc.

8-9) Hai câu này đều chê kẻ đại dem người ngoài về để làm hại họ-hàng xứ-sở nhà mình.

10) Đây là lời dạy người ta phải biết bênh-vực giữ-gìn lấy quê-hương xứ-sở của mình. Kẻ ăn quả của cây nào thì hẳn rào lấy cây ấy không cho ai chầy trộm. Vậy người ta lại không biết bênh-vực giữ-gìn lấy quê-hương mình sinh-tự dư?

11) Táo là thứ cây có quả ngon, hình quả nhỏ, khi chín có bột cũng như quả soan. Soan là thứ cây có quả đắng lắm, giống như quả táo mà không ăn được.

Đây là chề kẻ đại, xứ-sở mình thì bỏ mà lại yêu mến ở đâu. Khác nào cái cây mình đang ăn quả thì không rào lại đi rào cho cái cây mà quả không ăn được.

VI — Hợp-quần luân-lý

- 132— *Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên chòm núi cao* (1).
- 133— *Nước còn quyền cát làm doi,
Huống chi ta chẳng tài-bồi lấy nhau* (2).
- 134— *Vườn lia cây có ngày vườn rữ* (3).
- 135— *Vạch áo cho người xem lưng* (4).
- 136— *Trâu chết ăn trâu, bò chết ăn bò,
củ tỏi giắt lưng* (5).
- 137— *Trăm hòn chì đúc chẳng nên
chuông* (6).

(1) Từ câu 127 này trở xuống đến câu 131 nguyên thuộc về mục Quốc-gia luân-lý mà lầm xuống mục này, sau sẽ đặt lại.

138— Trăm cái rui nhằm một cái nóc
(7).

139— Trăm cái tên nhằm một cái đích
(8).

140— Trâu bò ở với nhau được lâu (9).

141— Trống đánh xuôi kèn thổi ngược
(10).

142— Dưới kính trên nhường (11).

1) Đây là dạy về cái nghĩa hợp-quần thì sức mạnh. Xem núi non kia thuần là những cây phủ kín. Nhưng nếu một cây thì không làm nên thành non được, thế mà độ ba cây thì đã thành một chòm tùm-bum xanh tốt mà trông ra vẻ một quả núi cao rồi. Cũng như một người thì hèn yếu không làm gì được, thế mà năm ba người hợp lại đã thành bọn đông có thể lực rồi. Đông nữa lên thì thành đàn, đàn lớn thì làm gì không nên.

2) Doi là cái bãi cát hình nhọn nổi ở cửa sông cửa bể, bởi nước từ ngọn nguồn đem cát xuống bồi dần lên.

Tái 栽 là trồng cây, bồi 培 là vun bón. Đây là nói về nghĩa vun-thu vào cho đàn.

Cái doi ở cửa sông cửa bể kia, ta trông thì to thật. Thế mà chỉ có nước chảy nó bồi dần-dà mãi mà thành ra đó. Nước còn làm nên doi được, phương-chi là người. Người có trí khôn có sức mạnh há lại không nên tài-bồi lấy nhau để thành một cái đàn to-lớn có sự-nghiệp dư?

3) Vượn là thú khỉ tay dài, chuyên leo và đu ở trên cây trong rừng suốt ngày, chứ không ở núi trọc được như khỉ khác.

Đây là nói về lẽ phải hợp-quần. Người ta sống là nhờ ở đàn, một ngày lia đàn ra thì chết. Cũng như vượn sống là nhờ ở cây, một ngày lia cây ra thì vượn đến phải rũ.

4) Đây là nói nên che đậy cho nhau trong đàn. Cả đàn hay là một ai trong đàn có điều gì dở thì cần phải bảo cho nhau để sửa-sang lại, thì đàn mới thịnh.

Nhưng đối với ngoài thì không nên bôi móc cho người ta biết cái chỗ kín của đàn mình. Che cho lung là nhờ có áo, nay vạch áo ra cho người xem thấy lung mình gây bèo xấu tốt, ấy là việc có hại.

5) Tôi là thứ gia-vị ăn với thịt trâu, cũng như gừng là thứ gia-vị cho thịt bò. Cỗ-tục không biết vệ-sinh chung. Ai kiêng thì được, ai không kiêng thì thôi, không cần nhau. Cho nên sức-vật chết toi thường cho những kẻ ăn liều xin về ăn thịt. Đây là chê kẻ đối với đàn một cách vô-lương-tâm. Trong xóm-lang chẳng may có nhà bị toi trâu bò, thì ai không thương cho nhau bị thiệt-hại. Nhưng kẻ vô-lương-tâm kia thì lại mừng, được mề no-nề không mất tiền. Bấy giờ hẳn đã giết sẵn củ tỏi ở trong lung rồi, hễ trâu hay bò của ai ngã xuống là sẻo về sức cho phí chi. Chẳng thương ai mà cũng chẳng sợ gì bệnh-tật truyền-nhiễm.

6) Đây là nói phải làm cho các phần-tử đều có tư-cách hay cả mới được. Vẫn biết hợp số nhiều lại làm đàn, nhưng các phần-tử trong số nhiều ấy phải đều có tư-cách hay cả mới được. Cũng như muốn đúc chuông phải có đồng tốt. Nay cứ đen dầu gọi là người, kẻ số nhiều chứ không kể tư-cách, thì hợp vạn thặng mù lại cũng không trông thấy gì, bợp vạn thặng điếc lại cũng không nghe tiếng gì. Cũng như thấy chi thì gọi là loài kim, dầu nhiều đến trăm hòn chi cũng không đúc thành chuông được.

7) Đây là nói đàn phải có chỗ để dựa. Chỗ để cho trăm cái rui nó dựa là ở một cái chông nóc, chỗ để cho cả mọi người trong đàn dựa vào há không phải là kỷ-luật dư? Cũng có nghĩa là một người hay để cho cả đàn dựa.

8) Đây là nói đàn phải có mục-dịch. Trăm cái tên tuy nhiều mà đều nhằm vào một cái đích mà bắn. Cũng như đàn tuy đông mà đều trông vào một mục-

đích của công-nguyện. Cũng có nghĩa một người hay đề cho cả đàn trông vào.

9) Đây là lấy sự hợp-quần của trâu bò để khuyên người ta. Người ta ở trong đàn, ăn ở không biết lựa nhau, mà thường xảy ra khích-bác luôn. Quá lắm đến tan cả đàn. Như thế thực không bằng đàn trâu đàn bò. Chúng nó ở với nhau mãi cũng không thấy húc lẫn nhau, đánh đuổi lẫn nhau bao giờ. Thật là đáng khen.

10) Đây là chê trong đàn không hòa-hợp với nhau. Ví như cuộc hòa-nhạc kia. Trống với kèn phải theo nhau một dịp-dàng, một cung bậc, thì mới thành khúc, có tiết-tấu hòa vui. Nay trống đánh dịp xuôi, kèn thổi điệu ngược, thì còn ra âm-vận gì. Trong đạo hợp-quần cũng vậy, mỗi người mỗi ý riêng phản-ngịch nhau, thì còn thành vận-sự gì.

11) Đây là dạy về cách đối-đãi nhau trong đàn. Trong một nhân-quần không thể không có kẻ trên người dưới, bởi nghĩa-vụ với quyền-lợi xui nên. Vậy trên dưới đối-đãi với nhau, dưới phải xét những công-ơn đã làm cho đàn mà kính người trên, trên phải thương nôi thiết-thời về phận-sự mà nhường kẻ dưới. Như thế thì đàn mới hòa vui, có tinh-thần bình-dẳng.

143 — Trong có âm thì ngoài mới êm (1).

144 — Thuận buồm xuôi nước, chén chủ chén anh;

Buồm ngược nước quanh, thẳng anh thẳng chú (2).

145 — Thà ăn bắp hạt đồng vui,

Còn hơn giàu có mồ côi một mình (3).

146 — Thân trâu trâu lo, thân bò bò

147 — Xảy đàn tan ghé (5). [liệu (4).

148 — Rậm người hơn rậm cỏ (6).

149 — Ông kiến có bầu đồng vui,

Hướng chỉ loài người chẳng có nghĩa dư ? (7)

150 — Nhiều áo thì ấm nhiều người thì vui (8).

151 — Nhà có láng-diềng nhà, đồng có láng-diềng đồng (9).

152 — Nhiều sãi không ai đóng cửa chùa (10).

1) Đây là nói về thực-lực của đàn. Trong đàn xử với nhau có kín-dào âm-cúng mọi việc, thì ngoài người ta mới tin yêu mà sự gì cũng êm.

2) Đây là chê trong đàn không biết hòa vui để đối với lúc có việc khó-khăn. Xem bọn chân sào ở đò dọc kia, khi thuận buồm thuận gió, nước chảy xuôi, thuyền đi như bay, anh em không ai phải làm gì thì gỡ ngay ra chén rượu chào mời nhau. Nào chén anh đây, chén chủ đó. Đến lúc buồm ngược gió, nước chảy quanh, anh em đều phải hết sức chèo dầy mà thuyền đi cũng không được là mấy, thì gỡ ngay ra cái chửi lộn bậy. Nào em gọi « thẳng anh », anh mắng « thẳng em ». Việc càng rối mà thuyền càng không đi. Ấy tiểu-nhân dụng sự thương như thế.

3) Bắp hạt là hạt bắp ngô, có nơi gọi bắp lúa bẹ.

Đây là nói về cảnh ly-quần. Kẻ giàu có mà mồ-côi một thân ở với những người xa lạ cả thì thấy khổ-sở buồn-bã, mới biết hối : thà nghèo khổ ăn bắp hạt trừ bữa mà được ở với đàn mình đông-đúc thì còn vui sướng hơn cái cảnh cô-độc mà giàu có này biết bao.

4) Đây là chê trong đàn không biết mưu lo việc công-ích cho nhau. Như một đàn trâu với bò ở lẫn với nhau kia, lợi-hại chung thì phải lo liệu chung. Nếu thân nào thân nấy lo, không hề giúp đỡ nhau, thì rồi thân nào cũng nguy và đàn tan.

5) Nghé là trâu con,

Đây là nói cái cảnh đàn tan. Nghé còn ấu-trĩ phải nhờ vào đàn mới yên. Nay đàn đã xảy vỡ thì ghé khỏi sao không lạc, không nguy-khốn. Cho nên trong nhân-quần mà đã bại-hoại mối-giương, thì đàn em rất khổ-cực.

6) Đây là nói nên yêu dân. Kẻ có đất rộng bỏ cho cỏ mọc rậm kia thì sao bằng cho người đến ở nhờ cho rậm còn hơn. Người rậm còn giúp cho mình nhiều việc, chớ cỏ rậm thì được ích gì.

7) Ong có nhiều thứ, như : ong mật, ong vàng, ong bọ vể và ong bầu, ong nào cũng biết làm tổ. Kiến có nhiều thứ như : kiến vàng thì mình nhỏ đào lỗ dưới đất, kiến đen thì mình to làm tổ ở trên cây.

Đây là nói về lệ hợp-quần. Xem những loài ong kiến là vật bé nhỏ con con mà còn biết hợp đàn ở với nhau cho đông vui để cùng bênh-vực giúp đỡ lẫn cho nhau. Phương chi người ta là giống có tài-năng sức-vóc và trí-tuệ hơn ong kiến biết chùng nào, mà lại không biết đến cái nghĩa ở đời vị gì mà phải hợp đàn với nhau ru ?

8) Đây là nói nghĩa hợp-quần,

9) Láng-diềng nhà là những nhà ở liền với nhà mình trong xóm. Láng-diềng đồng là những điền-chủ có ruộng liền với ruộng mình ở ngoài đồng. Láng-diềng nhà thì giúp đỡ nhau những việc cần ở trong nhà, láng-diềng đồng thì giúp đỡ nhau những việc cần ở ngoài đồng.

Đây là nói ở đầu, nghề gì cũng có xã-hội ấy, thì biết người ta cần phải có đàn.

10) Sãi là kẻ trông coi đình, miếu hoặc chùa. Sãi chùa tức là sư tăng, sư ni.

Đây là chê đàn không có thể-thống, không có chuyên-trách. Tưởng rằng chùa nhiều sãi thì việc chùa càng chỉnh-đốn hưng-thịnh. Ngờ đâu có đông người mà không có thể-thống, không có chuyên-trách gì, chỉ tranh nhau điều lợi, đưa nhau việc khó, mà đến bỏ cả cửa chùa không ai đóng. Thực đều có tội.

153— Nhiều tay thì vô nên dốp (1).

154— Năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn (2).

155— Đông có này, tây có sao (3).

156— Muốn cho có đây có đây.

Sơn-lâm hồ-đẽ một cây nên rừng (4).

157— Một hòn đắp chẳng nên non,

Ba hòn đắp lại nên hòn Tân-viên (5).

158— Một mình vừa chổng vừa chèo,

Nào ai tát nước đỡ nghèo cho đây (6).

159 — Khôn-ngoan đá-đáp người ngoài,

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau (7).

160— Khi giàu có chẳng đỡ ai,

Đến khi hoạn-nạn chực ai đỡ mình

161— Khi ăn nào nhớ đến ai, [18].

Đến khi phải bồng cử tai mà sờ (9).

162 — Khôn-ngoan kiếm ăn ngoài,

Mặt đời kiếm ăn trong (10).

1) Dốp là tiếng nhiều tay vô. Khi một bọn đông cùng nhau tiến đi để dòi sự gì, làm cái gì thì tay cũng vô, miệng cùng hò reo cho nức lòng vui chí mà cùng ò vào, hay là giúp người đương-cực hăng-hái thêm lên. Như những cuộc tranh thi cướp quả cầu, kéo gỗ để lấy giải ở các làng, v. v.

Đây là nói đàn đông thì làm nên việc, tức như những tiếng dốp vô tay của bọn hò reo kia là bởi nhiều người mà thôi.

2) Đây là nói trong đàn không nên tỉ so nhau về sự đóng góp phải một loạt. Cứ xem ngay bàn tay mình trong năm ngón cũng có ngón dài ngón ngắn không đều, thì biết đạo trời phú-bẩm cho mọi người không nhất-luật được. Vậy trong một đàn, người hơn phải bù cho người kém, người mạnh phải đỡ cho người yếu, thì việc mới nên. Nếu so tỉ đồ-đưa cho kẻ số phận kém hèn thì không phải.

3) Đây là nói có kẻ nọ người kia hợp lại làm một đàn mới nên công-việc, cũng như trên trời, đông có mây bay, tây có sao sáng, mới thành cảnh-trọng trời vui-vẻ lúc đêm thanh. Chớ nếu trông lên cứ tối mù-mịt, chẳng hề có mây có sao gì, thì cảnh bầu trời lúc đó phỏng có buồn-tầu không.

4) Đây là ý rủ nhau hợp lại làm một đàn. Cái rừng ở trong sơn-lâm kia, ai

cũng biết không phải một cây mà nên được. Vậy ở đời có thể người nào cứ ở riêng một mình mà sống được dư? Bởi vậy muốn đây với đấy hợp lại với nhau cho thành công-việc.

5) Ba là nói hàm về số nhiều. Tản-viên là ngàn núi to và cao ở Sơn-tây, có tiếng ở Bắc-kỳ.

Đây là nói nhiều sức hợp lại thì làm nên việc lớn.

6) Đây là nói lúc lâm-nguy lý hiêm mà không có đàn thì dù có tài-cán cũng hỏng. Một cái thuyền nát đương cơn sóng gió mà chỉ có một mình. Vậy một mình dù có gan có tài vừa chống dấy, vừa chèo bát được cả. Song còn nước ở ngoài cứ dờ vào thì sẽ lấy ai tát ra cho khỏi cái hiêm-ngheo sắp chìm lìm cả thuyền lẫn người kia.

7) Đây là khuyên trong đàn chớ hại nhau. Người ta hợp đàn lại để lo sinh-tồn. Vậy kẻ có khôn-ngoan biết khoe dẫu chọi, thì đi mà đá-đáp với người nào ở ngoài đàn. Chớ trong một đàn là cùng một nồi giống, cũng như đàn gà kia là nó cùng một mẹ sinh ra đó. Gà trong đàn nó không dẫu chọi với nhau bao giờ, nữa là đàn người mà đá đáp nhau dư?

8) Đây là nói trong đàn phải giúp đỡ nhau. Muốn người đỡ mình, mình phải đỡ người. Sự giúp đỡ nhau thì nhiều mà giàu nghèo giúp đỡ nhau là việc rõ-ràng nhất. Vậy khi mình giàu có mà tuyệt không đỡ ai, thì nhất-đàn mình bị sa nghèo hoặc bị hoạn-nạn gì, bấy giờ còn chực ai người ta đỡ mình nữa.

9) Trên mặt thì chõ trái tai lạnh hơn cả, cho nên hễ tay bị bỏng thì người ta quen sờ vào trái tai để cái nóng nó truyền vào đó mà đỡ nóng,

Đây là lời hoạt-ké để chê kẻ lợi thì tư-kỷ mà hại thì nhớ đàn. Nghĩa là lúc anh ăn thì tay anh chỉ vơ vào miệng chứ anh có vơ vào tai cho tai

ăn với đầu. Thế mà hễ tay anh bị bỏng thì sờ ngay lên trái tai để cầu-cứu.

10) Đây là chê những kẻ một khoét hại đàn. Kẻ khôn-ngoan đem tài-nghệ để làm ích-lợi cho thiên-hạ mà kiếm ăn với ngoài đàn. Sự kiếm ăn ấy ai cũng phải khen. Còn như kẻ ngu hèn, chỉ xoay sở vào trong đàn để mà kiếm ăn thì thực là một đời, ai cũng khinh-bĩ.

163— Ăn một mình thì được chứ làm một mình không được (1).

164— Khôn độc không bằng ngốc đàn (2).

165— Buôn có bạn bán có phường (3).

166— Gà béo thì bán bên Ngó,

Gà khô thì bán làng Diềng (4)

167— Góp gió thành bão, chum cây nên rừng (5).

168— Chết một đồng hơn sống một người (6).

169— Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ (7).

170— Com ăn chẳng hết thì treo,

Việc làm chẳng hết thì kêu làng-diềng

171— Com ăn chẳng hết thì treo, [(8).

Việc làm chẳng hết thì meo mặt vào

172— Cỏ bèo hơn cây nứa (10). [(9).

173— Ăn cho đều tiêu cho sông (11).

1) Đây là nói cái nghĩa trong đàn, làm phải chung thì ăn chớ độc. Khi ăn không những phải cần đến ai mà lại không muốn có ai để bớt bát của mình đi. Thế thì được đấy. Tâm-lý người ta như thế cũng nhiều. Nhưng đến khi làm thì nó lại trái lại. Một mình không thể làm nổi được việc gì, nhất là cái miếng ăn kia cũng vậy, phải có bao nhiêu người giúp vào mới nên. Thế ở đời không nên cốt vơ lấy cho đầy nồi mình, mà không nghĩ đến những ai giúp đỡ.

2) Độc là một mình. Ngốc là đại.

Đây là nói chớ cậy một mình khôn mà khinh cả một đàn đại. Đại nhưng có đàn, đồng-tâm hiệp-lực lại giúp đỡ

lần cho nhau thì việc gì cũng thành. Thế là đại mà nhiều sức cũng thành khôn. Khôn nhưng chỉ có một thân, không ai tư-trợ thì không có làm được gì.

3) Đây nói về sự hợp-quần của nhà thương-mại. Buôn mà có bạn để giúp nhau thì dễ cất hàng, bán mà có phường thì cầm được giá mà cũng có lợi. Cho nên việc gì ngày nay, người ta cũng lập ra có hội « ái-hữu 愛友 » để cùng nhau giúp đỡ bênh vực quyền-lợi.

4) Ngô là một nước trong ba nước Tam-quốc bên Tàu mà gần nước ta. Đã đánh lấy nước ta, tức là thời bà Triệu-âu vậy. Vì thế ta quen gọi người Tàu là người Ngô, nước Tàu là nước Ngô.

Đây là chế kể xử tệ với đàn. Như anh chàng bán gà kia, bên Ngô thì có ích gì cho anh, mà hề con gà nào béo thì anh để đem bán cho họ. Còn làng-diềng là nơi tắt lửa tối đèn có nhau, rất có tình-nghĩa với nhau, thì hề con gà nào gầy là anh để bán cho.

5) Đây là nói về cái lễ hợp đàn thì sức mạnh.

6) Đây là lời quả-quyết tỏ nghĩa đồng-sinh đồng-tử của đàn với nhau. Đang khi hay là sắp ngộ biến, người ta tính rằng: một mình mình thì có thể sống được, nhưng không nở trông thấy cả đàn bị chết, thì thà mình cũng cùng đàn cùng chết làm một đồng với nhau, còn hơn sống lấy một người như mình sót lại.

7) Tàu là cái chuồng nuôi ngựa. Nuôi nhiều ngựa thì tàu lam dài mỗi gian vừa một con đứng.

Đây là nói cái cảm-tình trong đàn. Xem đàn ngựa kia là loài vật mà chúng nó có cái cảm-tình đối với nhau rất thiết-tha. Khi trong một chuồng nhiều ngựa mà có một con nào bị đau thì cả tàu nó đều không ăn cỏ. Là vì chúng nó thương nhau mà không thể ăn được. Vật còn như thế, phương-chi là người.

8-9) Hai câu này cùng giống nghĩa như câu thứ 163. Cơm ăn không hết thì biết treo để dành, không cho lãng-diềng. Sao việc làm không được thì biết gọi làng-diềng giúp, hoặc méo mặt lại mà cố không nổi. Vậy thì khi được phong-hậu hơn bà con xóm láng, cũng nên giúp đỡ cho nhau; ở đời là nghĩa tương-tư tương-bảo, mình giúp người cái này, người đỡ mình cái khác, không mất đầu mà thiệt.

10) Đây là nói một mình dù giỏi cũng không bằng cả đàn.

11) Ăn là ăn cỏ hoặc ăn phần chia. Kêu cũng là gọi, gọi đóng góp việc gì. Sông là nộp ngay, không tri-duyên khiên-khất, không trảy lười.

Đây là nói về nghĩa-vụ với quyền-lợi ở trong đàn. Ăn thuộc quyền-lợi. Kêu thuộc nghĩa-vụ. Những phần-tử đối với đoàn-thể, dân đối với làng với nước, muốn được đều quyền-lợi, phải làm trọn nghĩa-vụ. Phần ầu-hướng đã được chia đều thì phần gọi đóng phải nộp sông, đó chính là cái tinh-thần về quyền-lợi nghĩa-vụ của đàn đối với phần-tử, phần tử đối với đàn vậy.

(Con nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐO NAM



VĂN THIÊU-NÚ

Mười ba năm

Kính tặng hương-hồn từ-mẫu

... Đã mười ba năm rồi! ... Ở làng T... tỉnh S... một tòa nhà ngói nền đúc, cất theo lối cổ, nhưng hãy còn mới, khách qua đường trông vào đoán biết được chủ-nhân cũng thuộc vào bậc hào-phú.

Một đứa con gái bé độ mười tuổi, ngày ngày vào ra làm mọi công-việc trong nhà, như người ta thường thấy hàng con gái ở các nhà chăm việc. Đứa bé ấy cũng có đi học, nhưng chỉ vừa đọc được chạy quốc-ngữ rồi thôi, vì cái lòng muốn ở nhà giúp đỡ cha mẹ mạnh hơn lòng cầu học. Về nhà nó vẫn vui trong các việc nữ-công; chỉ kim bếp nước. Dầu là còn ít tuổi, nhưng nó đã có nhiều lòng hiếu-thảo, cái lòng có bởi thiên-tính.

Thường ngày, thấy cha mẹ nó nhất là người mẹ yêu-quí của nó phải đau-đớn vì cảnh nhà sa-sụt, thì con bé ấy rất lấy làm suy-nghĩ, vẫn muốn làm cho cha mẹ nó được vui lòng để đỡ những điều sầu-thảm. Cũng như phần nhiều các con trẻ khác, đối với cha, nó có nhiều lòng sợ mà ít có lòng yêu. Mẹ nó là người hiền-đức lắm, thường nghĩ ý muốn cho các con đứa nào đứa ấy đều được nên người, có phẩm-hạnh, có học-thức, con trai cũng như con gái. Phẩm-hạnh thì nó tự hứa với lòng gìn-giữ để xứng với tấm thân bằng trong tuyết trắng; còn học thức thì nó đã phải nhiều khi buồn rầu vì biết mình khó đến được chốn cao-xa. Cái vô-hi vọng ấy khiến cho nó mỗi lần nghĩ đến là mỗi lần sa nước mắt mà riêng những âm-thầm thương lúi.

« Ban-cua »! Chứng bệnh rất nguy-hiểm nó lại phải mang vào khoảng

năm mười-một tuổi, không ai ngờ là khỏi được. Nhưng còn may! Sau khi bà ngoại nó đem về quận Ô-môn thuộc-thang săn-sóc ngót ba tháng thì sức khỏe nó dần dần bình-phục được. Nhân đó nó lại được bà ngoại nó cho đi học.

Đã gần mười hai tuổi rồi mà chỉ mới bắt đầu học văn tây, so với bạn-bè thì thua kém rất nhiều. Nhưng nó cũng chẳng buồn, vì nó biết thân-phận không may của nó phải chịu như thế, vẫn chăm-chỉ cố-gắng luôn. Mà rồi sức học nó cũng dần dần lấn được bạn cùng lớp. Nên nói thực cho nó là nó chẳng được có thiên-tư tốt cho lắm, sự tiến-hóa mau chóng đó là nhờ ở chỗ thấy: « sự học-thức của nó sẽ làm cho mẹ nó vui lòng », khiến nó có đủ sức phấn-miền trong việc học-hành. Đến năm mười-tổn tuổi, ở trường làng đến lớp tư là hết bậc học cho con gái, nó muốn ra tỉnh học nhưng còn phải tốn hao. Ngai nơi ấy thì một điều rất may mắn, nhờ có người trong thân giúp đỡ. Ra tỉnh C... học, vào lớp ba, rồi từ ấy sự học nó ngày càng tiến-lới mà mỗi năm đều được lên lớp dễ-dàng. Tuy mới chừng ấy tuổi mà ở trọ một nhà người quen, nó đã biết trọng danh-giá và biết ăn-ở cho mọi người gần-gũi đều thương-mến.

Ở trường, thầy yêu, bạn yêu, về nhà ai nấy chiều chuộng. Việc ăn-ở cho mọi người yêu, cũng như việc chăm học là bởi một tấm lòng thương yêu cha mẹ mà muốn làm cho cha mẹ được vui lòng, vì nó nghĩ rằng: con cái có nết-na thì cha mẹ được tiếng khen.

Dầu vậy, nó vẫn có cái tính lạ là ít chịu giao-thiệp với nhiều người. Nó lấy sự học-hành chăm-chỉ làm vui thú

hơn, vì nghĩ rằng : nhiều bè bạn tất thế nào cũng có điều không vừa ý.

Mới chừng ấy tuổi đầu đã phải xa cha mẹ, xa chị em, xa chốn gia-đình đầm-ấm, như cái tổ đối với con chim non, mà đất khách quê người, tháng ngày thui thủi ; nên nhiều khi ngồi trông rợn gió thoảng qua cửa sổ, mấy lá gòn lay động, hoặc là khi hoa rụng bên thềm, trăng soi trước ngõ, hoặc là khi một vài tiếng chim kêu hót buổi chiều hôm, đối với cảnh nền thơ ấy, nó đã từng nhiều phen chan-chứa lệ. . . Trời ban mưa, trong nhà sau trước vắng người, thì chỉ có quyển sách vừa buông ngổ trên bàn, cành cây lá cỏ ỉ-rũ lừ-ừ vì cơn nắng hạ, một luồng gió hắt, điềm có vẻ dịu-hiếu, là thấy được lòng đứa bé đang ngơ-ngẩn chạnh niềm thương nhớ gia-hương. Liền tay nó lau ngay giọt tủi để cầu lấy giải khuấy trong sự học. Trong tuần-lễ nó được có hai ngày vui-vẻ nhất : thứ năm và chủ-nhật. Hai ngày được đi thăm dì nó, hai ngày nó thấy được một phần cái hình-ảnh gia-đình và tiếp-xúc được một phần khí-vị tinh thần-ái trong nghĩa gia-tộc.

Năm 16 tuổi vào lớp nhất. Hi-vọng chan-chan trước mắt, trông cho mau đến ngày công-thành danh-đạt, để cho cha mẹ nó được chút vui mừng bấy lâu đã nhiều ao-ước. Nhưng than ôi ! Cuộc đời điên-đảo, tai - nạn không ngờ ! Thần chết chợt một cái đã cướp mất người nó yêu quý nhất trên đời : mẹ nó từ-trần, trong lúc nó còn đang mê-mạn tâm-tri trong quyển sách lớp bài.

Than ôi ! nó không được thấy khi mẹ nó vất-vả trên giường bệnh, nó không được cầm tay mẹ nó phút cuối cùng, cánh tay ấm bằng âu-yếm nó từ những ngày thơ dại, nó không được nghe tiếng thở hắt ra của mẹ nó, tiếng từ-giã cõi đời, nơi còn để lại đứa con thơ yếu. Nó làm việc cốt để cầu lấy vui lòng

cho mẹ nó mà nay mẹ nó đã chẳng còn thì thực là khiến cho nó tuyệt-vọng với đời. Bước vào nhà cũ, chốn vui-vầy ấm-áp mọi khi mà nay thấy buồn-rầu lạnh-lẽo vô-cùng, mẹ nó nằm, nét mặt gầy-gỗ xanh-xao, trong màu tử-khí, đôi con mắt như đang trông đứa con xa cách sắp về, miệng như mỉm cười mà lộ một vẻ đắng-cay đau-đớn. Cười vì đã rửa sạch bụi trần, cõi đời, chốn người ta bao-la nơi khổ-não ; đau-đớn vì lo cho bốn đứa con thơ dại, rồi đây, muốn sống, cậy nhờ ai ? Đối với đứa bé sau khi người mẹ đã chôn vùi dưới ba thước đất rồi thì trời đất này là một giếng oan nghiệt vô-ngàn, mà cuộc đời là một tấn tuồng diễn bằng nước mắt.

Rất không may cho nó bước đầu trên quãng đường đời. Nó thôi-chi ư ? — Cha nó thì bệnh yếu, chị nó cũng vẫn còn là thơ ngây như nó, em nó thì còn nhỏ dại, nó không thể thôi-chi được, nó phải bước lên mà lo phận-sự, mà giúp-đỡ gia-đình kia mà. Cái gánh nặng, nó không thể trút cho ai !

Nó không dám vì sự chán-nản, mà toan bỏ học. Nó cố gắng luôn, đầu lòng dốc chí luôn, nhưng mỗi cái đầu lòng dốc chí của nó đã khiến cho nó rớt bao nhiêu nước mắt. Dầu thế nào nó cũng nghĩ rằng : mẹ nó tuy đã chẳng còn, nhưng một tấm linh-hồn thương con vẫn quanh-quẩn bên mình nó.

Cuối năm ra thi, đậu bằng sơ-học. Nó vui ư ? — Thì người mà bấy lâu nó muốn làm cho vui lòng đã cùng nó chia biệt nghìn thu rồi, thì cái vui ấy chỉ là cái vui thoáng qua trong buồn tủi mà thôi! . .

Bã mươi ba năm rồi ! Ngôi nhà ngói ba gian, nền đúc, cất theo lối cổ, ở làng nay hãy còn, nhưng chủ-nhân đã khác, mà con bé lên mười vào ra ngõ ấy năm xưa tức là em đây, em ngồi ngậm-ngùi nước mắt ôn lại tình-cảm mười ba

năm trời nay mà viết bức thư này cho anh vậy.

Em mới sắp bước ra đời, thưa anh, đời đã chào rước em bằng nhiều nỗi chua cay. Cảnh tử-biệt ấy rồi nó cứ vor-vần trong óc em mãi, về sau nhiễm thành cái bệnh đa-cảm đa-sầu, nhưng bao giờ em cũng hết sức dè nèn, vì e dè cho sự buồn-rầu lung-lạc quá, tất có phương-hại cho cuộc tương-lai. Ngày em đậu sơ-học rồi mà lòng những phân-vấn nhiều nỗi: muốn kiếm một nghề làm thì đã được, nhưng cái nghề xứng mới mảnh bằng sơ-học khó có thể mà gánh vác được một cái gia-đình nghiêng-ngữa. Muốn học thêm thì tiền đâu? Duy chỉ còn trông về học-bổng. Thì cũng may mà hi-vọng được thành. Rồi từ ấy xír người em lại đem chiếc thân sâu-não mà theo đuổi trên đường học-vấn: ban sư-phạm nữ-học-đường. Việc nhà vẫn nhờ có chị em, một mình thờ-phụng cha già, săn-sóc em thơ.

Một khoảng thời-gian bốn năm, em tạm gác cái tình đối với gia-đình mà vui mà buồn cùng các bạn đồng-học. Đời em bốn năm ấy, có lẽ là bốn năm để cho em một cái cảm-tình rất thanh-thú và một cái ấn-tượng rất thâm-trầm trong ký ức. Học-đường bấy giờ đối với em nó cũng như gia-đình đã đối với em ngày mẹ em còn, dưới cái âu-yếm

thương-yêu của tấm lòng từ-ái, thì nay em cũng được vui-sướng thành-thời trong cái tình nhẹ-nhàng đầm-ấm của bạn-bè.

Bốn năm tốt-nghiệp ra, đèn sách nèn công đó cũng nhờ lắm người trong thân giúp-đỡ mà bấy giờ ông trời cay-nghiệt xưa kia đối với em hình như cũng bớt tay khe-khắt.

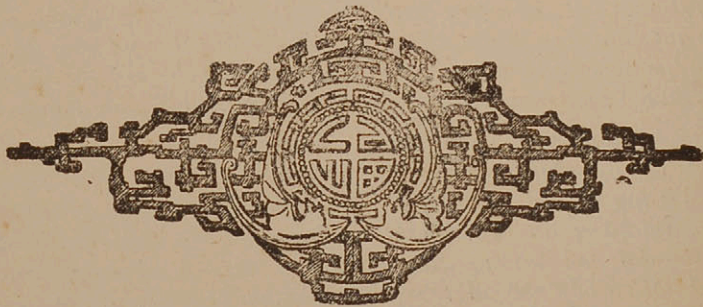
Ngày nay em chỉ nhờ cái chức-nghiệp con - con này mà lo ân đền nghĩa trả phận làm con trong gia-đình và góp một chút công phận làm dân trong xã-hội. Như thế em tin rằng: chốn hoàng-tuyền mẹ em cũng được ngậm cười.

Từ đây về trước là thế, đời em nó chẳng hay gì, còn từ đây về sau thì đường đời man mác biết về đâu...

Đã mười ba năm rồi! Ngồi nhà ngồi ba gian, nèn đúc, cắt theo lối cổ ở làng ?... nay vẫn còn, nhưng chủ-nhân đã khác, mà con bé lên mười vào ra ngõ ấy, năm xưa tức là em đây, em ngồi ngậm nước mắt ôn lại cái tình cảm mười ba năm trời nay mà viết bức thư này cho anh vậy...

Ngày xuân năm nhâm-thân 1932

Nữ-sinh Tri-đức học-xá
(Hà-tiên)



TUỒNG HÁT

TRUNG HIẾU THẦN TIÊN

(Truyện Hưng-đạo-vương 興道王傳)

III

HỒI THỨ V

Sửa thành rồng rước chúa
thượng hoàn cung
Đạo giá phượng gặp cảnh-
bình giữ cửa

Các vai :

Trần Thủ-Độ — Thái-tôn — Hoàng-
hậu — Chư-tướng — Linh-huệ phu-
nhân — Thị-nữ — Cảnh-bình.

Trần Thủ-Độ ra nói :

Đành đã thanh đăng cáo; âu kíp
sửa thành rồng. Trước là nghinh
Hoàng-thượng hoàn cung; sau cũng
thỉnh phu-nhân hồi đệ. (Vào)

Thái-tôn ra nói :

Trùng quang khai nhật-nguyệt; y
cụ phục sơn-hà. Thăng-long trông
cũng không xa; Chư-tướng, Đông-bộ
kíp âu dời gót.

Văn rằng :

Đông-bộ kíp âu dời gót,
Thăng-long-thành vua trước tôi sau.
Cường-Hồ kiệt-ngạo đến đầu,
Cũng nên lấy trận Bộ-đầu làm gương.

Hoàng-hậu nói :

Xưa đương cơn hoạn-nạn; nay gặp
vận thăng bình. Nước non y-cụ cao-
thanh; cung điện trùng-tân cảnh-sắc.

Văn rằng :

Cung điện trùng tân cảnh-sắc,
Hỏi cường Hồ có chắc chi không.
Thành rồng lại trả cho rồng,
Kìa ai lường những mắt công giữ nhà.

Chư-tướng cùng nói :

Quần bao công hãn mã; may giúp
vận thừa-long. Nước non đã thấy cao
trong, bờ cõi sẽ thanh gió bụi.

Văn rằng :

Bờ cõi sẽ thanh gió bụi,
Quyết ra tay giúp hội vãn-lôi.
Dù cho quyền thổ trùng-lai,
Sơ-hồi đã vậy hậu-hồi ra chi.

(Đều vào)

Thị-nữ ra báo rằng :

Phu-nhân hi-sự.

Linh-huệ phu-nhân ra. Phu-nhân nói :

Sự gì mà hay ?

Thị-nữ nói :

Nay vàng lời Thượng-phụ, lại cấp
thỉnh phu nhân. Long-thành đã quét
bụi trần; phượng-khuyết xin dời gót
ngọc.

Phu-nhân nói :

Hào a, thị-nữ sắm-sửa xe loan, bà trở về
Thăng-loại mà như thế này.

Yến đã về nhà cũ; rồng lại hiện
thành xưa. Cổ-hương âu kíp già từ;
tiền lộ trông chừng tiến-phát.

Văn rằng :

Tiền-lộ trông chừng tiến phát,
Trải dặm hờn bát-ngát mùi hoa.

Khi đi ô đồ nóc nhà,

Khi về thành lại hiện ra rồng vàng.

Thị-nữ văn rằng :

Dù hiềm-trở gian-nan khôn kê,
Thấy giang-sơn đẹp-đẽ mà vui;

Khi đi huệ héo lan tời,

Bây giờ cồ-thụ đã chỗi tân-hoa.

(Đều vào)

Binh-linh ra nói :

Phận tuy rằng rất nhỏ ; uy cũng thiết là to.
Như ta nay lại ở đây, không kỳ ông nào bà
nào đi qua đây mà không xuống xe xuống
ngựa, ta nào có dám cho qua đâu.

Trước là nổi lấy phép nhà vua,
sau là giữ lấy quyền tên lính. (Vào)

Linh-huệ phu-nhân ra nói :

Đây đã đến thành Thăng-long đây mà.

Trời gặp chiều êm-ái ; đất sẵn cảnh
phồn-hoa. Thị-nữ ! Ấu là kịp đấy loan-
xa ; chỉ lối trông chừng phượng-khuyết.

Văn rằng :

Chỉ lối trông chừng phượng-khuyết,
Xem cung đèn càng đẹp càng tôn ;

Trời Nam một cuộc vuông tròn,
Đền vàng phủ tía vẫn còn như xưa.

Thị-nữ văn rằng :

Dầu là trái mấy nắng mưa,
Nét vàng vốn đến bao giờ không phai.
(Đều vào)

Một tên cai cùng bốn tên lính ra canh
cửa hát lối đi canh.

*Linh-Huệ phu-nhân đi xe cùng thị-nữ
đều ra.*

Cai lính nói :

Ai kia ngồi trên kiệu ; tới đó phải
dừng xe. Ta canh đây chẳng dám cho
qua ; ai đến đó phải nên trở lại.

Thị-nữ nói :

Ngôi đường - đường mệnh - phụ ;
quyền hách - hách Thái-sur. Sao bay
không thấy mặt mà trừ ; coi lấy đó
giữ dầu kéo mắt.

Cai lính nói :

Mất mấy dầu cũng chịu ; qua một
bước không cho. Bối sợ phép nhà vua ;
lại hơn quyền Thượng-phụ.

Phu-nhân nói :

Thèm nói chỉ chúng nó ; thị-nữ, thôi
thôi kéo xe trở về con, về hầm bạch Thái-
sur.

(Phu-nhân thị-nữ vào)

Mấy tên lính ba- an một hồi rồi vào.

Trần Thủ-Độ ra. Phu-nhân ra.

Trần Thủ-Độ nói :

Ta vốn cho người đón ; nàng dầu
đã về đây ? Sao mà khí-sắc không được
vui làm vậy ? Xin ngỏ chút niềm tây ;
hỏi ý sao buồn-bã ?

Phu-nhân nói :

Thỉnh bẩm.

Thủ-Độ nói :

Thuyết lai.

Phu-nhân nói :

Trăm lạy phu-tướng, như hôm nay tôi
cùng năm ba đứa thị-nữ đi qua gần trước
đền vua, bị những quân lính canh nó bắt
dừng xe lại. Đương lộ trở lan, cánh bị
canh-binh đa sỉ nhục 當路阻攔竟被
更兵多恥辱 như thế thời tôi còn thề-
diện chi nữa ; thành hà sự thể, hồi trình
tướng-phủ mặc nhiều tha 成何事體
回呈將府莫饒他。

Thủ-Độ nói :

Hỡi chủ-trông ! truyền cho bắt mấy tên
lính canh ra đây.

Lính canh ra.

Thủ-Độ nói :

Sao phu-nhân ta đi chơi mà chúng dám
hỗn-hào làm vậy ?

Lính canh nói :

Dạ dạ, trăm lạy Thái-sur, cho anh em chúng
tôi thỉnh bẩm.

Thủ-Độ nói :

Thuyết lai.

Lính canh nói :

Dạ dạ, dám lạy Thái-sur, vì chường cung-
cấm là nơi tôn-nghiêm, phép nước cấm
không được cho ai đi xe đi ngựa qua đó, mà
tới nay thấy xe phu-nhân qua đó, hỏi vậy
cho nên ; Cung-cấm thậm nghiêm, thần
chức khảng dung xa mã quá 宮禁甚
嚴。臣職肯容車馬過 ; nay chúng tôi
xin chịu tội với tướng-ông, tướng-môn
thỉnh tội, nhân-tâm thượng ký hải sơn
hoảng 相門請罪。仁心向冀海山弘。

Thủ-Độ nói :

Bởi hay dung kẻ dưới; mới thực lượng người trên. Như vợ chồng ta ở trong triều này ai là chẳng biết có quyền-thế, mà : Có quyền chớ khà cậy quyền; biết phép phải nên giữ phép. Thế dù lớn ta không nên hiếp; linh canh, tao khen cho mày, nghe : phận tui hèn mày biết giữ-gìn. Tao lại thưởng cho tiền; tha mày về canh cửa, nghe.

Lại nói :

Phu-nhân ơi, Nó tiêu-tốt còn biết lo chức phận; ta phu-nhân phải giữ lượng bao dung. Thôi phu-nhân về lui nhà, nghe. Ta sẽ chức đèn rỗng; nằng trở về tướng phượng, nghe.

HỒI THỨ VI

**Đặt phép nhà mới một thứ
truyền trao**

Tiếp ngoại-sứ đã lăm phen đi lại

Các vai :

Thái-tôn — Văn vũ bá-quan — Trần Thủ-Độ — Lê Phụ-Trần — Chiêu-thánh hoàng-hậu — Hoàng-tử — Nhạc-công — Thánh-tôn — Thiệu-dương công-chúa — Lê Đà — Đinh Cung-Thần — Hưng-đạo-vương — Hốt-lung-hải-nha — Trương Đình-Chân — Thị-nữ.

*Thái-tôn cùng văn vũ bách quan đều ra.
Thái-tôn nói :*

Như nay, Thành vàng vững-chãi; bệ ngọc rõ-ràng. Ngoài đã diệt dẫu sai-lang; trong lại yên đầm hồng-nhạn. Như phải làm vậy; Trước là bởi thúc-phụ kỳ-miru diệu-toán; sau cũng vì tướng-thần hiệp sức cùng lòng. Công thực là công; thưởng đáng nên thưởng. Việc ấy sẽ ban chiếu phượng; tiệc này đại-hội thành rỗng.

Cùng hát bài-ban :

Xuân bỉ cừu phương hề cảm phạm
ngô-cường, sự xuất hữu danh hề ngã
vũ duy dương, tam quân hùng hoàn

hề xích bỉ sai lang, khôi-phục sơn-hà
hề nhật nguyệt trùng quang, quân minh
thần lương hề hội ngộ nhất đường, ư
vạn tư niên hề quốc tộ duyên tràng.
蠢彼仇方兮敢犯吾強。師出有名
兮我武惟揚。三軍熊桓兮斥彼豺
狼。恢復山河兮日月重光。君明臣
良兮曾遇一堂。於萬斯年兮國祚
延長。

Trần Thủ-Độ nói :

Đa dạ dâm tâu chúa-thượng, nay có chúa
trại Qai-hóa cho người về trình với tôi rằng:
Từ Hạp-Thai bại-trận, có Hà-Bồng đón
đường, nên tặc-bình đã bị tử-thương,
đem khí-giới hồi triều bầm nập.

Thái-tôn nói :

Hảo a! Đã tài dũng-lược; lại dạ
trung-thành. Ai hay dẫu những lũ áo
xanh; mà cũng biết đem lòng son đỏ.
Hầu-tước phải ban cho nó; kẻ phong
cũng được từ đây.

Lại nói :

Tướng-quân Lê Phụ-Trần : Dầu khỏi
cơn hoạn-nạn; dẫu quên kẻ trung-
lương. Ta nghĩ lại như ta hữu tửu kim-nhật
cũng là nhờ công-đức Lê Phụ-Trần đó mà,
Do-Vu kia lấy mo đờ Chiêu-vương;
Kính-Đức nọ cũng mình che Đường-
chúa. Nghĩa xưa đành phải nhớ; công
lớn ấy nên đền. Quán cho mời bà Chiêu-
thánh ra đây; phải phải là: Cho Chiêu-
thánh kết duyên; cùng Phụ-Trần vi
phối. Nghĩa chẳng khác chung chăn
cùng gối; on lại hơn nhường áo xẻ
cơm. Thưởng cho một chút hoa thơm;
ghi lấy trăm năm dạ đá.

Văn rằng :

Ghi lấy trăm năm dạ đá,
Một má hồng đáng giá nghìn vàng.
Đan-thư thiết-khoản là thưởng,
Lạ gì một sợi tơ vương mà bền.

Chiêu-thánh nói :

Thiếp vàng đành giữ phận; gái vì
buộc chữ tông. Cúi đầu lạy trước sân
rỗng; nổi gót theo cùng bạn phượng.

Văn rằng :

Nổi gót theo cùng bạn phượng,
Lệ hai hàng lai-láng khôn ngăn.

Nghĩ xa thối lại nghĩ gần,

Phụ-Trần thì cũng là Trần chứ ai.

Phụ-Trần nói :

Miễn là phù nghiệp chúa ; đầu dăm
kề công tôi. Được giờ gọi chút thơm
rời ; bao thuở dăm quên nghĩa cũ.

Văn rằng :

Bao thuở dăm quên nghĩa cũ,
Ghi ân này biết thuở nào nguôi ;

Dù rằng son-phấn cũng nhiều,
Sao bằng một chút bấy nhiêu là tình.

(Đều vào).

Thái-tôn, Trần Thủ-Độ, Hoàng thái-tử
đều ra.

Thái-tôn nói :

Trần nghĩ lại như chú chân ta phen này
dựa được cơ-nghiệp họ Trần không phải dễ
đầu, bởi vậy cho nên : xem lấy gương Lý-
tự ; phải dựng nghiệp Trần-gia. Thời
thối, Đền tây-cung dành dưỡng lấy thân
già ; ngôi nam-diện nhường cho con cả.
Nhờ vua lớn phúc cho miếu-xã ; truyền
phép hay để lại tử-tôn. Dám thưa thúc-
phụ, thúc-phụ nghĩ lại việc ấy có nên không?
Nếu việc ấy có nên ; xin chước kia
sớm định.

Thủ-Độ nói :

Hảo a ! Phép nhà nên truyền đời ;
việc nước phải lo toan.

Quân-sĩ ! Truyền hội triều-quan ; tảo
đồ đại-kế. Trước làm lễ thượng-hoàng
nhượng-vị ; sau chúc mừng thái-tử
lên ngôi.

Văn-võ bách-quan đều ra.

Thái-tôn nói :

Như ta nay : vì việc nước lâu nay đã
mỏi mệt ; nổi nghiệp nhà thái-tử đã
lớn khôn. Muốn cho tôn-xã đồ-tồn ;
âu phải thánh-thần tương-kế. Nay
trẫm dành nhượng vị ; Hoàng-tử, cho
con được nối ngôi. Việc chi to thì phải
tấu tãi ; còn ra nữa mặc dầu xử đoán.

Hoàng-tử nói :

Trẫm lạy cha, như nay phó thác con làm
vậy, con dám nghĩ : Tuấn-mệnh do thiên
bất dị ; quân-nhân tự cố duy nan. Minh
đã gánh giang-sơn ; lòng phải lo tiêu-
cán. Việc to nhờ Thượng-hoàng xử-
đoán, mưu hay cậy ông chú vẽ-vời.
Lên ngôi trời dăm để dạ ăn chơi ;
giữ báu lớn lại thêm lòng kính úy.
Bách quan : Ủ ta nay tức hoàng-đế-vị ;
tôn đức cha làm Thái-thượng-hoàng.

Thủ-Độ nói :

Mừng Thượng-hoàng nhượng-vị ;
chúc Kim-thượng đăng-quang. Truyền
bá-quan, đại tiền la-bái song hàng ;
Quân, cho đòi nhạc-công ra đây, điện
ngoại tấu chương bát-dật.

Nhạc-công ra múa hát xong thì bãi triều.

Thái-tôn Thánh-tôn ra.

Quân ra báo rằng :

Từ Thượng-phụ lui châu đèn tia ;
nào ngờ đầu êm giấc suối vàng.
Trương-hạ kíp vội-vàng ; ngự-tiền ngộ
tâu bạch.

Thái-tôn Thánh-tôn cùng nói :

Chân thống-thiết, chân thống-thiết ;
thậm ai lân, thậm ai lân ! Thiên đoạt
ngã tôn-thần ; địa mai ngô thạc-phụ !
眞痛切眞痛切, 甚哀憐甚哀憐
天奪我尊臣, 地理吾頤輔

Cung than rằng :

Cơ-nghiệp nhà ta ; công-lao của
chú ! Ân-nghĩa ấy biết bao nghìn thuở ;
tử sinh đầu chia rẽ hai phương. Lã-
chã hai hàng ; ái-hoài tắc dạ.

Thái-tôn nói :

Ta nghĩ như thúc-phụ có công với ta biết
là bao nhiêu. Thu giang-sơn họ Lý ;
dựng cơ-nghiệp nhà Trần ; ân thực là
ân ; kể sao xiết kể. Sinh tiền dù tôn-
sùng bị chi ; nhưng thế mà : tử-hậu nên
tình-lễ chu-truân. Trạch cát-địa an
phần, hội bách-quan tổng tấu.

Hội bách-quan làm ma, đưa Trần Thủ-
Độ xongrồi, đều vào.

Thánh-tôn cùng Hưng-đạo-vương đều ra.

Quân ra báo rằng :

Hai sứ-thần Mông-cổ ; nay đã đến Nam-quan. Quan Trấn-thủ Lạng-son, sai tôi về tâu bạch.

Thánh-tôn nói :

Như nay nước ta ở gần nước Mông-cổ làm vậy, nước nó thì mạnh mà nước ta thì hèn. Bởi ở gần nước mạnh ; ta cam chịu phận hèn. Ta nhớ lại từ khi Mông-cổ sai sứ sang, ta cũng đã sai sứ đáp lại nhiều lần đó mà. Sứ vắng lại kể đã đến bốn phen ; oai hống-hách lại giao cho sáu việc. Nào có phải chỉ thế, mà thôi đâu ; Đặt ra Đạt-lỗ-ba-xích ; chẳng qua là Ý toan giám-trị Nam-bang. Ta không biết nghĩ sao bây giờ : Chống thì e cô-lực nan-đương ; chịu thì sợ mất quyền tự-chủ. Nay sứ nó đã gần tới đó ; ta hỏi : giờ vương-huynh ý nghĩ thế nào ?

Hưng-đạo-vương nói :

Đã đã như nay xứ Mông-cổ lại đây, chưa biết tình-ý nó làm sao, nhưng dù thế nào mặc lòng, ta hãy lấy cách tử-tế mà đãi nó, đã mà : Kiệt ngạo cố nan tuần sài hồ : tin thanh diệp khả cập đồn ngư 桀傲固難馴豺虎信誠亦可及豚魚。 Bởi vậy cho nên : Nay sứ-thần đệ đảo quốc-thư ; xin hoàng-thượng thân ra nghinh-tiếp. Khi ấy mà : nếu nó đem lòng bách hiếp ; thì ta bốn mặt quật-cờng. Chiến-hòa âu sắp sẵn hai đảng ; mềm rắn cũng đủ cho mọi mặt.

Thánh-tôn nói :

Hảo a ! Lời anh phân phải lẽ ; ý trăm quyết nương theo. Đợi Mông-sứ vào châu ; sẽ tùy-cơ ứng-đối.

Quân ra báo rằng :

Hữu vương-sứ đảo vu thành ngoại ; thần hoang mang lai báo trưởng tiền 有王使到于城外。臣慌忙來報帳前。

Thánh-tôn nói :

Quân ! Truyền quân-sĩ : Soạn ngự-giá an bài ; khai thành môn nghinh-tiếp 撰御駕安排。開城門迎接。

Hai sứ ra.

Thánh-tôn nói :

Quả-nhân chào hai vị sứ-thần.

Hai sứ-thần nói :

Chúng tôi xin chào Trần-chúa.

Thánh-tôn nói :

Xin mời hai vị sứ-thần yên vị.

Thánh-tôn cùng hai sứ ngồi ngaug nhau.

Thánh-tôn nói :

Quả-nhân xin hỏi hai sứ-thần qua đây có việc chi mà hay ?

Hốt-lung-hải-nha nói :

Tôi sang thay cho Nạp-xích-đỉnh làm chức Đạt-lỗ-hoa-xích. Còn người này Trương Đình Trân sang làm phó Đạt-lỗ-hoa-xích. Như hai tôi sang đây là vị : Vàng chiếu-thư Nguyễn chúa ; sang cai-trị Nam-bang. Lẽ ra cho phải thì Trần-chúa bày thiết hương-án, đón rước vui mừng ; Trước là bái-thụ chiếu-thư ; sau là rước chào thiên-sứ, thế mới phải. Có lẽ đâu kháng lễ trương-đương ; cũng chẳng thấy hạ giai nhi bái ! Nếu làm như vậy : Tiếu bất năng sự đại ; nhục nhi cảm địch cường.

Thánh-tôn nói :

Nay nay thiên-sứ bảo tôi làm vậy, nhưng theo lẽ cũ nước tôi lẽ có chiếu-thư thiên-triều đem đến thì chỉ nhận lĩnh tại chính-diện mà thôi, không có bắt phải lạy bao giờ. Bởi vậy cho nên Theo lệ cũ chiếu xin chịu lĩnh ; trái lẽ thường lời chẳng dám vàng. Ý tôi nghĩ rằng Ngai chẳng qua nhất cả sứ-thần ; tôi đây cũng một vị thiên-tử. Nếu ngài bảo tôi phải bái chiếu-thư làm vậy : Nếu đề-đầu tự-xử ; còn mở mặt với ai. Xin dãi ngài lấy cách hân-hoi ; tha cho trăm những điều sỉ-nhục.

Hốt-lung-hải-nha nói :

Sao gọi là bang văn-hiến ; mà không hiểu nghĩa xuân-thu ? Kia vương-nhân còn đứng trước chư-hầu ; mà tới nay sao Trần-chúa dám địch cùng vương-sứ ? Tôi bảo trước cho mà nghe : Việc nhỏ không thiện xử ; vạn to chắc cũng liên mang đó không chơi đâu.

Thánh-tôn nói :

Tôi vốn không cứng cổ ; ai xin chớ
đề đầu. Mặc dầu sinh-sự về sau ;
cũng phải cam-tâm chịu vạ.

Hốt-lung-hải-nha nói :

Thôi chẳng cần nói chuyện ; vì
không khứng chịu lời. Truyền sứ-giã
kịp đời ; hồi Bắc-thành tấu bạch.

Hốt-lung-hải-nha vào.

Hưng-đạo-vương nói :

Dạ dạ, như này hoàng-thượng cứ lại cùng
Nguyên-sứ làm vậy cũng thiệt là phải, nhưng
tôi còn lấy làm e lấm má. Dù ta cứ bởi
nuông theo lẽ phải ; nhưng thế má ; e nó
về lại thù ghét lời gian. Bởi vậy cho
nên : sai sứ-thần âu kịp lo toan ; sang
Nguyên-quốc dặng mà biện-bạch.

Lại nói :

Còn nghĩ, vả lại chẳng việc sai sứ chẳng là
khó lắm thay ! Sứ-thần là chức-trọng ;
ứng-đối phải tài lanh. Tôi có biết Lê-đà
cùng Đinh Cửng-Viên như hai người ấy :
Hai người này vốn có học-hành, sai
sang đó chắc không nhục-mệnh.

Thánh-tôn nói :

Hào a ! Quân-sĩ, cho mời Lê Đà và Đinh
Cửng-Viên ra đây ứng hầu.

Lê Đà, Đinh Cửng-Viên đều ra cùng nói :

Dạ dạ, Nay vâng lời thánh-dụ ; cho
tuyên triệu hạ-thần. Công tư lẽ ấy
khôn phân ; cơ-sự việc chi chưa rõ.

Thánh-tôn nói :

Như nay ta đòi hai người vào đây, cốt là
sai sang Nguyên-triều đề mà biện-bạch các lẽ
đó mà, Bởi vậy cho nên : Ta trao cho gánh
nặng, người phải có tài lanh. Như nay
hai người đi làm vậy : xa xôi muôn dặm
hành-trình ; gìn phải đá vàng tạc dạ.

Văn rằng :

Ghìn phải đá vàng tạc dạ,
Thơ Hoàng-hoa từ giã đưa theo ;
Một mình muôn dặm treo-leo,
Ngọc-quan lại thấy Ban-Siêu trở về.

Lê Đà Đinh Cửng-Viên cùng nói :

Như nay hoàng-thượng sai anh em chúng
tôi sang sứ Nguyên - triều làm vậy, vả

chẳng sứ-thần chẳng là hệ-trọng lắm mà ;
Dám khoe tài chuyên đối ; đành giữ
dạ trung-lương. Gian-nan bao quân
chí mình ; sống thác cốt đành lấy lưỡi.

Cùng văn rằng :

Sống thác cốt đành lấy lưỡi,
Dầu gian-nguy khôn ngồi tác tòng ;
Cho rằng cờ Hán hết lòng,
Chàng Tô vẫn giữ một lòng như xưa.

Hưng-đạo-vương nói :

Như này hai người sang sứ nhà Nguyên,
đường xá xa-xôi làm vậy, chẳng là có công
bạt-thiệp lắm mà : Ngọc tiết minh câu
noãn ; thiều xa xuất tái hàn, 玉節鳴
駒煖。軺車出塞寒 - Trùng chùng vạn-
lý giang-son, tiễn-biệt mấy lời vàng
đá.

Văn rằng :

Tiền biệt mấy lời vàng đá,
Đường bắc nam kẻ ở người đi ;
Sao cho đờng mặt nam-nhi,
Sứ tinh pháp-phối có cờ vẽ-vang.

Thánh-tôn văn rằng :

Vó câu thẳng ruổi dặm trường,
Trông miền Bắc-dịa trở đường Nam-
quan.

(Èu vào)

Thiều-dương công-chúa cùng thị-nữ ra.
Công-chúa nói :

Tôi nghĩ lại như tôi : Cung trăng thấp-
thoảng bóng Hằng-nga, tôi từ thuở bé
đến giờ chỉ là ở trong đèn châu chực đức
thượng-hoàng mà thôi, chứ nào có nghĩ chỉ
đến sự nhân-duyên làm chi, bởi vậy cho nên :
quế ngậm mùi hương chữa trở hoa ;
thôi thì ta ở nhà mà châu chực đức thượng-
hoàng cũng được mà : Âu xếp chữ duyên
lo chữ hiếu, mai già không sợ sợ xuân
già. Tôi nghĩ như tôi tiếng là con gái mặc
lòng, nhưng đức thượng-hoàng thương tôi
không biết chừng nào mà kẻ. Ân sinh-thành
xiết kể ; tình chung-ái biết bao : Bởi vậy
cho nên : Mong đèn lấy nghĩa cũ-
lao ; xá nghĩ chi duyên tác - hợp.
Như nay đức Thượng-hoàng đã đến sáu
mươi tuổi, lòng tôi lấy làm mừng cũng lấy

lâm lo: Tuổi qui-hạc mừng vừa chu hoa-giáp; điềm ngô-công lo đã tới năm đinh. Ối cha! Tiếng chuông đầu nghe đã liên-thanh, âu kíp tới ngự-đường thăm hỏi a. Vào.

Thái-tôn Thái-tôn ra :

Thái-tôn nói :

Ta nghĩ lại từ khi truyền ngôi cho con đến giờ: Giang-sơn đành có chủ; nhưng thế mà tiêu cán vẫn không nguôi. Buồn thúc-thân cũng đã qua đời; giận Hồ-lỗ thường hay sinh-sự. Bởi vậy cho nên cũng một đời kúi ngự lên chùa An-tử để mà giải buồn mê:

Mượn cảnh Phật thường chơi chùa An-tử; bỏ cõi trần e đã tới năm đinh.

Ta nghĩ lại như cái điềm con rét hóa ra cái đinh làm vậy. Sinh tử do-lai định mệnh; âm-dương phút đã chia đường.

Thái-tôn tạ thế.

Khi vua Thái-tôn nói đến ưu-tư sinh tật-bệnh thì hấp-hối.

Vua Thánh-tôn nói :

Hoàng-phụ lại tinh lại tinh.

Thánh-tôn nói :

Tràng dục đoạn tràng dục đoạn; lệ nan khâm lệ nan khâm. Bạch-vân hà-xứ tâm; hoàng-tuyền nan tái kiến.

Ta ơi! Cừ-lao chín chữ; chan chứa hai hàng, ơn sinh thành biết thừa nào quên, nghĩa báo đáp lấy chi cho xứng.

Khi vua Thánh-tôn dương than khóc, có Thiên-dương công-chúa ra thì vua Thái-tôn đã mất rồi, công chúa than khóc rồi cũng lần ra.

Công-chúa kêu khóc rằng :

Đền chuông vừa nổi tiếng; ngọc giá đã xa đời. Lôi không ngờ rằng phụ-hoàng tôi đã mất với như vậy! Tiếc thay chưa kịp một lời; đầu nổi chia làm hai ngã! Như tôi lấy chi mà đền ơn cho cha tôi bây giờ: Con muốn đền ơn ơn khó trả; như tôi uao có nghĩ chông con làm chôn vùi đầu thân còn chẳng tiếc tiếc chi duyên. Trời ơi là trời! Thông-thiết dẫn hô thiên; Ơi cha ơi cha! Đê-mê tương nhập địa. Như tôi bây giờ chết theo cha tôi là hơn. Nguyễn

dữ bạch vân câu thế; đặng may hoàng-những tương tùy.

Nói xong công-chúa tạ thế.

Thánh-tôn nói :

Như nòng nổi em tôi làm vậy! Tưởng là con khóc ngắt; đầu ngờ nổi chết liền! Thương hại cho em tôi! Buổi đầu xanh không nghĩ nổi nhân-duyên; mà tới nay: nơi suối bạc quyết đem lòng báo-bổ. Như tôi bây giờ: Yên con vừa phá tổ; nhận chiếc lại lia bày! Thời thì em sống thì khôn, chết thì thiêng, ta nhờ em nuôi lấy cha thay cho anh cùng; Đạo thần hôn em thay lấy việc này; tình báo-bổ anh quên đầu nghĩa đó.

Lại nói :

Bách quan nghe ta dạy: Trạch long-hưng cát-địa; nghinh hạc-giá triêu thiên. Cho nương-muội phụ-táng nhất biên; đặng hoàng-phụ yên lòng chín suối. Bách quan đại-hội; tống-táng như nghi. (Hồi vào).

Thánh-tôn ra.

Quân báo nói :

Da dạ, hữu vương-sứ cáo vu thành-ngoại; thần hoang-mang phi báo trưởng-tiền.

Thánh-tôn nói :

Ta nhớ lại, trước ta cũng đã sai Lê Đa, Đinh Cửng-Viên sang Nguyễn-dinh để mà biện-bach, thì hai già ấy cũng đã phục-mệnh, thế mà bây giờ Nguyễn-chúa hầy còn sai sứ sang đây: Ta đã sai người biện-bach; nó còn sai sứ bây nài. Nhưng thế mà biết tính làm sao! Quân! Truyền cho thượng-tướng kíp đời; phải tới sứ-môn nghinh-tiếp.

HỒI THỨ VII

Sài-Thung đã lên mặt sứ-thần
Hưng-đạo cũng giã hình hòa-thượng

Các vai :

Sài-Thung — Trần Quang-Khải —
Hưng-đạo-vương — Dã-Trọng — Yết-Kiều — Thánh-tôn — Quân-sĩ.

Sài-Thung ra bạch rằng :

Nam xuất Giang-lãng khứ lộ xa,
Viên nhân tranh đồ nhạ hoàng-ba ;
Bách tha Trần-chúa lai triều-phục,
Đạp bĩ phiến-ly tổng nhất-gia.

南	出	江	陵	去	路	賒
遠	人	爭	觀	逐	皇	罷
追	他	陣	主	來	朝	服
踏	彼	藩	籬	總	一	家

Lại nói :

Tớ nghĩ từ khi ta tới đây. Khi-khu tòng
điều đạo ; thiều đệ áo long-thành. Nghĩ
minh thật cách văn-minh ; xem nó thật
là mọi rợ.

Quân nói :

Bây đã đến đờ nhà vua, quan lớn có
xướng ngựa không ?

Sài-Thung nói :

Hề chi đến đại mà xướng ngựa. Quân ! Sứ-
quán đâu tới đó sẽ dừng xe ?

Quân báo rằng :

Dạ da. Có Trần-triều thượng-tướng ;
xin yết-kiến đại-nhân.

Sài-Thung nói :

Cho vào.

Quang-Khải nói :

Tôi tên Trần Quang-Khải; chức thái-
úy đại-vương. Nghe thiên-sứ đã sang ;
nên tôi phải thay Trần-vương nghênh-
tiếp.

Quang-Khải vào yết-kiến Sài-Thung,
Sài-Thung lên mặt kiêu-ngạo không hề
nói chi cả, chỉ ngồi ở trên ngựa.

Sài-Thung nói :

Người nào vào hầu đó: quân-sĩ ? quân
lính bảo ra ngay. Ta ngang với vua
mày ; chuyện-trò chỉ với nó. (Bều vào)

Hưng-dạo-vương ra, có Yết-Kiều Dã-
tượng đứng hầu.

Hưng-dạo-vương nói :

Ta nghe có sứ thiên-triều qua đây.
chẳng hay công-việc ra thế nào, các người
có hay không ?

Yết-Kiều nói :

Dạ dạ dám thưa đại-vương, anh em tôi
ở ngoài có nghe rằng bắc sứ phen này tên là

Sài Thung ở tại sứ quán, mà nó khinh quan
minh, cha cả là khinh rồ lắm mà !
Thượng-tướng đã vào ra mắt ; sứ-thần
không chịu trả lời. Nào có phải nó không
trả lời mà thôi đâu, Nằm trên giường
liú cẳng lại mà chơi ; bởi vậy cho nên
quan Thượng-tướng đợi lâu không được,
trực ngoài trường mỗi chân lâu cũng
tháo.

Hưng-dạo-vương nói :

Giận cha chả là giận ! Kia đối trả
những loài đeo da báo ; dám ngang-
tàng làm bộ vuốt râu hùm. Ta bây giờ
cũng ra mắt nó xem làm sao, nhưng phải
nghĩ cách thế nào để mà tới đó mà ? À phải
phải ! Muốn cho biết mặt Sài-Thung ;
âu phải giả hình hòa-thượng. Quân,
truyền đem áo mũ thầy tu ra đây : Bỏ cân
đai quan tướng ; đội mũ áo thầy tu.
Như ta tới đó : mượn tiếng tâu nói
chuyện những đầu đầu ; xem ý nó có
điều chi lạ lạ. Như ta ăn mặc thế này, ai
cũng tưởng là ta tu đó mà, nhưng thế mà ;
Nay tạm theo đạo Phật ; xưa cũng vốn
tài tiên. Giận vì lấy mạnh hiếp hèn ;
bởi vậy cho nên : đâu có muốn tu sao
đặng.

Văn rằng :

Đầu có muốn tu sao đặng,
Việc giang-sơn phải gánh phải lo ;
Miệng tuy tụng chữ na-mô,
Lòng này cam giết đũa thù không tha.

Yết-Kiều Dã-Tượng cùng nói :

Theo thầy âu cả hai ta, đặng xem ý-
tử nó ra thế nào. (Bều vào)

Sài-Thung ra.

Quân ra báo rằng :

Dạ da, Có một người hòa-thượng ;
xưa vốn ở nước Tàu. Sang Nam-quốc
đã lâu ; xin vào hầu thiên-sứ.

Sài-Thung nói :

Cho vào.

Hưng-dạo-vương ra nói :

Na-mô a di đà phật, bản-tàng nghe tin tướng-
công đã sang đây, vậy xin vào bái yết.

Sài-Thung nói :

Xin mời lão-tăng ngồi. Quân pha chè nghe.

Sài-Thung xướng rằng :

Ta xin hỏi pháp-hiệu lão-tăng là chi, quê-quán ở đâu : Pháp-hiệu thị thù, sinh trưởng bắc-phương hà xứ-sở 法號是誰。生長北方何處所? như lão-tăng qua bên này tu ở chùa nào, đặng bao nhiêu năm rồi : trụ-trì mô xứ, thế chi Nam-quốc kỷ hà niên 住持某處棲遲南國幾何年?

Hưng-đạo-vương xướng :

Dạ da, dám bẩm Tướng-quân, tôi bản-hiệu Huyền-minh quê ở Thạch-dòng thuộc tỉnh Hồ-nam : Pháp-hiệu Huyền-minh, quán tại Hồ-nam cư Thạch-dòng 法號玄明貫在湖南居石洞; nhưng thế mà tôi qua nước Nam đã đặng mười năm, bây giờ tôi tu ở chùa Nhất-trụ ở gần thành Thăng-long, chẳng mấy khi có tước-công sang đây, bởi vậy cho nên tôi lấy tình người xứ-sở cùng nhau mà lại hầu : Khách du Nam-quốc, tự danh Nhất-trụ bang Long - biên 客遊南國寺名一柱傍龍編。

Khi Sài-Thung đương chuyện-trò với Hưng-đạo-vương, quân-sĩ của Sài-Thung thấy Hưng-đạo-vương tọc đầu, nó lấy mũi tên châm đầu Hưng-đạo-vương mà chơi, mà Hưng-đạo-vương cứ điềm-nhiên không biết. Yết-Kiên Dã-Tượng đứng ngoài cửa trông thấy nổi giận rồi đánh nhau với quân Sài-Thung một hồi. Hưng-đạo-vương trông thấy vậy, lấy mắt liếc Yết-Kiên Dã-Tượng bảo đừng đánh nữa.

Hưng-đạo-vương lại xướng :

Na-mô a-di-đà Phật, dám bẩm tướng-công, nghe ngoài phố có đồn rằng Trần-chúa có cho thượng-tướng Trần Quang-Khải ra tiếp, thế nhưng mà tướng-công không thèm nói chuyện là có ý khian rề nó không ra chi, có thể không : Nhân khẩu cạnh truyền thiên-sứ như kim da ngạo-ý 人口競傳天使如今多傲意; tôi nghĩ lại rằng tướng công lấy lễ mình là thượng-quốc, thế nhưng mà cũng nên lấy lễ nghĩa mà đãi người ta : nếu làm như vậy e rằng về sau sinh ra sự

thù oán, bởi vậy cho nên : lão-tăng thực cáo Nam bang bất miễn khởi thù tâm, 老僧實告南邦不免起讎心。

Sài-Thung xướng rằng :

Lão-tăng nói làm vậy, nào ta có giận chi đâu, ta nói thật cao lão-tăng biết, ta phụng mệnh sang đây là cốt bắt Trần-chúa phải vào châu : Ngã bốc thủ hành, Nam-Việt Trần-vương tu cận 我卜此行南越。王須覲; nếu nó không nghe lời ta thì giàng-son nước nó sẽ ra cầm đó mà : tha như bất thính; thiên-triều Bắc chúa định hưng-binh 他如不聽天朝北主定興兵。

Hưng-đạo-vương nói :

Da dạ như tôi bây giờ chót đã lia què quân; phải giữ đạo tu-hành. Bình-an dao chúc sứ-trình, từ giã lui về phật-tự.

Văn rằng :

Từ-giã lui về phật-tự,
Lòng từ-bi vẫn giữ xưa nay;
Muốn cho quả phúc được đầy,
Quật-cường âu phải bắt tay mới vừa.

Sài-Thung nói :

Tuy rằng xa vạn dặm, dầu tướng gặp một nhà. Sau đây ta lại gặp ta; lúc ấy nghĩa càng thiết nghĩa.

Văn rằng :

Lúc ấy nghĩa càng thiết nghĩa,
Chút chữ tình mãi mãi không quên;
Trách vì nó chẳng chịu hèn,
Từ bi âu giữ đạo thiên như ai.
Thôi người về ngay.

Hưng-đạo-vương vào.

Quân của Sài-Thung ra báo rằng :

Trăm lạy tướng-công, như người hòa-thượng mới rồi vào hầu tướng-công, chúng tôi ở ngoài này đã biết cả rồi mà Người ấy thật Trần-gia danh-tướng; vốn gọi là Hưng-đạo-đại-vương. Lúc bấy giờ có Yết-Kiên Dã-Tượng hai chàng; nhưng hai người ấy là gia-nô của ông ấy đó mà : vốn đứng chực ở ngoài sứ-quán. Như ông ta : giả bộ làm hình hòa-thượng; cũng vì hay nói tiếng tàu. Trong lúc bấy

giờ hai đũa gia-nô đánh nhau với quân ta ngoài đó vẫn đánh nhau; trong thầy làm giả-tăng. Tướng bởi tướng-công rộng lượng; nên chỉ chúng nó mắc lừa.

Sài-Thung nói :

Thế a ! Nào ta có biết nó giả như thế đâu ; Ngờ đâu loài quỷ-sứ ; giả làm bộ thầy tu. Việc này tích lũy làm thù ; ta sẽ cho bay biết mặt.

Quân ra báo rằng :

Nay có người ra báo ; có Trần-chúa ra thăm.

Sài-Thung nói :

Mời vào.

Trần-chúa ra.

Trần-chúa và Sài-Thung mời nhau ngồi.

Thánh-lôn nói :

Chẳng hay đại-sứ qua đây có việc chi mà hay ?

Sài-Thung nói :

Như ta qua đây phụng thiên-triều dụ-chỉ ; Báo Trần-chúa vào chầu. Như Trần-chúa có vào chầu, chắc là hoàng-đế cũng đãi cho tử-tế mà ; Như vâng lời, cho giữ lễ chư-hần ; nếu nghịch-mệnh, ắt ra oai thượng-quốc.

Thánh-lôn nói :

Người dạy làm vậy, tôi cũng muốn làm mà ; Tôi vốn là sinh-trưởng Nam-bang ; lòng vẫn mộ y-quan thượng-quốc. Nhưng thế mà khó cho tôi, bởi vì : Lo không quen đất nước ; e đến nổi yếu đau. Bởi vậy tôi không có thể nào đi được mà ; Nếu đem việc ấy ép nhau ; dù có thể nào cam chịu.

Sài-Thung nói :

Như thế này : Đi đã không được việc ; nói chẳng chịu vâng lời. Quân-sĩ sắm sửa kiệu ra đây ; Truyền xa giá cấp đi ; hồi Bắc-thành tấu bạch, nghe.

Quân nói :

Phụng-mệnh (Đều vào).

HỒI THỨ VIII

Hưng-đạo vương ước ý
thử các con

Tây-vương-mẫu định
duyên cho hai gái

Các vai :

Hưng-đạo-vương — Thụy-Ngọc phu-nhân — Quốc-Nghiên — Quốc-Oai — Quốc-Nghê — Quốc-Tăng — Thị-Trinh — Thị-Nguyên — Tây-vương-mẫu — Trung-sứ — Thị-nữ — Quân-sĩ.

Hưng-đạo-vương, Thụy-Ngọc phu-nhân, Thị-Trinh, Thị-Nguyên, Quốc-Nghiên, Quốc-Oai, Quốc-Nghê, Quốc-Tăng đều ra.

Hưng-đạo-vương nói :

Em ơi : Từ hai duyên cầm-sắt ; may ứng mộng xà-bi. Xum-vầy phượng-nữ lân-nhi ; trời tốt cảnh vàng lá ngọc. Ừ các con, nghe lời cha dặn : Việc đèn sách trai kia phải học ; nghề thêu thùa gái nọ nên chăm. Trì-gia đã có phượng-châm ; giáo tử không sai thẳng-mặc.

Lại nói :

Ừ các con : Xem từ trước giàu sang bốn bề ; cốt truyền cho con cháu muôn đời. Nếu cha làm việc ấy như chơi ; các con có ý gì cho nói đi mà nghe.

Quốc-Nghiên Quốc-Oai cùng nói :

Da da dám thưa cha, nghĩa quân-thần thiên-cổ : tình thúc-diệt một nhà. Anh em con nghĩ rằng : Hay chỉ câu «chữ nhục bì oa 煮肉皮搗» ; trách những kẻ «nhiên ky đậu phũ 燃箕豆釜». Nay tranh ngôi của chú ; chắc lỗi đạo làm tôi. Vả như vậy thì chúng tôi chắc rằng : Trăm năm rửa tiếng không rồi ; một buổi sang giàu không kẻ.

Quốc-Nghê nói :

Da da dám thưa cha như con nay : Ấu-trung còn phải học ; phải chẳng lễ chừa rành. Việc này đã có các anh ; xin hãy thử cho một trẻ.

Thị-Trình Thị-Nguyên nói :

Đạ đạ, dám thưa cha, như chị em chúng tôi: phận hồ sinh làm gái; nghĩa phải giữ tông phư. Dám bàn chỉ những việc ngời vua; âu chỉ biết lo đường gia-đạo.

Quốc-Tảng nói :

Đạ đạ trẫm lay cha, như ý con thời khác ý anh con, vì con nghĩ đi nghĩ lại, như cha bảy giờ có tài mà lại có thể, có lẽ ma chửi như vậy hay sao? Không tài cam chịu đại; có thể dễ làm khôn. Đạ đạ thưa cha: Công hầu chỉ mà vào cúi ra luồn; bà con nữa dễ nhường cơm xẻ áo. Bởi vậy cho nên: Trung-hiếu là câu thủ-cự, đổi thay thực nghĩa duy tân. Đạ đạ trẫm lay cha, nhân cơ-hội này, xin của làm quách đi thôi. Hoàng-bào kia liệu có gia-thân; thanh-tiên ấy mới là giảng thể đó thưa cha.

Hung-đạo-vương nói :

A lạ cho thằng Tàng đó mà ! Nghiên kia chân hiếu-tử; Tảng nó thực nghịch-thần. Dám xui tao những việc bội-quân; như chúng mày là đang thể đi mới phải: quyết chém nó đặng trừ đảng loạn.

Hung-đạo-vương tuốt gươm toan chém thời phu-nhân cùng các con đứng lên can Phu-nhân nói :

Đạ đạ trẫm lay phu-quáo, xin phu-quân hãy khoan đã mà, thiếp nghĩ lại như nó là: Bởi hãy còn tuổi trẻ; nên dám tiếng nói can. Xin phu-quân tha cho nó một phen đã mà: Xin cương dung-thứ một phen; nếu như vậy thì chắc sau này: tướng cũng đổi thay mọi nét. (Đều vào)

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng Thị-nữ ra.

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng nói :

Trăng in đáy nước; gió lộng rừng cây. Chị em thơ-thần đan tay; thầy tớ vui vầy họp mặt. Phải phải âu la: Mấy lời nhả ngọc; một khúc phun châu a.

Cùng ngâm rằng :

Đa như băng tuyết mặt như hoa,
Thu-thủy xuân-sơn nét mặt-mà;

Tác-hợp cơ trời âu đã định,

Muốn đem thân-thể hồi trắng già.

Hai chị em dương ngâu thơ, trông lên thấy có một đám mây từ từ bay xuống thì đều lấy làm sợ. Liên nói :

Lạ cha chả là lạ ! Thoắt trông một đám mây tròn; bỗng hiện năm diêm sắc vẻ. Lai tông thiên-tế; từ hạ hoa-viên. Rập riu nghề vũ áo xiêm; phảng phất quân thiên nhạc tấu. Giữa một hà tiên-mẫu; bên hai ả tiên-nương. Liếc mắt xem thực đã rõ ràng; phải phải chị em ta âu la: cúi đầu lay đặng nghe chỉ phán.

Tiên-nữ xuống trần. Tiên-nữ ngâm rằng :

Linh-lung thể-giới ngọc tam thiên,
Cửu chuyển đan-sa bất kể niên;
Nguyệt nguyệt hồ-trung thủy thị chủ,
Đo lai Vương-mẫu quán quần tiên.

玲	瓏	世	界	玉	三	千。
几	轉	丹	砂	不	計	年。
日	月	壺	中	誰	是	主。
由	來	王	母	冠	羣	仙。

Lại nói :

Như ta rày: Vốn ở Tây-thiên; qua chơi Nam-quốc. Ta tới đây cũng là: giâu Nguyên-tặc bày nhiều yên-chước; bởi vậy cho nên: cho đại-vương lĩnh lấy gươm vàng. Hai con nghe ta dặn: Cái gươm này gọi là Phi-thiên thân-kiếm: Nếu gặp sự dị-thường, đặng ra tài chế-biến. Số là các con chưa tỏ, đại-vương trước cũng là con ta giảng sinh đó mà, vì cơ ấy: lòng mẹ vẫn còn quyến-luyến; việc con âu phải lo toan.

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng nói :

Đạ đạ, Gươm vàng rực-rỡ; lời ngọc rõ-ràng. Trẫm lay ngài, như ngài đã ban cho cha tôi làm vậy: Lĩnh báu này trình lại phu-vương; cảm ơn ấy thật nhờ tiên-mẫu. Trẫm lay ngài, như chị em tôi không biết về sau thân-phận ra thế nào: Phận gái dù là niên ấu; cơ trời chắc có trắng già. Trẫm lay tiên-mẫu, xin ngài tha lỗi cho chị em chúng tôi cùng, một lời xin dám thưa qua; muôn việc sẽ mong tiên-dịnh.

Tiên-mẫu nói :

Xem Trần-thị chị em ; cũng tiên-gia
đồ-đệ. Hào a : Ngọc chuốt vàng chau đủ
vẽ ; lan thơm huệ nở dương nồng.
Mẹ bảo trước cho các con nghe : Chị thì
sánh bạn ngời rờng ; em cũng kết duyên
trúng hồ. Một lời đã tỏ ; muôn việc
không sai. Truyền xe ngọc kịp đời ;
trở lâu quỳnh trở lại.

Tiên-mẫu biến đi.

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng nói :

Lạ cha chả là lạ ! Mùi thơm còn bát-
ngát ; vẻ ngọc phút mơ-màng. Âu là
lĩnh lấy gương vàng, về dựng trính qua
vương-phụ.

Cùng vẫn rằng :

Về dựng trính qua vương-phụ,
Tiên với phạm hội-ngộ là đây ;
Gương vàng còn ở trong tay,
Xa trông vương-mẫu trên mây mịt-
mù,

(*Đều vào*)

*Hung-đạo-vương, Thụy-Ngọc phu-nhân,
Thị-Trình Thị-Nguyên đều ra.*

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng nói :

Da da trăm lay cha mẹ, chị em con đi dạo
vườn hoa đã trở về, chị em con xin vào thăm
cha mẹ.

Hung-đạo-vương nói :

Ở ngoài vườn hoa có việc chi hay không
hử các con ? phân lại cho cha mẹ hay cùng
nghe, các con.

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng nói :

Trăm lay cha mẹ, hôm nay chúng con đi dạo
vườn hoa, thấy một việc lạ cha-chả là lạ.

Hung-đạo-vương nói :

Việc chi mà lạ đó con ? Các con phân
lại cho cha nghe không ?

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng nói ;

Thành bầm.

Hung-đạo-vương nói ;

Thuyết-lạ.

Thị-Trình Thị-Nguyên cùng nói :

Trăm lay cha, chị em con đi dạo vườn
hoa, bỗng thấy một đám mây có ngũ-sắc, rồi

lại hóa ra nàng tiên tự xưng là Tây-thiên-
vương-mẫu : Tiên-mẫu giáng-lai 仙母降
來, lúc ấy ngài có đưa cho một cái gương
gọi là Poi-thiên thảo-kiếm để trừ quái ; trừ
bỉ yêu ma bằng kiếm tại 除彼妖魔
憑劍在 ; lúc ấy chị em chúng con lại hỏi ;
cái duyên phận chúng con về sau ra làm
sao : thiên-cơ mạc trắc 天機莫測,
ngài lại phán rằng một người thì lấy vua một
người thì lấy tướng ; giáo tha tử muội tảo
hải duyên 教他姊妹早諧緣.

Hung-đạo-vương nói :

Hào a ! Việc thần-tiên vốn huyền ;
của qui-hóa nên dành. Lĩnh gương này
để giắt bên mình, phòng việc kịp đem
ra thí-nghiệm.

Trung-sứ ra báo rằng :

Da da, bầm đại-vương, tôi vâng ngọc-
thư một bức, đệ bảo-vật mười rương.
Quốc-trưởng có dặn tôi rằng xin bầm-
bach đại-vương ; tiến hoàng-nô nhập
nội.

Hung-đạo-vương nói :

Hào a ! Nếu như vậy, phải chi loan vầy ;
đẹp duyên phượng sánh. Xin trung-
sứ hãy về trước đi, tôi sẽ theo sau. Quốc-
bảo-vật tôi đã vâng lĩnh ; trọn ngày
lành sẽ rước vào cung.

Trung-sứ vào.

Hung-đạo-vương nói :

Thị-Trình con : Con theo cha nối gót ;
từ già mẹ cùng em. Kịp truyền sắm
sửa xe-loan, dựng sê vào châu gác
phượng. Gọi quân cho đem song-loan
ra đây.

Vẫn rằng :

Đặng sê vào châu gác phượng,
Đạo làm tôi nghĩa trước tình sau.

Con ơi, nghe cha dặn :

Hiếu trung giữ lấy làm đầu,
Quân-thân hai chữ để hầu đám đầu.

Thụy-Ngọc phu-nhân nói ;

Con ơi ! Nay vào châu vua chúa ;
trẻ ở với mẹ cha. Con nghe mẹ dặn :

Tông-phu là đạo đàn-bà; chính-thủy thực nền vương hóa.

Văn rằng :

Chính thủy thực nền vương hóa,
Gái Khương kia tấu-mã là gương ;

Dù rằng phú-quí giàu sang,
Kiếm cần phải giữ mực thường chớ sai.

Thị-Trình nói :

Dạ da, dám bâm cha mẹ : đã vâng lời giáo-hối, dám phụ đức sinh-ihành. Kiếm cần hai chữ đỉnh-ninh; trung-hiếu mấy lời ghi tạc.

Văn rằng :

Trung-hiếu mấy lời ghi tạc,
Biết bao giờ đá nát vàng phai ;
Phong khi sương nắng một mai,
Quạt nồng ấp lạnh lấy ai đó mà ?

Thị-Nguyen nói :

Vườn hoa vira nổi gót; cung quế bông chia tay. Tội phạm em chưa biết

rủi may; mừng duyên chị nay đã tốt đẹp.

Văn rằng :

Duyên chị đã nay tốt đẹp,
Quế cung-thiền bóng nguyệt càng
Mời hay tác-hợp cơ trời, [trời,
Lời tiên đã bảo chẳng sai chút nào.

Thị-Trình nói :

Nay chị đã xa nơi khuê-các; khuyên em lo chăm lễ thân-hôn. Đạo con phải giữ cho tròn; cơ Tạo chắc là không sảng.

Văn rằng :

Cơ Tạo chắc là không sảng,
Duyên đôi ta kể trước người sau ;
Hoa thơm phải giữ lấy mầu.
Thời xin mẹ cùng em ở lại,

Trăng tròn rồi cũng đứng đầu một phen.

(Còn nữa)

LUẬN-NGŨ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

論語國文解釋

V

XVI

於人義。喻君子
利。喻小於子曰。

Dịch-âm. — Tử viết : « Quân-tử dụ u nghĩa; tiểu-nhân dụ u lợi ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Người quân-tử thấu-hiểu về đường nghĩa; kẻ tiểu-nhân thấu-hiểu về đường lợi. »

Chú-giải. — Dụ = Hiểu-thấu đến tận tinh-vi.

Đây là nói cái tâm-thuật của người quân-tử với kẻ tiểu-nhân khác nhau. Tâm người quân-tử chỉ hiểu-thấu về điều

nghĩa là thiên-lý nên làm, cho nên ham muốn; tâm kẻ tiểu-nhân chỉ hiểu-thấu điều lợi là nhân-dục tham muốn, cho nên say-mê.

XVII

也。自而不焉。思見子
省內賢見齊賢曰。

Dịch-âm. — Tử viết : « Kiến hiền tự tề yên; kiến bất hiền nhi nội-tự tỉnh dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Thấy kẻ hiền tất phải nghĩ sao cho bằng; thấy kẻ bất-hiền thì nghĩ lại trong mình mà tự xét xem. »

Chú-giải. — *Tư-lê* = Bụng nghĩ muốn cho bằng, nghĩa là mong mình cũng có điều hay như kẻ hiền kia. *Tự-tỉnh* = Tự xét mình, sợ rằng hoặc có điều xấu như kẻ bất-hiền kia.

Đây là khuyên người ta thấy kẻ thiện chớ nên chỉ khen hảo mà mình cam tự-khí; thấy kẻ ác chớ nên chỉ ghét hoài, mà mình quên tự trách.

XVIII

怨。勞。敬。不。諫。父。子。
而。不。從。見。母。曰。
不。違。又。志。幾。矣。

Dịch-âm. — *Tử viết*: « *Sự phụ mẫu, cơ gián; kiến chi bất tùng, hựu kinh bất vi. Lao nhi bất oán* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Người con thờ cha mẹ, cha mẹ có lầm lỗi thì mình sẽ can; thấy chí cha mẹ chẳng nghe theo, thì mình lại càng hiểu kính, bề cha mẹ vui lòng, thì lại sẽ can mà chẳng trái. Nếu cha mẹ bắt mình khó nhọc, cũng chẳng dám oán-hận ».

Chú-giải. — *Cơ-gián* = Sẽ can, nghĩa là cha mẹ có lầm-lỗi thì người con phải hòa vui nét mặt, sẽ sàng dịu tiếng mà can ngăn. *Bất-vi* = Chẳng trái, nghĩa là vẫn hết lòng hiểu kính như xưa mà chẳng dám trái, để cho cha mẹ vui lòng rồi lại can. *Lao* = Khó-nhọc, nghĩ là bị cha mẹ quở trách đánh mắng bắt mình khó-nhọc. *Bất oán* = Chẳng oán-hận, nghĩa là vẫn giữ lòng hiểu-kính để mong cha mẹ cảm-ngộ, rồi lại can.

Đây là nói cái đạo làm con can-ngăn cha mẹ trong khi cha mẹ có sự lầm-lỗi.

XIX

有。遊。遠。在。父。子。
方。必。遊。不。母。曰。

Dịch-âm. — *Tử viết*: « *Phụ mẫu tại, bất viễn du; du tất hữu phương* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Cha mẹ còn, người con chẳng nên

đi chơi xa; nếu hoặc bất-dắc-dĩ mà phải đi xa; thì tất định cái chỗ chơi để cho cha mẹ khỏi mong ».

Chú-giải. — *Viễn du* = Đi chơi xa cách lâu ngày để cho cha mẹ nhớ mong. *Hữu-phương* = Cái phương mình đi chơi tất có định trước cho cha mẹ biết để cha mẹ khỏi lo và nhắc hỏi cho tiện.

Đây là nói người con nên thề-tất cái lòng cha mẹ thương yêu mình và lo cho mình.

XX

權。一。則。知。不。母。子。
則。以。也。可。之。曰。
以。喜。一。不。年。父。

Dịch-âm. — *Tử viết*: « *Phụ mẫu chi niên, bất khả bất tri dã. Nhất tắc dĩ hi, nhất tắc dĩ cụ* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Tuổi cha mẹ bao nhiêu, người con chẳng nên chẳng ghi nhớ. Một là mừng cha mẹ được thọ, hai là sợ cha mẹ đã suy ».

Chú-giải. — *Tri* = Biết mà ghi nhớ.

Đây là cảnh-cáo cho kẻ làm con đối với cha mẹ, nên cập-thời thực-hành những điều hiểu-kính.

XXI

逮。之。恥。不。言。古。子。
也。不。特。出。之。者。曰。

Dịch-âm. — *Tử viết*: « *Cổ-giả ngôn chi bất xuất, sỉ cung chi bất dĩ dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Người đời xưa lời nói chẳng dám khinh-suất, là vì xấu-hổ mình sở-bành chẳng kịp sở-ngôn vậy ».

Chú-giải. — Nói thì dễ làm thì khó, sở dĩ người đời xưa cần-thận về lời nói là còn biết xấu-hổ, đề răn đời nay chỉ khinh-suất mà chẳng biết xấu-hổ.

XXII

矣。者。失。以。子。
鮮。之。約。曰。

Dịch-âm. — Tử viết : « Di ước thất chi giả tiền hĩ »

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Hay giữ-gìn tình-ước mà còn sai lầm ấy ít vậy ».

Chú-giải. — Ước = Giữ-gìn ước - thục không dám phóng-túng, làm việc gì cũng có qui-cử tiết-chế. Tiền = Ít, không mấy khi.

Đây là răn kẻ hay cậy tài-trí mà phóng-túng, thì hay sai lầm.

XXIII

於 而 於 欲 君 子
行 敏 言 訥 子 曰。

Dịch-âm. — Tử viết : « Quân-lữ dục nột ư ngôn, nhi mẫn ư hành ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Người quân-lữ muốn nhụt về lời nói mà nhanh về nết làm ».

Chú-giải. — Nột = Nhụt, dụt-dè không dám khinh-suất. Mẫn = Nhanh, không dám trễ nải.

Đây là bảo lời nói dể phóng-túng cho nên phải cẩn-thận mà không dám bạo nói ; việc làm dể trễ biếng cho nên phải cố gắng mà làm cho nhanh ; như thế mới là cái cách học tự-tu của người quân-tử.

XXIV

有 孤 德 子
鄰 必 不 曰。

Dịch-âm. — Tử viết : « Đức bất có, tất hữu lân ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng : « Kẻ có đức chẳng đứng một mình, tất có người thân gần mà giúp đỡ »

Chú-giải. — Đức = Tu lấy đạo-lý mà có sở-dắc ở tâm mình, thành được một nết tốt, gọi là đức. Lân = Thân gần như láng-diềng ; là nói về kẻ phụ-trợ hoặc tin theo.

Đây là nói kẻ có đức chẳng khi nào cô-lập, đề khuyên người nên tu-đức.

XXV

矣。斯 友 矣。斯 君 曰。子
疏 數。朋 辱 數。事 游

Dịch-âm. — Tử-Du viết : « Sự quân xác, tư nhục hĩ ; bằng hữu xác, tư sơ hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Du nói rằng : « Thờ vua phiến-xác mà thẳng can mãi thì bị nhục vậy ; chơi với bè bạn phiến-xác mà trách-thiện mãi thì bị xa vậy ».

Chú-giải. — Xác = Phiến-xác, can-ngăn nhàm quá đến phải sinh chán. Sơ = Xa cách, tuyệt giao.

Đây là nói cái đạo đối với vua với bạn, lời nói mình can-ngăn tuy phải, nhưng cũng phải lấy thành-y cảm-cách, tùy cơ mà dẫn bảo, chớ đề đến nỗi người ta chán mình.

THIÊN CÔNG-DÃ-TRÀNG THỨ NĂM

公 治 長 爲 五

(Gồm 27 chương)

(凡 二 十 七 章)

1

兄 免 道 子 以 之 妻 子
之 於 不 謂 其 中 也 謂
子 刑 廢 兩 其 非 罪 公
妻 數 邦 容 妻 之 罪 治
之 其 無 有 之 也 長
其 道 有 之 也 可

Dịch-âm. — Tử vị Công-Dã Tráng khả thể dã ; tuy tại tuy-tiết chi trung, phi kỳ tội dã. Di kỳ tử thể chi.

Tử vị Nam-Dung, bang hữu-đạo bất phể, bang vô-đạo miễn ư hình-lục. Di kỳ huynh chi tử thể chi.

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng phẩm-bình thầy Công-Dã Tráng là người có thể gả con gái cho được ; dầu từng mắc ở trong vòng dây trời, nhưng không phải là tội tự mình làm ra. Bèn đem con gái gả cho Công-Dã Tráng.

Đức Khổng lại phạm-bình thầy Nam-Dung, khi nước có đạo, tất là đặc-dụng chứ chẳng bỏ được; khi nước vô-đạo tất là tránh khỏi cái tai-vạ hình-lục. Bèn đem con gái nhà anh gả cho Nam-Dung.

Chú-giải. — *Vị* = Bàn luận, có ý phạm-bình *Công-Dã Tráng* = Học-trò đức Khổng là một người hiền có nết nhẵn-nhục. *Luy-tiết* = *Luy* = Dây thừng đen. *Tiết* = Trói buộc. Đời cổ giam kẻ có tội thường dùng dây trói. *Dĩ* = Đem. *Thế* = Gả, gả con gái cho làm vợ.

Nam-Dung = Học trò đức Khổng ở đất Nam-cung, tên là Quát 适, tự là Tử-Dung 子容 là một người hiền, có nết ngôn-hành cân-hặn. *Hữu-đạo* = Có đạo, trở về đời trị. *Vô-đạo* = Trở về đời loạn. *Hình-lục* = Hình-phạt giết-dóc, là những cái tai-vạ ở đời loạn.

Đây là tiêu-biểu ra cái phạm-hạnh của hai người hiền-sĩ, mà có ý kén rề hiền.

II

取斯子無人。哉君子子。子斯焉者。君魯若子。賤謂。

Dịch-âm. — *Tử vị Tử-Tiện*: « Quân-tử tại nhược-nhân ! Lỗ vô quân-tử giả, tư yện thủ tư ».

Dịch-Nghĩa. — Đức Khổng phạm-bình thầy Tử-Tiện khen rằng: « Quân-tử thay người ấy ! Nước Lỗ nếu không nhiều đấng quân-tử, thì người ấy bắt-chước vào đâu mà nên được đức ấy ».

Chú-giải. — *Tử-Tiện* = Học trò đức Khổng, họ Bật 宓, tên là Bật-Tề 不齊. *Tư 斯* = Ấy. Chữ *tư* trên là trở người ấy. Chữ *tư* dưới là trở cái đức ấy. *Yện* = Đâu, ở đâu.

Đây là khen thầy Tử-Tiện biết tôn hiền học bạn để nên được cái đức quân-tử, lại nhân thế mà biết được nước Lỗ là nước nhiều người hiền.

III

瑚器也。曰。何。曰。子。錡也。曰。何。女。如。賜。也。曰。何。器。子。也。賈。問。

Dịch-âm. — *Tử-Cống* vấn viêt: « Tử đã hà như? » *Tử* viêt: « Như khi đã ». *Viêt*: « Hà khi đã? » *Viêt*: « Hồ liên đã ».

Dịch-Nghĩa. — Thầy Tử-Cống hỏi rằng: « Tử này vậy là bậc người thế nào? » Đức Khổng nói rằng: « Nhà người như cái đồ đã thành-khi vậy ». Tử-Cống lại hỏi rằng: « Như cái đồ gì? » Đức Khổng nói rằng: « Như cái hồ liên vậy. »

Chú-giải. — *Khi* = Cái đồ thích-dụng, ví như người đã có thành tài đủ dùng với đời. *Hồ-liên* = Cái đồ đựng cơm trong nhà tôn-miếu, mà trang-sức bằng ngọc. Nhà Hạ gọi là cái hồ, nhà Thương gọi là cái liên.

Đây là lấy cái đồ tôn-qui và hoa-mĩ, đề ví với cái tài hữu-dụng của thầy Tử-Cống thực đã quý báu hơn người, không phải như bậc phạm-tài vậy.

IV

佞。其。於。口。佞。子。仁。或。仁。人。給。禦。曰。而。曰。焉。不。壓。人。焉。不。雍。用。知。憎。以。用。佞。也。

Dịch-âm. — *Hoặc* viêt: « Ung đã, nhân nhi bất nịnh ». *Tử* viêt: « Yện dụng nịnh. Ngử nhân dĩ khâu cấp, lữ tăng w nhân Bất tri kỳ nhân, yện dụng nịnh ».

Dịch-Nghĩa. — *Hoặc* có kẻ nói rằng: « Thầy Ung vậy, có đức nhân-hậu mà chẳng có tài nịnh ». Đức Khổng nói rằng: « Dùng chi cái tài nịnh. Kẻ nịnh chỉ ứng-đáp người bằng cả miệng liến, thường bị người ghét. Ta chẳng biết Ung kia nhân hay là chẳng nhân, không tài nịnh cũng đã khá, chứ dùng chi cái tài nịnh! »

Chú-giải. — *Ung* = Học trò đức Khổng họ Nhiễm 冉, tự là Trọng-cung 仲弓,

làm người trọng-hậu giản-dị và ít nói. *Nhân* = Cái đức trọng-hậu trầm-mặc. *Nịnh* = Cái tài mồm mép láu-lỉnh. *Ngũ* = Ứng-đáp, chống lại. *Khẩu-cấp* = Khẩu-thiệt hiện-thuyết. *Lũ* = Thường, liên, ý là nhiều. *Tăng* = Ghét. *Yên* = Sao, chi, làm chi.

Đây là kẻ hoặc tiếc cho thầy Ung chẳng có tài nịnh ; mà đức Khổng lại khen cho thầy Ung chẳng có tài nịnh là hiền. Chứ không cần chi cái tài biện-bác láu-lỉnh là cái tài khả-ố.

V

子能之吾對開漆子
說信未斯曰仕雕使

Dịch-âm. — *Tử sử Tất-Điều Khai sĩ. Đối viết.* « *Ngô tư chi vị năng tín* ». *Tử duyệt.*

DỊCH-NHĨA. — Đức Khổng khuyên bảo Tất-Điều Khai cho ra làm quan. Khai thưa rằng : « Tôi về cái lễ ấy chưa dám tự-tín, không dám ra làm quan vội » Đức Khổng dẹp lòng.

Chú-giải. — *Tất-Điều Khai* = Học trò đức Khổng, tên tự là Tử-Nhược. *子若* = Khiến, khuyên bảo, nghĩa là biết rằng có tài mà khuyên bảo ra làm quan dễ trị dân. *Tư* = Ấy, trở về cái lễ tu-kỷ trị-nhân, tức là cái học-thức thi-thổ ra đề trị người. *Vị năng tín* = Chưa chắc biết được đích-xác mà dám tự-tín; nói thế là ý muốn học thêm cho giỏi, chẳng muốn tiêu-thành ra làm quan vội. *Duyệt* = Dẹp lòng, mừng cho thầy Khai cố-chí tiến-học, sau này tất thành đại-tài.

VI

材。我。也。喜。子。者。於。行。子。
無。所。好。子。路。其。海。乘。道。
取。適。由。之。與。我。浮。不

Dịch-âm. — *Tử viết.* « *Đạo bất hành, thừa phu phù u hải, tụng ngã giả kỳ Do dư?* » *Tử Lộ vấn chi hĩ. Tử viết.*

« *Do dã hiếu dũng quá ngã, vô sở thủ tài* ».

DỊCH-NHĨA. — Đức Khổng than rằng : « Đạo ta đã chẳng thi-thổ được với đời, ta sẽ cưỡi bè vượt bể, mà lánh xa đời; kẻ đi theo ta được chỉ có người Do đấy chẳng ? » Thầy Tử-Lộ nghe lời ấy lấy làm mừng. Đức Khổng nói rằng : « Do kia vậy, hiếu-dũng hơn ta, nhưng không biết lường đạc sự lý cho phải ».

Chú-giải. — *Hiếu-dũng* = Ham-thích hăng-hái mạnh-bạo. Chữ *tài* 材 = Giống như chữ *tài* 材. Nghĩ là lường-đạc. *Thủ-tài* = Là lấy sự-lý mà lường đạc cho phải nghĩa, như là xét xem việc ấy. nên hay chẳng nên, lời ấy nói thực hay nói ước.

Đây là đức Khổng buồn về đạo bất-hành mà nói ước để giải buồn, chứ tâm thánh-nhân cũng không khi nào quên đời mà lánh xa đi được.

VII

也。可。何。之。千。仁。之。知。孟
使。如。宰。室。也。國。也。武
與。子。也。不。之。邑。求。可。又。伯
賓。曰。知。百。乘。何。如。子。問。子
客。亦。也。束。乘。之。家。曰。由。路
言。也。束。乘。之。家。曰。由。路
也。不。知。其。仁。也。亦。使。求。不
知。其。仁。也。亦。使。求。不

Dịch-âm. — *Mạnh Vũ-Bá vấn Tử Lộ nhân hồ? Tử viết.* « *Bất tri dã* ».

Hựu vấn. Tử viết. « *Do dã, thiên-thặng chi quốc, khả sử trị kỳ phú dã, bất tri kỳ nhân dã* »

— *Cần dã hà như?*

Tử viết. « *Cần dã, thiên thứt chi ấp, bách thặng chi gia, khả sử vi chi lễ dã, bất tri kỳ nhân dã* ».

— « *Xích dã hà như?* »

Tử viết. « *Xích dã thục đại lập u triều, khả sử dư tân-khách ngôn dã, bất tri kỳ nhân dã* ».

DỊCH NGHĨA. — Mạnh Vũ-Bá hỏi : « Như thầy Tử-Lộ đã là bậc nhân đầy chưa ? » Đức Khổng nói rằng : « Chẳng được biết vậy ».

Vũ-Bá lại hỏi. Đức Khổng nói rằng : « Tài Do kia vậy, cái nước nghìn cỗ xe, khá khiến trị việc quân, còn như nhân hay là chữa nhân, thì ta chẳng được biết vậy ».

Vũ-Bá hỏi : « Thầy Cầu vậy là bậc người thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Tài Cầu kia vậy, cái ấp nghìn nóc nhà, cái nhà trăm cỗ xe, khá khiến làm quan gia-tể, còn như nhân hay là chữa nhân thì ta chẳng được biết vậy ».

Vũ-Bá hỏi : « Thầy Xích vậy là bậc thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Tài Xích kia vậy, thất đại đứng ở trong triều, khá khiến cùng kẻ tân-khách ứng-đối, còn như nhân hay là chữa nhân thì ta chữa được biết vậy ».

Chú-giải. — Nhân = Là cái lẽ từ-ái ở trong tâm, hồn-toàn thiên-lý mà không có nhân-dục. Người nào hoàn-toàn được cái đức ấy ở trong tâm gọi là bậc nhân, tức là bậc đại-hiền á-thánh trở lên. *Thiên-thặng* = Nghìn cỗ xe, trở về nước Chư-hầu. *Phú* = Bình. Lệ đời xưa theo số thuế ruộng điền-phú mà xuất số binh, cho nên gọi binh là phú. *Thiên-thất* = Nghìn nhà, trở cái ấp lớn. *Bách-thặng* = Trăm cỗ xe, trở nhà quan đại-phu. *Tể* = Quan Tể, tiếng gọi chung những chức gia-thần hoặc ấp-trưởng của nhà quan đại-phu. *Xích* = Học trò đức Khổng, họ Công-Tây 公西, tên tự là Tử-hoa 子華. *Tân-khách* = Trở về các người sứ-giã của các nước chư-hầu.

Toàn chương này là nói thầy Do tài về việc quân, thầy Cầu tài về chính-trị, thầy Xích tài về việc ngoại-giao ứng-đối, đều có cái tài trị-sự cả. Còn như « nhân » là cái đức của bản-tâm ba thầy hoặc giữ

được hằng ngày hằng tháng, chẳng thể biết được, cho nên không dám khinh-suất mà vội khen là nhân.

VIII

女	曰	一	以	望	對	與	子
弗	弗	以	知	回	曰	同	謂
如	如	知	十	回	賜	也	子
也	也	二	賜	也	也	孰	貢
	吾	吾	也	聞	何	愈	曰
	與	子	聞	一	敢		女

Dịch âm. — Tử vị Tử-Cống viết : « Nhữ dữ Hồi dã thực dữ ? »

Đổi viết : « Tử dã hà cảm vọng Hồi. Hồi dã văn nhất di tri thập, Tử dã văn nhất di tri nhị ».

Tử viết : « Phát như dã, ngô dữ nhữ phát như dã ».

DỊCH NGHĨA. — Đức Khổng hỏi thầy Tử-Cống rằng : « Nhà người với Hồi ai hơn ? »

Thầy Tử-Cống thưa rằng : « Tử này vậy, sao dám mong kịp thầy Hồi. Hồi kia nghe một biết được cả mười ; Tử này nghe một chỉ biết được hai ».

Đức Khổng nói rằng : « Ừ chẳng bằng vậy, ta khen cho người tự biết mình chẳng bằng Hồi vậy ».

Chú-giải. — Dữ = Hơn. *Thực-dữ* = Ai hơn. *Nhất* = Một cái số khởi-thủy. *Thập* = Mười, cái số sau cùng. *Nhị* = Hai cái số đối với nhất. *Văn nhất tri thập* = Nghe một biết mười, cũng như nói nghe thủy biết chung, là bởi cái đức minh-đuyệt bay thấu suốt, là bậc thượng-tri thuộc về phần sinh-tri. *Văn nhất tri nhị* = Nghe một biết hai, cũng như nói nghe điều nọ biết được điều kia, là bậc hiền giả, thuộc về phần cổ học mà biết. *Dữ* = Khen, ý là khen thầy Tử-Cống hay tự biết mình mà lại hay tự-khuất. Nên về sau cổ học cũng nghe hiểu được lẽ « tính đạo ».

Chương này là đức Khổng-tử mượn thầy Hồi (Nhan Uyên) mà so-sán để khích-khuyến thầy Tử vậy.

IX

是。觀。於。言。始。子。之。木。宰
其。人。而。吾。吾。與。輿。牆。不。可。子
行。也。信。於。何。輿。可。雕。晝
於。於。其。行。人。也。誅。不。離。寢
子。與。何。誅。不。離。寢。子。曰。朽
於。於。其。行。人。也。聽。子。曰。於。於。其。行。人。也。聽。子。曰。於。於。其。行。人。也。聽。子。曰。

Dịch-âm. — Tê-Dư trú tâm. Tử viết : « Hủ mộc bất khả điêu dã ; phẩn thổ chi tường, bất khả ô dã. Ư Dư dư hà tru ».

Tử viết : « Thủy ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi tín kỳ hạnh. Kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hạnh. Ư Dư dư cải thị ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tê-Dư ngủ ngày. Đức Khổng nói rằng : « Gỗ mục chẳng thể chạm khắc được, tường đất nát chẳng thể vắn-sức được, cũng như người lười biếng chẳng thể dạy được. Ta đối với Dư kia, còn trách gì nữa ».

Đức Khổng lại nói rằng : « Trước ta đối với người vậy, nghe lời nói người ấy thì tin ngay cái nết người ấy. Nay ta đối với người vậy, nghe lời nói người ấy mà lại phải xét xem cái nết người ấy đã. Ta vì cái sự Dư đó mà phải đổi điều lầm kia ».

Chú-giải. — Điều = Chạm, khắc. Ô = Vẽ, kẻ vào tường cho thêm vắn-sức. Tru = Trách.

Chương này là răn những người hôn-nọa chẳng hay phẩn-khởi tinh-thần ; nói rằng chẳng đủ trách mà chính là thâm-trách Tê-Dư. Nói rằng phải vì thầy Dư mà đổi cái điều lầm-lỗi về sự xem người, cũng là đề răn Tê-Dư vậy.

X

焉。根。根。對。者。未。子
得。也。子。曰。見。曰。
剛。慾。曰。申。或。剛。吾

Dịch-âm. — Tử viết : « Ngô vị kiến cương giả ».

Hoặc đối viết : « Thân-Tránh ! »

Tử viết : « Trành dã dục, yên đắc cương ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng than rằng : « Ta chưa thấy người nào có đức cương ».

Hoặc kẻ thưa rằng : « Như Thân-Tránh há chẳng phải người cương ».

Đức Khổng nói rằng : « Trành vậy còn là người nhiều thị-dục, sao được là cương ».

Chú-giải. — Cương = Kiên - cường chẳng khuất, nghĩa là lập chí cương-ngहि, thẳng được vật-dục, chỉ theo về đường nghĩa-lý. Thân-Tránh = Học trò đức Khổng. Dục = Lòng thị-dục, trái với đức cương ; nghĩa là chỉ ham muốn về đường vật-dục nó làm nản chí.

Chương này là đức Khổng than ít thấy người lập-chí cương-cường. Nếu chưa thẳng được lòng thị-dục thì không phải là cương vậy ; cương với dục thực trái khác nhau.

XI

也。非。子。加。吾。加。不。子
爾。曰。諸。亦。諸。欲。貢
所。賜。人。欲。我。人。曰
及。也。無。也。之。我

Dịch-âm. — Tử-Cống viết : « Ngã bất dục nhân chi gia chư ngã dã, ngô diệc dục vô gia chư nhân ».

Tử viết : « Tử dã, phi nhĩ sở cập dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Cống nói rằng : « Những sự ta chẳng muốn người ngoài gia cho mình, thì ta cũng muốn không đem sự ấy gia cho người ».

Đức Khổng nói rằng : « Tử kia vậy, chẳng phải người đã học tới bậc ấy vậy ».

Chú-giải. — Gia = Đem đến, đem những sự khó chịu đến cho mình, hoặc mình đem đến cho người. Vô gia chư nhân = Vô 無, là không, là ý tự-nhiên không muốn gia những điều phi-lễ cho người, đó là bậc « nhân 仁 ». Kém xuống nữa là bậc thứ 恕, hay suy bụng ta ra bụng người thì « vật gia chư-nhân ». Vật 勿 là chớ, là đừng, nghĩa là cần phải ngăn cấm chớ gia điều phi-lễ cho người.

Đây là nói cái tâm người bậc thứ 恕 thì Tử-Cống có thể cố giữ được như thế, chứ cái tâm người bậc nhân 仁 thì Tử-Cống chưa có thể tự-nhiệm là vô-ngã được. Đó cũng là có ý khích-khuyến cho thầy Tử-Cống.

XII

而不可與之言也。得夫子之文章。夫子曰。

Dịch-âm. — Tử-Cống viết : « Phu-tử chi văn-chương, khả đắc nhi văn dã. Phu-tử chi ngôn tinh dữ thiên-đạo, bất khả đắc nhi văn dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Cống nói rằng : « Văn-chương đáng phu-tử thì kẻ học-giả có thể thường được nghe. Đáng phu-tử nói về tinh với đạo trời, thì kẻ học-giả không khá thường được nghe vậy ».

Chú-giải. — Văn-chương = Trữ về uy-nghi văn-từ, là những đức tốt hiện ra ở ngoài. Tinh dữ thiên đạo = Tinh là cái lẽ của trời phú cho người. Thiên-đạo là cái bản-thể thiên-lý tự-nhiên, phú cho người là tinh, đều là một lẽ rất là tinh-vi, đức Không vốn ít nói đến.

Đây là nói cái phép dạy người trong cửa Không có thứ bậc chứ không liệt-đẳng. Khi Tử-Cống học đã tấn-tới mới được ngài dạy cho nghe tinh với đạo trời, hiểu biết là hay, mới thuật lại mà than khen.

XIII

有唯能未。有子。聞。恐。行。之。聞。路。

Dịch-âm. — Tử-Lộ hữu văn, vị chi năng hành, duy khảng hữu văn.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Lộ có nghe được điều thiện-ngôn thiện-hạnh gì mà chưa kịp thực-hành, chỉ sợ rằng lại nghe được điều gì nữa mà mình làm không kịp.

Chú-giải. — Thầy Tử-Lộ nghe điều thiện muốn thực-hành ngay, như thế mới là người thực-học vị mình. Kẻ môn-nhân lấy làm khen mà biểu-dương ra như vậy.

XIV

文。是。不。敏。也。以。孔。子。子。貢。問。曰。也。以。謂。之。不。恥。下。學。子。曰。文。何。

Dịch-âm. — Tử-Cống vấn viết : « Khổng-Văn-tử, hà dĩ vị chi văn dã ? »

Tử viết : « Mẫn nhi hiếu-học, bất si hạ văn, thị dĩ vị chi văn dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Cống hỏi rằng : « Khổng Văn-tử sao được đặt tên thụ là Văn ? »

Đức Khổng nói rằng : « Văn-tử là người minh-mẫn mà lại hiếu học, ngời cao mà chẳng xấu hổ hỏi người dưới, vì thế nên được đặt thụ là Văn ».

Chú-giải. — Khổng-Văn-tử = Quan đại-phu nước Vệ tên là Ngũ 圉. Văn = Phép đặt tên thụ ngày xưa, có lệ rằng hễ có đức tinh cần-học hiếu-vấn thì đặt là Văn. Sau khi người ấy đã chết, mà người trong nước xét ra cái phẩm-hạnh thừa bình-sinh của người ấy mà đặt tên, hay dở đều không ân-hủy, gọi là tên thụ.

Đây là kể ra cái phẩm-hạnh của Khổng Ngũ thực có xứng-đáng với tên thụ, để giải cái ý ngờ của Tử-Cống.

XV

民。也。敬。其。行。道。有。子。也。惠。其。事。已。四。君。子。謂。子。貢。義。其。養。上。也。焉。子。子。產。使。民。也。恭。其。之。產。

Dịch-âm. — Tử vị Tử-Sản hữu quán-tử chi đạo tứ yên : Kỳ hành kỹ dã cung; kỳ sự thượng dã kính; kỳ dưỡng dân dã huệ; kỳ sử dân dã nghĩa.

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng bình-luận Tử-Sản có bốn điều hợp với đạo quân-tử: Người ấy sửa mình thì khiêm-cung,

làm Lệnh-doãn, mà không thấy sắc mặt mừng; ba lần thôi chức Lệnh-doãn, mà không thấy sắc mặt giận. Chính-sách của quan Lệnh-doãn cũ thi-hành trước, tất đem bảo cho quan Lệnh-doãn mới biết; nét Tử-Văn như vậy, chẳng hay là người thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Tử-Văn là người trung vậy ».

Tử-Trương hỏi rằng : « Tử-Văn đã là người bậc nhân đấy chưa ? »

Đức Khổng nói rằng : « Chưa biết tâm-lý người ấy thế nào, sao được vội tin là nhân. »

Tử-Trương lại hỏi rằng : « Khi Thôi-tử giết vua nước Tề, Trần Văn-Tử có ngựa mười cỗ, bỏ mà đi. Đến nước khác thì nói rằng : « Quan nước này cũng như Đại-phu Thôi-tử nước ta vậy. » Lại đi. Đi đến một nước nữa, thì lại nói rằng : « Quan nước này cũng như Đại-phu Thôi-tử nước ta vậy. » Lại đi. Cái nét Văn-tử như vậy, chẳng hay là người thế nào ? »

Đức Khổng nói rằng : « Văn-tử là người thanh vậy ».

Tử-Trương hỏi rằng : « Văn-tử đã là người bậc nhân đấy chưa ? »

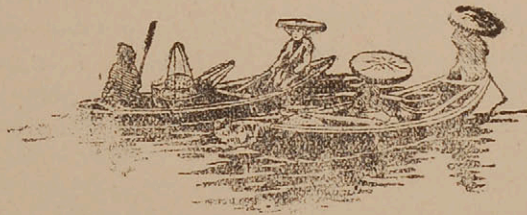
Đức Khổng nói rằng : « Chưa biết tâm-lý người ấy thế nào, sao được vội tin là nhân ».

Chú-giải. — Lệnh-doãn = Một ngôi quan Thượng-khanh chấp chính nước Sở. Tử-Văn = Họ Đâu 鄒, tên là Cấu-Ô-Đồ 穀於菟. Di = Thôi, bài chức. Thôi-tử = Quan Đại-phu nước Tề tên là Trữ 抒. Tề-quân = Vua Trang-công nước Tề. Trần Văn-Tử = Cũng là quan đại-phu nước Tề tên là Tu-vô 須無. Thập-Thắng = Mười cỗ xe ; mỗi cỗ bốn con ngựa, mười cỗ bốn mươi con ngựa, kè là một nhà quý-tộc giàu sang. Vi = Đi. Chi nhất bang = Đi đến một nơi khác. Trung = Hết lòng với nước, trở về Tử-Văn chỉ biết có nước mà chẳng biết có mình. Thanh = Trong sạch, trở về Văn-Tử hay bỏ phú-quí mà tránh xa nước loạn để sạch mình. Nhân = Tâm-lý hồn-toàn, hợp lẽ mà không có lòng riêng là nhân.

Toàn chương này là luận về cái sự tích của Tử-Văn với Văn-Tử đều có cái nét cao, đáng khen là trung với thanh vậy. Song trung mà không có lòng hiếu-danh, thanh mà không có lòng kiêu-tục, thì cái tâm mới công-chính vô-tư, mới thực là nhân. Nhưng chớ chắc hai người ấy đã được như thế, cho nên Khổng-tử chớ dám khinh-dị khen là nhân vậy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và TÙNG-VÂN



THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự ký

(Từ mồng 1 đến 30 tháng 4 năm 1932)

Mồng 1 tháng 4.—Nghị-viện Pháp đã duyệt xong số dự-toán. Định hoãn họp đến ngày mồng 1 tháng 6.

— Các chủ rạp hát và rạp chớp bóng ở Paris định đến ngày mồng 5 tháng tư đóng cửa cả để phản-đối về việc thuế nặng.

— Có tin Nhật-bản bằng lòng rút quân ở Ngô-tùng và Giang-loan về.

Mồng 2.— Hoàng-đế nước Nam là đức Bảo-đại đi du-lịch Bắc-phi-châu, hôm nay đến Rabat là kinh-đô Maroc, có vào tiếp-kiến quốc-vương Maroc.

Mồng 3.— Thủ-tướng Pháp TARDIEU cùng các đại-chính-tổng-trưởng FLANDIN đến Londres, có Thủ-tướng Anh MACDONALD và ngoại-tướng SIR JOHN SIMON đón tiếp. Hai Thủ-tướng đã bắt đầu hội-dàm với nhau.

— Theo lời một tờ báo Đức, Gazette de Voss, thì đảng HITLER ở Đức có quân-đội nhiều tới 420.000 người, trong đó 85 phần trăm là thợ thủ-nghiệp, phần nhiều thuộc đảng Cộng-sản.

— Ở Rome khánh-thành một học-viện nghiên-cứu về văn-hóa nước Đức. Thủ-tướng MUSSOLINI có đọc diễn-thuyết tán-dương về văn-hào nước Đức GÖTTE.

— Các công-ti hàng-hải nước Ý về các đường Đại-Láy-dương định nhất-luật hạ giá xuống 10 phần.

Mồng 4.— Thủ-tướng Pháp và Anh ở Londres thảo-luận về vấn-đề liên-hiệp trung-Âu, vấn-đề này định đến ngày mồng 6 mới họp đại-biểu của 4

nước Pháp, Anh, Ý, Đức để công-nhiên bàn xét.

— Ở Đức, HITLER lại tiếp-tục cuộc vận-động bầu-cử Tổng-thống, đọc một bài diễn-thuyết rất kịch-liệt ở Berlin.

— Chung-nghị-viện nước Mĩ quyết-nghị bản luật hạn 8 năm nữa sẽ cho Phi-luật-tân (Philippines) được độc-lập.

Mồng 5.— Chiếc tàu bay hiệu « Biarritz-Cousinet », do nhà phi-hành DE VERNEILH cầm máy, đi được từ Istres đến Nouméa trôi lọt cả, thế là nối được nước Pháp với đảo Nouvelle-Calédonie trong khoảng 28 ngày.

— Ông DE VALERA là Thủ-tướng Ireland trả lời chính-phủ Anh về vấn-đề tuyên-thệ trung-thành cùng vấn-đề liên-thải diên-thổ, nhất thiết giữ lời quyết-định như trước.

— Ông MONTAGU NORMAN được tái-bầu làm quản-đốc nhà Anh-quốc Ngân-hàng.

— Nước Chili (Nam-Mĩ) định bỏ tiền bản-vị bằng vàng.

Mồng 6.— Ở Pháp bắt đầu mở cuộc vận-động tổng-tuyên-cử, Thủ-tướng TARDIEU đọc một bài diễn-thuyết lớn ở rạp Bullier, kể công-nghiệp của khóa Nghị-viện thứ 14 sắp hết hạn và công-nhiên phản-đối đảng Xã-hội.

— Hội-đồng Chính-phủ Pháp định cử ông PAUL-BONCOUR làm đại-biểu vĩnh-viễn của nước Pháp ở Hội Vạn-quốc, thay chân cho ông BRIAND đã tạ-thế.

— Ở Londres khai hội-nghị bốn cường-quốc Pháp, Anh, Ý, Đức, để xét về vấn-đề các nước Trung-Âu. Thủ-tướng Anh trình bày cái dự-án của Pháp Anh đã khởi-thảo. Đại-biểu Ý và

Đức đều dị-nghị và muốn bàn theo cách khác.

Mồng 7. — Ông NAGAOKA là đại-sứ mới của Nhật-bản ở Paris, hôm nay vào yết-kiến quan Giám-quốc Pháp để trình bày giấy ủy-nhiệm.

— Hôm nay khai viện Quốc - tế nghiên-cứu về Vạn-quốc công-pháp (Institut international de Droit public). Nhà chính-trị nước Hi-lạp, ông POLITIS, được cử làm viện-trưởng.

— Quyền Meo Pháp-văn (Grammaire de la Langue française) của viện Hàn-lâm nước Pháp soạn, nay đã in xong.

— Hội-nghị bốn cường-quốc họp ở Londres để xét về vấn-đề Trung-Ấu, xem chừng hỏng, vì đại-biểu nước Đức và nước Ý cực-lực phản-đối cái dự-án của nước Pháp đã do nước Anh thừa-nhận làm căn-cứ cho cuộc thảo-luận.

— Hội-nghị họp ở Thượng-hải để quyết-nghị về việc đình-chiến định hoãn đến ngày mồng 9, vì không đồng-ý nhau về kỳ-hạn cho quân Nhật phải rút về.

Mồng 8. — Đảng Cấp-tiến và Xã-hội cấp-tiến phát-hành một tờ phi-lộ nói về chương-trình của đảng ấy trong việc tổng-tuyển-cử sau này.

— Hội-nghị bốn cường-quốc về việc Trung-Ấu đành là thất-bại, phải giải-tán, không thành kết-quả gì.

— Ông SMITH là nguyên Tổng-đốc quận New-York, tuyên bố sẽ ra tranh-cử Tổng-thống Mỹ với ông HOOVER là Tổng-thống tại chức.

Mồng 9. — Ban điều-tra của Hội Vạn-quốc đã tới Bắc-binh.

Mồng 10. — Thủ-tướng Pháp TARDIEU đi Genève để mai dự hội nghị tài-bình.

— Ông LÉON BLUM là linh-tụ đảng xã-hội đọc một bài diễn-thuyết lớn ở Narbonne, nói về việc tổng-tuyển-cử sau này và kể cách-thức hai đảng Xã-

hội và Cấp-tiến làm-thời liên-hiệp với nhau thế nào.

— Ở Đức thống-chế HINDENBURG được tái-cử làm Tổng-thống bằng 19.359.642 phiếu đối với 13.417.460 về HITLER. Cách hai lần đầu-phiếu, đảng HITLER được tăng thêm lên 2.078.175 phiếu.

Ngày 11. — Ở Genève hội-nghị tài-bình lại tái-lục làm việc. Ông GIBSON là quan-sát-viên (observateur) của chính-phủ Mi cử tham-dự hội-nghị, trình bày một cái dự-án mới, chỉ nói về lục-quân mà thôi. Thủ-tướng Pháp TARDIEU cực-lực phản-đối cái thuyết đó, nói rằng hội-nghị tài-bình là phải cai-quát cả lục-quân, hải-quân, không-quân, chứ không có lẽ gì lại chỉ xét một lục-quân mà thôi.

Ngày 12. — Ông HERRIOT là linh-tụ đảng cấp-tiến diễn-thuyết ở Lyon, trả lời lại bài diễn-thuyết của thủ-tướng TARDIEU ở rạp Bullier và kể rõ cái chương-trình của đảng Cấp-tiến Xã-hội.

— Nhân hội-nghị bốn cường-quốc không quyết-nghị xong về việc Trung-Ấu, Hội Vạn-quốc định đến kỳ sau sẽ xét về tình-hình kinh-tế của mấy nước Trung-Ấu.

— Nước Tàu trình với Hội Vạn-quốc rằng cuộc thương-thuyết ở Thượng-hải bị đình.

Ngày 13. — Hội-nghị tài-bình xem chừng càng ngày càng luàn-quần, thảo-luận phân-vấn, không có kết quả. Thủ-tướng Pháp TARDIEU bỏ về Paris.

— Tổng-thống HINDENBURG ký sắc-lệnh truyền giải-tán tức-thì các đoàn-thể có tính-cách quân-đội của đảng HITLER.

— Chợ « Kim-dung » (Bourse) ở Berlin đóng cửa đã bảy tháng nay, hôm nay lại mở.

— Hội-nghị điều-dinh việc Trung Nhật ở Thượng-hải, vì không đồng-ý nhau, phải đình mất mấy ngày. Nay có

tin công-sứ các nước Âu-tây có chân hội-nghị đã tìm được một cách thỏa-hiệp, khiến cho chính-phủ Nam-kinh được bằng lòng.

Ngày 14 — Ông PAUL REYNAUD, Tư-pháp-tổng-trưởng, diễn-thuyết ở Rouen, trả lời lại mấy bài diễn-thuyết của ông HERRIOT và BLUM, và bênh cho phái đa-số ở Nghị-viện sắp mãn khóa. Có tin ông HERRIOT và BLUM sẽ có cuộc diễn-thuyết để đáp lại. Thế là cuộc vận-động ủng-tuyên-cử đương nao-nhiệt, lĩnh-tụ các đảng công-nhiên ra thảo-luận ở trước quốc dân.

— Ở Hội-nghị tài-bình, các nhà chuyên-môn vẫn nghiên-cứu về các khoản, nhưng không có cuộc thảo-luận chung nữa.

Ngày 15.— Ngoại-tướng nước Mĩ STIMSON đi Genève, dừng lại Paris để thương-thuyết với Thủ-tướng Pháp TARDIEU.

— Có sắc-lệnh của chính-phủ Pháp lưu đại-tướng WEYGAND là phó chủ-tịch Cao-đẳng Hội-nghị Quân-bị, tại chức không hạn tuổi.

— Ba viên quản-lý công-ti có quan-hệ với viên chủ máy diêm KREUGER, bị bắt ở Stockholm.

— Ở Nouvelle - Zélande xảy ra những việc biến-động có tính-cách cách-mệnh.

Ngày 16.— Ông KELLOGG được chính-phủ Mĩ cử làm chức Tham-phán ở Quốc-tế Tham-phán-viện La Haye, đi qua Paris đến viếng mộ ông BRIAND.

— Ngoại-tướng Mĩ STIMSON đến Genève để dự hội-nghị tài-bình, nhưng công việc của hội-nghị cũng không thấy có tiến-hành. Ban ủy-viên 19 nước của Hội Vạn-quốc đặt ra để xét việc Trung-Nhật, hôm nay họp để nghe lời trần-thuyết của đại-biêu nước Pháp, nước Tỉ và nước Anh.

— Ở Suède (Thụy-điền) khám phá ra được nhiều việc gian lậu của mấy tay phù-tá nhà lý-tài KREUGER mới tự-tử.

— Ông HOOVER công-nhiên tuyên-bố lại ra từng-cử kỳ bầu Tổng-thống sau này.

Ngày 17.— Lĩnh-tụ các đảng Pháp đương hết sức vận-động về cuộc tuyên-cử sau này: Thủ-tướng TARDIEU diễn-thuyết ở Giromagny; Lĩnh-tụ đảng cấp-tiến là ông HERRIOT diễn-thuyết ở La Tour - Du - Pin; ông MARQUET là thị-trưởng thành Bordeaux, thuộc đảng xã-hội, diễn thuyết ở Bordeaux, chủ-trương cái thuyết đảng Xã-hội nên cùng đảng Cấp-tiến hiệp-lực ra cầm quyền; ông MALVY là một tay yếu-nhân trong đảng cấp-tiến, chánh ban Tài-chính ở Nghị-viện, cũng diễn-thuyết ở Vigan cổ-động cho đảng cấp-tiến.

— Ở Ấn-độ, tại miền Peschavar có việc biến-động.

Ngày 18.— Hội-nghị tài-bình đặt một ban ủy-viên do ông POLATIS đứng đầu, để biên-tập ý-kiến của phái-bộ các nước về vấn-đề tài-bình.

Ngày 19.— Tổng-ban của hội-nghị tài-bình quyết-định một điều tổng-tắc rằng: việc tài-bình nên chia ra từng thời-kỳ mà thi-hành dần. Còn ủy-ban 19 nước để xét về việc Trung-Nhật thì họp để định rõ quyền-hạn của ban ủy-viên ở Thượng-hải trong việc xem xét cho quân Nhật rút về được ổn-thỏa.

Ngày 20.— Thủ-tướng Anh đi dự Hội-nghị Tài-bình qua Paris cùng thương-thuyết với Thủ-tướng Pháp, rồi hai ngài cùng đi Genève.

— Hai nhà phi-hành GOULETTE và SALEL đi tự Pháp sang Cap đã tới nơi, cả thấy hết 91 giờ 15 phút.

— Hội-nghị Tài-bình vẫn thảo-luận mãi, hôm nay xướng ra cái thuyết « phẩm » (qualitatif) và « lượng » (quan-

titatif), một là tài-giảm về « phẩm », nghĩa là nên giảm những thứ binh-khi nào độc-hại nhất, hai là tài-giảm về « lượng », nghĩa là cứ nên giảm cả tổng-số quân-bị.

— Nghị-viện Irlande họp, duyệt-y bản luật bãi bỏ cái lễ tuyên-thệ trung-thành (serment d'allégeance) với nước Anh.

Ngày 21. — Hội-Nghị tài-bình hôm nay có cuộc thảo-luận to, thủ-tướng Pháp can-thiệp. Kết-cục thì tổng-ban xem ra không ưng cái thuyết của nước Pháp.

— Ở Berlin các đảng-viên Quốc-gia xã-hội làm lễ sinh-nhật HITLER.

Ngày 22. — Ở Hội-nghị tài-bình, Thủ-tướng Pháp thương-thuyết với Thủ-tướng Đức; đại-biểu các nước cũng thương-thuyết lẫn với nhau, nhưng không thấy có tấn-lời gì. Tổng-ban thì quyết-nghị theo cái nguyên-tắc « tài-bình về phẩm » (désarmement qualitatif). Còn về việc Thượng-hải cũng chưa điều đình xong.

Ngày 23. — Hội-nghị tài-bình kéo dài ra mãi không có tấn-tới gì, nghe chừng muốn đình lại ít lâu.

— Ở Ấn-độ, học-sĩ MALAVIYA, là một tay yếu-nhân trong đảng Quốc-gia bị tổng-giam. Nữ-sĩ NAIDU, cũng bị án tù một năm.

Ngày 24 — Cuộc tuyên-cử ở Nghị-viện Prusse, đảng HITLER thắng-lợi to lắm, được những 162 ghế. Đoán chừng thì biết Nội-các BRÜNING không thể đứng vững được. Việc này rất quan-trọng, các nước lấy làm chú-ý lắm.

Ngày 25. — Ở Nghị-viện Prusse có 422 ghế thì đảng HITLER và các đảng hữu được 193 ghế. Đảng « Trung-wang Gia-lô » (Centre catholique) sẽ giữ địa-vị trọng-tài (arbitre), hễ nánh về bên nào thì bên ấy được thắng. Ai cũng

đoán rằng Nội-các BRÜNING hoặc xin từ-chức, hoặc bị khuy-nh-đảo.

— Hội-nghị Tài-bình hoãn đến ngày mùng 9 tháng 5, sau cuộc tổng-tuyên-cử nước Pháp.

— Dự-luận nước Nhật căm tức Hội Vạn-quốc lắm, cho là thiên vị nước Tàu. Các nhà cầm quyền cũng cùng một cảm-tưởng đó và dọa xin ra Hội.

Ngày 26. — Ở Genève, Thủ-tướng Anh, Thủ-tướng Đức và Ngoại-tướng Mi cùng nhau họp để trao đổi ý-kiến về các vấn-đề hiện-thời, đợi đến ngày 29 Thủ-tướng Pháp trở lại thì sẽ họp một hội-nghị bốn nước.

Ngày 27. — Thủ-tướng Pháp TARDIEU bị bệnh đau cứng họng không thể đi Genève được, cũng không đi diễn-thuyết để vận-động về việc tuyên-cử các nơi. Vì vậy hội-nghị bốn nước đình họp ở Genève sẽ đình lại.

Ngày 28. — Có tin ở Thượng-hải Tàu với Nhật đã điều-đình xong.

Ngày 29. — Đảng Xã-hội cấp-tiến cổ-động dữ; ba tay yếu-nhân trong đảng ấy, ông HERRIOT diễn-thuyết ở Lyon, ông DALADIER diễn-thuyết ở Pertuis, ông CHAUTEUPS diễn-thuyết ở Blois. Nhất là ông HERRIOT cực-lực bài-xích các đảng hữu, nói sẽ cố phá cho họ không lập thành một « liên-đảng các phái hữu » (cartel des droites).

— Hội-nghị tài-bình đình hẳn. Các phái-bộ lục-tục về nước. Định vào khoảng ngày 12 đến 18 tháng 5 sẽ họp lại.

— Ở Thượng-hải có xảy ra một cuộc ám-sát rất ghê-gớm: Giữa khi quân Nhật làm lễ duyệt-binh, thì có kẻ ném tạc-đạn vào chỗ các thượng-quan ngồi, viên Công-sứ, viên Linh-sự Nhật, hải-tướng NOMURA, lục-tướng SHIRAKAWA và UYÉDA, đều bị trọng-thương.

Ngày 30 — Ở trường Đại-học Sorbonne làm lễ bán-chu-niên kỷ-niệm ngày chết đại văn-hào nước Đức GÖTTE.

— Xác của nhà thám-hiềm HAART cùng một phần bộ thám-hiềm Citroën đã về tới Marseille.

— Hội-nghị Tài-bình hoãn lại, nhưng các ban chuyên môn vẫn cứ làm việc.

Thời-cục nước Tàu.— *Việc Trung Nhật.*— Trong tháng Mai này bản hiệp-ước đình-chiến được Hội Vạn-quốc đã công-nhận, lại thêm một khoản phụ nói về việc cho quân Tàu đóng vững ở phía nam vùng Tô-châu, thì nay đã ký xong. Các quan đại-sứ liệt-cường cùng đại-biểu Tàu là Quách Thái-Kỳ, Đái Kích và viên tướng họ Vương, phía Nhật có Trùng Quang-Quy, tướng TASHIRO, thủy-quân tư-lệnh SHIOZAWA và tướng Thực-Điền đều ký hiệp-ước. Quách Thái-Kỳ nằm trên giường bệnh trong nhà thương mà ký. Trùng Quang-Quy với Thực-Điền cũng ký trong nhà thương.

Sau khi Trùng Quang-Quy ký ước rồi thì thầy thuốc cắt một chân đi, vì từ khi bị thương trong việc ném tạ-c đạn ngày 29 *Avril*, không thể chữa được khỏi.

Nhật tuyên-cáo rằng mình thành-thực ký hiệp-ước. Việc rút quân vào miền đóng tạm, bắt đầu ngày hôm sau Nhật sẽ thi-hành, chứ không để chờ cho qua cái thời-hạn 8 ngày.

Các quân Trung-hoa lại đến đóng ở Giang-loan, phía tây đường hỏa-xa từ Ngô-tùng đến Thượng-hải, là nơi quân Nhật đã rút đi. Có hội-đồng điều-tra cùng chứng-thị.

Những đại-biểu các nước ở đó đã tổ-chức hội ủy-viên « Trung-ngoại cộng-đồng », công-cử viên Tổng-lãnh-sự Hoa-kỳ làm chủ-tịch, hiệp-đồng với ủy-viên các nước trông coi người Nhật rút binh.

Còn về phần Trung-quốc, hội « Tiếp-thân ủy-viên » cũng đã thành-lập. Hễ quân Nhật rút ra khỏi khu nào, thì hội ấy phải tiếp nhận lấy để lo sắp đặt lại công việc trị an. Chủ-nhiệm hội ấy là An Nhữ-Canh, một chức viên do bộ ngoại-giao Trung-quốc phái ra.

Sớm bữa 7 Mai quân Nhật đã rút lui hết. Ngoại-giao thứ-trưởng của Tàu là Quách Thái-Kỳ chuyên-đặt lời cảm-tạ của chính-phủ Trung-hoa cho những đại-biểu các nước đã có công điều-định trong hội-nghị đình-chiến, như các ông WILDEN, MILES LAMPSON và CIANO.

Ba chiếc tàu Nhật chở tướng Thực-Điền và quân Nhật về, đã khởi-hành ở Thượng-hải. Tướng Thực-Điền bị thương ở công-viên Hồng-khẩu, đi phải chống gậy.

Bạch-Xuyên là thống-tướng các đạo quân Nhật ở Thượng-hải cũng bị thương ở Hồng-khẩu, truyền máu chữa mãi không khỏi, nay đã tạ-thế. Linh-cửu đã đem xuống tuần-dương-hạm *Tatsuta* chở về Nhật.

Theo lời tuyên-bố của Nhật thì quân-đội họ ở Thượng-hải sẽ rút hết về nước. Nhưng thật ra mấy bữa nay những toán quân đã ra khỏi Thượng-hải đều kéo rốc lên miền Đông-bắc để tiếp-viên với quân-đội họ ở đó, chứ không có toán nào về nước cả.

Vi bản hiệp-định đình-chiến ký ngày 5 Mai vừa rồi, bên ngoài có nhiều tin đồn Chính-phủ Nam-kinh có ký nhận nhiều điều bí mật chịu khuất-phục với người Nhật, lại có thiệt-hại đến quyền-lợi và nhục-nhã đến thể-thống của Trung-quốc, họ đã gửi thông-diện khắp nơi phản-đối việc ấy. Hiện giờ các nơi cũng hưởng-ứng theo nhiều, nhất là các đoàn-thể ở Bắc-binh, Thiên-tân và Thượng-hải lại càng phản-đối kịch-liệt hơn.

Hai hội « Kháng Nhật » ở Bắc-binh và Thiên-tân đồng tuyên-bố rằng:

Hòa-ước Trung-Nhật đình-chiến ký-kết rồi mặc dầu, họ nhất-định xui-giục dân-chúng theo đuổi công việc kháng Nhật cho đến cùng.

Bởi vậy Ưông Tinh-Vệ có điện cho Thương-hội ở Thượng hải, nói về bản hiệp-định ấy trừ 5 điều chính và 3 điều phụ đã công-bố, chính-phủ tuyệt-nhiên không có ký nhận điều gì bí-mật cả.

Hiện nay các cơ-quan chính-phủ quốc-dân dời đến Lạc-dương đã vàng lệnh dọn về Nam-kinh làm việc. Một số đông chức-viên ngày 21 đã về đến Nam-kinh.

Tại Thượng-hải, người Tàu đã tiếp thu gần hết những chiến-khu bị quân Nhật chiếm-cứ, nhưng bởi hư-hại nhiều quá, nên công việc chỉnh-lý còn phải tốn của dài ngày mới hồi-phục lại được.

Đường xe lửa Nam-kinh Thượng-hải nhiều chỗ bị hư, hiện đang đốc-suất tu-bổ gấp lắm, nhưng cũng phải non một tháng nữa thì mới sẽ chạy thông được.

Các trường học tuy đã lần lượt tiếp thu lại rồi, nhưng số hao-tồn tính ra đến chín triệu bạc; nếu chính-phủ Tàu không đủ tiền cứu-tế thì khó mà mở cửa như xưa được.

Việc quân-sự.— Hội quân-sự ủy-viên ở Nam-kinh thấy quân cộng-sản chiếm giữ biên-cảnh Hà-nam, Hồ-bắc, An-huy, ẩn hiện không thường, gần đây lại quấy rối phía tây An-huy, muốn mở rộng phạm-vi, nên đã quyết đem đại-quân ra sức tiến-tiêu để yên địa-phương; đặc phái Tưởng Giới-Thạch làm tiêu-phủ tổng-tư-lệnh ba tỉnh ấy. Lý Tế-Thâm làm phó tư-lệnh thống-suất các đạo quân định kỳ tiến tiêu.

Đạo quân thứ 19 của Tàu từ khi thôi đánh nhau với quân Nhật ở Thượng-hải, thì rút cả về đóng miệt

Tô-châu, Côn - sơn, hằng ngày vẫn thao-luyện; quân-trưởng Sái Đình-Khải đã thân hành đến các nơi ấy dùng lời huấn-hoại mà khích-lệ các tướng-sĩ bền giữ một lòng « giữ nước yêu dân ». Cái câu « đánh giặc thì đánh, đánh nhau thì đừng », tự miệng tướng-sĩ đạo quân ấy nói ra, bây giờ thấy các báo Tàu đều có lục đăng cả.

Sái lại nói rằng: những người còn sống được chính thân chịu hưởng cái quang-vinh của lịch-sử nước nhà, một phần lớn nhờ ở các tướng-sĩ đã dám hi-sinh tinh-mệnh trong khi giao-chiến với quân Nhật, nên ngày 20 *Mai* cử-hành lễ truy-diệu lớn tại trường thể-dục công-cộng xứ Tô-châu, để an-ủy trung-hồn « liêu minh cứu nước » của các tử-sĩ ấy, gửi tin khắp nơi cho các giới đồng-bào biết ngày biết chỗ mà gửi trướng đối đến để phúng điếu.

Sau khi hòa-nghị Trung Nhật ký rồi, quân-sự ở Ngô-tùng Thượng-hải tuy đã tạm yên, nhưng ở Đông-bắc thì vẫn còn rắc-rối, đạo quân thứ 19 thấy thế không thể ngồi nhìn, mới rời bọn Tưởng Quang-Nại, Sái Đình-Khải, Đái Kịch cùng mười mấy vị quan-quan gửi tờ trình lên Quốc-phủ Trung-hoa xin mau hạ lệnh cho đạo quân thứ 19 kéo ra Đông-bắc đánh giặc, và họ quyết định nếu xin không được, thì toàn-thể từ chức hết, thân hành ra ngoài tổ-chức quân nghĩa-dũng, thế sao giết hết quân Nhật để đền ơn đất nước mới thôi.

Quảng-dòng với Nam-kinh.— Các tướng Trần Tế-Đường, Lý Tôn-Nhan và Bạch Sùng-Hy và nhiều quan-chức, nhất là Đường Thiệu-Nghi, chỉ nghị sự hành-dộng của chính-phủ Nam-kinh về việc ký điều-ước đình-chiến và trách chính-phủ Nam-kinh không cử viện-binh cho đạo binh thứ 19 trong khi đánh nhau với Nhật-bản ở Thượng-hải

và yêu-cầu rằng Tướng Giới-Thạch phải từ chức.

Chính-phủ Quảng-châu xem ra muốn dự-bị khai-chiến với Nam-kinh. Các quan chức lấy làm lo về việc hành-động của Tướng Giới-Thạch, bề ngoài thì nói rằng đi tiêu-trừ quân cộng-sản ở Giang-tây, mà kỳ-thực là dự-bị tràn vào Quảng-đông. Nghe đâu có sáu sư-đoàn của Tướng Giới-Thạch tụ-tập ở phía nam Giang-tây.

Thành-phố Quảng-đông đã hạ lệnh giới-nghiêm. Hai bên bờ sông Châu-giang, phòng-bị ngặt lắm. Nghe nói Trần Tế-Đường sắp sửa phản-kháng Trung-ương chính-phủ, không khỏi phát-sinh chiến-họa. Còn cánh Quảng-tây thì phục-tùng Trung-ương, sắp cử binh xuống đánh Quảng-đông. Hồ Hán-Dân ở Hương-cảng hết sức thúc-giục Trần Tế-Đường mau mau động binh, phe-đảng của Hồ đã nắm hết quyền chính-trị Quảng-đông rồi.

Xét cái thái-độ cánh Quảng-đông từ khi Ninh-Việt giao-hòa trong chính-phủ Trung-ương, số người về phái phản Tướng đã chiếm đến quá nửa, vậy mà cánh Quảng-đông tuy bề ngoài nói hòa mà vẫn đặt ba ủy-viên phân-hội, lấy cớ là địa-phương tự-trị, mà tài-chính, quân-chính và dân-chính đều vẫn giữ quyền riêng, Trung-ương không có quyền gì cả, quân Quảng-đông tự-do đem vào Giang-tây, Phúc-kiến, lấy cớ là dẹp cộng mà kỳ-thực là chiếm địa-bàn. Tướng Giới-Thạch thấy vậy phải cho Hà Ứng-Khâm vào Giang-tây, Chu Thiệu-Lương vào Phúc-kiến, cốt để ngăn-trở cánh Quảng-đông. Xem thế thì Hồ Hán-Dân vẫn có ý thù riêng với Tướng Giới-Thạch, muốn làm cho đổ đi.

Báo Hoa-kiều cho Hồ Hán-Dân là kẻ « hiềm ngận » có lẽ không sai cái nhân-cách của Hồ. Thái-độ cánh Quảng-đông như thế thì khi nào làm cho Trung-quốc thống-nhất được.

Tình-hình Mãn-châu.— Quân Nhật từ khi xâm-chiếm miền đông-bắc nước Tàu, toàn-dồ Mãn-châu đã hầu như được hết; duy còn phía bắc Hắc-long-giang và đường Trung-đông là chưa vào tay người Nhật mà thôi. Người Nhật lại đặt ra một chính-phủ Mãn-châu mới để che mắt liệt-cường, mà kỳ-thực toàn-quyền đều về tay người Nhật quản-trị cả.

Phổ-Nghị từ khi bị người Nhật đem về Thâm-dương, đặt lên cái ngai chấp-chính Mãn-châu, người Tàu cho là cái tượng gỗ. Thật ra Phổ-Nghị bây giờ đã sa vào cái cảnh chim lồng cá chậu, người Nhật coi như kẻ tù. Đại-quyền của chính-phủ Mãn-châu nắm về một tay Câu-Tĩnh là viên-trưởng bộ tổng-vụ; bộ tổng-vụ này khi đầu thuộc quyền viện quốc-vụ Mãn-châu, nhưng bởi Câu-Tĩnh là người Nhật, nên uy-quyền bộ ấy bây giờ thắng cả viện Quốc-vụ.

Hễ ai muốn tiếp - kiến Phổ-Nghị, trước phải khai tên họ, lý-lich và kể rõ cái nguyên-nhân và mục-đích muốn cầu kiến, trình lên bộ tổng-vụ kiểm-xét, nếu không được quan bộ-trưởng phê cho thì phải lui ngay; còn may mà được diện-kiến thì trong khi Phổ-Nghị tiếp khách có bốn tên vệ-binh Nhật kèm giữ rất nghiêm-ngặt.

Còn nhà ở của Phổ-Nghị tức là nơi đặt chấp-chính-phủ, ngoài buồng đều có lính Nhật canh gác. Phổ-Nghị mắc ở trong vòng lao-lung của người Nhật, bó buộc không yên, cũng lấy làm khổ lắm.

Bên ngoài thì quân nghĩa-dũng từ-xứ nổi lên như ong, nào là Lý Hải-Thành đứng đầu quân nghĩa-dũng, đánh đuổi quân Hi Hợp và Trương Hải-Bằng; Lý Xuân-Ba ở Liêu-đông quân suất nghĩa-dũng định phản-công thành Thâm-dương; quân của Đinh Siêu và

Lý-Đỗ thì hiệp sức vây thành Y-lan; quân Vu Chỉ-Son thì phản-quá sắp trở lại đánh Trường-xuân; to nhất là trận đánh ở Nông-an, quân nghĩa-dũng đại-thắng; Đinh, Lý lại chỉ-huy quân nghĩa đánh hạ được mười chiếc tàu chiến của quân Nhật ở sông Tùng-hóa; quân tự-vệ Cát-lâm đánh tan được một chiến-thuyền của Nhật ở sông Thông-hà.

Hội đại-đạo của quân nghĩa-dũng đã lấy lại được Tập-an, những người Nhật và hơn 10 viên quan của chính-phủ Mãn-châu đều bị đuổi chạy sang sông Áp-lục. Hiện Tập-an, Thông-hóa và các huyện ở phía đông đều đã thoát vòng giàng buộc của chính-phủ Mãn-châu.

Tại đoạn đường sắt Trung-dòng về phía đông, quân nghĩa-dũng đánh nhau mãi với quân Nhật. Quân tiên-phong nghĩa-dũng đã tiến đến cách Cáp-nhĩ-tân độ chừng 60 dặm. Quân Nhật đã phái xe thiết-giáp đến để viện-trợ quân Nhật và quân của Phồ-Nghi ở đó. Nói tóm lại là hiện bay giờ một dải khu-vực về đoạn đường sắt Trung-dòng không còn trật-tự gì nữa. Đoạn đường ấy bị phá hại mất nhiều.

Xem thế thì quân nghĩa-dũng thanh-thế cũng mạnh, làm cho quân Nhật đối-phó không lúc nào rồi, mà nhất là từ khi Mã Chiếm-Son lại phản-chính thì quân Nhật càng lấy làm lo. Mã Chiếm-Son từ ngày 23 tháng hai, tự Hải-luân về Hắc-long-giang hợp-tác với Nhật, đến ngày mồng 1 tháng tư thì Mã bất-thình-linh lại quay lại kháng Nhật.

Thế-lực Mã Chiếm-Son ngày càng mạnh, ở đoạn đường Trung-dòng đã đóng thêm quân-đội, thực-lực đã từ 4 vạn thêm đến hơn 5 vạn, có quân hàng-không, có xe phá-lũy, có súng bắn cao, và trong quân kỷ-luật rất nghiêm, khí-giới rất tinh. Mã phái máy bay đi rải truyền-đơn khắp các nơi, khuyên nhân-dân giúp sức cử nghĩa,

cho nên luôn luôn mấy ngày số người đến theo Mã xin ra sức giúp rất nhiều.

Các quân nghĩa-dũng Hắc-long-giang tôn cử Mã Chiếm-Son làm tổng-tư-lệnh quân cứu-quốc Hắc-long-giang. Dân-đoàn các huyện đã cử nhiều tráng-dinh và dự-bị súng đạn để đợi lệnh Mã lấy dùng. Hiện các huyện ở phía đông Hắc-long-giang đã tập hợp hơn bảy vạn người.

Mã Chiếm-Son đại-cử tiến đánh Tề-tê-cáp-nhĩ (tỉnh - thành Hắc-long-giang). Tư-lệnh Nhật là Đa-Môn đã vội đem viện quân đến để chống với quân Mã.

Bọn Mã Chiếm-Son, Đinh Siêu, Lý Đổ, Tô Bình-Văn có thông-diện đại-ý nói rằng: « Quân Nhật từ ngày 18 tháng 9 năm ngoái đến nay, đối với quân ta, dùng cái chiến-lược đánh duỗi trừ diệt, hiện nay lại dời quân ở Thượng-hải lên đánh Cát, Hắc, xin các nhà đương-cục mau mau tỏ lòng quả-đuyệt định kế chống đánh thế nào. Nếu không thì dù các kiện-nhi đông-bắc có ra sức phấn-đấu trong mười năm, nhân-lực, vật-lực đều hết cả, nước mất cũng chẳng cứu được nào.» Cả bức thông-diện, lời nói rất thống-thiết.

Có tin nói Tướng Giới-Thạch đã giúp cho Mã Chiếm-Son một số tiền mười triệu *dollars*, gọi là số tiền binh-phí để đánh với quân Nhật.

Mã Chiếm-Son ở Hắc-long-giang đối kháng quân Nhật, việc hành-động về quân-sự cũng có tiến-bộ. Cứ như người ta đã điều-tra, thực-lực quân Mã cả bộ-binh, pháo-binh, kỵ-binh ước có bốn vạn người, trong đó có một đội không-quân, hai mươi cỗ súng dã-chiến và lòng quân rất hăng, súng đạn đầy đủ. Nghĩa-quân và dân-đoàn kéo đến theo Mã mỗi ngày mỗi đông.

Tin Cáp-nhĩ-tân nói A-thành-tử đã vào tay quân Mã rồi. Đội tiên-phong quân Tàu đã đến cách Cáp-nhĩ-tân chỉ

độ 20 dặm. Còn trú-quân của Phở-Nghi ở trên mặt trận Hô-Hải đều theo Mã mà phản lại chính-phủ Mãn, rồi liên-lạc ngay với quân Tàu. Quân Mã đã hạ được thành rồi, và quân-đội của Trần Đức-Tài (là tướng của Phở-Nghi) đến 1.700 người cũng giở giáo theo về quân Tàu, mà tiến lên Cáp-nhĩ-tân. Hiện thành Cáp-nhĩ-tân đương vào cảnh nguy-cấp lắm.

Trận-thế quân Nhật ở Bắc-Mãn không tấn-tối gì mấy, vì quân của Mã Chiếm-Son đã chiếm-cứ vùng trung-bộ đường xe lửa Trung-đông, làm cho quân Nhật phải đứt đoạn, không liên-lạc với nhau được. Những quân-đội người Tàu nhất-tri hành-động với bộ-đội của Mã Chiếm-Son, tính chung được chín vạn người.

Hải-luân đã thấu trọn về tay quân Tàu. Mã Chiếm-Son đã đến Hải-luân, chính mình thân ra mặt trận đốc-suất quân-sĩ đánh giặc.

Lại có tin Trương Học-Lương đã hạ lệnh động-viên. Người ta nói rằng Trương ra quân lần này có hi-vọng lắm. Nếu mặt Hắc-long-giang Mã Chiếm-Son thắng thế, thì Thẩm-dương không dễ gì đứng vững với Trương

được, mà rồi cả Đông-tam-tĩnh sau này cũng không rời khỏi bức dư-đồ Trung-quốc nữa.

Mã Chiếm-Son từ khi đã thoát tay thao-túng của người Nhật, thì lo chinh-bị binh-nhung, quyết sống mái với quân thù, đề trước nữa chuộc tội với nước tổ Trung-hoa, sau là tự vấn-hội cái danh-dự anh-hùng buổi trước. Nhờ tấm nhiệt-thành hăng - hái và lòng nghĩa-khi của ba quân, Mã đánh đâu đều thắng đó. Nào ngờ sự thua được trong trường chinh-chiến khó biết mà lường, nay lại có tin ngày 30 *Mai* nói quân của Mã Chiếm-Son vừa rồi bị đại-bại.

Theo điện-tin thì trận này quân Nhật đánh quá hăng, nên bao nhiêu binh lính của Mã không thể cự địch lại được, mà phải vừa đánh tháo lui vừa chạy. Quân Nhật thừa thế kéo tràn tới, tàn-sát bại-binh của Mã vừa chết vừa bị trọng-thương có trên mấy ngàn người; thật là một trận thất-lợi đệ-nhất cho quân Tàu từ ngày Mã hưng-bình tái-chiến đến nay vậy.

Quân Mã tuy bại, nhưng quân nghĩa-dũng có một số đông lại tiến, chiếm được một đoạn trên đường Trung-đông và phá đường sắt ở đó.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 tháng 5 năm 1932)

Ngày lễ Thánh - thọ tại Huế. — Ngày 26 tháng tư ta, tức là ngày mồng 1 tháng 5 tây là ngày Thánh-thọ đức Khôn-nguyên Hoàng-thái-hậu, tại Huế làm lễ khánh-liệt cũng chiếu theo như lệ thường. Đêm 5 làm lễ tế mụ, sáng 26 làm lễ bái-khánh, có quan Khâm-sứ dâng đọc chúc-từ, có văn-võ bá-quan, Hoàng-thần, Công-chúa, Mệnh-phụ, đến làm lễ xong, thì dự tiệc đại-yến và xem hát.

Đề-phòng ngày mồng 1 Mai. — Các sở Liêm-phóng, sở Cảnh-sát và Sen-đầm đều hết sức trù-tính đề đề-phòng ngày mồng 1 *Mai* là ngày kỷ-niệm của Cộng-sản, nên khắp mọi nơi không xảy ra việc gì cả.

Nhân-chủng học-viện. — Ngày 30 tháng 4 quan Toàn-quyền PASQUIER đã ký nghị-định cho lập một viện khảo-cứu tại Dalat, gọi là « Nhân-chủng học-viện » (*Musée d'Ethnographie indochinoise*), mục-dịch đề khảo sát về văn-

minh vật-chất của các giống người ở Đông-dương, bất-cứ là dân-tộc văn-minh như An-Nam, Cao-miền, Ai-lao hay là dân-tộc phác-cổ như các dân ở Thượng-du Bắc-kỳ, Ai-lao và ở dải Trường-son Trung-kỳ.

Viện này có một tòa nhà để bày những đồ-vật có ích cho sự khảo-cứu, và có một cái vườn dựng đủ các kiểu nhà của các dân-tộc ở Đông-dương.

Việc tổ-chức và trông nom viện ấy giao cho trường Bác-cổ Hà-nội. Khi nào làm xong, thì trường Bác-cổ cùng các quan cai-trị các tỉnh và các quan võ coi các đạo binh sẽ thu nhật các đồ-vật hiện đang biến-thiên hoặc thất-lạc mất, cách thu-thập sẽ theo như trường Bác-cổ chỉ bảo.

— *Số khách đến thăm viện Bảo-tàng Blanchard de la Brosse ở Sài-gòn.*

— Trong tháng *Avril* vừa qua, số khách đến thăm viện Bảo-tàng *Blanchard de la Brosse* ở Sài-gòn có tới 6. 142 người. Nếu kể từ đầu năm 1932 đến cuối tháng *Avril* thì có tới 27. 834 người.

— *Chính-phủ được can-thiệp vào việc bán ruộng tịch-ký.* — Quan-báo ở *Paris* có đăng một đạo sắc-lệnh cho phép Chính-phủ Đông-Pháp được can-thiệp vào việc bán ruộng bị tịch-ký, có 3 khoản như sau này :

1) Trong một thời-hạn đến ngày mồng 1 *Janvier* 1934 là cùng, Chính-phủ Đông-dương được phép can-thiệp vào các việc bán ruộng bị tịch-ký. Quan Toàn-quyền sẽ định-liệu cách-thức can-thiệp thế nào, và định những hạng ruộng nào, giá bán từ bao nhiêu, là Chính-phủ không được can-thiệp.

2) Một ủy-ban sẽ xét từng việc có nên can-thiệp không. Ủy-ban ấy sẽ có những vị này : Viên đại-biểu của quan Thống-đốc Nam-kỳ, trưởng-ban ; ông chánh-sở cho những người có nhà có

đất vay ; hai viên đại-biểu các ngân-hàng cùng một vị thân-hào bản-xứ Nam-kỳ. Những việc can-thiệp này sẽ có một viên-chức do quan Toàn-quyền theo ý-kiến quan Giám-đốc tài-chính cử ra để theo xét.

3) Tại Sài-gòn sẽ mở một sở gọi là « *Office de colonisation rurale de Cochinchine* », sở này có một hội-dồng trị-sự sáu vị do nghị-định quan Toàn-quyền cử ra để quản-trị.

Quan Toàn-quyền đi kinh-lý. — Ngày mồng 2 *Mai* quan Toàn-quyền cùng quan Thống-soái quân-vụ Đông-dương, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, đi kinh-lý ở Cao-bằng và miền bắc xứ Bắc-kỳ. Các quan thị-lễ khánh-thành một cái cầu *Ban-chai* ở trên sông *Kỳ-cùng*. Đi thăm thành-phố Cao-bằng, thăm nơi nuôi ngựa ở *Nước-hai*. Thăm các đồn binh, các đại-lý ở miền biên-thùy, thăm các hạt Quảng-tuyên, Trùng-khánh-phủ, thăm nghĩa-địa chôn những hài-cốt các binh lính tử-trận năm 1892 và thăm đồn *Tà-lùng*. Đi đến đầu nhân-dân cũng hoan-nghehôn trân-trọng lắm. Quan Toàn-quyền lấy làm hả lòng, có ngợi khen các quan Tây Nam miền ấy khéo cai-trị, khiến cho đường-sá đều mở mang, binh-lính đều chỉnh bị mà nhất là nhân-dân được yên-vui thuận-thục, và lại trung-thành với Nhà-nước lắm.

Ngày mồng 5, quan Toàn-quyền, quan Thống-soái và quan Thống-sứ biệt Cao-bằng đi kinh-lý các nơi : thăm *Nguyên-bình*, thăm nhà ông *GENCY* làm chủ mỏ *Pia-ouac*, thăm các nơi làm mỏ ở *Tĩnh-túc* ; quan Toàn-quyền có ngợi-khen ông *BENOIT DAURIAU* là chủ mỏ *Tĩnh-túc* và các người giúp việc đều tốt lòng tin-nhiệm và cố gắng vượt được hồi khó-khăn là hồi kinh-tế quẩn-bách này. Xong đây lại đi thăm mỏ kẽm ở đèo *Lea*, rồi lên thăm *Bắc-kạn*.

Làm nhà thương bệnh phong. — Hồi 3 giờ rưỡi chiều ngày 3 Mai, số Lục-lộ Bắc-kỳ ở Hà-nội đã đấu-giá làm ba cái nhà cho những người bệnh phong ở tại nhà thương Bạch-mai. Việc làm đáng giá ba vạn đồng.

Trận bão rất dữ ở phía nam Trung-kỳ. — Đêm ngày 3 rạng ngày 4 Mai, về miền Dran, Phan-rang, Phan-rí. Phan-thiết có xảy ra một trận bão rất dữ-dội, theo tin phủ Toàn-quyền kê lược qua sau này :

Tại Phan-rang, trong thành phố, ngoài dân-cư, đều ngập sạch, không đâu giao-thông được với đâu, thiệt-hại không biết chừng nào mà kể. Cái tường nhà ngục bị trôi đi một khúc đến 25 thước, các đường đèn điện, các chợ, nhà sát-sinh, đều bị hủy-hoại. Hết thấy các công-sở đều bị hại, mái nhà sứt hết.

Máy vô-tuyến và hải-dăng ở *Padaran* đều bị hủy.

Các phố-sá ở Phan-rang đều ngổn-ngang những cây đổ.

Đường xe-lửa từ Phan-rang vào Sài-gòn bị đứt nhiều đoạn.

Các đường-sá, các đường giầy thép đều bị đứt.

Tại *Cana*, hết thấy các nhà của số làm muối đều bị hủy-hoại.

Các người Âu không có chỗ mà trú. Người bản-xứ bị thương, và bị nạn chết hàng trăm.

Về phía *Dalat*, nhiều cầu bằng xi-măng cốt sắt đều bị trôi, trôi cả cái cầu lớn nhất trên con đường thuộc-địa số 12 là cầu Đại-nhim. Đê-diều bị vỡ, dân-cư thiệt-hại nhiều.

Ở *Dran*, mưa bão trong 15 phút đồng hồ mực nước lên cao 5 thước, trong một giờ, châu-thành và dân-cư bị tràn ngập hết, nhà cửa trôi mất cả, hai người Pháp và độ 80 người bản-xứ chết đuối ; súc-vật và tài-sản hại nhiều.

Cái cầu ở *Bellevue* bị trôi. Đường xe lửa nhiều nơi bị đứt.

Ở Phan-thiết, tin quan Công-sứ Phan-thiết nói cái tai-nạn về trận bão này, người ta vớt được 134 cái xác người An-Nam do ngọn sóng đưa vào bờ ; 170 chiếc thuyền mất tích, 137 chiếc bị hư-hỏng ; 600 cái nhà gạch bị hư-hại và đổ ; 3.000 nhà lá bị hư-hại ; 500 trâu bò mất tích ; nhiều hố nước mắt bị tàn-hại, còn các hoa mẫu sản vật bị tàn-hại không biết bao nhiêu mà kể.

Lại có tin rằng ở Phan-rí bị trận bão dữ-dội ấy quét sạch ; số người chết có đến bảy tám trăm người.

Đối với cái tai-nạn trận bão ở phía nam Trung-kỳ. — Đối với cái tai-nạn trận bão dữ-dội ở phía nam Trung-kỳ, Chánh-phủ Đông-dương đã chuẩn-cấp tiền cho Chính-phủ Bảo-hộ Trung-kỳ để chi những sự khẩn-nhu về trận bão ấy và cứu giúp cho nạn-dân.

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ và quan Giám-đốc chính-trị đã thân hành đến thăm tận nơi bão ấy.

Quan Toàn-quyền có điện lời của Chính-phủ chia buồn cùng gia-quyển các người bị nạn và tỏ lời yên-ủi mọi người.

Quan Thống-đốc Nam-kỳ đã điện cho quan Khâm-sứ Trung-kỳ biết tin rằng ngài sẽ quyên 5.000 đồng để giúp cho các dân bị hại về trận bão ấy.

Thành-phố Hà-nội theo lời thương-thuyết của quan Đốc-lý, đã định trích một số tiền 1.000 đồng gửi quan Toàn-quyền để giúp cho các dân bị bão ấy.

Hội-dồng Phổ-tế Trung-ương Bắc-kỳ đã họp Hội-dồng cùng các ông đại-biểu các báo, các ông trưởng hội các hội từ-thiện để bàn lập số quyên tiền giúp cho nạn-dân bị bão.

Mở cuộc chợ phiên lấy tiền giúp hội Dục-anh. — Các nhà phụ-nữ ở Sài-gòn có tổ-chức một cuộc chợ phiên vừa đầu-xảo các đồ phụ-nữ công-nghệ của các xứ Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Nam-kỳ, Cao-miền, vừa bày các trò vui, để lấy tiền vào cửa giúp cho hội Dục-anh là một hội của các Phụ-nữ người Nam ta lập nên để trông nom nuôi-nấng các trẻ con nhà nghèo ở Sài-gòn. Khai chợ phiên từ mồng 4 đến mồng 8 Mai, được công chúng đến xem tới hơn 50.000 người, tiền vào cửa thu được tới 14.000 đồng, tiền ấy trừ phí-tồn đi còn thì để giúp vào quỹ hội Dục-anh Sài-gòn, nhân thế giúp nạn-dân bị bão ở Trung-kỳ.

Đông-dương đối với tang-lễ quan Giám-quốc DOUMER. — Ngày 12 Mai là ngày cất đám quan Giám-quốc PAUL DOUMER ở bên Pháp, theo lệnh quan Toàn-quyền Đông-Pháp hết thầy các công-sở đều nghỉ việc làm một ngày và treo cờ rủ để tang một tháng. Các nhà thờ ở các thành-phố lớn đều làm lễ truy-diệu rất trọng-thể, các quan-chức thân-hào Tây Nam, các lãnh-sự các nước, học-trò các trường đều đến dự lễ rất đông, ai cũng kính-túc ai điệu quan Giám-quốc.

Quan Toàn-quyền vào Nam-kỳ. — Quan Toàn-quyền vào Nam-kỳ, trưa ngày 15 đã tới Vinh, Ngài đi kinh-lý miền Vinh và Hà-tĩnh, xem mấy nơi dân thủy nhập-diên, chủ-lễ khánh-thành nhà Dục-anh ở Vinh, rồi vào Huế buổi chiều ngày 16. Ở Huế quan Toàn-quyền có chủ-tọa một kỳ Hội-đồng quan-trọng của viện Cơ-mật, Ngài thương-thuyết với hội-đồng về việc đức Bảo-dại sắp về Huế, và đồng-ý với các quan quyết-định các khoản nhenh-tiếp. Ngày 19 quan Toàn-quyền từ-biệt Huế đi Sài-gòn, dọc đường ngài có chủ lễ khánh thành cầu Lang-cô. Ngày 21, ngài đi qua những nơi bị hại

về trận bão mới rồi, ngài có dừng lại mấy nơi để thăm và yên ủi những nạn-dân bị nạn bão. Hồi 10 giờ sáng ngày 22 thì ngài tới Sài-gòn. Kinh-lý các việc xong đến 27 thì ngài đi nghỉ mát ở Dalat.

Mới lập hội Pháp-Việt Dục-anh ở Vinh. — Ở Vinh, quan Công-sứ LAGREZE và Bác-sĩ LE MOINE mới tổ-chức ra một hội « Pháp-Việt Dục-anh », mục-dịch là để nuôi-nấng và dạy bảo những trẻ con nghèo khổ và nuôi trẻ con vô-thừa-nhận. Ngày mồng 3 Mai, theo giấy đặt của Bác-sĩ LE MOINE và quan Tổng-đốc An-Tĩnh, thì cả quan-lại Pháp Nam các công-sở và tư-gia cùng thân-thương trong hoàn-thành đã họp hội-đồng tại dinh Tổng-đốc và bầu ban trị-sự. Bác-sĩ LE MOINE được bầu làm chánh Hội; ông Trần Ngọc-Thiện, bầu làm phó Hội.

Hội-đồng Chính-phủ. — Hồi 9 giờ sáng mồng 10 Mai, ban thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền Hà-nội, do quan Toàn-quyền PASQUIER chủ-tọa, trước khi ngài đi Nam-kỳ.

Thương-ước của Nhật với Đông-dương đã ký ở Pháp. — Có tin Paris rằng tại bộ ngoại giao nước Pháp, Thủ-tướng TARDIEU, Tổng-trưởng Thương-vụ ROLLIN, Tổng-trưởng Thuộc-địa LOUIS DE CHAPPEDELAINE cùng quan đại-sứ Nhật-bản ở Paris là HARUKAZU NAGAOKA, hiệp ý ký một tờ thương-ước tạm điều-đinh việc thông-thương của Đông-dương và Nhật-bản, thuận giám cho Nhật-bản mấy khoản thuế thương-chanh về đồ hàng Nhật-bản nhập-cảng Đông-dương.

Lễ lạc-thành và tạ ơn đền Vua Cha. — Tại làng Đương-buê, thuộc huyện Hương-thủy, gần tôn-lăng Th ên-thọ, có đền thờ đức Vua cha là một vị thiên-thần ở Thượng-giới, có tiếng anh-linh xưa nay.

Trước khi vua Bảo-đại sang du-học bên Pháp, Lương-tôn-cung có đến đền ấy cầu xin Thiên-thần phù-hộ cho vua đi du-học được vạn-an. Nay vua Bảo-đại sắp về, Lương-tôn-cung đã cho trung-tu đền ấy. Nay làm lễ khánh-thành và dâng một lễ tạ ơn rất long-trọng.

Hội-dồng Bảo-hộ. — Hội 9 giờ sáng ngày 18, Hội-dồng Bảo-hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa.

Chinh-sách thu thuế của quan Thống-đốc Nam-kỳ. — Vì kinh-tế khủng-hoảng, dân nghèo khó kiếm đủ tiền nộp thuế thân, nên quan Thống-đốc Nam-kỳ EUTROPE mới ra lệnh như sau này :

1^o Bắt đầu từ ngày nay, giấy sưu trước năm 1931 không có hỏi-hạn gì tới.

2^o Những người nào trễ đóng thuế thì được hưởng thêm một thời-hạn hai tháng, kể từ ngày 20 Mai để có thì giờ trình báo với quan sở-tại và chạy tiền đóng thuế năm 1931 còn lại chưa đóng, khỏi phải bị phạt gì cả.

3^o Các quan tham-biện chủ tỉnh nên xét người nào dốc lòng đóng thuế năm 1932 mà chưa có thể đóng, thì phải gia kỳ-hạn cho người ta đủ thì giờ xoay trở.

Khánh-thành cầu Pouyanne (tức là cầu Lang-cô). — Cầu « Pouyanne » là một cái cầu sắt bắc ở sông Lang-cô chỗ giáp-giới Thừa-thiên và Quảng-nam trên con đường Thuộc-địa số 1 đi từ Huế vào Sài-gòn. Cầu dài 175 thước, làm một năm rưỡi mới xong, phí-tồn tới hơn 14 vạn đồng. Ngày 19 tháng Mai đã làm lễ khánh-thành, có quan Toàn-quyền PASQUIER cùng các đại-quan hai chính-phủ Bảo-hộ và Nam-triều đến thị-lễ đóng lẫm, có hai ông chủ thầu-khoản làm cầu ấy là Nguyễn Văn-Nghi

và Nguyễn Văn-Lệ ra yết-kiến. Quan chủ-sự công-chánh GIRARD đọc bài diển-văn xong, ông Lệ cũng đọc một bài. Quan Toàn-quyền đáp lại. Rồi ngài đặt tên cái cầu là cầu « Pouyanne » là tên quan Tổng-thanh-tra Công-chánh ở Đông-dương trước đã tạ-thế bên Pháp mà có di-chức xin đem di-hài táng tại bên Nam-Việt ở gần cầu Lang-cô là một nơi sinh-tiền đã từng yêu-mến. Ngài lại chúc cho cầu, này được bền vững lâu dài, ngài cắt một nửa cái dây tam-tài buộc ngang cầu, còn một nửa nhường cho cụ Thân-thần Tôn-thất Hàn cắt. Đoạn ngài cùng bá-quan di dạo qua cầu nhìn xem cách cấu-tạo cầu này, rồi đều giải-tán.

Kỷ niệm Giám-quốc Paul Doumer bằng giải thưởng. — Quan Tổng-thống PAUL DOUMER xưa làm Toàn-quyền Đông-dương đã chia nước Nam làm ba kỳ rồi sáp-nhập với Lào và Miên làm Đông-dương hiệp-nhất ở dưới quyền cai-trị nước Pháp.

Mới đây viện Hàn-lâm về khoa-học thuộc-địa bên Pháp đã họp hội-dồng và quyết-định đặt một giải thưởng gọi là « giải thưởng Paul Doumer » để sẽ tặng riêng cho thuộc-địa Đông-dương ; bất-kỳ người Pháp hay người Nam hễ làm nên nhiều việc có lợi-ích chung cho toàn cõi Đông-dương thì sẽ được lĩnh cái giải thưởng ấy.

Đặt giải thưởng này mục-dịch là để cho Đông-dương ghi nhớ tên quan « PAUL DOUMER » lâu mãi.

Được thi vào trường Cao-đẳng sư-phạm bên Pháp. — Tin Paris ngày 22 Mai nói rằng : Trong danh-sách các thi-sinh được dự-thi vào trường Cao-đẳng sư-phạm (*Ecole Normale supérieure*) và lĩnh học-bổng cử-nhân về năm 1932, thì ban khoa-học có một người An-Nam là ông Nguyễn Dương.

Năm ngoài Phạm Duy-Khiêm là người Việt-Nam thứ nhất được trúng cử vào học trường Cao-đẳng sư-phạm bên Pháp, ban văn-chương, năm nay được Nguyễn Trọng Nghĩa là người thứ hai.

Quan Thống-sứ đi kinh-lý tỉnh Thái-bình. — Ngày 25 Mai quan Thống-sứ THOLANÉ đi kinh-lý tỉnh Thái-bình, để xem xét các việc công-tác trong tỉnh ấy. Từ bến Tân-dê tới Thái-bình ngài xem các mương nước mới làm xong, khiến cho ruộng-rong miền ấy cấy được cả hai mùa, không bị ngập lụt mà bỏ một mùa chiêm như trước nữa. Riêng các máng nước về hạt Thư-trì, Tiên-hải, Vũ-tiên và Kiến-xương đào được tới 595.000 thước khối. Ngài lại do con đường Vân-môn đi sang tả-ngạn sông Hồng-hà thăm cái dốc bến dò mới nối Thái-bình với Xuân-trường, thăm các cống Nguyệt-lâm, Dương-liều, các máng nước Đa-cốc và Bắc-trạch. Thăm cái đê mới đắp xong ở hạt Tiên-hải giữ cho 3 000 mẫu ruộng mạn ấy khỏi bị nước mậu mà cây cấy được. Buổi chiều đi thăm các ruộng bèo ở Thái-bình theo hữu-ngang sông Trà-lý, xem cống Đức-giương đương xây và mấy máng nước làm lợi cho dân hạt Thái-ninh và Thụy-anh. Thăm cái đập sông Tiên-hưng qua phủ Thái-ninh. Ngài đi đến đâu cũng ngợi khen công-trình làm rất mẫn-cán và khuyên nhân-dân giữ đường lương-thiện làm ăn mà trung-thành với Chính-phủ. Buổi tối ngài từ Tiên-hưng về thẳng Hà-nội.

Thư-từ của các công-sở từ nay cũng phải dán tem. — Xưa nay các thư-từ của các công-sở Nhà nước gửi nhà tư-diện vẫn không dán tem, theo nghị-định mới thì từ đầu năm 1933 trở đi đều phải dán tem, mà ở trên tem có in thêm chữ « Service », lại phải có dấu của các sở ấy đóng vào thì các tem ấy mới có giá-trị.

Việc đi đón đức Bảo-đại. — Ngày 2 Mai này quan Hộ-bộ Thượng-thư THÁI VĂN-TOÀN đã thay mặt Nam-triều ta đáp tàu Georges Philippar sang đón đức Bảo-đại. Khi đi tới Hồng-hải thì tàu Georges Philippar bị cháy, ngài và quan viên-ngoại Nguyễn Văn-Hạp đi theo làm thư-ký cho ngài đều may được thoát nạn tàu cháy ấy, song những đồ tặng-hảo của Nam-triều đưa sang đều bị cháy cả. Nay Nam-triều lại cử quan Nguyễn Hy, Tuấn-phủ Quảng-bình, sang Pháp và đem theo một phong quốc-thư, các phẩm-vật tặng-hảo, các thứ huy-chương và một bộ cửu-long quan và hoàng-bào, là những vật trước quan Hộ-bộ đã mang mà bị cháy. Ông Nguyễn Hy đã từ Huế khởi-hành ngày 26 Mai vào Đà-nẵng, đến 30 Mai đáp tàu Chenonceaux ở Sài-gòn sang Pháp.

Quan-lại được tăng lương. — Có tin các báo đăng rằng quan Toàn-quyền đã định bắt đầu từ năm 1933 quan-lại ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ đều được tăng lương. Các quan-lại ở Trung-kỳ được tăng lên 60 phần trăm (60 %), các quan-lại ở Bắc-kỳ được tăng lên 30 phần trăm (30 %).

Nước Pháp muốn đòi đảo Tây-sa (Siosan) cho dân Việt-Nam ta

I

Chánh-phủ Pháp cùng Chánh-phủ Trung-hoa hiện giờ đương điều-đình về việc đảo Tây-sa.

Chánh-phủ Pháp nói quyết rằng: quần-đảo Tây-sa thuộc về Việt-Nam địa-giới, nhưng Chánh-phủ Tàu lại cãi: đảo ấy thuộc về địa-phận Quảng-đông.

Theo như giấy-má Chánh-phủ Pháp tư sang bộ Ngoại-giao Tàu, đảo Tây-sa

quả thuộc địa-phận nước Nam, có mấy chứng-cớ rõ-ràng lắm :

1. — Xét trong sử ký Việt-Nam, năm 1816, vua Gia-long đã từng quân-trị cái đảo ấy, và đã cắm cờ Việt-Nam ở trên miếng đất ấy rồi. Năm 1835 vua lại sai người đến xây tháp và dựng bia ở đây nữa.

2. — Năm 1898, chiếc tàu Belleon và tàu Vnojimou của nước Anh bị đắm ở cạnh đảo Tây-sa, bảy giờ có bốn thuyền chài người Tàu lấy trộm những miếng đồng ở tàu ấy, viên Linh-sự Anh đóng tại Quỳnh-nhai hải-khâu có đem việc ấy kháng-nghị với Chánh-phủ Tàu, thì Chánh-phủ Tàu phúc-đáp rằng : « Đảo Tây-sa không thuộc về linh-thổ Tàu, nước Tàu không chịu trách-nhiệm việc ấy. »

Cứ chứng-cớ xác-thực như vậy, đảo Tây-sa quả thuộc về địa-phận nước Nam, hơn một trăm năm nay, không ai dị-nghị

Vậy mà ngày nay bộ Ngoại-giao Tàu theo lời khai của bộ Hải-quân nước ấy, nhận bướng rằng : đảo Tây-sa thuộc về linh-thổ nước Tàu. Họ viện lẽ : đảo Tây-sa vị-trí ở phía đông Quỳnh-nhai đại-đảo, cách Quỳnh-nhai có 145 hải-lý, mà bờ biển nước Nam thì ở về phía tây Quỳnh-nhai, xa cách đến 185 hải-lý, quyết không phải là của nước Nam. Đất trong đảo Tây-sa toàn là chất cát và những vỏ sò, hến, trừ mấy cánh rừng gỗ và ít mỏ phốt-phát có thể bón cây được thì không có giá-trị gì về thực-dân chính-sách. Một thời đất cô-hoang ấy, xưa nay chỉ có người Quỳnh-nhai ở đó kiếm cá sinh-nhai, chưa thấy có người An-Nam nào cư-trú, thì có lẽ gì bảo Tây-sa-đảo là của nước Nam.

Chánh-phủ Đại-Pháp lại biện-luận một cách minh-bạch rằng : nếu đảo Tây-sa không phải của nước Nam, thì sao vua Gia-long đã đến quân-trị tự năm

1816? Sao vua Gia-long đã sai quan đến xây bia, xây tháp tự năm 1835? Lại tra các sách « Hàng-hải chí-nam » của các sở trắc-lượng nước Anh, nước Mi làm ra, cũng thấy nói : đảo Tây-sa mãi đến năm 1909 Chánh-phủ Trung-quốc mới liệt vào bản-đồ.

Coi vậy, đảo Tây-sa quả là linh-thổ nước Nam, không còn nghi-ngờ gì nữa, tướng Chánh-phủ Trung-hoa không còn viện cớ gì mà cưỡng nhận, chắc Chánh-phủ Pháp sẽ hết sức đòi lại cho nước ta.

Ký-giả viết đến đây, tự-nhiên thấy nảy ra một cảm-tưởng : đảo Tây-sa ở về phía đông đảo Quỳnh-nhai, trong vùng có đến 10 nơi cồn bãi và 8 cái hòn đảo, chu-vi rộng đến hơn một trăm dặm, làm-sản, hải-sản, không phải là ít. Hơn một trăm năm nay, tiền-nhân ta đã thân đến khai-thác, nào kéo cò, nào xây tháp, mong truyền sự-nghiệp cho người sau. Đáng lẽ con cháu sau nên theo cái hoành-công viên-lược ấy mà gắng sức tiến-hành, không để dấu lốt của ông cha cùng biển dâu chìm đắm mới phải.

Không ngờ một nơi địa-lợi ấy bao nhiêu năm nay toàn thuộc về tay bọn thô-trước Quỳnh-nhai, không những không có một người Việt-Nam đến khai-khản kinh-doanh, có lẽ hỏi đến ba tiếng « đảo Tây-sa », cũng chưa để mấy ai đã biết!

Ồi! quên nước, quên non, quên cả công tiền-nhân khai-thác, cái thảm-họa ngu hèn thấp kém còn trách tại đâu!

Chúng ta rất nên mong Chánh-phủ Pháp đem cái chánh-sách ngoại-giao cương-quyết mà đòi lại Tây-sa đảo cho ta.

(Ngo-báo)

II

Nước ta với nước Tàu vì địa-thể liền nhau, nên vấn-đề cương-giới thuở

nay thường sinh chuyện tranh-biên. Về đời Tần-Hán dưới quyền Triệu-dã cai-trị thì tất cả Lương-Quảng (Quảng-dông, Quảng-tây) với xứ ta làm chung một nước, không phải linh-thổ của nước Tàu. Sau đó Mã-Viên đánh với vua Trưng-nữ-vương ta, vua Trưng bị thua, Mã có lập đồng-trụ để làm phiên-chỉ địa-giới. Đó là một điều nhục trên lịch-sử ta, mà lỗi tiên ngày xưa nhiều phen chùi rửa. Chuyện cột đồng ấy chỉ thấy sử Tàu chép vậy, chớ khảo về sự thực thì các nhà khảo-cổ, cũi-cọ nhau chẳng có gì là đích-xác. Thế mà vì câu chuyện « đồng - trụ », lâu nay người Tàu cứ viện đó mà gạn hỏi cương-giới nhiều lần (đời Nguyễn và đời Thanh, cũng có phái sử sang tranh-biên vấn-đề ấy).

Đời Lý, Lý Thường-Kiệt nhân việc biên-giới lộn-sộn, cử binh sang đánh chiếm châu Khâm và châu Liêm, làm cho vùng biên-giới nước ta với Tàu, đến mấy ngàn dặm không có tiếng chó sủa gà gáy, người Tàu khiếp di một hồi. Trận võ-công ấy làm cho ta hổ-hơi được một lúc. Nhưng cách ít lâu, về triều Mạc, Mạc Đăng-Dung lại cắt đất mình (Ngũ-dộng thuộc châu Khâm) mà lồi cho người Tàu.

Từ đó về sau, mình dầu tự-lập, cũng một giải đất dọc ngang giữa biển này, chớ chưa khi nào khôi-phục lại cái nước « Bách-Việt » to rộng (nghĩa là gồm cả Lương-Quảng) như trước. Nói cho phải, mấy đời vua ta, thì chỉ có vua Quang-Trung là có chí toan thu-phục Lương - Quảng, dùng mưu định kế, chứa tiền nuôi binh và kết hợp với người Tàu định làm cho đạt cái mục đích vĩ đại ấy. Song rủi thay, chi chưa toại mà chết sớm, tâm-sự anh-hùng mang theo dưới chín suối mà trông đợi cho người sau có ai nối theo chí mình chăng.

Cuộc thế đổi đời, nước ta lại phục thuộc dưới quyền bảo-hộ nước Pháp.

Nước Pháp là một nước văn-minh giàu mạnh phương Tây, từ song bảo-hộ nước ta, người Tàu phải nhượng-bộ, không nhân nước ta là nước phiên-thuộc như trước (nước ta ngày trước dầu tự-lập song vẫn chịu tiếng là phiên-phục nước Tàu, từ điển ước Thiên-tân mới hủy đi). Trên nửa thế-kỷ này, nước mình ở dưới quyền nước Pháp, về việc ngoại-giao và binh-sự do người Pháp chủ-trương, người Tàu vẫn không nhắc đến cương-giới nữa. Song xem ý người Pháp cũng dãi nước Tàu một cách ngang hàng, trừ đất Quảng-châu-loan ra, bao nhiêu biên-giới Tàu giáp với nước ta không nghe có xảy ra vấn-đề lồi-thối gì. Mới đây thấy tờ báo Tàu có đăng một chuyện có quan-hệ đến vấn-đề cương-giới nước ta với nước Tàu, trích-dịch đôi đoạn dưới này, cho độc-giả cùng nghe một vấn-đề mới.

Hoa-lục-báo ra ngày 24 tháng 5 năm 1932 có bài đầu đề là « Chứng-minh chủ-quyền lãnh-thổ », nói rằng :

« Gần đây Chánh-phủ Pháp có đưa cho Công sứ Tàu hiện trú ở Pháp một bức thư nói mấy hòn đảo Tây-sa (Siosan ở phía tây biển Quảng-dông) là linh-thổ của nước An-nam, yêu-cầu Chánh-phủ Tàu giải-quyết vấn-đề ấy, trong thư viện có 2 lẽ :

1 Theo lịch-sử An-nam chép, năm 1816 vua Gia-long từng quân-lĩnh đảo ấy và dựng cờ trên đảo ; năm 1835, lại sai người đến đảo dựng tháp và bia đá.

2) Năm 1898, hai chiếc tàu Beleon và Vnojimou chìm ở vùng ấy, bọn chài Tàu ăn trộm đồng đem bán ; linh-sự Anh trú ở Quỳnh-châu đề-khởi kháng-

ngủ với Chánh - phủ Tàu yêu - cầu
trưng-trị kẻ phạm tội. Chánh phủ Tàu
trả lời rằng « đảo Bầy-châu » 七 淵 島
không phải linh-thổ của người Tàu,
Tàu không quản-hạt !

(Thấy chưa ! điều thứ nhì thì người
mình không rõ, vì là chuyện Anh với
Tàu giao-thiệp nhau ; chứ điều thứ
nhất thì linh-thổ của mình, dấu-tích
và lịch-sử rõ-ràng mà có mấy người
biết ? Sử bản-triều không lưu-hành
trong dân-gian, cái hại là như thế).

Chỉ hai điều ấy mà cái lẽ đã cứng :
điều thứ nhất chính là hòn đảo ấy thuộc
về linh-thổ nước Nam, điều thứ nhì lại
chứng rằng không phải của Tàu.

Chánh-phủ Tàu tiếp được bức thư
ấy giao cho Hải-bộ tra-khảo rồi trả
lời cho Chánh-phủ Pháp, chứng-minh
đảo ấy là linh-thổ của Tàu. Đại-khai
nói : Các doi biển ở phía đông Quỳnh-
nhai ló ra rất nhiều, có 8 hòn đảo đều
gọi là Tây-sa, cách Quỳnh-nhai 145
hải-lý. An-nam ở phương tây Quỳnh-
nhai cách xa đến 185 hải-lý. Đảo ấy ở
miền biển Tàu, xem địa-đồ thì biết là
linh-thổ của Tàu. Và chẳng, An-nam
với Quảng-đông giao-giới lấy chỗ Trúe-
son làm nền... Sau lại viện-dẫn nhiều
lẽ nhất-định chứng-minh đảo ấy là
linh-thổ của Tàu. Một cái lẽ cứng nhất
là các đảo ngoài biển cách đất liền hề
dân nước nào ở đấy tức là đất của
nước ấy. Mấy hòn đảo ấy thuộc nay chỉ
dân Tàu ở mà không có dân An-nam
v. v..

Xem bài báo trên thì thấy chữ Tàu
ngày nay cũng rầy thật ! Vài hòn đảo
côi-quạnh không sinh-sản gì chỉ có san-
hồ và phân chim, ngoài ra không có gì
là giá - trị, người Pháp cũng khêu
chuyện chơi vậy, chứ hòn đảo ấy đều
thuộc linh-thổ An-nam, người Pháp

cũng không lấy làm lợi, mà người Nam
thiệt không ích gì bao nhiêu. Thế mà
chủ Tàu cứ khẳng-khăng cãi lại...

Nhân câu chuyện trên mà ký-giả sinh
ra ba mỗi cảm-xúc :

Một là nhớ lại kế-hoach vĩ-dại của
vua Quang-Trung loan thu cả Lưỡng-
quảng vào bản đồ nước Nam, chỉ lớn
chưa thành mà người sau không ai
nổi được.

Hai là vấn-đề cương-giới ngày nay,
có tranh-biến nhau, tất phải giải-quyết
bằng gươm súng, chứ không khi nào
giải-quyết bằng miệng lưỡi với giấy
bút bao giờ.

Ba là miền đông-bắc nước Tàu có
nước Nhật, xâm chiếm cả mấy tỉnh to
lớn mà người Tàu thủy-chung bất đễ-
kháng ; còn miền nam nước Tàu có
Đại-Cồ-Việt này lại có nước văn-minh
nhất thế-giới là nước Pháp ở đây, mà
mới hỏi chơi vài hòn đảo hoang ngoài
biển, họ đã dờ lý-sự ra ! Có lẽ họ khinh
rẻ người Nam ta không có tay Lý-
Thường Kiệt Trưng-nữ-vương hợp sức
với người Pháp mà làm cho họ xiềng
liềng một phen như người Nhật kia sao ?

(Tiếng-Dân)

Sách mới và báo mới

— Quyền chỉ-nam tập nói tiếng Việt-
Pháp. — Của nhà in Viên đông Hà-nội,
khổ sách 13×10 phân tây, 146 trang,
giấy tốt chữ đẹp, các dấu chữ quốc-
ngữ ra kiểu mới đánh vào sau chữ, chữ
không đánh vào chữ âm. Giá 1 \$ 00.

— Phật-giáo vấn-đáp. — Của Thiện-
Chiêu biên-tập, khổ sách 19×13 phân
tây, 128 trang, giấy thường, in tại nhà
in Xưa-nay, 60-64 Boulevard Bonnard,
Sài-gòn, giá 0 \$ 50

— Sách học đạo Phật bậc đầu.—

Của Lê Toại và Nguyễn Văn-Duyên dịch, khổ sách 23×16 phân-lâm, 70 trang, in tại nhà in Nhật-hung Hà-nội, giá 0\$20.

— Phong-tình y-án.— *Của Docteur Nguyễn Văn-Luyện soạn, nói chuyên về các bệnh phong-tình, cách chữa và cách đề-phòng, khổ sách 22×16, 120 trang giấy tốt, in ở nhà in Ngo-Báo 45 Rue de Lac Hà-nội, không đề giá.*

— Phong-hóa tuần-báo.— *Phong-hóa tuần-báo mới ra đời ngày 16 Jun, mỗi tuần-lẽ ra một số vào ngày thứ năm, ông Nguyễn Xuân-Mai làm chủ-nhiệm, ông Nguyễn Hữu-Ninh làm quản-lý, báo quán ở số 1 đường Carnot Hà-nội. Mỗi số giá 1 hào.*

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mời xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào |
| 5. — Chính-trị nước Pháp. | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (in lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.

